

Lời Vàng của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

Ngày Tết đến, nương mực viết thay lời, trước kính bái
tông đường, sau chúc mừng ông bà đặng muôn điều hạnh phúc.
Sau có hai bài thơ, xin ông xem chơi cho rõ điều tâm sự:

“Xuân đến chúc mừng tuổi thúc ông,
Đàng xa không thể viếng môn tông.
Câu thơ cao hứng thay bầu rượu,
Bài phú vui mừng thế chậu bông.
Đạo đức gắng công nên vắng mặt,
Văn chương rèn chí chẳng phai lòng.
Ơn nhà tạm gác sau này trả,
Xin bớt đau lòng bớt nóng trông.”

(trích bài thơ đầu trong hai bài “Đức Thầy gửi Ông MUỖI (chú Đức Ông)” do Đức Huỳnh Giáo-Chủ viết tại Nhà thương Chợ Quán, tháng Chạp năm Canh-Thìn).



Gian hàng ấn tống Kinh sách & DVD phổ truyền Giáo lý PGHH
trong Hội chợ Tết Bình Thân 2016 tại TP Sacramento, CA.

Tập San



TINH TÂN

Tiếng nói của Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại Giáo Hội PGHH

Thông Tin, Nghiên Cứu và Phổ Truyền Giáo Lý Phật Giáo Hòa Hảo



số **27**

Xuân Bính Thân

2016

Mục Lục

Lá Thư Xuân	Ban Biên Tập	03
Mừng Xuân Bính Thân	Tập san Tinh Tấn	06
Thư Chúc Tết của BTS.TUHN	Nguyễn Văn Tạo	07
Thư Chúc Tết của VNDCXHĐ	Lê Ngọc Thanh	14
Văn Thư, Quyết Định & Thông Báo	BTS.TUHN	16
Tin tức & Sinh hoạt PGHH	Tập san Tinh Tấn	29
Khái niệm về Tam Nguơn và...	Trạch Thiện	
Tu hành	Mai Thanh Tuấn	
Cốt tủy Phật pháp trg Giáo lý PGHH	Nguyễn Văn Hiệp	
Giải Thoát	Phan Thanh Nhân	
Biết là sống	Hồng Liên cư sĩ	
Đức Thầy và lòng ái quốc	Ngô Tấn Nghĩa	
Đạo chánh và Đạo tà	Trương Văn Thọ	
Nói với Đại Đức Thích Phước Tiến	Nguyễn Quốc Anh	
Diễn tiến và hệ quả một phiên tòa	Hương Dương	
Hiện tượng Hòa Nhi Bất Đồng	GS. Lưu Khôn	
Tìm hiểu Sơ lược Điển tích...	Thế Văn	
Tản mạn đầu năm Thân	Huỳnh Chi	
Hồi ức: Ngày Thầy khuyến nông	Nguyễn Tấn Tích	
Duyên nghiệp thành tín đồ PGHH	Nguyễn Phúc Lạc	
Tịnh độ Vãng sanh (Phần IV)	Đàm Liên TịnhGiả	
VƯỜN THỔ: Tìm về chân tánh	V.T.V	
Hy Vọng	Hòa Tâm	
Xuân về nhớ ân sư	Cư sĩ Chánh Tâm	
Xuân Phục Nguyên	Bửu Hòa	
Theo dòng tư tưởng	Cư sĩ Chánh Tâm	
Xuân trí huệ	Tâm Long	
Những ngày vào Xuân	Gió Đồng	
Tường trình về Quý Điều Hành	TB.Phạm Lệ Chi	
T/trình về Quý Từ Thiện Xã Hội	TB.Phạm Lệ Chi	
Tường trình về Quý Ts Tinh Tấn	TB.Phạm Lệ Chi	
Phân Ưu.	BTS.TU & ĐP	
Thư tín	Tập san Tinh Tấn	

Mọi bài vở, thư từ, tin tức...Xin vui lòng liên lạc:

TẬP SAN TINH TẤN theo địa chỉ:

TINH TAN Magazine
4141 11th Avenue
Sacramento, CA 95817
USA.

Hoặc e-mail: tapsantinhtan@yahoo.com

Để cho việc phát hành Tập San Tinh Tấn được liên tục, không bị gián đoạn vì thiếu ngân quỹ, yêu cầu Quý đồng đạo, Quý Ban Trị Sự và Ban Đại Diện địa phương vui lòng tài trợ ấn phí (chi phí trung bình là \$150.00 USD đối với mỗi Ban Trị Sự địa phương cho mỗi số báo phát hành).

Xin chọn 1 trong 2 cách viết Check hay Money Order ngay phía sau hàng chữ **Pay to order of là:**

PGHH

hoặc bằng tiếng Anh:

HOA HAO BUDDHIST CONGREGATION

Phần **Memo** chi phiếu, xin ghi:

Quỹ Tập San Tinh Tấn.

Mọi chi phiếu gửi về Thủ Bồn BTS/TUHN xin theo địa chỉ sau đây:

PGHH
1263 CARDINAL ST.
TRACY, CA 95376
USA

Chân thành cảm ơn chư Quý vị.





Lá thư Xuân

Kính thưa Quý đồng đạo và Quý độc giả kính mến,

Bốn mùa thay đổi muôn vật chuyển xoay, theo quan niệm người đời thì mỗi lần Đông tàn Xuân đến, trong

lòng ai cũng rộn rã lo mừng Xuân đón Tết. Rồi bao nhiêu tục lệ từ ngàn xưa được mọi người lập lại, nào là đưa ông Táo, rước Ông bà, dựng nêu, thiệp chúc Xuân, múa Lân, chúc Tết, lì xì...v.v...

Hôm nay, ngày cũ đã qua, năm cũ đã tàn. Một ngày mới, một năm mới vừa đến. Chúng ta đang đứng trước một cửa ngõ mới của tương lai, của những chuỗi ngày mà không ai đoán trước được những gì sẽ xảy ra khắp nơi trên toàn thế giới. Đặc biệt là cuộc chiến ở Trung Đông giữa ISIS và các nước thù nghịch (bao gồm một số cường quốc đang lâm chiến như Mỹ, Nga, Anh, Pháp, Đức...) đang ngày càng khốc liệt và lan rộng. Ngoài ra, tình hình biển Đông cũng bắt đầu nổi sóng do sự tranh giành quyền lợi giữa Trung Cộng và các lân bang như Việt Nam, Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương...

Từ thập niên 1940, đề giải nghi câu hỏi về trận giặc thứ ba có thể xảy ra không? Nếu có thì khi nào và ở đâu? Đức Thầy đáp: *“Trận giặc thứ ba sẽ có, nhưng tôi không thể định chắc vào năm nào. Vì còn do sự gieo nhân của Nhân loại, nếu họ gây tạo nhân ác nhiều thì sớm; bằng ít sẽ muộn hơn, nhưng cũng trong chu kỳ Hạ*

nguồn này. Còn ngòi chiến tranh thứ ba bùng nổ chắc chắn sẽ khởi từ Trung Đông. Khi cuộc chiến ở Trung Đông tạm ngưng sẽ đến vùng Á Đông.”

(Chuyện Bên Thầy - Mẫu chuyện thứ 70)

Riêng về con người thì ai cũng có lứa tuổi gọi là tuổi Xuân xanh với nhiều mộng ước hoài bão, dự phóng cho tương lai tươi sáng. Tuổi xuân ví như những nụ hoa khoe sắc sẵn sàng hiến dâng cho đời những hương thơm mật ngọt. Nhưng nếu chúng ta không biết lợi dụng tuổi Xuân tràn đầy nhựa sống để học tập, làm việc, đem hết năng lực để phục vụ Đạo giúp cho Đời thì một mai khi tuổi già ập đến sẽ vô cùng ân hận. Cánh hoa phải theo quy luật nở tàn thì con người cũng bị chi phối bởi chuyện sinh tử. Hãy nhìn kìa có phải mùa Xuân lúc nào hoa cũng tươi thắm hết đâu, đó đây cũng có những cánh hoa tàn đang rơi rụng. Ai bảo không có hiện tượng tre già khóc măng non, ai bảo không có những người ra đi mãi mãi khi tuổi còn xuân xanh – cho nên bậc thức giả đã khuyên:

*Chớ hện tuổi già mới học Đạo,
Mồ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.*

Trong cuộc sống đời thường cũng vậy, có những ngày thật bình dị nhưng cũng có những ngày thật thiêng liêng có thể gọi lên cho chúng ta những cảm xúc sâu xa. Những ngày cuối năm đánh dấu một năm cũ sắp tàn cũng là một cơ hội để ta có thể lắng lòng nhìn lại suốt quãng đời quá khứ mà tự hỏi xem mình đã làm được gì xứng đáng nhằm mang lại lợi ích cho Đời và cho nền Đạo gặp lúc truân chuyên đang cần vun quén? Những ngày Tết đang mở ra trước mặt mình một năm mới đầy hy vọng cũng là một dịp như vậy để mình nên tự hỏi xem mình sẽ phải làm gì cho Đời và Đạo hầu mang lại một chút ý nghĩa nào cho kiếp nhân sinh nhỏ bé này.

Không bao giờ nên xem bất cứ một ngày nào trong cuộc đời mình là một ngày bình dị cả, mà mỗi ngày đều là một ngày may mắn - may mắn được làm thân con người. Đó cũng là hoài bão và ước mơ mà chúng tôi muốn gửi đến chư Quý vị trong mùa Xuân năm Bính Thân này.

Cũng như những số báo Xuân trước, Tập san Tinh Tấn số 27 “Mừng Xuân Bính Thân (2016)” ngoài Thư Chúc Tết của BTS Trung Ương Hải Ngoại, sẽ là những Tin Tức sinh hoạt địa phương, chia sẻ Giáo lý của Tô Thầy và đặc biệt là những sáng tác phẩm đặc sắc của quý đồng đạo và bạn đọc khắp nơi đóng góp. Hy vọng sẽ đem lại niềm vui và ích lợi cho mọi người trong những ngày đầu năm mới.

Nhân dịp đầu năm Bính Thân 2016, Ban Biên tập Ts Tinh Tấn chân thành tri ân công đức của chư Quý đồng đạo, văn thi hữu cùng tất cả quý độc giả gần xa đã đóng góp tin tức, bài vở và tịnh tài để duy trì cho Ts Tinh Tấn có cơ hội phục vụ cho đoàn thể đến ngày nay. Sự đóng góp tích cực của chư liệt vị trong các năm qua đã giúp cho Ts Tinh Tấn được vững tiến và cải thiện nhiều hơn từ nội dung đến hình thức. Với công đức ấy, quý vị đã cùng chúng tôi gián tiếp trao tặng một mùa Xuân trường cửu đến muôn người, muôn nhà. Một mùa Xuân an lạc và miên trường, là lời chúc nguyện đầu năm mà chúng tôi chân thành gửi đến tất cả Quý vị.

Trân trọng kính chào và kính gửi lời cầu chúc tốt đẹp nhất đến chư Quý vị và Gia quyến trong ngày đầu năm Bính Thân (2016): Vạn sự Kiết tường, Muôn điều Như Ý và luôn Tinh tấn tu hành cho đến ngày đắc thành Đạo quả.

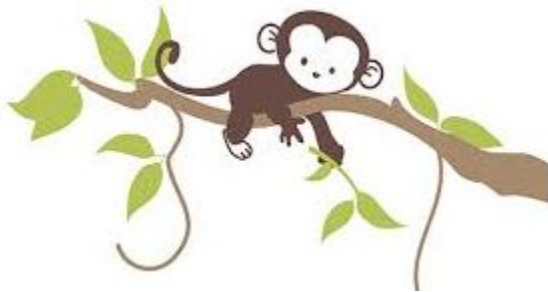
Ban Biên Tập Tập San Tinh Tấn

MỪNG XUÂN BÍNH THÂN

**TINH TẤN chào mừng Xuân Bính Thân,
Chao ôi Tết đến bốn mươi lần.
Trông về đất mẹ còn u tối,
Dòm lại dân đen luống bẽ bàng.
Mắt lệ vẫn rơi nhìn quốc biển,
Hoa lòng khó nở đón xuân sang.
Ước mong thế giới liên hòa hảo,
Ngày nước Việt Nam dứt khổ nàn.**

**Ngày nước Việt Nam dứt khổ nàn,
Muôn nhà no ấm sống bình an.
Đạo-Đời kết hợp xây hòa ái,
Thầy-Tớ sum vầy dựng lạc bang.
Tự tại thanh nhàn trong cảnh mới,
Thung dung hạnh phúc giữa đời tân.
Long Hoa hữu phước cùng vui hội,
Giải thoát hồng trần kẻ thượng căn.**

Tập San TINH TẤN





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817

Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331

E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

THƯ CHỨC TẾT BÍNH THÂN 2016

của Ông Hội Trưởng BTS.

Trung Ương Hải Ngoại/GH.PGHH

Thưa Quý Đồng Đạo và Quý Thân Hữu.

Xuân Bính Thân 2016 đến, đánh dấu 77 năm tuổi nền Đạo Phật Giáo Hòa Hảo và 69 năm ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ xa cách bốn đạo của Ngài. Theo truyền thống của sinh hoạt văn hóa dân gian Việt Nam, mỗi lần Xuân đến là mỗi dịp chúng ta đoàn tụ gia đình, nghỉ ngơi, vui Xuân đón Tết, chúc lành cho nhau. Cũng theo truyền thống đó, thay mặt Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo, chúng tôi kính gửi đến toàn thể Đồng Đạo và Thân Hữu trong cũng như ngoài nước một Năm Mới: AN KHANG – THỊNH VƯỢNG – NHƯ Ý.

Riêng tại vùng đất lạnh Hoa Kỳ, thật sự không có ngày Xuân đúng nghĩa cho người Việt Nam viễn xứ. Dù có cố gắng tạo không khí xuân trong một không

gian “chợ Tết” bé nhỏ một buổi, một ngày rồi cũng nhanh chóng qua đi trong lạnh lẽo trống vắng. Nhưng dẫu sao Xuân vẫn luôn luôn là mốc thời gian quan trọng để chúng ta ôn lại quá khứ và hoạch định kế hoạch sinh hoạt cho tương lai.

Cách nay 60 năm tức vào năm 1956, cũng Xuân Bính Thân, sau Hiệp Định Genève 20-7-1954 chia đôi đất nước, miền Nam Việt Nam đã chuyển biến sang một giai đoạn mới ảnh hưởng trực tiếp đến nền đạo Phật Giáo Hòa Hảo. Bởi vì, Bính Thân 1956 là năm chấm dứt thời kỳ kháng chiến chống Pháp và thời kỳ đoàn thể Phật Giáo Hòa Hảo phải quân sự hóa để chặn nguy cơ Việt Minh Cộng Sản tàn sát tín đồ PGHH không nương tay tiếp theo sau ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ bị họ bày mưu ám hại (16-4-47).

Vì nhu cầu bắt buộc mà phải hoạt động quân sự, dĩ nhiên người tín đồ PGHH cũng ý thức đến lúc phải hội nhập vào đời sống chung của quốc gia để thống nhất, độc lập và phát triển theo tiến trình canh tân và dân chủ hóa đất nước. Tuy nhiên, sự hội nhập đã không khởi đầu êm thấm mà lại bằng áp lực quân sự của Chánh Phủ khiến để lại một hậu quả bất lành cho người tín đồ PGHH phải sống ảm đạm tu hành suốt 9 năm của nền Đệ Nhất Cộng Hòa với một tôn giáo không có Giáo Hội và giáo quyền !

Ngày 1-11-1963 chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, đạo Phật Giáo Hòa Hảo mới được vươn lên dưới hình thức một tôn giáo có Giáo Hội lãnh đạo với tư cách pháp nhân đầy đủ, qua Sắc luật số 002/65 ngày 12-7-65 của nền Đệ Nhị Cộng Hòa. Công tác khởi đầu xây dựng các cơ sở điều hành Giáo Hội và các tổ chức phục vụ xã hội thiện nguyện, tại trung ương và các địa phương,

chẳng được bao lâu thì tình hình miền Nam trở lại u ám và phải hoàn toàn sụp đổ trước làn sóng xâm lăng của Cộng Sản quốc tế do Nga, Tàu lãnh đạo (30-4-975). Đảng Cộng Sản Việt Nam từ miền Bắc tràn vào Nam gây đổ vỡ, tù đày, ly tán, thê lương cùng cực cho tới ngày nay. Vận mệnh của Phật Giáo Hòa Hảo gắn liền với vận mệnh quốc gia dân tộc là như thế đó !

Tuy nhiên, mặc dầu có trải qua bao nhiêu cam go, hy sinh chết chóc gian khổ trong dòng lịch sử nhiều nhưong, người tín đồ PGHH vẫn một mực kiên trì giữ Đạo tu hành như là lý tưởng cao cả nhất trong cuộc đời vô thường ngắn ngủi này. Cá nhân mỗi tín đồ có thể nhẫn chịu khổ nhục xem như thực hành các công hạnh tốt để tháo bỏ dính mắc, phiền não mà tiến sâu trên đường tu giải thoát theo sự khuyên dạy của Tổ Thầy; nhưng ***danh dự của Đức Thầy, danh dự của Đạo, ánh sáng của giáo pháp*** đối với họ là vô cùng thiêng liêng, trong bất cứ bối cảnh nào họ cũng quyết tâm bảo vệ dầu phải chịu hy sinh tài sản lẫn tính mạng.

Năm 1947, sau khi Đức Thầy bị Việt Minh Cộng Sản âm mưu ám hại tại Đốc Vàng Hạ (16-4-1947), tổ chức võ trang PGHH phải ký hiệp định liên quân với Pháp (18-5-1947) để chống lại các đơn vị quân sự Cộng Sản và bình định lãnh thổ miền Tây Nam Việt trước chánh sách triệt tiêu tín đồ PGHH vô cùng dã man của Cộng sản. Để hỗ trợ cho nỗ lực quân sự của họ, phía Cộng sản phát động chiến dịch tuyên truyền rộng lớn từ Nam chí Bắc để bôi lọ PGHH rất sâu đậm trong dư luận quần chúng, như “*Hòa Hảo ăn thịt người*”, “*nói láo như Hòa Hảo*”, v.v... Hưởng ứng chiến dịch này, nhật báo TIẾNG DỘI (Sài Gòn) của ký giả thiên tả Trần Tấn Quốc cho đăng nhiều ngày loạt bài: “*Tôi bị Hòa Hảo*

bất”; tác giả bài báo lấy địa bàn tỉnh Cần Thơ làm khung cảnh để tường thuật, vu khống và đã tạo sự hấp dẫn theo dõi của độc giả Sài Gòn không ít. Bài báo gây xúc động, căm phẫn nặng nề đối với giới lãnh đạo PGHH đang ở trong tình trạng yếu thế. Bây giờ, một tín đồ trung kiên PGHH gửi đến ông Trần Tấn Quốc một lá thư trình bày quan điểm và đòi hỏi ông Quốc phải xin lỗi và đính chánh vì đã loan tin thất thiệt nhằm mục tiêu vu khống Phật Giáo Hòa Hảo. Bức thư thứ nhất, bức thư thứ hai không được nhà báo trả lời. Đến lần thứ ba, tác giả bức thư thách ký giả Trần Tấn Quốc chọn một địa điểm và hẹn ngày giờ đến “*đấu kiếm để rửa nhục*” cho đoàn thể. Sau bức thư này, ký giả Trần Tấn Quốc phải ăn mặt suốt cả tháng không dám đến tòa soạn. Ông quay lại tòa soạn Tiếng Dội sau khi dư luận lắng dịu trong tinh thần đề cao cảnh giác và báo Tiếng Dội không còn dám đăng bài bêu xấu Phật Giáo Hòa Hảo nữa.

Năm 1956 tại Thủ đô Sài Gòn, báo TIN MỚI mở loạt bài mạt ly Phật Giáo Hòa Hảo và Đức Huỳnh Giáo Chủ với sự hậu thuẫn của Bộ Thông Tin sau ngày Chánh phủ Ngô Đình Diệm mở chiến dịch quân sự Đinh Tiên Hoàng (1955-1956) tảo trừ các lực lượng giáo phái không chịu sáp nhập vào Quân đội Quốc gia theo điều kiện của Chánh Phủ. Trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn và nguy hiểm này, Đức Ông Huỳnh Công Bộ đã can đảm ủy quyền cho Luật sư Mai Văn Dậu thay mặt khởi kiện tờ báo Tin Mới và các đồng đạo PGHH sẵn sàng chịu đài thọ mọi tổn kém. Trong phiên xử sơ thẩm, do áp lực chánh trị của Chánh Phủ quá nặng, Tòa Sơ Thẩm xử bên nguyên cáo là Luật sư Mai Văn Dậu thất kiện, mặc dầu bằng cứ mạt ly và luật định rất rõ ràng. Tín đồ PGHH không chịu thua, đã kháng cáo lên

Tòa Thượng Thẩm Sài Gòn. Ông Cố vấn Ngô Đình Nhu mời Đức Ông, Thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ và Thiếu tướng Lâm Thành Nguyên đến văn phòng hăm dọa phải đình chỉ sự kháng cáo. Nhưng việc kháng cáo vẫn cương quyết tiến hành. Chánh án Tòa Thượng thẩm là Lý Bình Huê đã can đảm bác bỏ bản án sơ thẩm và tuyên bố bên nguyên cáo thắng kiện. Phía nguyên cáo chỉ đòi bồi thường một đồng bạc danh dự. Nhờ thế mà làn sóng tuyên truyền miệt thị Phật Giáo Hòa Hảo được lắng chìm.

Trong bối cảnh hiện nay, sau ngày Cộng Sản chiến thắng miền Nam (30-4-1975), Đảng Cộng Sản độc quyền lãnh đạo, áp dụng chế độ độc tài toàn trị trên toàn lãnh thổ Việt Nam, đã tạo nên cảnh đất nước tụt hậu kinh tế, chánh quyền tham nhũng, dân chúng đói khổ, quyền lực quốc gia lệ thuộc đảng Cộng Sản đàn anh Trung Quốc, lòng dân ly tán,... cộng với một tình trạng vô cùng ảm đạm về mặt Nhân quyền và Tự do Tín ngưỡng. Trong bối cảnh đầy hiểm nghèo như thế, đáng lẽ người Việt Nam yêu nước cần biết bao dung, đùm bọc và đoàn kết để đối phó trước hiểm họa xâm lăng từ phương Bắc, thì cảnh miệt khinh, rẻ rúng, trù dập nhau lại tiếp tục xảy ra.

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, người trí thức tên tuổi quen thuộc trong cộng đồng Việt Nam hải ngoại, không chịu tìm hiểu lịch sử PGHH rõ ràng, đã viết bài đăng trên Tập san song ngữ Culture (Canada) số tháng 1 và 2 năm 2015, liên quan đến lịch sử PGHH và Phật giáo BSKH (vốn là tiền thân của PGHH) một cách thiếu tế nhị và tỏ vẻ khinh thị Đức Giáo Chủ PGHH. Đó là một dấu ấn không đẹp đối với tên tuổi của ông Nguyễn Ngọc Ngạn và tạo ấn tượng không tốt trong

lòng người tín đồ PGHH rất khó quên.

Tệ trạng đáng trách nhứt là các sự kiện xảy ra từ Phật Giáo Việt Nam tức Giáo Hội Phật Giáo “hoạt động hợp pháp” dưới chế độ Cộng Sản hiện nay. Hết giảng sư Thích Trí Huệ tiếp đến tăng sinh Thích Thiện Huệ non nớt mở chiến dịch tấn công, nói xấu Đức Huỳnh Giáo Chủ và giáo pháp của Ngài – Thích Trí Huệ thì qua một bài giảng còn Thích Thiện Huệ thì qua luận văn tốt nghiệp Cao Đẳng Phật Học dưới sự hỗ trợ của vị giáo sư đỡ đầu. Nay đến nhà sư Thích Phước Tiến, vị Đại Đức giảng sư, Ủy viên Ban Hoằng Pháp Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, đã lợi dụng phiên giảng lần thứ 25 (2014) trong chuyến du thuyết Hoa kỳ, Canada, dùng lời lẽ hồ đồ như chôn không người đê miệt thị đạo Cao Đài và Phật Giáo Hòa Hảo. Đáng lẽ là một nhà sư chơn chánh, ông phải ăn nói trong sự tỉnh thức, trang nghiêm khi đề cập đến các tôn giáo (hay tôn phái) khác để tránh mất lòng, chia rẽ đối với bao nhiêu triệu tín đồ của các tôn giáo này, thì ông lại phát biểu rất khiếm nhã, thiếu hiểu biết, nực mui cảm tính và thành kiến,...gây nên một hậu quả xấu khôn lường !

Người tín đồ PGHH vốn thật thà chơn chất, đa số là nông dân rất sùng bái đạo Phật, quyết chí tinh tấn tu hành theo phương thức do Đức Huỳnh Giáo Chủ đã dày công giáo hóa nhằm giải thoát khỏi sanh tử luân hồi. Đối với đời, người tín đồ PGHH rất chuộng công lý, yêu quê hương đất nước, một lòng trang trải nợ Tứ Ân; đối với Đạo, họ kính ngưỡng Phật Tổ, giữ gìn văn hóa đạo đức dân tộc. Đạo Phật không phải là tài sản riêng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam hay bất cứ Tông phái nào. Đạo Phật đến Việt Nam trong tinh thần khế cơ khế lý để cứu khổ chúng sanh, do đó, bất kỳ người con Phật nào cũng được quyền thừa hưởng sự nghiệp Phật giáo

và có bốn phạm hành trì, phát huy, truyền bá đạo Phật dưới mọi biểu tượng, hình thức. Người tín đồ PGHH luôn luôn *cung kính các tăng sư tu hành chơn chánh* và nghe các ông chỉ dạy những *điều chánh lý*. Tất nhiên, họ không thể chấp nhận sự cố tình phỉ báng lý tưởng của họ, không thể hững hờ trong việc bảo vệ danh dự của Tổ Thầy và chánh pháp bị xâm phạm tới từ bất cứ nơi đâu.

***“Lòng dân chó khá xem khinh,
Bạo tàn giết mất nhân tình, thì thua.”***

(Lời Đức Huỳnh Giáo Chủ)

Đầu năm Bính Thân 2016, chúng tôi xin thành tâm cầu nguyện cho quê hương Việt Nam sớm được ***hưng thịnh trong TỰ DO, DÂN CHỦ, sớm thoát khỏi sự bạo tàn của độc tài chánh trị dưới bất cứ hình thức nào, đặc biệt mọi công dân đều có NHÂN QUYỀN, TỰ DO TÍN NGƯỠNG, được trau dồi tâm linh theo lý tưởng chọn lựa.***

Hoa Kỳ, ngày 01 tháng 01 năm 2016
TM. BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
HỘI TRƯỞNG
(Đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO

VIỆT NAM DÂN CHỦ XÃ HỘI ĐẢNG

Ban Chấp Hành Trung Ương
P.O BOX 14 - LA Puente, CA 91747

THƯ CHÚC TẾT

của Ban Chấp Hành Trung Ương VNDCXHĐ

Chúc Mừng Năm Mới Bính Thân 2016.

Trước thềm Tân Niên Bính Thân 2016, với niềm tin vào sự huyền diệu của Trời Đất, thời tiết đổi thay, gió lại giao mùa, nắng ấm hoa Mai, Đào nở để báo hiệu một mùa Xuân mới đã về trên khắp nẻo đường quê hương đất nước Việt Nam và người Việt ở khắp mọi nơi trên thế giới. Năm cũ đã qua, năm mới lại đến!

Chúng ta cùng nhau nhấp chén rượu mừng giữa khoảnh khắc giao mùa của Trời-Đất: - CHÚC MỪNG NĂM MỚI!

Tôi nhân danh Tổng Bí Thư thay mặt cho Ban Chấp Hành Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, trân trọng kính chúc:

-Quý vị Đại diện tinh thần các Tôn giáo,

-Quý vị Hội Trưởng BTS và Quý chức sắc trong Giáo Hội PGHH,

-Quý Đồng đạo, Quý Cán bộ, Đảng viên Dân Xã Đảng các cấp,

-Quý vị Đại diện Cộng đồng và Đồng hương,

-Quý vị Đại diện các Đoàn thể đấu tranh và Truyền thông, Báo chí.

Một năm mới được nhiều Thành đạt, An Khang, Vui tươi và Vạn sự Như Ý.

Mừng năm mới Bính Thân với những niềm tin mong đợi, nhứt là TỰ DO, DÂN CHỦ, DÂN QUYỀN cho mọi người dân được sống bình đẳng theo lợi ích chung của toàn dân và chấm dứt một chế độ độc tài

tham nhũng, cướp giết, đàn áp người vô tội. Đây là nỗi khổ nạn chính tại quê hương mình, thì Việt Nam làm sao có một ngày Xuân yên ấm.

Mừng năm mới, chúng tôi thiết tha kêu gọi Anh Chị Em đồng đạo và Đảng viên Dân Xã Đảng ở Hải ngoại cũng như Quốc nội hãy cùng nhau đoàn kết, một lòng tranh đấu cho quê hương sớm được thanh bình và vẹn toàn lãnh thổ, cùng nhau Phụng Sự Quốc Gia & Phát Huy Đạo Pháp. Đây cũng là con đường hành sử Tứ Ân.

Năm Ất Mùi vừa qua, là một năm đầy bất ổn cho toàn thế giới, đầy đau thương tang tóc vì bất đồng Tôn giáo, kỳ thị chủng tộc và chiến tranh tàn khốc. Việt Nam cũng cùng chung số phận vì đói nghèo, vì ngư dân chết thảm ở biển Đông, vì tai trời ách nước, gia đình ly tán... Còn cộng sản đã bán nước cho Trung cộng, Trường Sa và Hoàng Sa cũng đã mất thì Việt Nam làm gì có mùa Xuân no ấm!

Chúng tôi xin cầu nguyện các đấng Thiêng Liêng, hồng ân Tam Bảo ban bố phước lành cho toàn thể nhân loại được an bình, vạn dân an lạc, cho nước Việt Nam sớm được Tự Do, Dân Chủ.

Chúc Mừng Năm Mới, tôi nhân danh Tổng Bí Thư Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (cũng là một tín đồ PGHH) kính chúc đến Quý liệt vị và toàn thể quý Anh Chị Em và Bửu quyền lời cầu chúc thân thiết nhất, mọi sự được An Khang, Hạnh Phúc suốt năm Bính Thân 2016.

Trân trọng kính chúc.

TM. Ban Chấp Hành Trung Ương VNDCXHĐ

Tổng Bí Thư

(ký tên)

LÊ NGỌC THANH



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

THƯ CHÚC MỪNG

Số: 036/BTSTUHN-V/VT

Kính gửi: Đồng đạo Nguyễn Trung Hiếu
Hội Trưởng Tân BTS Giáo Hội
PGHH Toronto (Canada)

130 Bowles Drive / Ajax, Ontario L1T 4C2 CANADA

Kính thưa Quý đồng đạo,

Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo vừa nhận được Biên Bản Bầu Cử của BTS. GH/PGHH Toronto và Các Vùng Phụ Cận ngày 20 tháng 9 năm 2015 báo cáo kết quả về việc bầu cử Tân Ban Trị Sự nhiệm kỳ 2015-2017 với thành phần như sau:

-Đ/đ Nguyễn Trung Hiếu	Hội Trưởng kiêm Tr/B PT Giáo Lý
-Đ/đ Huỳnh Kim Mỹ	Phó Hội Trưởng
-Đ/đ Nguyễn Thị Thu Nga	Thư Ký
-Đ/đ Võ Tuyết Đông	Phó Thư Ký kiêm Tr/Ban Âm Thực
-Đ/đ Võ Mộng Hoàng	Thủ Bồn
-Đ/đ Đặng Thị Hạnh	Phó Thủ Bồn
-Đ/đ Trần Thị Lang	Cố Vấn
-Đ/đ Huệ Hạnh	Cố Vấn
-Đ/đ Võ Văn Chờ	Tr/Ban Kiểm Soát
-Đ/đ Nguyễn Minh Hiền	Tr/Ban Tổ Chức
-Đ/đ Tôn Ngọc Quang	T/Ban Truyền Thông

-Đ/đ Giang Ngọc Hương
-Đ/đ Huỳnh Văn Phúc

Trưởng Ban Xã Hội
Tr/Ban Hộ Niệm

Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại hân hoan chào mừng Tân BTS.GH/PGHH/ Toronto (Canada) nhiệm kỳ 2015-2017 gồm những tín đồ PGHH thuần thành, trung kiên với Thầy Tổ và đã nhiệt tình phục vụ Đạo pháp trong nhiều năm qua.

Xin kính chúc Quý Trị Sự Viên trong Tân Ban Trị Sự cùng toàn thể Đồng đạo PGHH TORONTO thân tâm thường lạc, sức khoẻ luôn dồi dào và mãi mãi hanh thông trên bước đường phục vụ Đạo pháp.

Hoa Kỳ, ngày 14 tháng 10 năm 2015
TM. Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại
Hội Trưởng
(đã ký)
NGUYỄN VĂN TẠO



*Ban Trị-Sự Giáo-Hội Phật-Giáo Hòa-Hảo Toronto và các
Vùng Phụ Cận nhiệm-kỳ 2015-2017.*



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

THƯ GỎI

ĐẠI ĐỨC THÍCH PHƯỚC TIẾN

Địa chỉ: E/4/6 Nguyễn Hữu Trí, Thị trấn Tân Túc,
huyện Bình Chánh, Tp. HCM.

Thưa Đại Đức Thích Phước Tiến,

Thay mặt Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo (tại Hoa Kỳ), tôi xin mạn phép thảo luận với ông về nội dung phiên giảng Phật Pháp Vấn Đáp kỳ 25, có liên quan trực tiếp đến Phật Giáo Hòa Hảo chúng tôi, được phổ biến rộng rãi trên mạng toàn cầu Youtube.

Trước hết, là một tập thể cư sĩ tại gia, chúng tôi xin dành cho ông sự cung kính qua màu áo Như Lai mà ông đang mặc. Đức Thầy chúng tôi hằng dạy thiện nam tín nữ là những người “*chưa đủ điều kiện xuất gia vì còn nặng nợ với non sông tổ quốc, với gia đình, với đồng bào xã hội nên chưa thể làm như các nhà sư hay ni cô đặng*”. Tuy nhiên, đã là người tu Phật, chúng tôi có bốn phận phượng thờ Đức Phật tại nhà, qui y, giữ giới, học Phật để sửa tánh răn lòng và “*ủng hộ các sư*” với mục đích là lần lần tiến lên con đường giải thoát. Đức Thầy chúng tôi cũng dạy phải “*cung kính các tăng sư tu hành chân chánh*”, “*nếu các ông ấy có dạy điều chánh lý, phải nghe lời*”, còn “*đối với các hạng tu hành mà mình biết rõ là dối thề, hãy tìm cách khuyên can các ông trở lại con đường chân chánh của đạo Phật*”, “*nếu*

các ông vẫn tiếp tục làm điều tà mị, mình phải bài trừ triệt để và giảng giải cho quần chúng cùng những tín đồ nhà Phật hiểu đặng xa lánh họ”.

Trong phiên giảng “Phật Pháp vấn đáp” của ông kỳ thứ 25 (cuối năm 2014 tại Hoa Kỳ), ông đã trực tiếp bình phẩm về Phật Giáo Hòa Hảo, kể cả Cao Đài giáo, với một thái độ mang đầy cảm tính nóng nảy nên biểu lộ một cung cách thiếu thanh lịch lẫn thiếu hiểu biết, đã gây phẫn nộ trong tập thể tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, tạo hiểu lầm nghiêm trọng cho đồng bào Việt Nam trong lẫn ngoài nước. Phẫn nộ là một hiện tượng của mê si phiền não, hoàn toàn không tốt, dầu nó xuất phát từ cửa miệng của một nhà sư hay của cư sĩ tại gia. Nhưng chính nhờ hiện tượng này mà ta mới phăng tìm ra cái Ác từ trong tâm tánh để bài trừ và giữ lại cái Thiện bất kỳ đối với tu sĩ xuất gia hay cư sĩ tại gia. Xuất gia hay tại gia, dầu hoàn cảnh có khác, cũng đều là người cùng tu, có nhiệm vụ chia sẻ hiểu biết và kinh nghiệm cho nhau để cùng thăng tiến; do đó, Hòa Thượng Tịnh Không không dám phân biệt mình là người xuất gia cần được ngồi trên còn kẻ tại gia phải ngồi thấp bên dưới, mà luôn luôn gọi nhau là các vị hoặc các bạn “đồng tu”.

Để tránh dài dòng, tôi xin thảo luận với ông 3 vấn đề mà ông đã nặng lời bình phẩm về Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài giáo:

Thứ nhất, để trả lời câu hỏi “*Đạo Hòa Hảo có liên quan gì với đạo Phật không?*” ông trả lời rất quanh co một vấn đề không thuộc hiểu biết sở trường của ông. Ông rất trực ngôn nhanh nhẹn đáp, tóm tắt như sau:

1. “*Hòa Hảo là chuyện của Hòa Hảo, Phật giáo là chuyện của Phật giáo!*” Thật sự, một câu trả lời thiếu

thanh lịch đến nỗi chúng tôi cảm thấy ai đó đã tạt nước vào mặt mình.

Thưa ông Phước Tiên, trong danh xưng “Phật Giáo Hòa Hảo” của chúng tôi, ông đã vứt bỏ vào đầu hai tiếng “Phật Giáo” để phát ra một câu giải đáp đầy phân biệt hằn thù, cộc lốc và khiếm nhã như thế ?

2. Cao Đài có 80% là Phật giáo, 20% lấy một chút từ Khổng giáo, một chút từ Thiên Chúa để biến thành một dạng tổng hợp. “*Hòa Hảo cũng không ngoài việc đó*”. Cho nên họ cho là họ mới mà chẳng mới gì cả!

Thưa ông Phước Tiên, PGHH có bao giờ tự cho mình là một “đạo mới với học thuyết mới khác với đạo Phật” đâu mà ông vu vơ hoang tưởng tự đặt ra thống kê dữ liệu để trả lời hằn học như vậy? Đức Thầy chúng tôi đã từng nói: “*Rút trong các Luật các Kinh, Tùy lòng không ép làm in giảng này*” – “giảng này” là chỉ lời giảng dạy của Đức Thầy chúng tôi. Tuy nhiên, chúng tôi cần cho ông biết rằng PGHH là một tôn phái mới của đạo Phật ra đời với sứ mạng chấn hưng Phật giáo rất rõ ràng trong bối cảnh chùa chiền và sinh hoạt của tăng sư tràn ngập dị đoan mê tín, âm thịnh sắc tướng che lấp hết sắc thái vô vi chân truyền của Đức Phật Tổ Bổn Sư Thích Ca Như Lai. Đức Thầy chúng tôi là người được truyền thừa để thực hiện sứ mạng đó, không phải qua y bát mà qua mật thư, từ vị sơ Tổ của chúng tôi là Đức Phật Thầy Tây An Đoàn Minh Huyền (1807-1856), người sáng lập nên Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương. Muốn hiểu PGHH và Cao Đài, hẳn là ông Phước Tiên cần bỏ ra nhiều năm tìm tòi nghiên cứu mới may ra phát hiện những chỗ cao sâu của hai tôn giáo dân tộc này.

3. Ngoài ra, ông Phước Tiên còn gièm siểm rằng PGHH làm từ thiện để “*mang cái ý nghĩa từ thiện*”

cộng thêm với “*ý tưởng của đạo Hiếu Nghĩa*” bổ sung cho “*học thuyết*” của mình! Quả thật là một phát biểu mang đầy tà kiến và ganh tị thấp kém mà chúng tôi không thể dài dòng luận đàm thêm trong không gian giới hạn này!

Thứ nhì là phần giải đáp câu hỏi khác: “*Có vài em nhỏ của đạo Hòa Hảo nói pháp, chúng ta có nên tin và hiểu đó là Chánh pháp hay không?*”. Ông đã trả lời: “*Mượn những đứa nhỏ mà để gọi là Thần thánh hóa về nhân cách của nó, đây là quý vị đang hại mấy đứa nhỏ!*” rồi ông bình phẩm một cách luộm thuộm tiếp theo sau, không ngoài ý miệt thị.

Thưa ông Phước Tiến, đây là một hiện tượng trong vô số hiện tượng của đạo Phật xảy ra từ xưa đến nay. Hiện tượng này cũng đang xảy ra trong đạo Phật truyền thống VN ngày nay về các đứa bé thần đồng, về sự tích lũy thiện nghiệp trải qua nhiều tiền kiếp tu tập sớm hiện lộ trong kiếp hiện tại (theo tín ngưỡng chung của Phật giáo). Riêng trong phạm vi PGHH chúng tôi, không ai tôn xưng các cháu bé thông minh kia là Thần Thánh gì cả và cũng chưa thấy ai lợi dụng các cháu để thủ lợi mặc dù vẫn có người nghi ngờ và chống đối việc nói pháp của các cháu. Các cháu đó vẫn sống với cha mẹ và hàng ngày đến trường lớp đàn hoàng ngoài công tác thỉnh thoảng *chuyển pháp* một cách duyên dáng và lưu loát, qua các bài vở mà các cháu đã học và nhớ, tới đại chúng còn sơ căn. Nếu tâm trong sáng thì thấy hiện tượng đó trong sáng và có lợi ích, còn tâm đen đúa thì thấy hiện tượng đó toàn là sự lợi dụng vì háo danh, thủ lợi.

Thứ ba là một câu hỏi có tầm vóc quan trọng vì trực tiếp liên quan đến giáo pháp của PGHH và Cao Đài giáo: “*Bà nội con trước khi mất, có nói là để bà đi*

dự Hội Long Hoa. Như vậy thì bà nội con có được vắng sanh không?”. Phần trả lời của ông Phước Tiến có thể tóm lược như sau:

Cái gọi là Hội Long Hoa kia là từ ngữ bị lợi dụng để mê hoặc kẻ khác. Nó mang ý nghĩa **“đe dọa thiên hạ để khủng bố tâm lý”**. Long Hoa chỉ có nghĩa là Đức Phật Di Lặc sẽ hạ sanh dưới cội Long Hoa. Cứ chết đi tái lại một ngàn lần cũng chưa tới cái Hội đó nữa! Quý vị cứ thử tính từ con người có tuổi thọ là 84 ngàn tuổi, rồi cứ mỗi 100 năm giảm kỷ một lần cho tới khi tuổi thọ còn 10 tuổi thì sẽ tới Đức Phật Di Lặc ra đời! Như vậy, cứ cộng trừ nhân chia xem sẽ còn bao lâu nữa?! “Cho nên những người nói Hội Long Hoa nơi này, Hội Long Hoa nơi kia là **nói tầm bậy, nói mà không hiểu nó là cái gì**. Cho nên cứ hờ ra Hội Long Hoa chỗ này, Hội Long Hoa chỗ đó, năm này Hội Long Hoa, năm kia Hội Long Hoa...đó là những **cái cách phịa, bày đặt mê tín, lợi dụng từ ngữ để tung hỏa mù** vào quần chúng mà thôi! Các vị nên nhớ và ý thức điều này, **đừng để bị lừa đảo!**” (nguyên văn).

Thưa ông Phước Tiến, có chi ông phải nổi giận đến mất khôn như thế? Con số 84 ngàn ông vừa giải thích ở đầu buổi giảng là “con số mặc định mang ý nghĩa tượng trưng” cho số lượng nhiều không đếm hết, thì ông lại sử dụng con số đó như là một con số chính xác để dùng các phép toán mà tìm ra đáp số ở đây! Rồi ông lại tiếp tục sô ra một tràng lời rất thô để sỉ vả ai nói đến Hội Long Hoa!

Chúng tôi cần cho ông hiểu và nhân tiện để cho quý vị nào muốn tìm hiểu về Hội Long Hoa để tránh các ác khẩu hại thân qua một đoạn ngắn của một nhà nghiên cứu Phật học:

“Triết lý Hội Long Hoa dựa trên căn bản luật vô thường trong vũ trụ luân chuyển theo chu kỳ “sinh-trụ-dị-diệt”. Chu kỳ đó thể hiện qua lý Tam Nguyên: Thượng nguyên, Trung nguyên, Hạ nguyên. Nhận thức này có ý nghĩa luật vô thường của tạo hóa không phải chuyển biến hỗn loạn mà lại theo từng chu kỳ tiếp nối liên tục, hết Thượng-Trung-Hạ nguyên này sang Thượng-Trung-Hạ nguyên khác. Và, Hội Long Hoa xảy ra vào mỗi cuối chu kỳ.

“Kinh sách Phật giáo có nói “thời mạt kiếp” (hay Mạt pháp) để chỉ thời kỳ cuối cùng của nhân loại và giáo pháp của Phật. Thánh kinh Thiên Chúa Giáo cũng nói “tận thế” để chỉ thời điểm chấm dứt sự sống trên trái đất sau các biến cố chiến họa, thiên tai,...Đạo Ba-Tư nói mỗi thời đại đều có điểm khởi đầu và điểm kết thúc do sự lấn át nhau giữa cái Thiện và cái Ác. Hồi giáo cũng nói “ngày tận thế” như một sự phán xét cuối cùng của Thượng Đế, “ngày mà tiếng kèn đồng vang lên và bọn ác phải kinh hoàng” (Kinh Coran). V.v...

“Nói chung, sự chuyển biến trên bắt đầu từ cái Thiện tốt cao, trong đó tinh thần không chế vật chất, tiến dần đến mọi giá trị đạo đức bị thoái hóa trước sự phát triển của vật chất, khiến loài người sanh ái dục đam mê, quên mất nguồn cội tinh thần khiến cái Ác gia tăng, dẫn đến các biến cố hủy diệt kiếp sống. Biến cố cuối cùng, dấu mang tên gì, cũng có ý nghĩa của một sự thanh lọc loại bỏ cái Ác, giữ lại cái Thiện lập lại đời tân, chuyển sang chu kỳ mới.

“Các nhận thức trên của các tôn giáo có căn bản đều giống nhau nhưng sự trình bày, mô tả có khác nhau về chi tiết. Sự khác biệt chi tiết đó không thể tránh khỏi bởi sự lệch lạc, thất truyền tiếp nối từ thế hệ này qua thế hệ khác.

“Tại Việt Nam, hai tôn giáo Cao Đài và PGHH có đề cập rất nhiều về Hội Long Hoa dựa trên lý Tam nguyên như nói trên. Cả hai tôn phái này đều có nhận định chung là nhân loại đang bước vào buổi hoàng hôn của kiếp sống. Đặc biệt đạo Cao Đài còn có danh hiệu “Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”, ý nói nền đạo này mang sứ mạng giáo độ chúng sanh vào thời kỳ cuối Tam nguyên lần thứ ba (2 lần cuối của 2 Tam nguyên trước, gọi là Nhất kỳ Phổ độ và Nhị kỳ Phổ độ). Hội Long Hoa lần ba sẽ diễn ra cuối Tam nguyên này do Phật Di Lặc hạ sanh chủ trì. PGHH cũng không ngừng kêu gọi sanh chúng tu hành để được hiện diện trong Hội Long Hoa (không nói rõ kiếp này hay các kiếp kế tiếp) hầu được sống qua cảnh thái bình an lạc trong thời Thượng nguyên kế tiếp; bởi vì trong bối cảnh Thượng nguyên Thánh đức có đầy đủ trợ duyên để tu hành giải thoát khỏi cảnh sanh tử luân hồi.

“Xem thế thì nhận định của đạo Cao Đài và PGHH về Hội Long Hoa với luận lý rất có cơ sở khoa học và phù hợp với diễn tiến của sinh hoạt nhân loại trước bối cảnh: văn minh vật chất lên cao trong khi mọi giá trị đạo đức về mặt tinh thần đang tuột dốc một cách vô cùng tồi tệ. Hội Long Hoa sẽ xảy ra gần hay xa tùy thuộc vào niềm tin tôn giáo, không ai có thể áp đặt mọi người phải tin theo cách của mình. Nếu dựa vào một cuốn kinh nào đó để cho rằng Phật Di Lặc sẽ hạ sanh còn muôn trùng xa để bài bác, phỉ báng niềm tin và nhận thức khác với niềm tin của mình là không thể chấp nhận được. Đọc kinh cần tầm lý, chấp vào văn kinh chur Tổ cho là mê muội, nói oan cho Phật: “Y kinh giảng nghĩa Tam thế Phật oan”. Lý do rất dễ hiểu là vào thời của Đức Phật, chưa có văn tự; lời Phật thuyết đều được truyền miệng từ người này qua người khác, từ thế hệ này qua thế hệ khác mãi đến khi có văn tự mới được

ghi vào sách (với phương tiện, hình thức rất thô sơ) nên sự thất truyền không sao tránh khỏi. Có nhiều cuốn kinh xuất hiện sau ngày Phật niết-bàn đến 5, 7 trăm năm nhưng vẫn cho là do Ngài A-Nan nhớ và thuật lại! Do đó, không thể trách tại sao Phật giáo Nguyên thủy phủ nhận các kinh điển Đại thừa; cụ thể nhất là lịch sử Đức Phật được ghi chép và phổ biến, không tông phái nào giống tông phái nào. Điều đó càng chứng tỏ hơn nạn tam sao thất bản trong kinh điển Phật giáo như thế nào rồi. Tuy nhiên, chúng sanh vẫn có may mắn là Báo thân Phật dấu có mất đi nhưng Phật còn có Pháp thân, và Hóa thân Phật cùng chư Bồ-tát không ngừng thị hiện để duy trì lý Đạo hậu cứu khổ cứu nạn cho chúng sinh dưới vô vàn phương cách.

“Tóm lại, lý thuyết về Hội Long Hoa là quan điểm, nhận thức rất có lợi về mặt đạo đức để khuyến tấn chúng sanh nên gấp rút tu hành chớ không nhằm “khủng bố tâm lý, đe dọa” ai để thủ lợi. Tin hay không tin hoàn toàn tùy thuộc nơi mỗi người có duyên hay không đối với giáo pháp đó mà thôi. Không vì mặc chiếc áo Như Lai mà lại lớn tiếng, thiếu tế nhị cho rằng tiếng nói của ta đây mới là đúng. Hậu quả đến ngay trước mặt là tạo tỵ hiềm, phá hoại đoàn kết thay vì cần phải “vô vi thuyết pháp” theo tinh thần của Phật và chư Tổ thầy xưa.”

Thưa Đại Đức Thích Phước Tiến,

Chúng tôi biết ông tuổi còn trẻ, tính khí còn nông nổi mà lãnh một trách nhiệm quá nặng nề là đi “hoằng pháp lợi sinh”. Chúng tôi cũng từng mừng rằng Phật Giáo Việt Nam có các nhà sư trẻ với khả năng như ông để đi rao giảng Phật pháp giữa lúc đạo đức xã hội đang cực kỳ xuống dốc. Thật sự chúng tôi không ngờ rằng chính ông lại là người không tỏ ra am tường Phật

pháp nên những gì ông thuyết giảng mang nhiều cá tính hơn là Chánh pháp của Phật để cứu độ đời.

Chúng tôi cũng biết ông là một chức sắc Phật giáo do Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam chuẩn nhận nên dễ dàng đi thuyết giảng đó đây, trong lẫn ngoài nước – điều mà các tăng sĩ Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất có truyền thống từ lâu đời không có quyền làm như ông. Tại Việt Nam ngày nay, điều đáng buồn là cái gì cũng “định hướng xã hội chủ nghĩa” nên nội dung Phật pháp mà ông đi rao giảng cũng không thể tránh khỏi cái “định hướng” tai hại đó. Tuy nhiên, ông vẫn còn có cơ hội tinh tâm sám hối để trở thành một tu sĩ tốt, một “sứ giả của Như Lai” để sống trong hạnh nguyện “tự giác giác tha” để tiến đến “giác hạnh viên mãn”.

Chúng tôi kính chúc ông sớm dẹp bỏ kiến-tư hoặc để hoàn mãn hạnh lành.

Trân trọng kính chào ông.

Hoa kỳ, ngày 27 tháng 11 năm 2015

TM. BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
HỘI TRƯỞNG
(đã ký)

NGUYỄN VĂN TẠO



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI**

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

NGUYỄN VĂN TẠO



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI**

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

Số: 016/BTSTUHN-V/VT



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI**

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

THƯ CHÚC MỪNG



**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HÒA HẢO
BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI**

4141 11th Ave., Sacramento, CA 95817
Phone (602) 790-6156 or (916) 731-8331
E-mail: bantrisu.tuhn.ghpghh@gmail.com

THƯ CHÚC MỪNG

TIN TỨC & SINH HOẠT PGHH

Hình ảnh Gian hàng ấn tống Kinh sách PGHH trong Hội chợ Tết Bính Thân tại TP Sacramento.



Đoàn long mã đang biểu diễn trước gian hàng ấn tống Kinh sách của BTS/PGHH Sacramento.





**Ban Trị Sự và đồng đạo PGHH tổ chức gian hàng ấn
tống Kinh sách trong ngày Hội chợ Tết Bính Thân 2016**

Hình ảnh Sinh hoạt của BTS/PGHH Toronto và các Vùng phụ cận.



Gian hàng ấn tống Kinh sách PGHH của BTS/PGHH Toronto trong Hội chợ Tết Bình Thân 2016 do Hội Người Việt Toronto tổ chức ngày 16-01-2016.



Đồng đạo Hội Trưởng Nguyễn Trung Hiếu đang thuyết trình đề tài “PGHH - một nền đạo Dân tộc” trong Đại lễ Đàn Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ do BTS/PGHH Toronto và các Vùng phụ cận tổ chức ngày 10-01-2016.

Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An

tại Hội Quán PGHH miền Nam California.

SANTA ANA. Sáng Chủ Nhật ngày 27.9.2015 Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo (PGHH) Nam California đã long trọng tổ chức Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An tại Hội Quán PGHH với sự tham dự của đông đảo tín đồ PGHH và một số cơ quan truyền thông.

Trong lời giới thiệu về buổi lễ, ông Trần Văn Tài nói: “Ban Trị Sự PGHH miền Nam California rất hân hạnh được chào đón tất cả quý vị trong ngày lễ trọng đại của PGHH. Đây là ngày Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An mà tín đồ PGHH luôn ghi nhớ trong suốt chặng đường dài của lịch sử đạo PGHH. Đức Phật Thầy Tây An đã thành lập giáo hệ Bửu Sơn Kỳ Hương với một hướng đi mới, vừa phát huy tinh thần dân tộc vừa phù hợp với thời mạt pháp. Ngài là người đầu tiên trong Phật tử miền Nam đã cương quyết đứng lên hô hào khai mở, canh tân Phật pháp để giải độ hóa mọi tập tục thờ cúng rườm rà và đưa ra phương thức tu hành hợp lý, chín chắn nhất cho hành giả tu tại gia.”

Sau lời chào mừng, ông Hội Trưởng và quý niên trưởng Phan Thanh Nhân, Huỳnh Văn Thành và Ngô Văn Ân lên cử hành nghi thức tôn giáo.

Tiếp đến, Trưởng Ban Tổ Chức Ngô Văn Ân thay mặt Ban Trị Sự lên chào mừng quý bậc trưởng thượng, các cơ quan truyền thông và đồng đạo. Sau đó, ông nói về tiểu sử của Đức Phật Thầy Tây An.

Cuối bài diễn văn khai mạc, ông Ngô Văn Ân nói: “Để tưởng nhớ công ơn vô lượng của vị Giáo Tổ đã khai sáng tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương, chính là tiền thân của PGHH ngày nay, hàng năm người tín đồ PGHH đều tổ chức Kỷ Niệm Ngày Vía Đức Phật Thầy Tây An vào ngày 12 tháng 8 âm lịch; đây cũng là dịp để

anh chị em tín đồ PGHH gặp mặt nhắc nhở, dìu dắt nhau trên bước đường tu tập mà Đức Phật Thầy Tây An và Đức Huỳnh Giáo Chủ đã dày công hoằng hóa”.



***GS. Nguyễn Thanh Giàu Hội Trưởng Ban Trị Sự PGHH
Nam Cali đang nói về ý nghĩa Lễ Vía Đức Phật Thầy
Tây An (Thanh Phong/Viên Đông)***

Sau đó, Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu, Hội Trưởng Ban Trị Sự PGHH miền Nam Cali, lên nói về ý nghĩa Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An. Bài phát biểu của GS Nguyễn Thanh Giàu dài gần một tiếng đồng hồ, trong đó có câu quan trọng: “Nếu không có Bửu Sơn Kỳ Hương thì có lẽ sẽ không có Phật Giáo Hòa Hảo”.

Trước khi bế mạc, hai đồng đạo Nguyễn Kim và Thanh Tâm lên diễn ngâm bài kệ “Kệ Dân Của Người Khùng” của Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Lễ tất, mọi người được Ban Trị Sự mời dùng cơm chay thân mật../

(VienDongDaily.Com - 30/09/2015)

Bài THANH PHONG

**Hình ảnh Lễ Kỷ niệm 20 năm ngày thành lập
Ban Trị Sự GH/PGHH Sacramento (1995-2015)**



***Đ/đ Niên lão Mai Văn Mến có công thành lập và là
Hội Trưởng đầu tiên của Ban Trị Sự GH/PGHH Sacto,
từ ngày 06/10/1995 đến ngày 18/01/1998.***



***Đồng đạo Huỳnh Ngọc Ân, Hội Trưởng BTS/GH/PGHH
Sacramento từ ngày 24/06/2000 đến 23/02/2001 đang
nhận Bằng Tưởng Lệ từ BTS/TUHN/GHPGHH.***

(Đồng đạo Nguyễn Ngọc Diệp, Hội Trưởng BTS/
PGHH Sacramento từ tháng 1/1998 đến năm 2000,
vắng mặt trong buổi Lễ vinh danh này).



*Bà quả phụ của cố Đồng đạo Nguyễn Văn Oai (Hội
Trưởng BTS PGHH Sacto, từ 23/02/2001 đến năm 2004)
đang nhận Bằng Tưởng Lệ do BTS.TUHN khen tặng.*



*Phu nhân Đồng đạo Khương Đen (Hội Trưởng
BTS/PGHH Sacto 2 nhiệm kỳ 2004-2006 và 2006-2008)
thay mặt phu quân nhận Bằng Tưởng Lệ.*



Đồng đạo Huỳnh Văn Liêm, Hội Trưởng BTS/PGHH Sacramento từ ngày 21/12/2008 đến nay, đang nhận Bằng Tưởng Lệ từ BTS/TUHN/GH/PGHH do Đ/d Chánh Thư Ký thay mặt trao tặng.



Những đồng đạo có công trong việc thành lập và duy trì Ban Trị Sự GH/PGHH Sacramento hoạt động liên tục suốt 20 năm qua, rất xứng đáng nhận được phần thưởng tinh thần từ Giáo Hội PGHH.

**Hình ảnh Lễ Đản Sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ
lần thứ 96 tổ chức tại Hội Quán PGHH miền
Bắc California – San Jose (ngày 03-01-2016)**



Đồng đạo đang nguyện hương.



**Quý đ/đ Niên lão đang tham dự ngày Đại lễ
Đản sanh của Đức Huỳnh Giáo Chủ.**



Đ/đ Phó Thư Ký Huỳnh Phước Vinh điều khiển Chương trình Đại lễ.



Đ/đ P. Hội Trưởng Nguyễn Trung Hùng đang đọc bài Ý nghĩa ngày Đản sanh.



Đ/đ Kim Mỹ và Đ/đ Trần Hoài Nghĩa đang phụng ngâm đoạn đầu bài “Diệu pháp Quang Minh”.

**Hình ảnh Lễ Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ
lần thứ 96, tổ chức tại Hội Quán PGHH
Houston (TX) ngày 03-01-2016**



Bánh kem Mừng Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ năm thứ 96 do đồng đạo PGHH Houston kính dâng.



Đồng đạo và Thân hữu đang chào Quốc kỳ và Đạo kỳ trong ngày Đại lễ (25-11-âm lịch)



Đại diện Tôn giáo bạn và Đồng đạo PGHH đang hành lễ trước Lễ đài.



Đ/đ Nguyễn Tân Hòa, Tr/B Ban Đ/D PGHH Arlington đang đọc bài “Sứ mạng của Đức Thầy” trong ngày Đại Lễ tại Houston (TX).



Đ/đ HT. Nguyễn Anh Dũng, BTS/PGHH Houston nói về sự lâm phạm của Đức Thầy là do Thiên định qua lời mặc khải của Đức Thầy và sám Trạng Trình.



Nhà sư Thích Mật Hạnh đang phát biểu ý kiến.



Đ/đạo Nguyễn Thị Tuyết, đang đọc bài “Ý nghĩa ngày Đản sanh của Đức Huỳnh Giáo Chủ”.



Đ/đ Huỳnh Công Tử, Tr/Ban BDD/PGHH San Leon tham dự Lễ Đản Sanh của ĐHGCTại HQ/PGHH/Houston, TX.

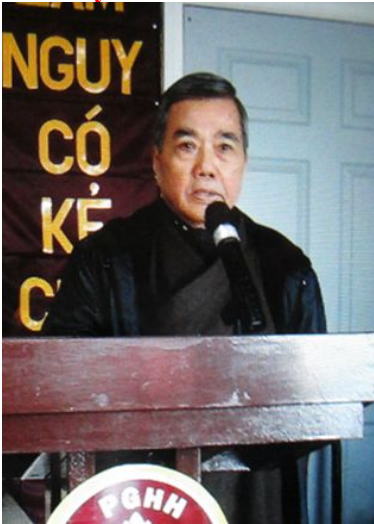
**Hình ảnh Lễ Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ
lần thứ 96 do BTS.PGHH Sacramento
tổ chức ngày 01-03-
2016**



**Đ/đ Huỳnh Văn Liêm trình bày
về “Ý nghĩa ngày Đản Sinh của
Đức Huỳnh Giáo Chủ”.**



**Đ/đ Nguyễn Văn Hiệp
Tr.Ban Tổ chức đang điều
hợp Chương trình.**



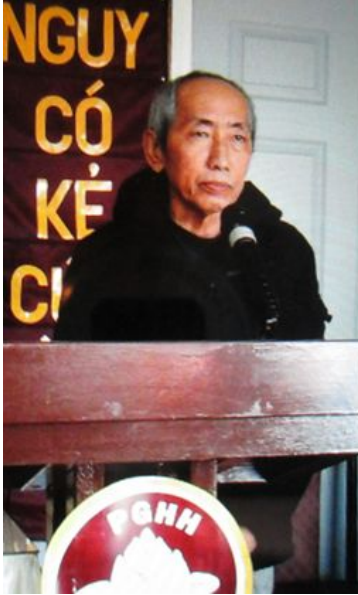
Đ/đ Đỗ Tâm Thành đọc bài



Đ/đ Nguyễn Ngọc Diệp đang

“Sứ mạng của Đức Thầy”.

đọc “Lời Khuyên Bồn Đạo”.



Đ/d Lê Công Nghệ đang nói về “Bước truyên chuyên hóa Đạo của ĐHGK”.

Đ/d Khương Đen diễn ngâm bài thơ tự sáng tác Mừng DẫnSanh Đức Thầy.



Đ/d Kiều Phụng (Oakland) đang phụng ngâm bài “Cho Ông Cò tàu Hảo”.

Đ/d Phước Lê từ Oakland đang phụng ngâm bài “Tiếng chuông cảnh tỉnh”.



**Đ/d Hằng Nguyễn từ Oakland Đ/d Dương Bông phụng ngâm
đang ngâm bài “Ô.Tùng ở vàm 1 đoạn trong bài “Diệu Pháp
Cái Đàm hỏi”, Đức Thầy họa. Quang Minh”.**

Tín Đồ Phật Giáo Hòa Hảo miền Nam Cali Mừng Lễ Đản Sinh Đức Thầy (2016)

SANTA ANA - Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo Nam California vừa long trọng tổ chức kỷ niệm ngày Đản sanh lần thứ 96 Đức Huỳnh Phú Sổ, người khai sáng nền Đạo Phật Giáo Hòa Hảo vào lúc 10 giờ sáng Chủ Nhật đầu năm, ngày 03 tháng 01- 2016 tại trụ sở Ban Trị Sự ở địa chỉ 2114 W. McFadden Ave, Santa Ana, CA 92704.

Tiếng trống rộn ràng và màn múa lân thật sôi động đã mở đầu cho buổi lễ rất quan trọng của tín đồ PGHH. Sau đó, Trưởng Ban Tổ Chức, ông Ngô Văn Ân đọc diễn văn khai mạc, cảm tạ sự hiện diện của quý quan khách và đồng đạo. Đồng thời ông nhắc lại sơ lược tiểu sử của Đức Huỳnh Giáo Chủ và sự nghiệp lập Đạo cứu đời của Ngài.



Quan Khách trong ngày Lễ Dẫn Sinh của Đức Huỳnh Giáo Chủ ngày 3-1-2016.



Các Trưởng Lão PGHH cử hành nghi thức tôn giáo trước bàn thờ Tam bảo trong ngày lễ Dẫn Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ. (Thanh Phong/Viễn Đông)



Ô. Lưu Văn Kiệt, Phó Hội Trưởng BTS.PGHH miền Nam California trong bài Ý Nghĩa Ngày Đản Sanh ĐHG.

Sau đó, ông Trần Văn Tài đại diện ban Tổ chức giới thiệu thành phần quan khách tham dự, trong đó về phía tôn giáo có Hòa Thượng Thích Minh Mẫn (Viện Chủ chùa Huệ Quang), Chánh Trị Sự (Cao Đài) Nguyễn Văn Lợi, đại diện Ban Trị Sự Thánh Thất Orange County, Chánh Trị Sự Hồ Ngọc Ân và CTS Đỗ Thị Kim Lan (Thánh Thất Little Saigon), Hiền Tài dự phong Ngô Thiện Đức, Ban Cố Vấn Đại Đạo Thanh Niên Hội Cao Đài Nam Cali.

Về phía chính quyền, dân cử có GSV Andrew Đỗ; Nghị Sĩ Janet Nguyễn và Dân Biểu Liên Bang Alan Lowenthal đều cử đại diện đến tham dự. Nghị viên, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Nam Cali, ông Bùi Thế Phát, cùng đồng đạo các cơ quan truyền thông có mặt.

Tiếp đến là phần nghi thức tôn giáo PGHH. Giáo sư Nguyễn Thanh Giàu, Hội Trưởng BTS/PGHH, cùng một số niên lão lên trước ngôi Tam Bảo cử hành nghi lễ

cầu nguyện, sau đó ra phía trước lạy bàn Thông Thiên. Sau phần Lễ nghi tôn giáo, ông Lưu Văn Kiệm, Phó Hội Trưởng, lên trình bày ý nghĩa ngày Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ. Ông Kiệm dẫn chứng những điều răn dạy của ĐHGK khuyên tín đồ phải luôn làm lành, lánh dữ, vì ***“Phật tại tâm, chớ có đâu xa mà tìm kiếm trên non trên núi. Địa ngục cũng tại tâm làm quấy, về Thiên Đàng tâm ấy tạo ra. Cái chữ tâm mà quý hay ma, Tiên hay Phật cũng là tại nó.”*** Đức Huỳnh Giáo Chủ còn nói rất rõ ***“Làm chơn chánh là tiên là Phật, làm gian ác là quỷ là ma.”***

Tiếp theo, hai đ/đ Trần Văn Mười và Hồ Trúc Mai diển ngâm bài sấm giảng “Diệu Pháp Quang Minh.”

Các vị dân cử được mời phát biểu. GSV Andrew Đỗ hết lời ca ngợi ĐHGK, không những là người sáng lập ra một tôn giáo, Ngài còn chứng tỏ là một nhà ái quốc chân chính, hết lòng vì dân, vì nước. Ông Đỗ đã trao tặng BTS/PGHH Nam Cali Bằng Tưởng Lược. Dân Biểu Liên Bang Alan Lowenthal cũng cử ông Lý Vĩnh Phong đại diện đến trao tặng BTS/PGHH Nam Cali Bằng Tưởng Lược của Hạ Viện Hoa Kỳ.

DS Nguyễn Đình Thức đại diện Nghị Sĩ Janet Nguyễn trao tặng Bằng Vinh Danh và Hiên Tài dự phong Ngô Thiện Đức cũng lên tiếng ca ngợi ĐHGK “là một công dân yêu nước, thương nòi. Những lời giáo huấn của Ngài là kim chỉ nam, là ánh đuốc soi đường cho toàn thể tín đồ PGHH noi theo.”

Đại lễ kết thúc sau lời cảm tạ của GS Nguyễn Thanh Giàu, và mọi người được mời ở lại dùng cơm chay thân mật do Ban Trị Sự khoản đãi./.

(VienDongDaily.Com - 08/01/2016)

Bài THANH PHONG

Bài phát biểu cảm tưởng của GSV Andrew Đỗ

Kính Thưa:

-Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu, Hội Trưởng và
-Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo Nam California.
-Quý Vị Lãnh Đạo Tinh Thần, Quý Quan Khách
và Đồng Hương,

Đây là một vinh dự lớn lao cho tôi được tham dự ngày Đại Lễ Đản Sanh của Đức Huỳnh Giáo Chủ, và cũng là một cơ hội quý giá để chúng ta cùng ôn lại, ghi nhớ những công đức to lớn của Ngài không chỉ dành riêng cho tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo mà cho cả toàn thể người dân Việt Nam tại miền Nam tự do thân yêu của chúng ta.

Đức Huỳnh Giáo Chủ nhập thế vào một trong những giai đoạn khó khăn nhất của lịch sử cận đại Việt Nam. Đất nước lâm vào cảnh nô lệ ngoại bang và bị tàn phá bởi chủ nghĩa Cộng Sản vô thần, lòng dân ly tán, xã hội suy đồi và băng hoại vì chiến tranh, nạn nghèo đói, dân trí dốt nát.

Tuy nhiên, trong những tình huống bi đát tận cùng của quê hương và dân tộc, Ngài vẫn một lòng khiêm nhường và nhẫn nhục.

Hơn ai hết Đức Thầy đã nhìn thấy rõ những thảm cảnh của đất nước.

Do đó vì tình yêu chúng sinh, Ngài chấp nhận tất cả những thách đố, nghịch cảnh hầu đưa chúng sinh vào con đường toàn thiện, toàn mỹ theo triết lý TỬ AN, tu thân tích đức giản dị không mê tín dị đoan và đặc biệt Ngài dạy: Người dân chớ nên phụ bạc giống nòi.

Trong triết lý cao siêu nhiệm mầu của Phật Giáo Hòa Hảo, Ngài đã pha lẫn vào những tình tự của quê hương dân tộc khiến cho Phật Giáo Hòa Hảo nhuộm đầy tính chất độc lập của tinh thần Phật Giáo hoàn toàn

Việt Nam như tiền nhân của chúng ta ngày xưa qua nhiều triều đại.

Vì thế Đức Huỳnh Giáo Chủ không những là một người sáng lập ra một nền tôn giáo mà còn là một nhà ái quốc nhuộm đầy tinh thần dân tộc; đặc biệt, ngày nay đất nước chúng ta đang bên bờ vực thẳm của nạn ngoại xâm từ Trung Quốc. Ngài giảng:

“Nhớ nước ta hùng liệt thuở xưa.

Ngàn năm Bắc địch vầy bừa,

Mà còn đứng dậy tống đưa quân thù...”

Ngài còn giảng tiếp:

“Muôn năm chịu kiếp tôi đòi...

Thân người như thế còn coi ra gì?!”

Đó chính là lý do tại sao Cộng Sản VN đã phải khiếp sợ uy danh của Ngài và lúc nào cũng tìm cách hãm hại. Ngày nay mặc dầu đã nhiều năm vắng bóng Ngài, tuy nhiên Phật Giáo Hòa Hảo vẫn phát triển như những ngọn lúa Thần Nông không chấp nhận nạn ngập nước Cộng Sản vô thần.

Thống kê về nhân quyền cho thấy tín đồ PG Hòa Hảo hiện nay lên đến con số hơn 8 triệu so với dân số 90 triệu dân Việt Nam. Những tỉnh tại miền Nam nơi có sự hiện diện của các tín đồ PG Hòa Hảo nơi đó tổng số đảng viên CS VN ít nhất chưa đến 3% dân số trong tỉnh so với các tỉnh tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam lên đến từ 67% cho đến 100%.

Điều này nói lên tính cách huyền diệu lúc nào cũng có sự Hiện Diện của Đức Thầy trong tâm khảm của mỗi tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và đó là điều mà chúng ta ai ai cũng hãnh diện.

Thay mặt Hội Đồng Giám Sát Quận Cam, tôi xin được vinh danh ngày Đại lễ Đản Sinh của Đức Huỳnh Giáo Chủ hôm nay./.

**Hình ảnh Lễ mừng Đản Sinh Đức Huỳnh
Giáo Chủ - lần thứ 96 tại Hội Quán PGHH
GEORGIA (ngày 03-01-2016)**



Quang cảnh bên ngoài Hội Quán PGHH Georgia trong ngày Lễ mừng Đản Sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ.



Đ/d đang tham dự Lễ chào Quốc kỳ và Đạo kỳ bên trong Hội Quán.



Quan khách và đ/đạo đang hành lễ theo Nghi thức PGHH

LỄ ĐẢN SANH ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ TẠI THỦ ĐÔ WASHINGTON, DC.

Ban Trị Sự PGHH Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn đã cử hành Lễ mừng lần thứ 95 ngày sanh Đức Huỳnh Giáo Chủ 25/11âl (1920 - 2015) vào trưa ngày Chủ Nhật, 03/01/2016 trong phạm vi nội bộ tín đồ PGHH tại địa phương. Lúc 11:30 a.m., 20 đồng đạo trang nghiêm cử hành nghi lễ trước ngôi Tam Bảo trong Hội Quán. Đồng đạo Hội Trưởng Trần Phú Hữu đọc tiểu sử Đức Thầy. Tiếp theo sau là phần đàm đạo thân mật và dùng cơm chay tại phòng họp.



Được biết trong sinh hoạt giáo sự tại địa phương, Ban Trị Sự PGHH Hoa Thịnh Đốn cũng đã cử hành Lễ Vía Đức Phật Thầy Tây An (12/8âl) vào ngày Chủ Nhật, 27/9/2015, Lễ Giỗ Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực (28/8âl) vào ngày Chủ Nhật, 11/10/2015, ngoài các buổi sinh hoạt thường lệ 2 tuần một lần./.

KHÁI NIỆM VỀ TAM NGUỒN và LONG HOA HỘI

TRẠCH THIÊN

Tam nguồn là Thượng nguồn, Trung nguồn và Hạ nguồn, được hệ phái Bửu Sơn Kỳ Hương luôn luôn nói đến. Mỗi nguồn lại chia nhỏ ra thành thượng, trung, hạ: Thượng nguồn thượng, Thượng nguồn trung, Thượng nguồn hạ, vv... Tam nguồn là chu kỳ tiếp diễn không ngừng trong vũ trụ loài người, nghĩa là hết Thượng Trung Hạ này thì nối tiếp lại Thượng Trung Hạ khác. Tất nhiên, trong mỗi thời kỳ, loài người có cảnh sống tốt xấu khác nhau. Trong quyển *PGHH Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc*, tác giả Nguyễn Long Thành Nam phân tách như sau:

“ Ở thời Thượng nguồn, hoàn cảnh cực kỳ tinh khiết, con người rất mực khinh thanh có đủ quyền năng của con người ở cõi Thiên sa xuống.

“ Đến thời kỳ Trung nguồn thì hoàn cảnh có phần ô trược và con người cũng mất bản tánh huyền linh.

“Nhưng xuống tới thời Hạ nguồn thì hoàn cảnh trở nên ác liệt và con người càng trở nên hung ác để rồi đi đến hoại diệt, trở lại thời kỳ Thượng nguồn. Nghĩa là từ thời kỳ Thượng nguồn xuống đến thời kỳ Hạ nguồn con người càng ngày càng trở nên thoái hóa.

Sự phân tích trên phù hợp với câu giảng:

*“Hạ nguồn nay đã hết đời,
Phong ba biến chuyển đổi đời gia cang”.*

(SGTV 2015 tr.37)

Hoặc:

“Hạ nguồn nay đã hết rồi,

Minh Hoàng cầu Phật lập đời Thượng Nguyên”.

(Sư Vãi Bán Khoai: Sấm Giảng Người Đời)

Cần khôn vũ trụ có từ vô thi đến vô chung và miên viễn biến chuyển tiến hóa không ngừng trong từng chu kỳ thành-trụ-hoại-diệt tiếp nối nhau. Trong sự tiến hóa của mỗi chu kỳ, vật chất càng ngày càng lên cao, còn đạo đức thì mỗi lúc một tuột dốc. Tam Nguyên là thuật ngữ chỉ một chu kỳ dài lâu đó.

1. Theo quan điểm của **đạo Cao Đài**, “tận thế và hội Long Hoa” được nhắc luôn trong quyển Đại Thừa Chơn Giáo:

*“Minh Chơn đạo thời kỳ mạt kiếp,
Thức tỉnh đời cho kịp Long Hoa”.*

Trong mỗi chu kỳ Tam Nguyên, Đức Chí Tôn - tức Ngọc Hoàng Thượng Đế, vị chúa tể cai quản cần khôn vũ trụ - đều cho Phật Thánh Tiên xuống trần mở ra một *Thời kỳ Phổ độ*. Sau một *thời kỳ phổ độ* cho một Tam nguyên, Đức Chí Tôn mở ra một kỳ thi phán xét trình độ đạo đức của nhơn sanh để thưởng phạt rồi *chuyển* sang qua chu kỳ mới (tức Tam nguyên mới). Cuộc thi đó được gọi là **Hội Long Hoa**, quá trình kéo dài qua một số thập niên và kết thúc để tuyên dương trong một Đại Hội có đông đủ Phật Thánh Tiên giáng thế.

Cũng theo đạo Cao Đài, từ trước đến nay, Đức Chí Tôn đã hoàn thành hai *thời kỳ phổ độ*, và nhân loại hiện nay đang ở cuối *thời kỳ phổ độ thứ ba* (được gọi là **Tam Kỳ Phổ Độ**):

- *Nhứt Kỳ Phổ Độ* có Hội Long Hoa thứ nhứt với Đức Phật Nhiên Đăng làm Chánh chủ khảo,

- *Nhị Kỳ Phổ Độ* có Hội Long Hoa thứ hai với Đức Phật A-Di-Đà làm Chánh chủ khảo.

- *Tam Kỳ Phổ Độ (hiện nay)* sẽ có Hội Long Hoa

thứ ba với Đức Phật Di-Lặc làm Chánh chủ khảo.

Hội Long Hoa thứ ba này chính là Đệ Tam Chuyển để bước sang chu kỳ Tam nguyên mới mà mở đầu là đời **Thượng Nguyên Thánh Đức** – chỉ giữ lại 10% Nhơn loại hiền lương đạo đức sau khi đã hủy diệt hết 90% thành phần Nhơn loại bất lương hung ác qua một giai đoạn gọi là *tận thế* (cũng gọi là *thời mạt kiếp*)*.

Thượng nguyên Thánh đức là nguyên “tái tạo” càn khôn vũ trụ. Trong nguyên này, quả địa cầu trở lại yên tĩnh, thời tiết điều hòa, Nhơn dân thanh thới, người có dáng mạo tốt đẹp, tuổi thọ dài lâu, sống với nhau trong hòa ái đại đồng. Chư Phật Thánh Tiên giáng trần đồng cư hướng dẫn chúng sanh tu hành vượt lên cao hơn nữa. Sau Thượng nguyên, *Trung nguyên* là thời kỳ mà sinh hoạt loài người bắt đầu thâm nhiễm các thói hư tật xấu, cuộc sống hạnh phúc bị mờ phai dần; cuối cùng sang qua *Hạ nguyên* là nguyên điều tàn nát, con người hoàn toàn vị ngã, bạo tàn, thích chém giết lẫn nhau và thiên nhiên cũng xuống dốc, đầy tai biến, nóng lạnh bất thường vì sự ô nhiễm môi trường càng ngày càng trầm trọng.

Còn *tận thế hay mạt kiếp* không có nghĩa là hủy diệt tất cả mà chỉ là một cuộc sàng sảy, loại bỏ các chúng sanh bạo tàn hung dữ qua các cuộc chiến tranh sát hại lẫn nhau, hoặc do thiên tai địa ách nặng nề như: bão táp, đại hồng thủy, động đất, dịch bệnh lan tràn.

Tận thế và Hội Long Hoa là hai biến cố gắn liền nhau, xảy ra vào cuối thời Hạ nguyên hạ của một Tam nguyên. Trong Tam nguyên ba này, Nhơn loại đang ở trong thời kỳ cuối đó, chiến tranh tai ách liên tiếp xảy ra không ngừng. Các biến cố này hầu như đều được các tôn giáo (Ba Tư giáo, Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, ...) đề cập đến dưới các hình thức mô tả khác nhau.

2. Theo **Phật giáo**, khái niệm *tận thế* được mô tả qua giai đoạn “dị diệt” hay “hoại không” trong cái chu kỳ sanh-diệt mà Phật gọi là “*thành-trụ-hoại-không*” hoặc “*thời Mạt pháp*”. Sau ngày Phật niết-bàn, Phật pháp chuyển qua 3 thời kỳ: thời **Chánh pháp** (khoảng 500 năm), giáo lý còn được chân truyền, người tu dễ chứng đắc; thời **Tượng pháp** (khoảng 1.000 năm), nhiều Thánh Tăng xuống thế tiếp nối xiển dương Chánh pháp, nhưng sự chân truyền phai dần theo thời gian, đa số chạy theo âm thịnh sắc tướng nên sự tu hành chứng đắc giảm đi; trong thời **Mạt pháp** (khoảng 10.000 năm), Chánh pháp suy vi, đa số chúng sanh đắm mê vật dục mà rời xa đời sống thanh tịnh nên sự tu hành đắc đạo hết sức khó khăn, cuối cùng Phật Di-Lặc phải giáng thế để lập lại Chánh pháp.

Thời Mạt pháp kéo dài lâu như thế so với thời Chánh pháp và Tượng pháp không tránh khỏi sự thối lạc về sự tam sao thất bản của Kinh Luận. Xem lại kinh Pháp Trụ và kinh Đại Tập, ta sẽ thấy sự mô tả hợp lý hơn:

Kinh Pháp Trụ có ghi lại lời huyền ký của Phật cho Ngài A-Nan như sau:

“Này A-Nan, sau khi Ta diệt rồi, đến đời Mạt pháp, các môn đệ của Ta bỏ giáo pháp, cứ lập theo cái thuyết không chánh đáng, chẳng chịu tu giới, tu huệ, lại nhóm họp nhau những hung đồ ác đảng, thấy ai có giữ giới hạnh thì chê bai sỉ nhục. Vì thế nên các Thiên Long buồn rầu mà xa lìa, còn các đại thần và trưởng giả thì không sanh lòng kính tin Tam Bảo, làm cho Chánh pháp muốn diệt.

“Từ đó về sau, đám tà-kheo ấy tạo ác càng ngày càng lắm. Nhờ có các tà-kheo khác biết giữ sự thanh tịnh tu hành, lại đem giáo pháp của Như Lai mà diễn nói cho loài hữu tình nghe, làm cho cả thầy đều được

phần lợi ích.

“*Khi ấy có các vị quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ thiện nam, tín nữ đều thương tiếc Chánh pháp của Phật, thờ phượng ngôi Tam Bảo, cúng dường cung kính, tôn trọng ngợi khen, hết lòng ra sức trùng hưng. Đó là các vị Bồ-tát lấy cái bổn nguyện rất to lớn mà sanh ra đời ấy để giữ gìn Phật pháp và làm lợi ích cho chúng sanh như vậy.*”

Các hiện tượng trong lời phó chúc trên của Phật cho thấy thời Mạt pháp đang diễn ra khốc liệt ngay bây giờ chớ không còn dài lâu nữa.

Cụ thể hơn, *kinh Đại Tập* chia thời gian sau khi Phật tịch diệt ra 5 thời kỳ, và chỉ kéo dài tổng cộng 2.500 năm:

- Năm trăm năm đầu là *Thời kỳ Giải thoát kiên cố*: các đạo nhơn căn tánh cao siêu, y theo Chánh pháp mà huân tu nên trí huệ nhanh chóng sáng suốt, đạt sự giải thoát dễ dàng.

- Năm trăm năm thứ nhì là *Thời kỳ Thiên định kiên cố*: các hành giả chuyên cần, căn tánh minh mẫn, dốc lòng tu theo pháp thiên-na mà số đông được chứng định quả hữu lậu hoặc vô lậu của hàng Đại thừa hoặc Tiểu thừa.

- Năm trăm năm thứ ba là *Thời kỳ Đa văn kiên cố*: đa số hành giả tâm tánh sáng láng, lanh lợi, y theo 12 kinh văn Phật dạy mà tu hành, thông suốt được các môn giáo lý hạnh quả và các pháp đốn tiệm.

- Năm trăm năm thứ tư là *Thời kỳ Thấp tự kiên cố*: người tu học đạo có căn tánh hẹp hòi, chí hướng cạn cợt, không gắng công tu tập, chỉ ưa thích làm chuyện hữu vi, chạy theo việc lập chùa cao Phật lớn, in kinh phổ biến. Các hành giả này chỉ được phước báo hữu vi nhỏ trong cõi nhân thiên, chớ khó được quả vô vi giải thoát.

- Năm trăm năm thứ năm là *Thời kỳ đấu tranh kiên cố*: hành giả thường háo thắng, ganh ghét đố kỵ lẫn nhau, phân biệt tông phái, xem người cùng đạo khác hiểu biết với mình như kẻ ngoại đạo, chấp vào sự học vấn cao thấp trong thế gian, thường hay cho mình là đúng, còn kiến giải của kẻ khác là sai lầm. Trong thời này, muôn vạn người tu hành khó có một người chứng đắc, chỉ nương vào pháp môn Tịnh Độ, nhờ vào Phật lực cứu độ mà ra khỏi khổ não luân hồi. Xem thế thì không còn nghi ngờ gì nữa cảnh nhân loại đang sống trong thời Mạt pháp, thời mà Phật Di-Lặc đang ẩn danh tại thế hoặc sẽ giáng thế không còn lâu để giáo đạo, lập Hội Long Hoa, dựng lại Chánh pháp đang suy đồi cùng cực.

3. Năm 1939, Đức Huỳnh Giáo Chủ khai sáng đạo PGHH đã nói rõ sứ mạng của Ngài như sau:

“Vì lòng từ ái chứa chan, thương bách tính tới hồi tai họa. Phật vương đã chỉ rõ máy diệu huyền chuyển lập hội Long Hoa, chọn những đáng tu hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người đủ các thiện căn để giáo truyền Đại Đạo, định ngôi phân thứ gây cuộc hòa bình cho vạn quốc chư bang.”

“...khắp chúng sanh trong thế giới trong cái buổi Hạ nguơn này, say mê vật dục, chìm đắm trong biển lợi danh, gây nên nghiệp quả, luật trời đã trị tội, xét kẻ thiện căn thì ít, người tội ác quá nhiều, chư Phật mới nhủ lòng từ bi cùng các vị Chơn Tiên lâm phạm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quay đầu, cải tà qui chánh thì mới mong Thiên Đình ân xá bớt tội căn để kịp đến Long Hoa châu Phật...” (SGTV 2015 tr. 30).

PGHH cho biết trong Hội Long Hoa, Tiên Phật đều xuống cõi Ta-bà để mở kỳ thi chọn lọc người hiền

đức, diệt kẻ ma tà; nếu chúng sanh còn mê muội theo
đuổi vật dục thì phải chịu chìm đắm trong chốn mê hà,
âm u thấp kém:

- *“Lập rồi cái hội Long Hoa,
Đặng coi hiện đức được là bao nhiêu.
Gian tà hồn xác cũng tiêu,
Thảm thương bá tánh chín chiều quận đau.”*

(SGTV tr. 93)

- *“Dồi gót theo Thầy nương Phật cảnh,
Vui vầy xem Hội, Hội Long Hoa.”*

(SGTV tr. 432)

- *“Long Hoa Tiên Phật đảo Ta-bà,
Lừa lọc con lành, diệt quỷ ma.
Nếu mãi mê man mùi tục lụy.
Linh hồn chìm đắm chốn mê-hà.”*

(SGTV tr.432)

- *“Biển hồng trần sớm gọi cho xong,
Ngày lập Hội mới mong trở lại.”*

(SGTV tr.120)

- *“Muôn thu thiên định nhứt kỳ,
Hạ nguồn sắc lệnh khai kỳ Long Hoa.”*

(SGTV tr. 237)

Đức Thầy cũng khuyên:

- *“Trở chơn cho kịp Long Hoa,
Long Hoa có mặt ấy là hiền hơn.”*

(SGTV tr.237)

- *“Mau chơn bước đến Long Hoa hội,
Châu Phật hòa vui cõi Đại Đồng.”*

(SGTV tr. 477)

Và Ngài đang có sứ mạng:

*“Kịp mở Long Hoa xây máy tạo,
Cho dân Hồng Lạc hưởng ân thừa.”*

(SGTV tr.444)

Tóm lại, về mặt hữu vi thì thế gian này vận

chuyển theo định luật luân hồi sanh-trụ-hoại-diệt và bị chi phối bởi luật nhơn quả. Trong cái định luật luân hồi đó, mọi vật đều chuyển đổi trong chu kỳ **Tam Nguơn**. Cuối mỗi Tam Nguơn thì có một cuộc đại phán xét, được gọi là **Hội Long Hoa****, của vị chủ tể ngự trên Thượng Giới (tức Thượng Đế) để tuyển trạch người hiền lương mà chuyển sang Tam nguơn kế tiếp hầu lập lại đời thiện lương “*Thượng nguơn Thánh đức*”.

Quan điểm hữu vi trên không hề làm ảnh hưởng lu mờ *quan điểm vô vi giải thoát* của đạo Phật. Mỗi chúng sanh đều có Phật tánh bình đẳng như nhau; chúng sanh nào dốc chí tu hành để trở về với *Phật tánh nhất như vô phân biệt* - mà *thuật ngữ Phật giáo gọi là “thành Phật”*- mới là đạt đến tột đỉnh Trí huệ Giải thoát, thanh tịnh an vui, thoát ra ngoài vòng sanh diệt. Như vậy, chúng sanh hiền lương có mặt trong Hội Long Hoa hoặc được sanh vào thời kỳ Thượng nguơn Thánh đức cũng chỉ là thiện quả phước báo hữu vi, có sanh tất có diệt. Nhưng xét cho kỹ, được sanh vào thời Thượng nguơn Thánh đức, chúng sanh như đã đến được “hóa thành” rất dễ dàng cho sự tu chứng đạt đến “bảo sở” tức quả Phật viên mãn.

TRẠCH THIỆN

**Mười phần chết bảy còn ba, chết hai còn một mới ra thái bình* (Sấm Trạng Trình).

**Khác với hội Long Hoa, còn có *hội Long Vân* là hội trùng phùng chúa-tôi, xướng danh người hiền tài ra gánh vác việc nước.

TU HÀNH



MAI THANH TUẤN

*"Lòng dục tu thì phải thiệt
hành,
Chớ đừng có ham điều
sung sướng.
Đức Phật Tổ nào đâu hẹp
lượng,
Chịu nhọc nhằn mới rõ
Đạo đề."*

(Lời Đức Huỳnh Giáo Chủ)

Tu là sửa đổi, hành là thực hiện. Người biết thực hiện mọi sự sửa đổi từ hành vi, ngôn ngữ cho đến tâm hồn của mình cho được trở nên tốt đẹp và thánh thiện gọi là kẻ tu hành. Ở đời, mọi việc có trở nên tốt đẹp hay không đều phải nhờ vào bàn tay khéo léo của con người, không ai sinh ra và lớn lên không có sự học tập và cải tạo mà trở thành người hữu dụng. Vài cành hoa tuy đơn sơ nhưng với đôi bàn tay của nghệ nhân người ta sẽ tạo nên một bình hoa duyên dáng và nghệ thuật. Một cây kiểng có giá trị hay một bức họa sinh động, một câu thơ có hồn... tất cả đều được ra đời từ bộ óc tinh tế có thẩm mỹ của người nghệ sĩ.

Ông bà mình từng nói: "Hoa thơm nhờ nhụy, người có giá trị nhờ đạo đức." Cho nên ở đời ta phải biết lấy đạo đức luân lý làm gốc. Người biết ý thức tu hành là người biết noi theo con đường đạo đức luân lý đó mà hành xử trong cuộc đời. Một gia đình có biết tu tập đạo đức thì gia đình ấy mới có nề nếp, con cháu hiếu thảo, ông bà gương mẫu, cha mẹ hiền từ... Đó là dấu hiệu của hạnh phúc. Xã hội có đạo đức thì xã hội mới văn minh, quốc gia có đạo đức quốc gia mới cường thịnh.

Đừng vội cho rằng cô Lan đi tu là xem như cuộc đời đã hết. Mỗi ngày ngoài sự chôn vùi trong tiếng kệ lời kinh, buông vọng xa xa với những tiếng chuông chiều ngân vang trong u tịch. Cuộc sống ở đó quả thật cô liêu, buồn bã và tiêu cực biết chừng nào. Nghĩ như thế là đã vô tình làm sai lệch ý nghĩa của sự tu. Thật ra tu chính là một sự trau sửa và rèn luyện. Chính có những phút giây tìm lại mình trong tĩnh lặng ấy người ta mới có dịp thấy rõ được lòng mình, tìm ra được những giá trị thiêng liêng và nhiệm mầu trong đạo pháp. Nào phải đâu vì sự chán nản hay khờ dại gì mà một người tu vội khép mình trong đạo hạnh thanh tịnh, chối bỏ hết mọi sự tham đắm vòng danh lợi sắc tài. Chỉ có những con người một khi đã từ bỏ được bản ngã ích kỷ của mình họ mới dám vì người mà chấp nhận hy sinh tất cả. Chỉ có những người ấy mới thật sự mang lại những an lạc và hạnh phúc cho đời.

Bao nhiêu nỗi đau mỗi ngày xảy ra trong đời đều bắt nguồn từ lòng tham muốn và ích kỷ. Chính khi những ý niệm khát khao tìm kiếm những hạnh phúc riêng tư cho bản thân đó cũng là lúc bao sóng gió tang thương tràn về, lôi kéo con người vào những khổ đau dằn vặt. Bắt đầu cho những thảm cảnh anh em trong nhà bất hòa, bạn bè chia cắt tiếp nối cho những hơn thua, tranh chấp nhân rộng ra chòm xóm láng giềng. Con cháu bất hiếu với ông bà cha mẹ, vợ chồng căng thẳng ly dị nhau... Mọi ngang trái cuộc đời diễn ra cũng chỉ vì những nhu cầu phục vụ hạnh phúc cho nhau đã không còn thỏa mãn, từ chỗ yêu thương, gắn bó, nồng nàn mà bây giờ không mấy chốc bỗng trở thành thù địch nhau. Chỉ khi nào con người buông bỏ được lòng tham muốn ích kỷ đó, ngày đó cuộc đời mới không còn ngửa nghiêng vì sóng gió. Đó cũng là lúc mà người ta bắt đầu chạm tay vào cánh cửa của sự tu hành.

Người tu hành lúc nào cũng phải biết xét lỗi mình, không bao giờ xem thường mà hay moi móc lỗi lầm của người khác khiến cho nghĩa tình huynh đệ bất hòa nhau, làm cho tâm trần não loạn. Ở đời mấy ai mà được toàn thiện, khi bàn tay đắm vào vệt nước bùn thì mặt mình sẽ bị hoen ố. Nói xấu người sẽ có người nói xấu lại, là một qui luật tất nhiên. Người khôn ngoan bao giờ cũng biết chừa cho mình một con đường phòng hậu trong nhân cách sống. Hơn nữa ý nghĩa của Phật pháp là ý nghĩa của sự tìm kiếm quay trở lại. Hãy trở lại với cõi lòng thanh tịnh chính mình mà trong đó không có sự hiện diện của những mây mù phiền muộn vớ vẩn, não loạn những thị phi. Lúc đó, ta mới thấy được sự tuyệt vời vi diệu trong đạo Pháp, đường tu sẽ mở rộng mà trái đầy cho ta những an lạc và thương yêu, cất từng bước chân thanh tịnh đi vào đời ta sẽ thấy lòng mình bừng sáng lên những niềm tin, trí tuệ, nghị lực và sức sống:

***"Ai ai cũng rán xét mình,
Nếu còn tánh xấu thì rình ra ngoài."***

(Đức Thầy)

Có lần, một đồng đạo mách lẻo với bác Như Sanh:

"Thưa bác hai! Con thấy bác tu hành cũng đứng đắn lắm mà sao có nhiều người cứ nói xấu bác quá!"

Mình cứ tưởng là bác sẽ khó chịu như thường tình trả đũa lại chứ. Tặng lại cho ai đó nói xấu mình xa gần một câu "đồ dân Năm Chèo ăn được mấy hủ chao!" cho tỏ ra cho ta đây là người đứng đắn, có đạo hạnh.

Nào ngờ bác lại còn xoay ngược nhìn mình mà nói một câu thâm thía làm sao:

"Người ta nói mình vậy là còn ít đó cháu à!"

Một người chân tu ít ra phải có cái nhìn sâu sắc đến như vậy, lúc nào cũng nên xét mình một cách đúng

đần độn. Sự bình tĩnh, sáng suốt là dấu hiệu của người tu có hành đạo, có trí tuệ. Nào có hãnh diện chi đâu khi ta đây cũng là một con người phàm phu đầy đầy nghiệp lực, cao siêu gì hơn ai mà lại đi hơn thua với người. Đó là một điều rất dở. Nếu có một phép thần nào đó mà người ta có thể chụp lấy những vọng niệm ở trong lòng mình ra, thiết nghĩ chúng ta sẽ không còn dám nhìn mặt ai nữa. Giật mình mà lo tu sửa còn không kịp, dám đâu trở lại lên mặt chê trách người. Bài học này đáng để cho người tu hành chúng ta luôn chiêm nghiệm.

*"Các nhân tự tạo môn tiền tuyết,
Bất quản tha nhân ốc thượng sương."*

(Tuyết rơi trước cửa ra tay quét,
Bàn chỉ sương đọng nóc nhà ai.)

(Minh Tâm Bửu Giám)

Lần nọ khi hai chị em ra thăm Đức Thầy ở Bạc Liêu. Sau khi bà Năm đã được Đức Thầy ân cần dạy bảo cho những lẽ Đạo lý thấp cao, chỉ dẫn tận tường cho những pháp môn tu tập. Bà Sáu liền ra thi lễ, bái kiến Đức Thầy: "Dạ bạch Thầy! Chị Năm đã được Thầy chỉ dạy cho những pháp môn tu hành. Xin Thầy hãy dạy cho con những Đạo lý gì để cho con được tu hành như chị Năm như thế!"

Với nét nghiêm nghị ra vẻ chối từ, Đức Thầy nhìn thẳng vào bà Sáu nói:

"Bà hãy về đi! Bà đâu phải là tín đồ Tôi!"

Cả người run rẩy như muốn quy sập xuống, bà Sáu mếu máo trong hai hàng nước mắt rung tròng:

"Bạch Thầy! Con...con...cũng có qui y với Thầy như chị Năm mà! Vì sao con lại không được làm tín đồ của Thầy! Bạch Thầy..."

Bà không còn nói gì thêm được nữa, nước mắt cứ tự do tuôn tràn. Thấy thế, Đức Thầy mới bảo:

"Bà hãy về xem lại hết quyển Giáo lý của Tôi, xem coi có chỗ nào Tôi dạy tu mà chửi chồng như thế không?"

Như đánh trúng vào tim, bà càng tức tưởi hơn nữa:

"Bạch Thầy! Con...con...", rồi bà chết lịm người trong lặng nín.

Thì ra bà Sáu vốn là một người đã có qui y, đã tu lâu rồi cùng lượt với bà Năm là chị em bạn đạo ở xóm. Nhưng có điều "qui y mà cứ để y" đó không chịu sửa. Tánh nóng nảy, dữ dằn vẫn cứ chúng nào tạt nấy không thôi. Thường khi giận lên thì bà cứ lôi chồng ra chửi. Hết kêu tên cha mẹ rồi nguyên rửa tới dòng họ ông bà. Lắm khi còn vung tay đập đồ đập đạc.

Tội nghiệp, ông chồng là tín hữu của đạo Cao Đài, hiền lành nhịn chịu không cự cãi một lời. Có điều, cứ mỗi lần như thế là ông lại ra ngay trước chân dung Đức Thầy, khoanh tay thưa kính cẩn:

"Thưa ông Tư! Tín đồ ông chửi tôi!"

Khi đọc qua câu chuyện trên ta thấy rất đau lòng, tủi thẹn cho một người tu hành mà không chịu trau sửa. Ý nghĩa của một người tín đồ không phải chỉ đánh giá trên lớp áo đạo hay căn cứ vào chuỗi thời gian lâu dài của sự qui y. Mọi giá trị đạo hạnh đều được xác định qua công phu hành đạo sâu cạn và sự tích cực hay không trên tinh thần trau sửa rèn luyện của mọi người. Cái khó bao giờ cũng là chỗ thực hiện, người ta vẫn thường nói học đi đôi với hành là nhằm đánh thức cho ta sự trọng yếu đó. Nếu chỉ có cái vỏ của ngôn thuyết làm câu trả lời về ý nghĩa cho sự qui y thì giá trị đạo đức đâu cao siêu gì hơn những người thế tục, trong khi ở đó người tu vẫn còn đầy dẫy những hơn thua và sự trói buộc vì những điều phiền não đau buồn. Cái lỗi mà người ta hay phạm phải còn là sự ý lại vào lớp vỏ bên

ngoài của sự qui y tu đạo. Chính ngay nơi sự ỷ lại ấy rồi cho rằng mình là người có đạo hạnh hơn người, nào là trường chay lâu năm, cúng lạy mỗi ngày nhiều buổi hoặc được trực tiếp qui y với Đức Thầy... Bao nhiêu tự phụ tự mãn trong lòng bắc cầu trường dưỡng cho bản ngã ngày một lớn hơn, rồi các phiền não cũng được nước dựa hơi khuấy rối khiến cho lòng trần ngày một tẩm tối. Khi không có trí tuệ thì bao nhiêu cái xấu cái tội mới bắt đầu xảy ra đã làm nguyên nhân cho bao cảnh buồn phiền rối rắm trong môi trường đạo đức, mà bà Sáu là một nhân chứng điển hình cho sự phản tỉnh của mỗi hành giả chúng ta:

"Qui y thì khá làm y,

Giữ lòng thanh tịnh từ bi giúp đời." (Đức Thầy)

Có mở rộng vòng tay ta mới thấy lòng mình giải thoát, khi ấy ta mới có thể cảm thông và chấp nhận thương yêu được những con người dù là những người kém đạo đức. Sự cảm thông sẽ làm nhịp cầu nối kết liền giữa ta và họ với nhau mà khi thấu hiểu được người lòng khoan dung sẽ cho ta thấy rằng bên trong lòng họ dù hung bạo đến đâu ít ra vẫn còn có những hạt giống lương thiện. Còn khổ sở gì hơn khi những ganh ghét, thị phi là những vắn đục bụi nhơ đang đè gánh nặng trĩu lên trái tim người. Nếu không có những tấm lòng từ bi cao cả sẵn lòng chấp nhận, thương xót để lắng nghe thì biết còn ai có thể giúp họ trút hết ra ngoài bao phiền não nặng nề đó. Chỉ có những người tu hành mới đảm nhiệm nổi trọng trách đầy ý nghĩa đó khi ta biết nuôi lớn trái tim từ bi cao thượng mà tình nguyện ban phát sự hi sinh niềm vui cho người. Đó còn là mặt khác ý nghĩa của vô úy thí. Đừng bao giờ buồn bã mà đặt những câu hỏi tìm kiếm sự công bằng khi ta đã chấp nhận làm một người hành đạo. Tại sao họ không hung

dữ với ai mà họ lại đi hung dữ với mình, bởi vì chỉ có mình mới có thể tha thứ được họ.

**"Thiệt hành đi đừng có ngại ngùng,
Tha thứ kẻ lỗi lầm ngu xuẩn."** (Đức Thầy)

Khi có trí tuệ nhìn ra lẽ thật cuộc đời ta sẽ thấy lòng được bình an hơn trong những nghịch cảnh và khi biết rằng chính nó là sứ mạng làm thành đạo nghiệp cho người tu, từ đó ta sẽ cố gắng nhiều hơn nữa khi đối diện. Điều quan trọng bao giờ cũng là việc công phu tu tập của mình. Nhờ vào những phút giây lắng lòng trong hành đạo mà tâm hồn chúng ta mới được an lạc và lắng dịu, từ sự thể nhập thanh tịnh mà đức điềm tĩnh cũng được vun bón nhiều hơn, sức chịu đựng từ đó cũng được khơi nguồn mạnh mẽ và kiên cố hơn, nhờ thế mà ta có thể nhẹ nhàng vượt bao thử thách. Hòa Thượng Tịnh Không đã rất hay khi nói một câu rằng:

"Phước tiêu theo đường phước,
Tội tiêu theo đường tội."

Sẽ không có sự thắc mắc, đặt câu hỏi hay trốn tránh trách nhiệm nào ở đây một khi nghiệp quả mà ta đã trót tạo. Ngay lúc đang chịu khổ nghĩa là lúc chúng ta đã trả hết nợ khổ rồi, cũng như những thức ăn khi đưa vào miệng dĩ nhiên là đã ăn hết. Đừng cố gắng nắm níu trong quờ quạng những cảm giác khổ đau khi đó chỉ là một dư vị còn tồn đọng do sự chấp thủ của mình mà giữ gìn lại trong "bản sao" ý niệm, làm cho mình càng mệt mỏi, thâm lương. Mọi khổ đau đều là ý nghĩa của bàn tay chung thủy xiết chặt lấy mình không chịu buông bỏ xuống.

Người trót đã tu hành thì luôn phải biết siêng năng không nên lười biếng dù cho việc công phu hành đạo hay cả đến việc sinh hoạt hằng ngày. Thường những người lười biếng làm lụng vẫn thường hay bê trễ trong việc tu, nhà cửa không gọn gàng ngăn nắp là dấu hiệu

của lòng người không chu đáo, hời hợt. Người có kinh nghiệm sâu sắc người ta có thể hiểu được mình qua nếp sống và sự sinh hoạt đời thường. Không phải việc hành đạo chỉ biểu lộ bằng những việc đạo sự to lớn vào quảng đại nhân sanh, ngay chính nơi những tế hạnh nhỏ nhặt đó cũng có thể thể hiện được giá trị của người tu hành. Cái vô duyên của người ta là khi chưa nói đã vội cười suông sã:

***"Vô duyên chưa nói mà cười,
Chưa đi mà chạy hỡi người vô duyên."***
(Đức Thầy)

Mọi việc làm chúng ta phải biết thận trọng, ngăn nắp và gọn gàng. Một khi kiểm điểm được những tế hạnh biểu lộ từ tâm thức vi tế sâu kín như thế ta mới thấy được mình tiến bước trong đường tu. Nhờ vào sự tu tập thận trọng trong từng tế hạnh như vậy mà các chư Bồ Tát luôn thấy rõ lòng mình khi chỉ một vọng niệm nhỏ bé khởi lên. Ý nghĩa sự hành đạo là ý nghĩa của sự quán chiếu lòng mình trong từng giây phút. Không phải đợi khi bước vào thời khóa, chèo chân ngồi tịnh tọa thì ta mới kiểm soát tâm ta. Thực hiện sự giác ngộ là thực hiện tâm chánh niệm của mình trong suốt cả oai nghi nằm, ngồi hay đi, đứng. Đó mới là ý nghĩa của Tịnh, là ý nghĩa của Thiên. Chỉ khi nào câu lục tự Di Đà tuôn chảy không ngừng nghỉ trong suối lòng tĩnh lặng người tu mới thật sự được nhất tâm. Sở dĩ chúng ta luôn bị vọng tưởng dắt đi hoài là vì mình ít quan tâm tới những chuyện nhỏ nhặt như thế. Mỗi lần chợt tỉnh là mỗi lần tâm vọng đã buông mình quá xa, làm sao có thể không chế tâm vọng.

Người chúng được tâm định càng cao họ có thể kiểm điểm được mình trong mọi sự hành động. Họ có thể vừa nói và vừa làm hoặc đồng thời làm 2, 3 công việc mà vẫn không rời chánh niệm. Xưa có vị tăng mấy

mười năm tu hành, Ngài có thể biết được mỗi ngày mình đã đi được bao nhiêu bước, khi tiếp xúc nói ra được bao nhiêu lời. Đức Tôn Sư chúng ta thì vừa tiếp chuyện với ông Tham Tá Ngà mà vẫn đặt bút viết một cách tài tình không hề trở ngại. Đạo hạnh của các Ngài quả đáng cho ta cúi đầu bái ngưỡng mà học hỏi biết bao!

Nếu khi công phu của chúng ta đạt đến trình độ thanh tịnh tuyệt vời sâu thẳm như vậy thì ta sẽ được tự tại trong lúc lâm chung. Đây là kết quả của sự giải thoát. Bởi vì ở cảnh giới tâm định đó thì giữa ngủ và thức đã không còn trở ngại nhau. Chúng ta có thể đến và đi một cách bình thường và tự tại qua cánh cửa sanh tử.

Ai trong chúng ta cũng vậy, một khi nghe nói đến những đạo hạnh siêu việt của các vị tổ sư đều đem lòng ngưỡng mộ và khao khát được thành tựu như các Ngài. Nhưng đến lúc đối đầu với những khó khăn thì luôn đem lòng chán nản rồi nửa chừng bỏ cuộc. Buồn bã cho mình sao tu hành đã lâu mà không tiến bộ được bao nhiêu. Gặp ai cũng tham vấn học hỏi sâu cạn, thấp cao đủ thứ, mong sao các bậc trí thức ấy có thể trao cho ta những kinh nghiệm thành tựu tuyệt vời. Thật sự chúng ta đã "tham lam" quá! Sẽ không bao giờ có kết quả cho sự thành công khi chúng ta không chịu cố công tu hành. Dù đạo hạnh hay trí tuệ của các Ngài siêu việt đến đâu thì các Ngài cũng phải trải qua quá trình gian nan khổ luyện trong hành đạo. Cứu cánh thì các Ngài cũng vẫn là chỉ dẫn cho ta, không có một phép lạ nào mà các Ngài có thể tu giùm cho ta thành tựu được.

Đức Phật là người đã xây dựng thành công ngôi nhà Giác Ngộ từ ngay trên nền tảng nhân quả quyết định đó. Sự đánh đổi của Ngài là cả cuộc đời dần thân, hành đạo, tình nguyện hy sinh không khước từ. Đâu phải dễ mới tạo nên được sự giàu sang sung túc về vật chất, hưởng chi là đạo nghiệp cực kỳ to lớn của mình.

Chỉ có những người mua lấy được những thành tựu trong khó khăn họ mới biết trân quý mà thận trọng giữ gìn những đồng tiền có được. Thường thì những người bận rộn, vất vả trong sự tu người ấy mới biết trân trọng từng kết quả và thì giờ tu tập vô cùng. Trong một giấc ngủ đang say mấy ai mà biết nghĩ đến việc công phu hành đạo, đến khi bận rộn thì lại khát khao có được thời gian rảnh rỗi để tu hành. Phải chăng chúng ta đang bị đánh lừa và thất bại nặng nề trước cái tâm giải đãi luôn núp bóng trong mình mà không biết.

Ngày trước khi nghe về câu chuyện chàng nông phu giải đãi không qui y vì bận lo cày ruộng, tôi cứ nghĩ đây là một câu truyện có tính cách ngụ ngôn mà Đức Phật đã dùng để đánh thức lòng tinh tấn cho mình. Trên đời làm gì có việc chỉ là việc qui y đơn giản thế thôi mà người ta phải trải qua 91 kiếp gặp hết 7 vị Phật vẫn chưa làm được? Khi chưa có kinh nghiệm nhiều về sự tu thì tôi cứ đinh ninh như vậy. Nhưng rồi có một ngày sự việc đã giúp tôi thay đổi cách nhìn khi mình đã có những cơ hội trải nghiệm thực tế vấn đề công phu.

Thật vậy, trong đời không khỏi có những việc thật đơn giản mà nếu không dứt khoát suốt đời ta cũng không thể làm xong, nói chi đến những chuyện to lớn khác. Thực tế trên đường tu, rất nhiều đồng đạo luôn than phiền làm cách nào để tiêu trừ tánh nóng nảy. Thế mà 1 năm, 2 năm rồi lại 3 năm...Thời gian cứ lặng lẽ trôi và chúng ta vẫn cứ liên miên thất bại, buồn bã trước sự bất lực tổng khứ những phiền não ra ngoài. Một ngày lại hai ngày vẫn cứ "con sân" còn y nguyên vẹn. Mọi nguyên nhân của sự thất bại đều là do sự dung túng hời hợt với mình, từ chỗ lợi là của tâm giải đãi buông trôi qua ngày mà kết quả sau cùng cho đến suốt đời vẫn không thành tựu.

Chỉ một sơ suất nhỏ vô tình làm thất thoát Bồ Đề tâm khi thi hành Bồ Tát đạo, thế mà Xá Lợi Phất đã phải làm chậm trễ bước đường vào ngôi Chánh giác sau Đức Thích Ca hơn 60 tiểu kiếp sau, mới hay sự thành tựu đạo nghiệp đường tu quả không phải là một điều đơn giản:

Vào một buổi sáng đẹp trời khi trên đường đi Ngài bỗng gặp một người đang khóc thảm thiết bên đường. Hỏi ra Ngài mới biết vị ấy đang cần một con mắt của người tu mang về trị bệnh cho mẹ mà tìm mãi không ai cho nên ngồi khóc lóc tại đây. Động mỗi từ tâm Ngài đã hy sinh một con mắt trái cho người đó. Nào có ngờ người ấy không vui trái lại càng khóc thảm thêm nhiều. Thấy lạ, Ngài mới hỏi:

"Vì sao đã có mắt lại còn khóc?"

Người xin mắt lập bập:

"Thưa Ngài! Con không biết phải nói sao. Vì gấp quá con đã không nói kỹ với Ngài là phải dùng mắt phải mới được! Giờ, con...con...phải biết làm sao đây?" Tâm Bồ Đề lại một lần nữa trở dậy trong lòng khi hình ảnh của lòng từ bi hiện hữu. Ngài đã chấp nhận cho nốt con mắt phải thứ hai.

Những tưởng người đi xin đã được mãn nguyện vui vẻ biết bao nhiêu khi có thể trị hết được bệnh cho mẹ. Ngài đã rất cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của anh nên đã dám hy sinh vĩ đại đến như vậy. Nào ngờ sự tình éo le thay khi chàng kia vớt mắt dưới đất lấy chân dẫm lên rồi buông lời chê bai là vật hôi hám làm sao dùng đặng.

Trí tuệ từ bi trong lòng lúc này đã không còn đủ kiên định để cho những phiền não phá rào chun ra, Ngài đã rất tức giận. Và chỉ như thế thôi Ngài đã phải kéo dài chặng đường tu tập thêm 60 tiểu kiếp nữa.

Đó là ý nghĩa của sự tu hành đầy giá trị. Nếu ngày nào lòng người còn mong cầu mọi sự dễ dãi, khiếp sợ trước bao khó khăn, điều đó cho biết rằng con đường đạo hạnh của chúng ta vẫn còn xa vời lắm. Đừng quên mọi khó khăn chính là thước đo nghị lực và đức tinh tấn của người. Bởi lẽ nguyên lý cuộc đời thì bao giờ cũng vậy: "Mau được thì chóng quên. Dễ dàng thì không quý trọng. Càng khó khăn càng đáng giá".

Hoa mai sở dĩ có giá trị được là nhờ những phút giây tắm mình trong những hạt sương đông lạnh lẽo. Khi cái giá buốt qua rồi sẽ trả lại cho cành mai một sắc hương tươi thắm, mượt mà. Có tiến bước được trong những khổ đau ta mới thấy được lòng đạo của ta bền vững và sâu sắc, từ đó xác định được khả năng đạo hạnh cao thấp của mình.

"Nếu chẳng một khi sương thắm lạnh.

Hoa Mai chi dễ gửi mùi hương."

Có một hương hoa thoang thoảng đâu đây bay qua theo chiều gió, nhưng hương màu của người đức hạnh thì tỏa ngát khắp muôn phương, không có loài hương của trăm hoa nào sánh kịp. Sở dĩ mùi hương đạo hạnh có một công năng siêu việt đến thế bởi vì nó đã được kết tụ bằng nhựa sống của gốc Bồ Đề kiên cố bao năm mới nên ý nghĩa nhiệm màu. Cũng như loài Tùng Bá ngàn năm, gốc Bồ Đề ấy lúc nào cũng vươn mình xanh mát giữa muôn trùng gió sương, bao đấng cay chính là những chất hữu cơ cần thiết cho sự trưởng thành của nó. Hình ảnh người tu hành có trở nên cao đẹp chính nhờ vào những phút giây đối đầu sống chết trong những bước chân đạo hạnh khổ khó vô vàn. Rồi đây khi dòng chảy miên man của thời gian cuốn trôi đi tất cả, nhưng chỉ có một vật tồn tại mãi trong cuộc đời. Đó chính là tấm lòng kiên trinh vì đạo pháp, tinh thần

công hiến sự hy sinh vì đạo hạnh luôn là tấm gương sáng ngời sẽ mãi đẹp và cùng bước với bao tháng năm.

"Phải trầm lặng trong oai hùng định tĩnh,
Bước đường trần ta quyết định lối đi.
Dầu gian lao khổ khó chẳng ngại gì,
Đều đều bước, bước đi theo bốn nguyện.
Thuận với nghịch lòng ta không xao xuyên,
Ghét cùng thương đều biểu hiện vô minh.
Trở về ta sống lại với chính mình,
Sẽ tìm lấy một niềm tin bất diệt."

(Cổ Đức)



CỐT TỦY PHẬT PHÁP trong Giáo Lý PGHH

NGUYỄN VĂN HIỆP

Tính chất cơ bản của Phật Giáo Hòa Hảo đối với Phật Giáo truyền thống là không hề tách rời khỏi cốt tủy giải thoát của đạo Phật nhưng *triệt để canh tân hình thức hành đạo và nhập thế đạo Phật*. Nếu có ai hỏi Phật Giáo Hòa Hảo có phải là một “*tôn giáo mới*” không thì câu trả lời dứt khoát sẽ là “*không*”. Đức Thầy khẳng định:

***“Rút trong các Luật các Kinh,
Tùy lòng không ép làm in giảng này.”***

(SGTV: Dặn Dò Bồn Đạo)

Hai câu giảng này đủ để minh chứng rằng Giáo lý PGHH chỉ rút tinh lý của Phật trong Tam tạng Kinh điển (Kinh, Luật, Luận) để giáo truyền sanh chúng, chứ không phải là tư tưởng khác lạ đối với đạo Phật. Nhưng điều quan trọng cần ghi nhớ là Phật Giáo Hòa Hảo ***không phải là một tôn giáo mới mà là một tôn phái mới của đạo Phật***. Tôn phái đạo Phật đó phát xuất từ làng Hòa Hảo (quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc) nên có tên là **Phật Giáo Hòa Hảo (PGHH)**. Cho nên gọi tên “*đạo Hòa Hảo*” là sai, mà gọi là “*đạo Phật*” thì không rõ nghĩa, khiến người nghe không biết đạo Phật đó thuộc tôn phái nào.

Đức Thầy khi sáng tác Thi Văn Giáo lý, nói chung, thường dùng văn chương bình dân, giản dị giúp đại chúng dễ hội nhập, nhưng lại chứa đầy cốt tủy tinh hoa Phật pháp. Do đó, dầu lời văn giản dị đến đâu, lý nghĩa vẫn rất thâm sâu mầu diệu, không thể đọc qua loa mà hiểu nổi. Thế nên, Ngài đã từng lưu ý tín đồ:

***“Coi rồi phải nhận cho hiểu lý,
Câu huyền sâu của kẻ Khùng này.”***

(SGTV: Giác Mê Tâm Kệ)

Hay là:

“Sớm tỉnh Kệ Kinh tìm hiểu lý,

Một ngày hiệp hội hết mờ lu.”

(SGTV: Tôi Mông Một)

Nếu ai cho rằng Giáo Lý PGHH chỉ là những câu thơ giản dị, tầm thường, thấp kém... để dành cho hạng quê mùa, chất phác hoặc kém học thức ngâm nga theo đó mà tu hành thì là một sai lầm đáng tiếc.

Những ai để tâm nghiên cứu toàn bộ Giáo Lý PGHH đều thấy vô số kim ngôn ngọc ngữ của chư Phật hoặc những câu Kinh Kệ của Phật giáo đầy đầy trong đó.

Trong phạm vi giới hạn của bài biên khảo này, chúng tôi xin mạn phép trưng dẫn hai đề mục cốt tủy tinh hoa nhất trong Phật pháp mà Giáo lý PGHH thường nhắc đến: thứ nhất là Tứ Diệu Đế - Bát Chánh Đạo, thứ nhì là Lý Duy Tâm.

TỨ DIỆU ĐẾ:

Căn bản của Đạo Phật là *Tứ Đế* (Ariya Saccani), tức là *bốn sự thật* bất di dịch trong không gian lẫn thời gian, gọi giúp chúng sanh từ cuộc sống đầy đầy biến động và đau khổ đến trạng thái thanh tịnh và an lạc rõ ráo mà Đạo Phật gọi là Niết-bàn. Thể hiện tâm Đại Bi không gì cao hơn đem truyền dạy kinh nghiệm sống đó để giúp chúng sanh ra khỏi cảnh khổ đau trần thế. *Tứ Đế*, được tôn xưng là *Tứ Diệu Đế* (bốn sự thật huyền diệu) hay *Tứ Thánh Đế*. Đó là bài pháp đầu tiên mà Đức Phật đã giảng giải tại vườn Lộc Uyển sau khi Ngài thành đạo để khai ngộ cho năm anh em của ông Kiều Trần Như, cũng vốn là các bạn đồng tu của Ngài lúc trước.

Sự thật thứ nhất là nỗi thống khổ của chúng sanh, tức là ***Khổ Đế*** (Dukkha). Sự khổ này được phân tích thành tám cảnh huống luôn luôn bách hại thân lẫn tâm của chúng sanh không ngừng nghỉ. Bắt đầu từ lúc

tượng hình trong bụng mẹ, thân như bị giam hãm trong ngục tù, thai nhi đau đớn ra khỏi lòng mẹ, cất tiếng khóc để bước vào cuộc đời đầy khổ đau cam bãy, bám víu một cuộc sống tạm bợ, thiếu hẳn sự an toàn. Cuộc sống của con người là một chuỗi nối kết của *sanh khổ, bệnh khổ, lão khổ, chết khổ, mưu cầu không được nên khổ, yêu thương mà cách biệt nhau nên khổ, oán ghét mà trông thấy nhau nên khổ và năm ấm của thân tâm cứ đối chọi chi phối nhau hoặc đắm nhiễm sáu trần mà tạo ra pháp phòng lo sợ (ưu sầu) nên khổ.*

Sự thật thứ hai là nổi thống khổ chắc thật có nguyên nhân cội rễ ngầm chứa trong đó chớ không phải ngẫu nhiên nảy sanh. Nên, Phật gọi đó là **Tập Đé** (Samedā Dukkha), *tập* là nhóm chứa, tiềm ẩn. *Tập đé* gồm 10 phiền não gốc do vô minh tạo ra, rồi từ các gốc phiền não đó mà sinh ra vô vàn phiền não ngọn ngành. Mười phiền não gốc là *tham*, *sân* (nóng nảy), *si* (mê mờ, thiếu sáng suốt), *man* (luôn luôn thấy mình là cao giỏi hơn người), *nghi* (thiếu đức tin) và chấp chặt vào năm cái thấy biết chủ quan: coi thân ngũ ấm là cái thật ta (*thân kiến*), thấy cục bộ thay vì tổng thể (*biên kiến*), cho sự hiểu biết của mình luôn luôn đúng (*kiến thủ*), cuồng tín, bảo thủ giới cấm vô lý của tà đạo (*giới cấm thủ*), mê tín dị đoan (*tà kiến*). Mười phiền não gốc đó trói buộc chúng sanh mãi mãi lăn lộn, xuống lên trong sáu nẻo luân hồi đầy đau khổ. Trên đường tu học, hành giả rất cần nhận rõ tính chất mê lầm đó phát xuất từ đâu, do thấy rồi khởi ý phân biệt mà sanh (tức *kiến hoặc*, cái lầm của ý thức) hoặc do mê si dính mắc vào trần cảnh mà sanh (tức *tư hoặc*, cái lầm của 5 thức cảm giác). Biết rõ các phiền não, nguồn gốc và tính chất của chúng, hành giả lên đường khởi tu để diệt khổ.

Sự thật thứ ba là sự chắc thật của cảnh giới chơn thường an lạc mà Đạo Phật gọi là Niết-bàn. Sau

khi biết rõ khổ đau và nguyên nhân sanh ra nó, hành giả diệt trừ hết khổ đau thì cảnh giới này sẽ xuất hiện. Phật gọi đây là **Diệt Đế** (Nirodha Dukkhha), một sự thật hiển nhiên mà chính Ngài đã trải nghiệm.

Sự thật thứ tư là những nẻo đường chắc thật, những phương tiện tất yếu để diệt trừ đau khổ, tức là **Đạo Đế** (Nirodha Gamadukkhha). Đây cũng chính là đề mục giới thiệu toàn bộ kho tàng giáo lý cao siêu sống động của Đạo Phật, vì con người, vì chúng sanh mà Phật đã trải qua 49 năm thuyết giảng. Bát Chánh Đạo là giáo lý nòng cốt của sự thật này.

Vậy, **Tứ đế là bốn đề tài** mà Đức Phật đã chỉ dạy con người về lộ trình giải khổ phát xuất từ kinh nghiệm sống của Ngài. Ngài chỉ chân thật cảnh khổ trước (Khổ đế), nguyên nhân chân xác của cảnh khổ (Tập đế) sau; kế đến, Ngài chỉ cảnh giới thật chân an lạc (Diệt đế) và con đường chơn chánh (Đạo đế) để đi tới cảnh giới an lạc đó. Đó là hai cặp Nhân-Quả / Quả-Nhân chắc thật không biến đổi qua không gian lẫn thời gian để đưa một chúng sanh từ vị trí phàm phu đến Thánh quả Niết-bàn giải thoát.

Trong bài Pháp luận “Phật là gì?”, Đức Thầy nói: “*Khi Đức Thích-Ca thành Phật thì Ngài nói pháp tứ-đế mà độ đời trước hơn các pháp*”. Trong giáo lý PGHH, Đức Thầy không nặng việc giảng lại mặt lý thuyết của hệ thống Tứ Đế. Mục đích của Ngài là muốn hướng dẫn chúng sinh thâm nhập từng bước thực hành pháp Tứ Đế quan trọng này trong tinh thần mà Ngài đã xác minh: “*Đường đạo đức bước đi từ nác*” (Bài DPQM). Trước hết, để đại chúng dễ hiểu, Ngài gọi đó là bốn đề mục mâu diệu: TỨ DIỆU ĐỀ, thay vì lặp lại thuật ngữ “Tứ Diệu Đế” ghi trong kinh Phật, bởi vì chữ “đế” gốc Hán rất xa lạ và khó hiểu. Trong sự hướng dẫn, rõ ràng Ngài đã dẫn tín đồ đi “*từ nác*” mà chúng ta có thể lược kê

như sau:

Ngay trong những ngày đầu mở Đạo, khi viết Quyển giảng thứ 4 (Giác Mê Tâm Kệ) trong năm 1939, Ngài có giải Tứ Diệu Đề như một phương pháp màu diệu dẫn chúng sinh từng bước thâm nhập vào đạo Phật theo trình tự nhận thức: Tập-Diệt-Khổ-Đạo, nghĩa là muốn đi vào Đạo để tu hành, tín đồ cần phải **tập** sống trong khuôn khổ nghi luật trước, kế tiếp là phải **diệt** trừ các tập nghiệp vô minh tạo ra phiền não, thứ ba là phải chịu đựng sự gian **khổ** để vượt qua mọi thử thách ban đầu, cuối cùng là nhập **đạo** quyết chí tu hành. Trong việc nhập Đạo để tiến tu, Bát Chánh Đạo là pháp tu quan trọng nhứt nên được Ngài giải tiếp sau đó. Với nội dung này, Tứ Diệu Đề của Phật dạy chưa được Ngài đem ra khai thác để giảng dạy.

Năm 1942, sau 3 năm mở Đạo, tín đồ đã làm quen với nếp sống Đạo, Đức Thầy mới chánh thức sơ giải Tứ Diệu Đề, trực tiếp khai thác nội dung pháp Tứ Diệu Đề của Phật. Tứ Diệu Đề được Đức Thầy sắp xếp như sau:

1.-*Khổ đề*: Gồm các sự khổ trong đời.

2.-*Tập đề*: Gồm có các tập-nhơn sanh ra quả khổ.

3.-*Đạo đề*: Gồm có tám đường chánh.

4.-*Diệt đề*: Phương-pháp diệt khổ, hưởng quả Niết-Bàn. (SGTV 2015, tr. 453).

Ngài giải kỹ **Khổ Đề** bao gồm 8 sự khổ trong đời: Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Mưu cầu bất đắc, Ái biệt ly, Oan tắng hội, Ưu sầu lo ngại (đã được giải bằng văn vần trong quyển Khuyến Thiện năm 1941 và giải lại bằng tản văn năm 1942); **Tập Đề** gồm các tập nhơn sanh ra quả khổ (tức pháp Thập Nhị Nhân Duyên, được giải năm 1942); **Đạo Đề** gồm 8 đường chánh, được Ngài giải nhiều lần; **Diệt Đề** là phương pháp diệt khổ, hưởng quả Niết-bàn (tức là Môn Hoàn Diệt, được giải năm

1942). Trong cặp Nhân-Quả thứ nhì, Ngài trình bày Nhân (Đạo ĐỀ) trước và Quả (Diệt ĐỀ) sau, thay vì Quả (Diệt ĐỀ) trước và Nhân (Đạo ĐỀ) sau của pháp Tứ Diệu Đế ghi trong kinh Phật.

BÁT CHÁNH ĐẠO:

Nói đến Tứ Diệu ĐỀ thì phải nói đến Bát Chánh Đạo hay Bát Thánh Đạo là pháp nòng cốt trong Đạo ĐỀ. Đức Thầy giải Bát Chánh Đạo đến 3 lần: lần đầu trong Quyển Giác Mê Tâm KỆ (1939), lần hai trong bài DẶN DÒ BỔN ĐẠO (1940) và lần ba trong Quyển 6 (1945). Bát Chánh Đạo là 8 con đường chánh dắt chúng sanh từ vị trí phàm phu chịu thẳng trăm đau khổ trong 6 nẻo luân hồi lên vị trí chúng quả Niết-bàn giải thoát. Bát Chánh Đạo gồm có:

1. Chánh kiến: Dòm thấy, xem đúng theo sự thật,
2. Chánh tư duy: Tư tưởng chơn chánh,
3. Chánh nghiệp: Việc làm chánh đáng ngay thẳng,
4. Chánh tinh tấn: Tín ngưỡng chơn chánh và lướt tới,
5. Chánh mạng: Sanh mạng chơn chánh, trong sạch,
6. Chánh ngữ: Lời nói chơn thật,
7. Chánh niệm: Ghi nhớ chơn chánh,
8. Chánh định: Suy gẫm chơn chánh.

(SGTV: Q.6)

Tùy theo *Chánh định* rốt ráo đạt được thấp cao mà Thánh quả có thấp cao. Thánh quả thấp nhất là A-la-hán (Thanh văn thừa), Bích-chi Phật (Duyên giác thừa), cao hơn là Bồ-tát (Bồ-tát thừa) và tốt cao là quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (Tối Thượng thừa) của Phật. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chứng quả tốt cao đó, rồi Ngài chuyển pháp luân lần đầu độ 5 anh em ông

Kiều Trần Như chứng quả A-la-hán và vô số hành giả xuất gia lẫn tại gia khác chứng A-la-hán trong thời Chánh pháp cũng nhờ pháp Bát Chánh Đạo này.

Do tính cách cực kỳ quan trọng của đạo Bát Chánh mà Đức Thầy chẳng những giải nhiều lần mà còn nhắc nhở nhiều lần:

**-“*Chữ Bát Chánh rõ ràng trong giấy,
Là Chơn Truyền của Đức Thích Ca.*” (Q.4)**

**-“*Đạo màu Bát Chánh rón ghì,
Thứ nhất Chánh kiến việc chi xem nhìn.
Luận bàn chơn lý cho mình,
Việc chi xét đoán xảo tinh mới là.
Thứ nhì Chánh mạng vậy mà,
Việc làm do lịnh tâm hồn khiến sai.
Thứ ba Tư duy bằng nay,
Các điều tưởng nhớ thẳng ngay mới mau.
Thứ tư Chánh nghiệp mặc dầu,
Nghề chi thì cũng ngõ hầu làm ngay.
Tà gian tánh ấy từ đây,
Của người tham những nghề này chớ ham.
Thứ năm Tinh tấn hội đùm,
Sạch trong kỹ lưỡng mà làm mới ngoan.
Thứ sáu Chánh ngữ liệu toan,
Nói năng điều chánh thì an chớ gì!
Thứ bảy Chánh niệm vậy thì,
Khi cầu khi nguyện chuyện gì thành tâm.
Thứ tám Chánh định chớ lâm,
Từ Bi hai chữ đứng nằm khó quên.”***

(Dặn Dò Bốn Đạo)

**-“*Thiền lâm Phật Thích thuở xưa kia,
Non Tuyết rền ra Bát Chánh kia.
Phổ hóa dân lành trong khắp chúng,
Hoàn cầu bốn biển khắp danh bia.*”**

(Đền Làng Nhon Nghĩa)

**-“*Câu Bát Chánh rón mài chạm dạ,
Tứ mục điều người khá hành y.*”**

(Thiên Lý Ca).

**-“*Diệu thâm Bát Chánh lời truyền giáo,
Xa thăm Tứ đế tiếng giục ông.*”**

(Cho Ông Chín Diệm)

LÝ DUY TÂM :

Đạo Phật là đạo “duy tâm”. Tất cả mọi hiện tượng trên đời này đều do Tâm mà ra cả. Cho nên, Giáo lý đạo Phật vô cùng phong phú nhưng chung quy đều nhằm để sửa cái Tâm.

1). Nhứt thiết duy tâm tạo:

Trong quyển Giác Mê Tâm Kệ, Đức Thầy nói:

**“*Cái chữ Tâm mà quỷ hay ma,
Tiên hay Phật cũng là tại nó.*” (Quyển 4)**

Ai cũng hiểu rằng Đức Thầy muốn nhắc đến cái lý “*Nhứt thiết duy tâm tạo*”. Nghĩa là tất cả muôn pháp, muôn cảnh, từ tốt xấu, cao thấp, trí ngu...đến Phật, Tiên, Thần, Thánh hay ma quỷ, cũng đều do tâm tạo ra cả.

Trong “*Tâm Địa Quán Kinh*”, Phật bảo: “*Tâm như họa sư, năng họa chủng chủng sắc cố. Tâm như đồng bộc vi chư phiền não sở sách dịch cố. Tâm như Quốc vương khởi chủng chủng tự đắc tại cố. Tâm như oán tặc, năng linh tự thân thọ đại khổ cố.*” (Tâm như thợ vẽ, vẽ được tất cả các thứ hình sắc. Tâm như đứa trẻ bé, bị các phiền não thúc hối và sai khiến. Tâm như vị Quốc vương, phát khởi được các việc an vui tự tại. Tâm như cừ thù, khiến tự thân phải chịu các điều thống khổ).

Và trong “*Pháp Bửu Đàn Kinh*”, Đức Lục Tổ cũng nói: “*Lòng từ bi tức là Quan Âm, lòng hỉ xả tức là Thế Chí, lòng năng tịnh (trong sạch) tức là Thích-Ca,*

lòng bình trực (bình đẳng và chánh trực) tức là Di-Đà”. Ngược lại, “*lòng nhờn ngã là núi Tu-Di, lòng tà vạy là nước biển, lòng phiền não là sóng trào, lòng độc hại là rồng dữ, lòng dối trá là quỷ thần, lòng trần lao là cá trạnh, lòng tham sân là Địa ngục, lòng ngu si là súc sanh”.* Đức Thầy hiện nay cũng cho biết:

***“Làm gian ác là quỷ là ma,
Làm chơn chánh là Tiên là Phật.”*** (Q.2)

2). Phật tại tâm:

Trong quyển Kệ Dân, Đức Thầy cũng nói:

***“Phật tại Tâm chớ có đâu xa,
Mà tìm kiếm ở trên Non núi.”***

Và: ***“Hãy bền lòng tầm Phật trong tâm.”***

Các câu giảng này là muốn xác quyết rằng *tâm* của chúng sanh đều đồng một bản thể với chư Phật. Từ vô thi trong thể Chơn như ấy, vì một niệm bất giác (vọng niệm sai lầm) nên khởi hiện đám mây phiền não che lấp Phật tâm. Từ đó, *mọi nhận thức đều do phiền não chi phối, nên ta không thể thấy được Phật tâm của mình.* Cũng ví như hồ nước đang trong sạch, bỗng bị gió thổi, sóng trào, khiến cạn cá nổi lên làm nước đục ngầu, không thể nhìn ra đâu là nước trong. Nhưng khi hết gió, sóng lặng, bùn cạn lắng chìm tận đáy, bấy giờ ta thấy hồ nước trong lành trở lại.

Do đó, người muốn tìm Phật mà cứ chạy theo hình tướng bên ngoài, hoặc tìm nơi non cao rừng thẳm là sai lầm. Bởi không có Phật nào khác hơn là *Bản lai thanh tịnh* của chính mình. *Bản lai thanh tịnh* còn gọi là *Bổn lai tâm*, tức là *Phật tâm* của chính mình. Vì vậy nên kinh nói “giác ngộ là Phật, còn mê muội là chúng sanh”. Cũng như nước và sóng, chơn và vọng, thật và giả,... chúng đều cùng chung một bản tánh cả.

Chuyện xưa kể:

Đức Lục Tổ ở xứ Lãnh Nam vốn là người không biết chữ, một hôm Ngài đi đốn củi đổi gạo gặp một Sa môn đọc kinh Kim Cang đến câu: “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”, thì Ngài giác ngộ đi tu. Sau tám tháng giã gạo tại chùa Huỳnh Mai, Ngài được Ngũ Tổ bảo hãy vào nhà sau để Tổ truyền pháp. Ngũ Tổ cũng lấy kinh Kim Cang giảng nghĩa cho nghe, và cũng đến câu: “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” như trên thì Ngài liền đắc ngộ và thốt lên bài Kệ:

“*Nào dè tánh mình vốn sẵn thanh tịnh,
Nào dè tánh mình vốn không sanh diệt.
Nào dè tánh mình hay sanh muôn pháp,
Nào dè tánh mình vốn sẵn đầy đủ,
Nào dè tánh mình vốn luôn trong sạch.*”

Ngoài ra, trong Kinh Niết bàn, Phật bảo: “*Nhược nơn bất tri Phật tánh giả, tắc vô trượng phu tướng giai danh nữ nơn*” (Nếu người không biết mình có tánh Phật thì người đó không phải là bậc trượng phu, chỉ gọi là nữ nơn thôi).

Sau Đức Phật Tổ, Đức Phật Thầy Tây An cũng dạy:

“*Lọc lừa thì được nước trong,
Ma, Phật trong lòng lựa phải tâm đâu ?*”
Đức Thầy nay cũng đã hằng khuyên:
“*Nhàn thanh tìm kiếm, kiếm nơi tâm,
Phật cũ ngày xưa hãy rón tâm.*”
(Đến Làng Nhon Nghĩa)

3). Sắc tức thị Không (Sắc và Không chẳng phải hai):

Tiếp theo, trong bài “Sa Đéc”, Đức Thầy có viết:
“*Chuyện cao siêu Phật pháp còn dài,
Khó gặp chữ không không mà có.*”

Ý của câu giảng này là Đức Thầy muốn nói đến cái *lý sắc không* hoặc cái *lý chơn không bất hoại*. Bản thể của nó vốn là *chơn không* (tức là *Phật tâm*), cho nên nói *sắc chẳng khác gì không*. Và lại, từ cái *chơn không*, hiện ra mọi cảnh vật (hoạn sắc) cho nên *không chẳng khác gì sắc*. Tuy nói là chẳng khác nhưng hai tiếng “không và sắc” vẫn còn.

Trong “Bát Nhã Tâm kinh”, Phật có giải: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc; Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc chẳng khác nào Không, Không chẳng khác nào Sắc; hoạn sắc tức là chơn không, chơn không tức là hoạn sắc). Nghĩa là nói ngoài các hoạn sắc không có cái chơn không, ngoài cái chơn không cũng không có các hoạn sắc. Hiểu lý này, ta sẽ tránh được sự thiên chấp (vốn là cái gốc của phiền não) mặc dù hai tiếng sắc và không trong ngôn ngữ vẫn còn.

Như thế, sắc chất và chân không cũng chỉ là một tâm thể như sóng và nước. Vậy câu “kiếm chữ sắc không” là nói thấu đạt cái “bản thể” cái “chân như thật tướng” của chính mình. Đức Thầy từng dạy:

“Hãy tìm kiếm cái không mới có.” (SG, Q.2)

Và:

“Sắc không không sắc chớ lia xa.”

(Tỉnh Bạn Trần Gian)

Tóm tắt, *sắc* là tướng có, thể của nó là *không*; cho nên, *sắc* chẳng khác gì *không*, *sắc* chính là *không*; và lại, từ cái *không* hiện ra các cảnh vật hữu vi (hoạn sắc) nên *không* chẳng khác gì *sắc*, *không* cũng chính là *sắc* vậy.

4). Chơn tâm bất nhị:

Sau đây, chúng ta tiếp suy xét câu:

“Lời thuyết pháp chẳng vì nhơn ngã.” (Q.4)

Phải chăng câu giảng này ý nói lời thuyết pháp của Đức Thầy, chẳng hề có tâm phân biệt giữa người và ta trong chỗ cao thấp, trí ngu. Ngài chỉ vì lòng từ mẫn mà có bôn phận đánh thức kẻ còn mê để sớm được tỉnh giác.

Cùng với ý nghĩa này, trong Kinh Hoa Nghiêm, Phật nói: *“Ví như mặt trời mọc, trước tiên chiếu các dãy núi chúa, kế đến chiếu tất cả núi lớn, rồi chiếu núi Kim Cang Bảo, sau rốt chiếu khắp đại địa. Ánh sáng mặt nhật chẳng nghĩ rằng: trước tiên ta nên chiếu các núi chúa lớn, lần lượt mới chiếu đến đại địa. Nhưng vì núi non đất liền có cao thấp, nên ánh sáng chiếu có trước sau. Tâm của Đức Như Lai cũng y như vậy, Ngài thành tựu vô lượng vô biên pháp giới trí huệ, nhưet luân thường phóng vô lượng trí huệ quang minh vô ngại, trước hết chiếu các vị Bồ Tát,...Kế đến chiếu các bậc Duyên Giác, Thỉnh Văn, kế nữa chiếu những chúng sanh có thiện căn, quyết định tùy theo chỗ đáng hóa độ. Sau cùng chiếu đến cả thấy chúng sanh, nhẫn đến kẻ tà định, vì họ mà làm nhơn duyên lợi ích cho đời vị lai...”*

Đức Thầy nay cũng từng nói:

***“Giàu sang nghèo khó cũng người,
Nên ta thương hết dầu cười hay khen.”***

(Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện)

Đặc biệt hai câu thơ sau đây trong bài “Sa Đéc”, chúng ta thấy tột đỉnh triết lý của đạo Thánh, đạo Phật, đạo Tiên đều xuất phát từ cái tâm vô sai biệt:

***“Sách có câu “Minh đức tân dân,
Được thủ trụ, huyền khai nhưet khiêu.”***

“Minh đức tân dân” là một câu chữ trong sách Đại Học của Đức Khổng Tử, nói đủ là *“Đại học chi đạo tại minh đức, tại tân dân, tại chí u chí thiện”* (Cái Đạo lớn của bậc Thánh hiền là trước nhưet phải làm cho tâm mình được sáng, dân chúng được mới và đưa họ đến tột

chỗ lành). “*Đặng thủ trụ*” tức là chỉ câu “*Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” của Kinh Kim cang: nếu trụ được cái tâm vào chỗ không trụ thì Phật tâm xuất hiện. Lục Tổ Huệ Năng nghe đến câu kinh này thì Ngài biết lối vào đạo. Cuối cùng, Ngũ Tổ gọi Ngài vào phòng; Ngũ Tổ giảng tới câu Kinh này thì Huệ Năng hoá nhiên đại ngộ và được Ngũ Tổ truyền y bát làm Tổ thứ sáu. “*Huyền khai nhưt khiếu*” là thuộc triết lý của đạo Lão: Cái khiếu huyền quang được khai mở, tức cái trí huệ sẵn có (vô sư trí) được bừng sáng.

Ba đoạn kinh kể trên nằm trong Tam giáo (Phật, Lão, Nho) được Đức Thầy dung thông trong hai câu giảng rất sâu mâu để truyền dạy tín đồ của Ngài. Bởi dưới cái nhìn của đạo Phật, ba yếu lý trên đều xuất phát (chiếu soi) từ cái Chơn như tâm vô sai biệt, thường hằng. *Tâm trong sáng* của Nho, *trí vô sư* của Lão, *tâm vô trụ* của Phật chính là Chơn tâm; cái tâm này là một thể nhất như vô sai biệt, trải khắp không gian và thời gian vô giới hạn. Đức Thầy đã xác định cái Đạo của Ngài được khai mở từ Tam giáo để dạy chúng sanh quy nguyên về cái cội nguồn Tam giáo vốn nhất như vô phân biệt:

**“*Trong Tam Giáo ân cần mở đạo,
Trường ngoại bang phục đạo như xưa.*”**

(Thiên Lý Ca).

5). *Chơn tánh tiềm ẩn trong tâm chúng sanh:*

Tiếp theo là hai câu Sấm Giảng trong Quyển Giác Mê Tâm Kệ:

**“*Thấy đạo lý chớ nào thấy tánh,
Còn ẩn nơi tim óc xác phàm.*”**

Hai câu này có nghĩa phần đông người tu chỉ thấy Giáo lý của Đạo, chớ ít kẻ được thấy tự tánh (tên khác của Phật tâm) của mình. Bởi *tự tánh* tiềm ẩn nơi

tim óc của mỗi người. *Tự tánh* là cái bản tánh Chơn như sẵn có từ vô thủy, nhưng bị lấp vùi bởi vô minh vọng niệm. Ví như trong ly nước đục vẫn có sẵn thể nước trong, nhưng vì ta chưa lọc được bùn cặn ra, nên không thấy được nước trong.

Kinh Di Đà Sớ Sao, có chép: “*Linh minh đồng triệt, trạm tịch thường hằng, phi trước, phi thanh, vô bối vô hướng, đại tai chân thể bất khả đắc như tư nghị giả*” (Người đời hễ có huyền thân, tất nhiên có tự tánh. Bản thể của tự tánh là linh thiêng sáng suốt, rỗng rang thông thấu, trong trẻo vắng lặng, còn hoài chẳng mất, chẳng phải trước, chẳng phải thanh, không lui, không tới; rất lớn thay cái chơn thể của nó, không thể nghĩ bàn được).

Vậy chúng ta muốn thấy được *tự tánh* cần phải phản chiếu nơi tâm một cách rõ ràng vi tế, không để một nhân duyên tập khí nào ám ảnh, và lòng cứ luôn như thế, mới hoát nhiên trực kiến được bản tánh. Lúc ấy ta sẽ tự thấy viên minh, tự tại vô ngại, không còn bị trôi trăn câu thúc, trong lẽ hư vọng vô minh. Vì vậy, Đức Thầy có dạy:

**“*Tu rèn tâm trí cho minh,
Tánh kia thành kiếng phỉ tình chùi lau.*” (Q.3)**

6). Một số câu giảng liên hệ tới Chơn tâm:

Sau đây là một số câu giảng có liên quan đến khái niệm Chơn tâm trong Kinh Phật:

- “**NẾU LẶNG TÂM TỔ NGỘ ĐẠO MÀU**” (Q.4).

Một khi thấu đạt cái chơn lý diệu màu của Đạo, gọi tắt là ngộ đạo, tức là cái tri kiến chơn tâm bừng mở ra, liền chứng ngộ đạo Bồ Đề.

Kinh Pháp Hoa thường gọi “*Ngộ Phật Tri Kiến*”. Hiện nay, Đức Thầy cũng nói rõ: “**Biết tỏ ngộ ấy là gặp**

Đạo”, mà ai muốn được tỏ ngộ, tức phải lặng tâm thì sẽ gặp Đạo.

-“**VÔ PHÁP TƯỚNG MỚI LÀ THIỆT TƯỚNG**”
(Q.4).

Bởi cái tâm vốn chơn không, cho nên người tu không nên chấp vào các pháp tướng. Vì các pháp đều không có thật thể và thường tồn.

Kinh Kim Cang có dạy: “*Người tu hành đến khi nào không còn bị các tướng câu thúc, tức là không còn phân biệt có tướng người, tướng ta, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, tất nhiên cái thiệt tướng thường hằng tái hiện ra sùng sững vậy*”.

- “**MÊ VỚI TỈNH NHẬN RA LÀ LÝ**” (Q.4).

Người tu hành cần phân tách và thấu hiểu được thể nào là mê, thể nào là tỉnh, tức là cần nhận rõ được chân lý của Đạo. Từ đó, nương về với tâm tỉnh giác để tiến đến quả Bồ Đề.

Trong Tỉnh Thế Ngộ Chơn có câu:

*“Nhơn nhơn tỉnh ngộ, nhơn nhơn Thánh,
Tại tại hôn mê, tại tại luân”*.

(Người biết tỉnh ngộ, ấy là người Thánh,
Kẻ tạo hôn mê, tất phải luân trầm).

-“**ĐỊNH TÂM THẦN NHƯ NƯỚC MẶT HỒ**” (Q.4).

Giữ tâm trí cho được yên lặng, không để chút trần lao phiền não làm xao động, thì sự sáng suốt màu nhiệm sẽ phát ra. Đức Thầy cũng nói:

***“Định thần dẹp hết tà tâm,
Huần lai bổn tánh thần khâm quĩ nhường.”***

(Thu Đã Cuối)

Trong Khế Kinh, Phật có bảo: “*Chế tâm nhứt xứ, vô sự bất hiện.*” (Để tâm định lại một chỗ thì không việc gì mà không thành tựu).

Vô Lượng Thọ Kinh, Phật có nói: “*Các hàng Bồ-Tát sanh qua cõi Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà, hiểu rằng các pháp đều là như như*”.

Và trong Trung Luận cũng chép: “*Chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường cũng chẳng đoạn, chẳng một cũng chẳng khác, chẳng lại cũng chẳng đi. v.v... Những tướng, những pháp như vậy, tức là như như, cũng gọi là Như-lai*”.

Đức Thầy nay cũng có câu:

**“*Cảnh như như chẳng có đổi thay,
Không màng biết phân chia như ngã.*”**

(Q.5: Khuyến Thiện)

Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, Đức Phật có phán dạy: “*Những Phật tử tuy cách ta từ ngàn dặm mà thật tâm gìn giữ giới luật của ta, chắc chắn sẽ đắc đạo như ta. Còn những kẻ tuy ở gần bên ta, mà không trì hành giới luật của ta thì không xứng đáng là Phật tử và không thể đắc đạo*”. Đức Thầy hiện nay cũng dạy:

**“*Đem tâm hồi hướng gốc lành,
Làm tôi Phật Tổ chí thành chí chơn.*”**

(Cho Ông Cò tàu Hảo)

- “**RÁN TU TÂM DƯỠNG TÁNH COI ĐỜI**” (Q.2).

Trau sửa cái tâm và điều dưỡng cái tánh. Tâm và Tánh đồng một bản thể nhưng vì ứng dụng nên có hai tên. Vẫn biết tâm tánh của chúng sanh và chư Phật gốc cũng như nhau, nhưng vì tâm tánh của chúng sanh bị vô minh vọng hoặc nên nay cần phải tu dưỡng lại, chớ không phải tìm cầu cái tâm tánh nào khác.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật bảo ông A Nan: “*Tất cả chúng sanh cùng mười phương chư Phật, đồng một bản thể chơn tâm thanh tịnh không hai. Bởi các ông bị vô minh vọng tưởng nên sanh ra mười phương hư không và thế giới nhiều như vi trần... Chẳng khác nào một điểm mây nhỏ sanh trong nền trời xanh.*”

Nếu nay hết mây, tức ngộ được chân tánh thì mười phương hư không và thế giới đều tiêu diệt”.

Vậy chúng ta cần tu sửa cho sạch hết các vọng tâm phiền não và điều dưỡng cái tánh cho được hòa vào một bản thể giác ngộ với chư Phật, tất nhiên huệ nhật hiện bày, dứt hết nghiệp sanh tử, tự tại giải thoát, như Đức Thầy đã dạy trong Quyển Khuyến Thiện:

***“Trau tâm luyện tánh cho mình,
Chuyên lo niệm Phật sửa mình cho tròn.”***

KẾT LUẬN:

Sau khi trưng dẫn một số câu giảng trong Sám Giảng Thi Văn Giáo Lý của Đức Thầy có liên hệ đến Phật pháp, chúng ta mới thấy rõ ràng Giáo Lý PGHH đều xuất phát từ Phật pháp và chỉ dạy chúng sanh thực hiện Phật pháp để đạt đến cứu cánh giải thoát khỏi sanh tử luân hồi. Ngoài những Giáo Lý căn bản của Phật Giáo như Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo, chúng ta còn tìm thấy được rất nhiều quyển Kinh nổi tiếng và thường dùng trong việc tu học, tụng niệm của các giới Phật tử xuất gia lẫn tại gia như: Bát Nhã Tâm Kinh, kinh Lăng Nghiêm, kinh Viên Giác, kinh Pháp Bảo Đàn, kinh Kim Cang, kinh Pháp Hoa, kinh Diệu Pháp Liên Hoa, kinh Đại Niết Bàn, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Tiểu Bản A Di Đà,... hay Tham Thiên Chỉ Yếu luận, Thập Mục Ngưu Đồ luận, Trung Quán luận, Tối Thượng Thừa luận... đã được Đức Thầy diễn giải và áp dụng rải rác khắp cùng trong Giáo lý của Ngài.

Trong công cuộc khai hóa nhân sanh, Đức Thầy chẳng những diễn giải Phật pháp mà còn mượn tu tưởng Thánh đạo để chỉ dạy chúng sanh hiểu biết tường tận mà ứng dụng ích lợi vào đời sống:

“Ta dạy thế mượn lời Phật Thánh,

Nên truyền ban cho chúng-sanh tường.” (Q.4)

Dụng ý của Đức Thầy muốn đưa chúng ta từ chỗ mới phát tâm tu thân hành thiện bằng những lời khuyên dạy đơn giản đến chỗ truy tìm nghĩa lý huyền sâu trong Phật pháp để tiến xa trên bước đường Tu Nhân Học Phật. Bởi vì, hành thiện không chưa đủ, vì nó mới là bước sơ cơ, cần phải truy tìm Kinh kệ học tập để mở mang trí tuệ lên cao. Lời kinh tiếng kệ vốn là chìa khóa mở cửa kho tàng Pháp bảo – nơi tàng trữ các pháp môn hướng dẫn tu hành. Đức Thầy dạy tín đồ học Kinh kệ chính là Ngài muốn giúp chúng mở các then chốt mà khám phá các yếu lý của Đạo Phật để không bị lầm đường lạc hướng trong sự tiến tu.

Đức Thầy từng nói tu học là cần phải tìm hiểu, nghiên cứu cho chính xác yếu lý Phật pháp, rồi cố gắng thực hành theo thì mới thâm nhập được:

***“Quay về cội phúc đường chân đạo,
Phật pháp Thiên-na dốc thực hành.”***

(Cho Cô Võ Thị Hợi)

Tuy hiện giờ lắm kẻ ỷ mình có thể lực lấn áp, chế nhạo người tu, nhưng đến ngày sau: ***“Phật Thánh Tiên Đông độ lướt sang, Miền Nam địa phân chia đẳng cấp”*** thì bá tánh sẽ thấy rõ sự cao quý của kẻ xả thân tu hành tích đức./.



GIẢI THOÁT

PHAN THANH NHÀN

***Niệm chữ A Di dẹp lòng sâu,
Rán trì Kinh Kệ hoặc mau lâu.
Cũng có ngày kia ta giải thoát,
Giải thoát thì ta rõ đạo mầu.***
(Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ)

Đức Phật từng dạy: “*Này các đệ tử! Nước ngoài biển khơi chỉ có một vị, là vị mặn, cũng như thế, đạo của Như Lai dạy đây cũng chỉ có một vị là vị giải thoát*”. Câu nói của Đức Phật đã xác nhận rằng mục đích duy nhất của đạo Phật là đưa chúng sanh đến chỗ giác ngộ, giải thoát. Vậy tất cả những người tu theo đạo Phật cũng đều hướng về mục đích giải thoát.

Khi nói đến giải thoát là nói đến sự cởi mở, thoát ly, nhưng mà chỉ khi nào người ta cảm thấy bị ràng buộc, tù túng, người ta mới nghĩ đến sự cởi mở hay mới nghĩ đến việc giải thoát.

Tổ thứ tư của Thiên tông Trung Hoa là Đạo Tín lúc còn là một Sa-di mới mười bốn tuổi, vừa mới xuất gia. Một hôm hỏi vị thầy của mình là Tam tổ Tăng Xán: “*Xin Hòa thượng từ bi dạy con pháp môn tu giải thoát*”. Tổ Tăng Xán hỏi: “*Ai trói buộc ngươi?*” Đạo Tín coi lại không thấy ai trói buộc rồi thưa: “*Không ai trói buộc cả*”. Tổ Tăng Xán bảo: “*Đã không ai trói buộc cầu giải thoát làm gì!*”. Ngay khi đó Đạo Tín liền ngộ và nổi vị Tổ thứ tư.

Ai ai ở trong đời cũng có lắm khi cảm thấy nhiều chuyện phức tạp hình như có cái gì câu thúc trói buộc làm cho tâm trạng bất an. Nhưng khi tĩnh trí nhìn lại chính mình, cái gọi là trói buộc đó chỉ là một khái niệm, một cái tưởng tượng rằng mình đang có cái gì trói buộc vậy thôi. Bình tâm suy nghĩ cái trói buộc đó từ đâu đến, nó có thật ở ngoài hay do tâm thức. Nếu một khi phần

chấn tinh thần, nhìn trở lại tâm mình thì sẽ nhận ra không thật có cái gì trói buộc mình cả, mọi thứ đều vắng bóng, cảm nhận được như vậy ngay lúc đó chính là *tâm chân thật* hiện tiền. Chỉ cần khéo nhận sống ngay đó thì được an ổn, giải thoát liền. Tự tánh mình vốn đủ tính chất giải thoát, tức là nó sẵn là giải thoát rồi, không cần loại bỏ hay tìm một cái gì xa xôi bên ngoài, chỉ cần hàng ngày đừng chấp cảnh, sống bằng giác tánh thanh tịnh chính mình.

Xưa nay có biết bao người vì bị dục vọng làm mờ đi căn trí nên không hề nghĩ đến sự giải thoát. Phương pháp của đạo Phật là làm cho người căn cơ còn yếu kém có ý thức rõ ràng về cuộc đời mà mình đang sống. Đức Huỳnh Giáo Chủ cho chúng ta cái khung về cuộc sống: ***“Sống ở trần hôi cái tiền phi, Sống làm sao vẹn chữ tu mi, Sống vùng vẫy râu mày nam tử.”*** và đừng xem ***“Coi sự sống như Tiên nửa nửa, Mê mỗi thom như cá lục châu”***. Người ở đời có ai biết được mình đang chìm sâu vào cảnh trần dục lạc cuốn hút mà không thoát ly ra được ***“Mãi say sưa theo cuộc vui chơi, Nên kiếp kiếp đời đời lên xuống”***. Vậy những dây xích nào ràng buộc con người và làm sao giải thoát? Hãy bình tâm lắng nghe:

***Từ xưa nay dạy chỉ nhiều lần,
Mà lê thứ không lo chẳng liệu.
Nhãn thấy sắc thường hay bận bịu,
Tai ưa nghe những điệu âm thanh.
Mắt với tai đều chọn đẹp xinh,
Còn lỗ mũi ưa mùi êm dịu.
Đồ thơm tho nó ưa nó chịu,
Chôn sạ hương hay lết lại gần.
Lưỡi ưa ngon là chuyện ân cần,
Đồ ngọt béo nó ưa nó mến.
Thân tham sướng muốn tiền của đến,***

**Đặng ăn xài cho phỉ tâm tình,
Ý thì ưa sửa sắc soi hình,
Với chức phận cho cao cho quý.
Sáu đường ấy ở trong tâm ý,
Ta mau mau dứt nó cho rồi.
Nếu tỉnh tâm nào có mấy hồi,
Mượn trí đạo đuổi ra khỏi xác.
Dứt được nó ấy là giải thoát,
Thì xác trần mới khỏi đọa đày.**
(Giác Mê Tâm Kệ, Q.4)

Sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp tức là lục trần mà Đức Huỳnh Giáo Chủ gọi chúng là Lục tặc:

**Đoàn Lục tặc ta mau sớm giết,
Mài gương trí cho tinh cho khiết,
Dứt tâm trần kiếm chữ sắc không.**
(Giác Mê Tâm Kệ, Q.4)

Và:

Diệt Lục căn đừng nhiễm Lục trần.
(Giác Mê Tâm Kệ, Q.4)

Chữ tặc là giặc cướp. Trong kinh Phật dạy mỗi người có sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu căn đó nếu bị sáu trần lôi cuốn sẽ biến thành Lục tặc. Nếu chúng ta khéo tu, không cho sáu căn dính nhiễm sáu trần là được giải thoát.

Mắt thấy vật gì đẹp liền trầm trồ khen ngợi rồi sanh tâm ưa thích, gọi là dính nhiễm. Vì nhiễm sắc trần cho nên bị nó phá hoại công đức lành của mình, nên gọi nó là giặc cướp. Trên đường tu, nếu như ai thấy người đẹp, đồ vật đẹp, hoa đẹp liền chú ý khen ngợi, chính là bị đũa giặc này dẫn đi rồi.

Tai nghe lời khen, trong lòng vui mừng; bị chê bai liền sanh phiền não, đó là đũa giặc thứ hai. Vui mừng nghe khen là gốc háo danh, phiền não là bệnh hoạn, chúng làm tiêu tan công đức lành của chúng ta.

Mũi ưa thích mùi thơm, còn đi qua chỗ hôi thối thì không ưa. Mũi thích mùi thơm ghét mùi hôi thối là đũa giặc thứ ba phá hoại công đức của chúng ta.

Lưỡi ưa món ngon, ghét món dở. Thích món ngon mà không được ăn, món dở không thích bị ăn hoài, lòng bực bội. Lưỡi thích ngon, chán dở là con giặc thứ tư.

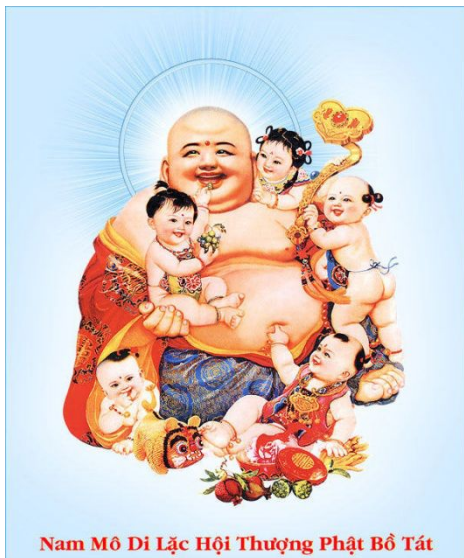
Đũa giặc thứ năm là **xúc chạm**. Những gì êm ái ta có cảm giác thích thú, những gì thô nhám ta khó chịu chán ghét.

Ý là đũa giặc thứ sáu, nó ưa hướng ra ngoài. Khi nhớ hình ảnh người phá phách thì ta bực bội. Trái lại khi nhớ người nào thương mến ta liền dễ chịu. Tâm ý là cái gì khó nắm giữ, khó hộ trì, khó nhiếp, sẵn sàng chạy theo sở thích dục vọng và lòng tham con người. Điều phục tâm phải dùng đến ý chí để kiềm chế sự ham muốn. Khi tâm chạy theo cảnh trần một cách hăng hái, chúng ta phải cương quyết dùng ý chí để hàng phục nó lại.

Lục căn dính nhiễm sáu trần chính là sáu đũa giặc làm tiêu mòn công đức của chúng ta. Thế nên chúng ta tu là phải làm sao dùng để sáu căn dính nhiễm sáu trần, tức là chúng ta đã đuổi được sáu đũa giặc còn gọi là lục tặc ra khỏi xác thân của chúng ta như lời Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy: **“Diệt lục căn dùng nhiễm lục trần”** và **“Mượn trí đạo đuổi ra khỏi xác.”**

Các nơi am tự chúng ta thường thấy có thờ tượng một vị Bồ Tát hình tướng mập mạp, miệng cười toe toét, đó là Bồ Tát Di Lạc. Tượng Bồ Tát ngồi với sáu đũa trẻ, đũa móc con mắt, đũa chọc lỗ tai, đũa khều lỗ mũi, đũa thọt vào miệng...Sáu đũa chọc phá như vậy mà Bồ Tát vẫn tươi cười, không bực bội, không la rầy. Sáu đũa trẻ này tượng trưng cho lục tặc. Mặc dù chúng phá phách nhưng Ngài vẫn thanh thản tự tại, chúng tỏ

Ngài đã thắng được lục tặc. Chiêm ngưỡng hình tượng Ngài, chúng ta phải học theo gương của Ngài.



Nhà Phật có câu chuyện về một đàn khỉ dắt nhau đi kiếm ăn. Khi chúa ra lệnh tất cả khỉ con phải đi chung đàn theo sự dẫn dắt, không được đi tản mát. Trong bầy của chúng, có con khỉ con xem thấy khỉ chúa đi trước gặp thức ăn ngon đều lượm ăn hết, nó bèn tách đàn đi riêng để

kiếm ăn. Một hôm nọ thấy miếng mồi thơm ngon, nó liền dùng chân trước chụp lấy, không ngờ đó là cái bẫy của thợ săn có trét chất nhựa xung quanh nên nó bị dính tay. Dính tay này nó lấy tay kia gỡ nên bị dính luôn. Kế nó lấy chân sau gỡ cũng bị dính, còn lại một chân cố vùng vẫy cũng bị dính. Như vậy dính hết bốn chân, nó lại dùng cái đuôi cố móc ra cũng bị dính. Sau cùng nó lấy cái miệng cắn gỡ nên cũng bị dính luôn. Cả bốn chân, đuôi, miệng bị dính, khỉ con hết cục cựa. Người thợ đặt bẫy đến bắt khỉ đem về nhà.

Chư Phật dụ miếng mồi là sáu trần. Bốn chân, đuôi, miệng của khỉ là sáu căn. Khi sáu căn dính với sáu trần rồi thì thợ săn (ví như Ma Vương) xách đi đâu cũng phải chịu. Việc tu của chúng ta cũng vậy, nếu khôn ngoan đi theo đàn như bầy khỉ kia, có người dẫn dắt, bảo hộ. Dù ăn ít một chút nhưng tránh khỏi bị sa

bấy, còn hơn muốn ăn ngon, ăn nhiều, đi riêng không theo bầy đàn thì bị mắc bấy thật tai hại.

Hằng ngày, mắt đối sắc, tai đối thanh, mũi đối hương, miệng đối vị, thân đối xúc, ý đối pháp trần, không bị dính mắc, đó là chúng ta tự giải thoát. Còn dính mắc là còn đi trong vòng sanh tử luân hồi.

Ngũ tổ Hoằng Nhẫn đem Kinh Kim Cang giảng cho Lục tổ Huệ Năng nghe (lúc đó Lục Tổ chưa thọ lãnh y bát). Trong Kinh có hai câu hỏi của tôn giả Tu Bồ Đề. Câu thứ nhất: *“Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác, làm thế nào để hàng phục được tâm ấy?”*. Câu hỏi thứ hai: *“Người phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác, làm thế nào an trụ được tâm ấy?”*. Giảng về phần **an trụ tâm**, Lục Tổ nghe giảng tới câu *“Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm; ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* Ngài liền đại ngộ và nói lên *“đâu ngờ tự tánh mình xưa nay vốn thanh tịnh, đâu ngờ tánh mình vốn không sanh diệt”*. Ngũ Tổ biết Ngài đã ngộ và truyền y bát, trở thành vị Tổ thứ sáu của Thiền tông Trung Hoa.

Trong kinh Phật đã dạy muốn **an trụ tâm** thì không sanh tâm dính mắc nơi sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu căn không dính mắc sáu trần là **an trụ tâm**. Mà **an trụ tâm** thì tiến đến quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên, chúng ta thấy ý nghĩa của Kinh Kim Cang đã khai ngộ cho Huệ Năng.

Một hôm tôn giả A-Nan hỏi Đức Phật: *“Bạch Thế Tôn, cái gì là căn bản của luân hồi sanh tử, cái gì là căn bản của Bồ Đề Niết Bàn?”*. Khi nghe câu hỏi này, Đức Phật Thích Ca chưa trả lời thì mười phương chư Phật ứng thình đồng nói rằng: *“Này A-Nan, căn bản của phiền não, của luân hồi sanh tử là sáu căn của ông.*

Cội gốc của Bồ Đề Niết Bàn cũng là sáu căn của ông.”
(Kinh Lăng Nghiêm).

Thật trong sáng, không riêng gì Đức Phật Thích Ca nói sáu căn là gốc sanh tử, sáu căn là gốc Bồ Đề Niết Bàn, mà mười phương chư Phật đều “*dị khẩu đồng âm*” (khác miệng đồng lời) phát ra lời như thế.

Cho nên gốc của sự tu là chúng ta phải làm sao do chính mình dứt hết luân hồi sanh tử để đạt được Bồ Đề Niết Bàn. Nếu để cho sáu căn còn bị dính nhiễm thì chúng ta vẫn bị phiền não lôi cuốn, vẫn còn đi trong vòng luân hồi sanh tử khó được giải thoát.

Mắt thấy sắc, tâm chạy theo hình bóng, lòng còn mê thích, **tai** nghe tiếng, chạy theo âm thanh, làm theo lời rủ rê ngọt ngào hay khi nghe tiếng chê bai lòng còn bực bội và các căn kia cũng theo các cảnh trần mà dính nhiễm... Một khi chưa gỡ được thì lòng mong gì giải thoát. Vì vậy người đi trên đường tu phải tinh tấn dù gặp cảnh vui, cảnh buồn, chúng ta vẫn an nhiên tự tại, đó là giải thoát thật sự trong cảnh đời hiện tại này.

Trong kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy: “*Việc làm của bản thân ta, Do tâm, do ý tạo ra dẫn đầu, Nói năng hành động trước sau, Ý mà thanh tịnh: đạt dào niềm vui...*” bằng ngược lại “*Ý mà ô nhiễm: khổ đau theo kẻ...*” Tâm điều khiển ý muốn và hành động của con người. Cho nên nói canh phòng và kiểm soát tâm để đi theo Chánh đạo là điều cần thiết. Tâm là chủ, tâm dẫn đầu các pháp, tâm là tối thượng, mọi hành động đều do tâm hướng dẫn, do tâm tạo nên. Như vậy tất cả những hậu quả tốt hoặc xấu do hành vi của con người tạo ra đối với chính mình và đối với xã hội, đều là trách nhiệm của mình. Làm điều lành sẽ tạo nghiệp thiện, đưa đến an lạc, hạnh phúc. Làm điều xấu ác sẽ tạo nghiệp dữ đưa đến khổ đau. Ai gieo thứ gì thì sẽ hái thứ ấy. Thế nên theo tinh thần đạo Phật trong sự cầu tìm chân

lý, cầu tìm giải thoát, cầu tìm Phật, không nên tìm cầu ở đâu xa, mà chính ngay ở trong nội tâm mình.

Sống trong đời, con người không chỉ có dính mắc vào vật chất mà còn dính mắc vào một ý tưởng riêng thuận ý hay nghịch ý. Thuở xưa có một anh thư sinh, học xong chữ nghĩa của thầy đã dạy, rồi lên đường ứng thí. Trên đường đi, đến bên qua sông gặp cô lái đò, anh ta có ý trêu ghẹo. Cô lái đò nghiêm túc nói: *“Tôi có một câu đối, nếu anh đối được thì tôi nguyện đi theo anh, nâng khăn, xách túi; còn nếu không đối được thì xin trả tiền đò gấp đôi”*. Anh thư sinh nghĩ, một người chèo đò bên sông thì có gì cao siêu, nên anh ta gật đầu chấp nhận. Cô lái đò ra câu đối: *“Hỏa tại thạch trung, trầm tích thủy thiên niên bất tuyệt”* (lửa trong đá, nhận chìm xuống nước cả ngàn năm sau cũng không bao giờ mất). Câu này rất chính xác, khi chúng ta cầm hai cục đá cọ sát mạnh vào nhau thì sanh ra tia lửa. Bây giờ chúng ta chìm hai cục đá này xuống đáy biển cho đến một ngàn năm sau, rồi đem lên mà xát thì vẫn có lửa, lửa đó vẫn không mất. Thấy cô gái quê mùa mà đưa ra câu đối quá siêu xuất, anh thư sinh vẫn chưa nghĩ ra câu nào để đối lại. Buồn cho sở học của mình lâu nay không đủ để đối lại câu đối của cô gái quê. Anh thư sinh đành phải trả tiền đò gấp đôi, rồi nhảy xuống sông tự tử. Do không nghĩ ra được vế đối, ôm ấp nỗi buồn bã mà chết nên hóa thành hồn ma bên bờ sông, đêm đêm hiện lên làm bầm đọc câu đối của cô gái. Một hôm có vị Thiền sư đi ngang qua đây nghe mọi người kể câu chuyện như vậy, nên đêm đó Ngài muốn ở lại bên bờ sông. Đêm đến, hồn ma xuất hiện nói nhỏ câu đối: *“Hỏa tại thạch trung, trầm tích thủy thiên niên bất tuyệt”*. Liên khi ấy Thiền sư đối lại: *“Nguyệt tại thiên không, chiếu nhân gian vạn cổ trường tồn”* (trăng trên trời, soi rọi thế gian, không bao giờ mất). Nghe được

câu đối tương xứng rất xuất sắc, lòng thư sinh phấn khởi, liền được siêu thoát. Từ đó người chung quanh không còn thấy bóng ma xuất hiện nữa.

Tư tưởng của anh thư sinh bị dính mắc vào câu đối của cô lái đò, không thoát ra được mà phải làm bóng ma bên bờ sông vì cho đó là câu đối quá hay, muốn đối lại cho bằng được, không đối được thì buồn tức mà chết rồi ôm theo ý tưởng đó để làm hồn ma không siêu thoát nổi. May nhờ vị Thiền sư nói cho một câu đối lại thấy xứng ý, trong lòng thỏa mãn nên được siêu thoát. Sự dính mắc ở đây không phải là vật chất mà là một ý tưởng thuộc tinh thần. Một khi tâm ý không còn đeo đuổi nữa thì được giải thoát.

Thường tình, hễ có thuận thì ắt có nghịch. Đời nhà Đường dưới triều vua Ý Tông, có ngài Ngộ Đạt quốc sư, pháp danh Tri Huyền, khi chưa làm Quốc Sư, một hôm gặp một vị tăng nhân mắc bệnh cùi, ai cũng gớm không muốn lại gần, chỉ có ngài Tri Huyền luôn luôn gần gũi chăm sóc mà không bao giờ nhờm chán. Khi chia tay ra đi, vị tăng cảm cái nghĩa đó nên nói: *“Sau này Ngài sẽ bị nạn, nếu cần thì tìm gặp nhau tại núi Trà Lũng, huyện Bình Thành thuộc đất Tây Thục, nơi có hai cây tùng làm dấu”*. Qua thời gian ngài Ngộ Đạt trưởng thành và tài giỏi, được vua mời làm Quốc Sư. Vua kính trọng nên ban cho Ngài tòa ngồi bằng trầm hương. Bước lên tòa ngồi, ngài Ngộ Đạt phấn khởi, rồi sanh tâm hãnh diện về chỗ ngồi của mình thì bỗng nhiên đầu gối của Ngài nổi lên mục ghẻ có mặt người hành hạ đau đớn dữ dội. Các danh y được mời tới đều bó tay không có cách gì trị được. Hằng ngày phải đút thịt cho nó ăn thì mới đỡ đau nhức. Ngài Ngộ Đạt nhớ lại và tin lời hẹn trước, nên tìm đến chỗ hai cây tùng. Đến nơi thì trời vừa sụp tối, vị tăng ngay trước đang đợi sẵn bước ra chào và bảo rằng: *“Không cần kể gì cả, ta*

biết hết mọi chuyện rồi. Vào đây nghỉ, sáng mai xuống dưới núi có dòng suối, lấy nước từ bi tam muội rửa sạch vết thương thì sẽ hết”. Sáng hôm sau, vị tăng sai chú tiểu đồng dẫn Ngô Đạt xuống suối. Trong lúc đi, ngài Ngô Đạt toan lấy tay vốc nước để rửa thì cái mục



“Đây là bức hình của 1 nữ sĩ người Singapore, trên mặt nổi 1 cục bướu to hình người, miệng trên cục bướu hình người này không chỉ có thể ăn cơm mà còn có thể nói chuyện. Hiện tại cô đang sống ở Tây Tạng, mỗi ngày đều có một vị Hoat Phát giảng kinh thuyết pháp cho cô”.

ghê mặt người nói: “Khoan rửa đã! Ngài là người học nhiều hiểu rộng, vậy Ngài có đọc chuyện Viên An và Triệu Thố trong Tây Hán chưa?”. Ngô Đạt nói: “Đọc rồi”. Mục ghê nói: “Đọc rồi mà Ngài không biết sao? Viên An chính là Ngài và Triệu Thố chính là tôi đây. (Viên An lúc làm quan chém oan Triệu Thố. Triệu Thố bị chém oan ức, mang trong lòng nỗi oán hận). Tôi mười đời đi theo tìm cách báo oán, nhưng mười đời Ngài là vị cao tăng đạo cao đức trọng, tu hành nghiêm chỉnh nên tôi không thể báo thù được. Khi ngồi lên tòa trầm hương, Ngài vừa khởi tâm cao

ngạo, ngã mạn thì cái đức bị thương tổn, cho nên tôi mới có cơ hội để báo lại Ngài. Hôm nay mọi chuyện đã rõ, Ngài nguyện tu hành, tôi cũng nguyện tu hành, xin lấy nước từ bi tam muội rửa sạch oan khiên nhiều đời. Từ nay trở đi tôi không còn oán hận Ngài nữa”. Nghe xong, ngài Ngô Đạt sững sờ, choáng váng, vốc nước lên rửa, đau đớn tận xương tủy, ngắt đi một hồi mới tỉnh lại, nhìn mục ghe không còn nữa. Ngài định lên cảm tạ vị tăng, nhưng nhìn lại thì cảnh và người không còn nữa. Hỏi chú tiểu đồng mới biết vị tăng đó chính là tôn giả Ca Nặc Ca, một vị Thánh tăng. Nói xong thì tiểu đồng cũng biến mất.

Triệu Thố mang theo tâm niệm phẫn uất, cho rằng Viên An giết mình oan ức phải đi theo trả đũa thù mới hả dạ.

Chính cái sân hận đã trói buộc ông ấy chịu khổ đau qua nhiều đời mới giải tỏa được nỗi oan. Một người bị trói buộc như vậy mà người khác không thêm chấp không vướng bận thì ai sung sướng hơn ai.

Khi gặp cảnh trái ý nghịch lòng đến, nếu chúng ta sanh tâm tức tối là đã dính mắc; nhưng việc đáng giận mà mình an nhiên thì không có gì ràng buộc mình cả. Mọi thứ đều có thể đến với mình bất cứ lúc nào, nhưng nếu không để ý thì đâu có gì phải dính mắc. Ý thức được cái tai hại của tính sân hận, tốt hơn nên tập tánh khoan dung độ lượng, tâm niệm “*lấy ân báo oán*”. Cổ đức đã nói: “*Nhất niệm tâm sân khởi, bách vạn chướng môn khai.*” (một niệm sân vừa dấy lên thì trăm ngàn cửa nghiệp chướng mở ra), cho nên lúc này hơn bao giờ phải nhớ lời dạy của Đức Huỳnh Giáo Chủ: “*Niệm chữ Di Đà tan chướng nghiệp.*” và tâm niệm hằng ghi nhớ.

Chúng ta tu theo Phật không gì khác hơn trở về cái chân tâm, là chỗ chúng ta dừng suy nghĩ mới đạt

đền chân thật. Ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch đèn hỏi Thiền sư Trung Ấp Hồng Ân: “*Bạch Hòa Thượng, thế nào là Phật tánh?*”. Ngài Trung Ấp Hồng Ân nói: “*Như có một con khỉ bị nhốt trong chuồng có sáu cửa. Bên ngoài có con khỉ tới từng cửa sổ kêu chéo chéo. Con khỉ bên trong cũng đứng dậy kêu chéo chéo, cứ như vậy tiếp tục hết sáu cửa*”.

Khi ấy ngài Ngưỡng Sơn Huệ Tịch thưa rằng: “*Nếu con khỉ bên trong nó ngủ thì sao?*”. Ngài Trung Ấp Hồng Ân từ trên tòa bước xuống nói: “*Chúng ta thấy nhau rồi*”.

Thiền sư ví con khỉ bên ngoài là trần, con khỉ bên trong là căn. Bên ngoài có sắc trần thì nhãn căn dính, bên ngoài có thanh trần thì nhĩ căn dính, nghĩa là mỗi căn nếu đụng tới mỗi trần tương ưng thì liền dính. Nhưng khi ở bên trong yên lặng mà bên ngoài dù có kêu mấy nó cũng không lay động.

Hành giả đi trên đường tu phải cố gắng làm sao gặp cảnh vui, cảnh buồn mà vẫn tự tại đó là giải thoát thật sự. Không kiềm giữ được sáu căn của mình thì khó giải thoát, cho nên Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy:

***Trong sắc thân giám thị lục căn.
Đừng cho chúng tính lãng quàng,
Ngoài thì chấp thủ mà ngăn lục trần.
Phá ngũ uẩn rút lần tham ái,
Cội sân si cũng phải tảo trừ.
Đem về giác tánh chân như,
Kim thân thị hiện dứt trừ tử sanh.***

(Cho Ông Cò tàu Hảo)

Khi nội tâm chúng ta yên lặng thì tự nhiên tâm trí lúc đó sáng suốt, Phật tánh hiện tiền, không cần tìm kiếm ở đâu xa. Chúng ta tu vì muốn thành Phật, tức là giác ngộ. Giác ngộ ở đâu, chính là ngay nội tâm mình.

Nếu chúng hằng tri, hằng giác, không chạy theo sáu trần thì đó là Phật tánh hiện tiền:

***Cư trần bất nhiễm là người Thánh,
Lẫn tục đừng mê chứng bực hiền.***

(Luận việc tu hành)

“*Đối cảnh vô tâm*”, cái hiện tiền hằng biết của mình không một niệm, không hai bên, không vướng mắc, chính chỗ chúng ta đừng suy nghĩ, rồi mới đạt đến chỗ chân thật. Khi đạt đến chân thật viên mãn thì có những diệu dụng phi thường, tức là chân không mà diệu hữu, do công năng biến thức thành trí. Vậy chúng ta đừng sợ không suy nghĩ là mất mình.

Một hôm vua Lê Dụ Tông hỏi Thiền sư Hương Hải: “*Thế nào là ý của Phật?*”. Thiền sư Hương Hải đáp bằng bốn câu thơ:

*Nhạn quá trường không,
Ảnh trầm hàn thủy.
Nhạn vô di tích chi ý,
Thủy vô lưu ảnh chi tâm.*

Dịch nghĩa:

*Nhạn bay qua trong không
Ảnh hiện đầm nước lạnh
Nhạn không ý lưu bóng
Nước không tâm giữ nhận.*

Đại ý con chim nhận không có ý lưu lại bóng của nó trong nước khi bay ngang qua sông hồ. Nước cũng không có ý giữ lại bóng chim nhận. Đó là ý Phật.

Nếu chim nhận bay qua có ý để bóng dưới nước hay nước có ý giữ lại bóng của chim nhận thì hai bên đều có dính mắc. Chỗ này nhận không có ý, nước cũng không ý, đã nói lên đối với tất cả cảnh, ta và cảnh không vướng mắc. Chim nhận ở đây ví cho người, nước ví cho cảnh. Người và cảnh thấy là thấy, nghe là nghe,

không niệm đẹp, xấu, khen, chê, thì cái thấy cái nghe đó là ý Phật.

Như chúng ta biết Đạo của Đức Phật là đạo giải thoát và Ngài dạy: “*Người thực hành đạo như khúc gỗ trôi trên mặt nước trôi theo dòng nước. Nếu không bị tấp vào bờ, không bị người ta vớt, không bị quỷ thần ngăn trở, không bị nước xoáy làm dừng lại và không bị hư nát. Ta bảo đảm rằng khúc gỗ ấy sẽ ra đến biển*”.

“*Người học Đạo nếu không bị tình dục mê hoặc, không bị tà kiến làm rối loạn, tinh tấn tu tập đạo giải thoát. Ta bảo đảm người này sẽ đắc Đạo*”.

Lời của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

***Đường đạo đức bước đi từ nấc,
Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình.
Phải bền lòng chặt nẻo sắt đĩnh,
Rán kiếm chữ bất sanh bất diệt.
Chúng sanh mê nên đem pháp thuyết,
Giải thoát rồi pháp bất khả dùng.***

(Diệu Pháp Quang Minh)

Vậy hành giả đi trên đường Đạo dụng công tu hành là công phu tự nhiên không có gì cực nhọc thuận theo dòng chảy pháp tánh trôi vào biển chân như.

Đức Phật đưa ra những thí dụ để ứng dụng vào đời tu và đây được xem là năm loại chạm bẫy ngăn trở người đi trên đường giải thoát:

-(1) Không bị tấp vào bờ, tức là chúng ta không dừng lại ở bên nhân gian rồi đắm mê vật chất.

-(2) Không bị dính mắc vào ngũ dục lạc, người ở đời thường bị dính vào năm món này: tiền tài, sắc dục, lợi danh, âm thực, ngủ nghỉ. Thường thì tuổi trẻ rơi vào ái dục, người nhiều tuổi hơn rơi vào lợi danh. Việc háo ăn, mê ngủ, cũng làm cho chúng ta tiêu hao năng lượng không thể tiến đạo. Ăn nhiều dễ sanh bệnh, ngủ nhiều làm lu mờ trí não, thiếu sáng suốt trong sự xét đoán

công việc. Người đi trên đường Đạo phải phát tâm Bồ Đề vững mạnh không bị hao mòn qua năm tháng, tạo nhiều phước đức mới mong thoát ra được năm tầng ngũ dục nhân gian cám dỗ.

-(3) Không bị quỷ thần ngăn che, tức là không bị ảnh hưởng của các triết thuyết, những mời gọi đầy màu sắc của các tôn giáo độc thần khuyến dụ hay bị những trường phái tâm linh kỳ bí thuyết phục đưa chúng ta lạc vào đường tà.

Mặc dù chúng ta đã đến với đạo Phật, nhưng vì việc tu của chúng ta chưa giỏi nên đôi lúc chúng ta cũng bị quỷ thần ngăn che. Thế nên Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ dạy:

***Bàn môn tài phép nào tường,
Kêu Trời giậm Đất cũng thì dạ rân.
Nói cho trần thế liệu toan,
Chớ theo tả đạo mà tan xác hồn.
Nó làm nhiều pháp nhiều môn,
Bùa mê thuốc lú mê hồn chúng sanh.
Thành binh sái đậu cũng rành,
Nếu tin thời mắc tan tàn về sau.
Bây giờ bất luận người nào,
Không dùng của thế sắc màu cũng không.
Nói cho bốn đạo rõ lòng,
Ấy là chơn chánh mới hòng vinh vang.
Địa Tiên tài phép đa đoan,
Phi đao bửu kiếm mê man mắt trần.***

(Sám Giảng, Q.3)

Hồi Đức Phật ngồi tham thiền dưới cội Bồ Đề, Ngài cũng bị Ma Vương theo quấy phá. Ngài hiểu rõ nỗi thống khổ của nhân thế nên ra tay cứu độ:

***Phật truyền thân hết pháp thân,
Cứu an bá tánh một lần nạn nguy.***

(Sám Giảng, Q.3)

Đức Huỳnh Giáo Chủ với lòng từ ái “*Cứu bá tánh không cần lễ mễ.*” với “*lòng thương trăm họ vương cảnh đồ lao, chi xiết xót thương chúng sanh vạn khổ*” và “*vì lòng từ ái chứa chan, thương bách tính tới hồi tai họa*”. Trên bước đường hoàng dương Chánh pháp, Ngài nhắc nhở chúng ta: “*Thầy cảnh tỉnh giác ngộ điều gì chánh đáng thì khá vâng lời. Cần như ở chỗ giữ giới luật hằng ngày*”. Và lưu ý chúng ta một điều:

*Ai mà ta dạy chẳng gìn,
Thì sau đừng trách mất tình yêu đương.*

(Sám Giảng, Q.3)

Có một điều chúng ta nên cân trọng, người tu theo đạo Giải Thoát của Đức Phật, không nên nghĩ cần phải thành đạt cái gì gọi là thần bí, phải có thần thông. Đừng nghĩ tu là phải có khả năng thấy quá khứ, vị lai hoặc chứng đắc điều gì linh diệu để được nổi tiếng, được mọi người cung kính, quý trọng. Khởi tâm như vậy là bị vướng vào vòng kiềm tỏa của quỷ thần sai khiến, khó mong giải thoát. Càng tu, chúng ta càng buông bỏ để trở thành con người bình dị, đơn giản. Càng đơn giản, bước tiến tu càng dễ dàng đi vào biển giải thoát.

-(4) Không bị dòng nước xoáy tròn giữ khúc gỗ lại, có nghĩa là trên đường tu giải thoát, chúng ta nhận ra được đạo, ngộ được chánh pháp, tinh tấn công phu, sở đắc những thành tựu như có một chút tuệ giác đang phát triển mà chúng ta nghĩ tới đây được rồi, đã thành tựu đạo quả, chúng ta không muốn bước tới nữa tức là chúng ta đang bị dòng nước xoáy làm dừng lại. Như vậy chúng ta không thể trôi vào biển giải thoát được. Khi chúng ta chưa thật sự thể nhập vào tâm Phật của chính mình thì còn phải đi nữa không thể dừng lại vì

những thành đạt nhỏ nhoi trên con đường tu, cũng như dòng nước xoáy làm ta dừng lại.

-(5) Không bị mục rữa là không bị hư hoại thối nát từ thể xác cho đến tâm hồn. Nếu như trên đường tu mà tâm Bồ Đề chưa bị hao mòn, nhưng trạng thái an lạc giải thoát chưa đạt được mà hình hài này đã trả về cho cát bụi, đó là sự mục rữa của hình hài trước khi đi vào biển giải thoát. Cũng vậy, nếu như hình hài này vẫn còn khang kiện nhưng Bồ Đề tâm đã hao mòn, ý chí chúng ta đã hủ hóa, tức bên trong tâm thức đã hư mục, trở lại con đường hưởng thụ vật chất thì khó mà vào được biển giải thoát.

Vậy muốn vào được biển giải thoát, hành giả đi trên đường Đạo phải lưu ý năm loại chạp bầy kể trên mà chúng ta phải cố gắng vượt qua mới mong trôi vào biển giải thoát. Chạp bầy vật chất chúng ta vượt qua tương đối dễ, nhưng chạp bầy tình cảm hay tinh thần làm cho chúng ta chìm đắm say mê không vượt qua được.

Là tại gia cư sĩ, chúng ta phải thể hiện được trong đời sống cộng đồng; sống như mọi người hài hòa theo dòng chảy cộng đồng. Sống như mọi người nhưng chúng ta có cách thực tập, cách sống riêng mà mọi người chung quanh không hề biết. Chúng ta cũng làm, cũng ăn nhưng không lao theo mọi thứ cảnh trần dục lạc, luôn luôn giác lại và sáng tỏ trên mọi công việc. Sống như vậy lâu ngày thuần thực thì chúng ta cảm nhận được năng lực giác tỉnh của mình mạnh lên. Chính năng lực này giúp chúng ta có một sức sống làm chủ cuộc đời và được giải thoát chứ không phải gạt bỏ mọi thứ bên ngoài để đi tìm một sự giác ngộ giải thoát gì khác ngoài tâm mình. Theo thời gian, sức tỉnh giác đủ lớn, chúng ta sẽ cảm nhận được năng lực vĩ đại của tâm, mọi tính chất an lạc giải thoát tự tròn đủ. Chúng ta là những người còn đang lặn mò công phu, chỉ có cách là

sống bằng tâm giác tỉnh của chính mình đừng mơ tưởng về cái gì đó xa xôi mà không với tới được. Dầu chưa được trọn vẹn như các bậc đã chứng ngộ, nhưng khi giác tỉnh sống về tánh thấy biết rõ không động nơi chính mình là chúng ta đang sống với phần giác của mình. Chúng ta công phu đến khi nào phần giác đủ lớn, tự nó sẽ có năng lực, khiến cho mọi thứ không đủ sức chi phối mình nữa thì lúc này chúng ta sẽ nếm được hương vị giải thoát, mới cảm nhận được sự màu nhiệm của Phật pháp.

Đức Huỳnh Giáo Chủ dạy muốn có giải thoát phải dụng công nhiều trong tu tập: “**Đạo pháp huyền vi thâm diệu diệu, Chẳng màng thế sự tiếng khen chê.**” Tu là đừng dính nhiễm, nghe khen chẳng vội mừng, nghe chê không vội giận, thấy đẹp đừng ưa thích, thấy xấu đừng ghét bỏ. Tất cả sáu căn không dính nhiễm sáu trần là tu kỹ, tu đúng.

Ngoài ra chay tịnh cũng giúp chúng ta thanh lọc được thân tâm trên bước đường hành đạo Phước Huệ song tu, như lời Ngài dạy:

**Chữ Nam mô trì giải giữ chay,
Chay được tánh chay tâm mới quí.
Trong Đạo Phật quá nên huyền bí,
Chỗ tâm thần tọa vị nơi thân.
Muốn cho nên khuya sớm chuyên cần,
Lòng chí nguyện sở cầu Phật Thánh.**
(Sa Đéc)

Và Ngài cũng dạy:

**Râu mày biết giữ đạo tâm chay,
Đắc quả thành công cũng có ngày.
Thất Tổ Cửu Huyền nơi chín suối,
Những mong hậu tấn biết tâm chay.
Tâm chay hậu tấn rán tu thân,**

***Bén giác chẳng xa cũng chẳng gần.
Trời Phật thương người lo độ tận,
Muốn lo giải thoát phải tu thân.***

***Tu thân thiện tín phải chuyên cần,
Lục tự Di Đà giữ Tứ Ân.***

(Nhẫn Đợi Thời Cơ)

Vì vậy cần phải nắm cho vững hiểu cho thấu đáo lời dạy của chư Phật, của Thầy Tổ để ứng dụng vào đời tu của mình, như vậy không uổng phí cuộc đời./.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2014

PHAN THANH NHÀN

BIẾT LÀ SỐNG

HỒNG LIÊN cư sĩ

***“Ai biết tri việc phải cứ làm,
Sau mới biết ai Phàm ai Thánh.”***

(Q.4: Giác Mê Tâm Kệ)

Hôm nay chúng tôi xin mạo muội trình bày về đề tài: “Khôn cũng chết, dại cũng chết, biết là sống.” qua sự nghiên cứu, hiểu biết của mình. Theo chúng tôi nhận xét, ở trong đời có bốn hạng người là:

- 1.- Hạng khôn dại,
- 2.- Hạng khôn ngoan,
- 3.- Hạng ngu đần,
- 4.- Hạng giả ngu.

Bốn hạng người trên đều được Đức Thầy nói đến nên chúng ta cần tìm học.

1.- HẠNG KHÔN DẠI :

***“Khấp cùng thành thị hương thôn,
Vì khôn quá thế nên tồn lại ngu.”***

(Thiên Lý ca)

Khôn dại là hạng người có trí tuệ thế gian mà không có thiện tâm nên hay xảo trá gạt lường:

***“Học chữ nghĩa cho thông cho thái,
Đặng xuê xang dài các xe tàu.
Tiếng chào mừng cửa miệng làm màu,
Trong tâm ý mưu mô đủ thế.”***

(Q.4: Giác Mê Tâm Kệ)

Thông thường ở trong đời, người ta có chút hiểu biết hay học thức nên tự cho mình là người khôn ngoan, rồi xem thiên-hạ chẳng ra cái gì cả; cũng có hạng người gặp được thời vận làm nên sự nghiệp, rồi cho người làm ăn thất bại là kẻ ngu hèn.

Theo chúng tôi nhận xét, hạng người học thức mà ý mình tự cao tự đại rồi xem thường thiên-hạ, chỉ biết sống cách mưu mô xảo trá, gạt lường, thì những hạng người này, sẽ gánh lấy một hậu quả chua cay. Còn hạng người làm nên sự nghiệp rồi khinh dể người làm ăn thất bại, thì người đó chắc chắn hậu quả sẽ bị người đời miệt khinh lại.

Ca dao Việt Nam có câu:

“Cười người chớ khá cười lâu,

Cười người hôm trước, hôm sau người cười.”

Sống ở đời, chúng ta phải biết tôn trọng lẫn nhau thì sự sống mới được êm đẹp và an vui. Biết kính trọng lẫn nhau mới kéo dài được sự sống cho mình và cho cả mọi người. Sự sống như vậy mới có ý nghĩa; nếu sống chỉ biết xảo trá lường gạt lẫn nhau ắt tinh thần không lúc nào yên ổn, dẫn đến hậu quả thân xác không được thọ mạng lâu dài, nhiều khi phải gánh lấy tai vạ. Sống ý mình khôn ngoan, coi thiên hạ chẳng ra gì, thì thiên hạ không ủng hộ, mặc dù có tài cán cũng không làm cái gì nên thân, sống như thế có ý nghĩa gì đâu; đó là người sống theo kiểu khôn mà dại. Như vậy sống mà như đã chết:

“Khôn ngoan thời những chuyện gì,

Cũng là lừa dối vậy thì dân quê.”

(Q.3: Sám Giảng)

Cần gẫm lại chút gương xưa:

Khôn như Bá-Hỉ lại phản bội gạt lừa Vua Ngô Phù Sai, cuối cùng tên gian thần này bị Việt Câu Tiễn giết chết. Mưu lược như Hàn Tín giúp cho Hán Lưu Bang thành công, lại không chịu trí sĩ an phận như Trương Lương, mà còn đòi cắt đất phong Vương, nên ông phải chết trong tay Lã Hậu. Trương Ban Xương và Tần Cối là hai tên gian thần mãi quốc cầu vinh, mưu hại Trung thần Nhạc Phi và vua Tống Khâm Tôn, về

sau hai tên gian thần này bị Ngột Truật giết chết. Dương Tu hiểu thấu lòng dạ của Tào Tháo nhưng ông không biết giữ kín miệng, nên phải chết vì tách đa nghi của Tào Tháo. Văn Chủng giúp Việt Câu Tiễn thành công, không nghe lời khuyên của Phạm Lãi* để ra đi mà ở lại nên phải chết trong tay Câu Tiễn. V.v..

Nói tóm lại, những kẻ tự cao, tự đại, chỉ biết mình khôn mà không biết người, cuối cùng rước lấy thất bại chua cay nên trở thành kẻ ngu. Đây là hạng người “khôn mà đại, sống cũng như chết”:

*“Kẻ tự cho mình khôn là đại,
Người bị cho là đại lại khôn.”*

(Thanh Sĩ)

*“Danh tiếng lẫy lừng, danh tiếng hại,
Tuổi tên lộng lẫy, tuổi tên trừ.
Bao nhiêu bay nháy, bao nhiêu đại,
Mấy trận tài khôn, mấy trận ngu.”*

(Nguyễn Công Trứ)

2.- HẠNG KHÔN NGOAN :

*“Đấng nam nhi ẩn nhẫn tùy thời,
Vây mới gọi khôn ngoan hữu chí.”*

(Q.4: Giác Mê Tâm Kệ)

Hạng người **khôn ngoan** là người sống có trí và có tâm. Họ không lường gạt ai cũng không để bị ai lường gạt, sống biết mình và biết người, không tự cao tự đại, biết hạ mình khiêm nhượng, không ý mình chê chúng. Cho nên, họ vượt qua tất cả trở ngại, mọi việc gút mắc đều được gỡ sông, bởi vì được sự ủng hộ của mọi người. Vì vậy, mọi việc làm nào cũng được thành công. Đó mới gọi là hạng người *khôn mà ngoan*, khác với kẻ *khôn mà đại*.

Sách xưa có câu:

“Minh trí khả dĩ thiệp gian nguy”

(Sáng suốt khôn ngoan vượt qua mọi gian nan nguy hiểm).

Người khôn ngoan sống là biết tùy thời, chớ không sống xu thời. Có một số người thường hay hiểu lầm câu mà người ta thường nói: “*Nắng bẻ nào che bẻ nấy*” là biết sống tùy thời. Theo sự hiểu biết của chúng tôi, đó là lối sống chỉ biết xu hướng nịnh bợ kẻ hung sùng, có uy quyền thế lực mà thôi, chớ không phải cách sống biết tùy thời. Sống tùy thời là sống biết tùy cơ ứng biến, như Đức Thầy, chống giặc Tây mà phải sống với sự đô hộ của người Tây để tìm cách chống Tây, để bảo vệ dân tộc quốc gia, mới đúng với câu: “*Tri kỷ tri bỉ bách chiến bách thắng*.” (Biết người biết ta trăm trận trăm thắng).

Xưa kia, khi thất thủ thành Hạ Bì, Quan Công định tử tiết. Trương Liêu là mưu sĩ của Tào Tháo, biết rõ ý định của Quan Công liền đi vào gặp Quan Công tìm cách dụ hàng. Quan Công thấy Trương Liêu bắt ngờ vào, liền hỏi:

- Ngươi vào gặp ta để dụ hàng phải không?

Trương Liêu đáp:

- Hôm nay tôi đến thăm ông vì tình bạn năm xưa, không phải đến đây để dụ hàng, và vì sợ tánh nghĩa khí của ông khi thành bị thất thủ mà tuấn tiết nên tôi rất uổng cho một hiền tài, nếu ông chết đi ông có 3 cái tội lớn: Tội thứ nhất ông là thân hữu dụng cho nhà Hán, ông chết đi khi Quốc gia cần đến thì đâu còn mà nhờ; tội thứ hai, ông chết rồi thì ai phò tá cho nhị tấu; tội thứ ba là huynh trưởng còn thất lạc trong khi ông chưa tìm được.

Quan Công nghe Trương Liêu phân trần có lý, liền hỏi:

- Như vậy ta phải làm sao?

Trương-Liêu mừng thầm, liền đáp:

- Người nam nhi có chí cả là phải biết tùy thời, vậy lúc này ông nên qua ở tạm với Tào Tháo để chờ cơ hội, việc này tôi sẽ giúp dùm cho.

Quan-Công suy nghĩ hồi lâu rồi trả lời:

- Thôi cũng được, nếu ta về với Tào Tháo, ta cũng xin có ba điều, nếu chấp nhận ta sẽ về ở với Tào, nếu không được thì thôi: Thứ nhất là ta đầu Hán chứ không đầu Tào, thứ nhì là lấy lương bổng của anh ta chu cấp cho nhị tẩu, thứ ba là khi ta biết huynh trưởng ta ở đâu, ta sẽ về không được ngăn cản.

Đây là cách khôn ngoan tùy thời của Quan Công để tìm con đường sống. Trương Liêu về thuật cho Tào Tháo nghe đầu đuôi tự sự. Lúc đầu Tào Tháo không chấp nhận, Trương Liêu mới phân trần cho Tào Tháo biết rằng Quan Công là người sống có nghĩa khí, khi y thọ ơn là nhớ ơn, nếu Thừa Tướng dùng y mà luôn ban ơn thì y không bao giờ vong ơn. Tháo nghe lời phân trần của Trương Liêu có lý nên cuối cùng chấp nhận ý kiến của Trương Liêu.

Nói tóm lại, tuy Quan Công về ở với Tào nhưng không đầu phục Tào, lúc nào ông cũng nuôi chí chờ cơ hội gặp lại Huỳnh trưởng để gây dựng lại cơ đồ xã tắc. Đây là lòng trung cang nghĩa khí của ông, dù ông có chết đi thì ông cũng là người sống mãi. Đức Thầy từng nói:

**-“Cuộc gian nan như Lưu Hoàng Thúc,
Qua ở nhờ Viên-Thiệu dung thân.
Quan-Công Hầu gìn chặt nghĩa ân,
Vượt năm ải về thăm Huỳnh trưởng.
Kẻ nghĩa khí thiên kim vạn lượng,
Lũ nịnh Thần sách sử nào khen.”**

(Diệu Pháp Quang Minh)

**-“Trương Tiên tá Hớn phi thân Hớn,
Quan Thánh cư Tào bất đê Tào.”**

(Trương-Lương giúp Hán không tôi Hán,
Quan-Thánh ở Tào bắt phục Tào).

Vào ngày 25 tháng Hai nhuận năm Đinh Hợi (nhằm ngày 16/04/1947), Đức Tôn Sư thọ nạn tại Đốc Vàng, PGHH phải lâm vào cảnh gà con mất mẹ nên lúc đó đồng đạo chỉ biết nương tựa lẫn nhau trong hoàn cảnh lưỡng đầu thọ địch, buộc Ông Trần Văn Soái (Năm Lửa) phải tạm đầu Pháp để bảo vệ đồng đạo trước nạn khủng bố của độc tài. Đó cũng là biết sống tùy thời.

***“Sĩ diêm tịnh tiểu nhơn lân lướt,
Thời vận hèn dụng nhược thẳng cang.”***

Hoặc:

***“Muôn năm Trời định khắc kỳ,
Ngặt ông thất thủ Hạ Bì khó toan.”***

(Xuân Hạ tác cuồng thơ)

Sử Tàu còn ghi, cái khôn ngoan của Lạng Tương Như làm Tần Chiêu Vương phải nể mặt trong lúc ông lãnh nhiệm vụ từ nước Triệu đi sứ sang Tần đem ngọc đổi thành. Khi đem ngọc quý dâng lên cho vua Tần, ông ra điều kiện là đúng 7 ngày không đổi thành thì Tần phải hoàn ngọc lại cho Triệu. Ngoài dịch xá chờ đúng 7 ngày mà không nghe vua Tần nói gì việc đổi thành hay trả ngọc, Lạng Tương Như đi thẳng vào Kim Loan điện triều kiến Tần Chiêu Vương. Ông tâu: -Tâu Bệ Hạ, hôm nay đã 7 ngày đúng kỳ hẹn nếu không đổi thành phải trả ngọc.

Tần Vương định khất lời, nói gạt Lạng Tương Như rằng ngọc hiện giờ còn ở trong hậu cung. Lạng Tương Như liếc thấy ngọc đang để trên án vua nên tâu tiếp:

- Tâu Bệ Hạ, ngọc tuy quý nhưng đã bị khòn mẻ rồi.

Vua Tần liền cầm ngọc lên hỏi Tương Như:

- Ngọc khờn mẽ chỗ nào?

Tương Như thừa dịp lấy ngọc lùi lại và râu rằng:

- Bệ Hạ nên biết rằng ngọc Biện Hòa là quốc bảo của Triệu, chúa của hạ thần rất quý, trước khi đem ngọc sang Tần, phải ăn chay năm đất 5 ngày, còn Bệ Hạ là người không biết quý ngọc, khi được ngọc ai muốn xem thì lấy xem. Thần hôm nay quyết bảo vệ ngọc quý, thà chết quyết không giao ngọc cho Tần.

Những lời xác xược, hỗn hào của Tương Như làm bá quan văn võ đều hùng hực lửa căm phẫn, chỉ chờ lệnh là phân thân Tương Như cho hả dạ. Vua Tần bình tĩnh hạ giọng:

- Thôi được, trẫm hứa vì quý ngọc, trẫm sẽ ăn chay, năm đất 5 ngày, để nhận ngọc đổi thành.

Tương-Như giả đồ xin hứa. Vua Tần truyền lệnh cho sứ thần Tương Như trở lại dịch xá, 5 ngày sau phải y hẹn giao lại ngọc. Về đến dịch xá, Tương-Như liền sai tùy tùng giả thường dân đem ngọc lên về Triệu.

Đúng 5 ngày y hẹn, Tương Như tay không vào triều kiến vua Tần. Ngày đó Tần Chiêu Vương mời chư hầu chứng kiến cảnh lấy ngọc đổi thành rất đông. Nhìn thấy Tương-Như đi vào tay không, Chiêu Vương liền hỏi:

- Ngọc đâu sao Trẫm không thấy?

Tương-Như râu:

- Ngọc đã về Triệu, lý do thần không còn tin tưởng Bệ Hạ vì “Thiên Tử bất hý ngôn” (tức Thiên Tử dù một lời nói chơi cũng không có) mà Bệ Hạ lại xem thường lời hứa, nên thần không thể giữ đúng lời hẹn với Bệ Hạ được. Hôm nay, Thần đem thân hèn này chấp nhận cái chết để đổi ngọc quý, nên Bệ Hạ muốn phân thân hạ thần xin hạ chỉ, có sự chứng kiến của chư hầu vì không được ngọc mà Bệ Hạ chém sứ.

Vua Tần nghe qua những lời đầy nghĩa khí của sứ

Triệu trong lòng rất khâm phục; vả lại, ngọc đã về Triệu rồi, giết sứ chỉ mang tiếng mà không được gì, liền ra lệnh đãi yến tiễn sứ.

Theo chúng tôi nhận xét, những lời khôn ngoan nghĩa khí của Lạng Tương Như đã: bảo tồn được 6 món: quốc thể, quốc bảo, danh dự, khí tiết, thân mạng, tấm gương anh hùng làm cho chư hầu nhà Tần phải kính nể.

Nói tóm lại, những cái khôn ngoan từ cổ chí kim, đã là tấm gương cho chúng ta học hỏi, để tùy thời vượt qua những chông gai thử thách, hầu làm cho chúng ta trở thành người khôn ngoan. Không nên xu thời vì xu thời là cái bản chất của kẻ tiểu nhân, cái lòng dạ của kẻ nịnh bợ. Cái chí của kẻ thất phu là **“ích kỷ, xu phụng kẻ giàu sang phụng người khó”**, còn người khôn ngoan sống tùy thời là có ích lợi cho mình và cho mọi người. Sống xu thời là cách sống ích kỷ hại nhân, a dua nịnh bợ; sống tùy thời là sống khôn ngoan, không ủng hộ kẻ phá đạo hại đời.

- **“Thấy quyền quý chúng hay dựa mé,
Đặng bợ bưng những kẻ hung sùng.”**

(Q.4: Giác mê tâm kệ)

- **“Khôn thì lánh chốn đau đòn,
Đại thì lòn cúi đồ ngon ăn thừa.
Hai lòng uốn lưỡi đẩy đưa,
Y hời Hạng Võ mắc lừa Trương Lương.”**

(Tù già bốn đạo khắp nơi)

Người khôn ngoan biết tùy thời thì:

- **“Khi mềm như tiếng chim oanh,
Khi hùng như chúa rừng xanh thét gầm.”**

(Thanh Sĩ)

- **“Khôn ngoan nghe nói ngân ngo,
Ngu si thì tưởng như thơ biếm đời.”**

(Q.3: Sám Giảng)

3.- HẠNG NGU-ĐÀN :

***“Vương nghiệp trần hoàn bởi quả nhân,
Gây ra kiếp số chịu phong trần.
Nay nhờ đuốc huệ soi đường tối,
Đặng rút cái ngu lẫn cái đần.”***

(Rút cái ngu đần)

Người sanh ra ở trong đời nếu không học Đạo, thì không biết đâu là tội, phước, nhân, quả, nên mạnh ai nấy sống theo thói quen của mình, làm khỏi cần suy nghĩ, hành động gây tội lỗi chẳng biết, tạo hết cái lỗi này đến lỗi nọ, gây ra tội này đến tội kia.

Do **ngu đần** khiến cho ta trở thành kẻ đại gian ác, sống hiện tại thế gian thì dễ bị tù tội, hình phạt do hành động không suy nghĩ; khi chết thì hồn bị sa đọa vào cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

***–“Chuyển luân trong nhơn vật các loài,
Căn mờ ám làm điều đại tội.”***

(Q.5, Khuyến Thiện)

***–“Người khôn nghe nói càng rầu,
Người ngu nghe nói giữa đầu cười reo.”***

(Q.1, Sám giảng khuyên người đời tu niệm)

Đức Khổng Tử nói:

“Học giả hảo bất học giả hảo (Học là tốt, hay chẳng học là tốt)

“Học giả như hòa như đạo (Người có học như lúa, như nếp)

“Bất học giả như cỏ như thảo (Người không có học như đế, như cỏ)

“Nhu hòa như đạo hề, quốc chi tịnh lương thế chi đại bảo “(Nhu lúa, như nếp, đất nước xem như ngọc quý, đời cho là châu báu).

Về mặt đạo, ngu dốt si mê tạo toàn là nghiệp dữ nên phải gánh lấy quả báo đau khổ. Về mặt đời, ngu dốt phải chịu cảnh nghèo khổ và làm nô lệ, thường bị người

đòi lường gạt.

Minh Tâm Bửu Giám, thiên Khuyên Học, cho biết:

- “*Hiếu nhân bất hiếu học kỳ tế dã ngu*” (Ham điều nhân mà không học nên bị đốt nát che khuất thành ra người ngu xuẩn dễ bị lường gạt).

- “*Hiếu trí bất hiếu học kỳ tế dã đãng*” (Thích hiểu biết mà không ham học nên cái không học nó che khuất thành luông tuông không có căn bản).

- “*Hiếu tín bất hiếu học kỳ tế dã tặc*” (Ham chữ tín mà không ham học nên bị che khuất thành phải làm giặc), như anh Vô Não ngu đốt tin rằng nếu giết được 100 người lấy 1.000 lóng tay kết lại thì có được phép thần thông.

- “*Hiếu trực bất hiếu học kỳ tế dã giáo*” (Thích việc ngay thẳng mà không ham học nên bị che khuất trở thành kẻ sỗ sàng ngang ngược), như Trương Phi trong thời Tam Quốc bên Tàu.

- “*Hiếu dũng bất hiếu học kỳ tế dã loạn*” (Ham có sức mạnh mà không ham học nên bị che khuất hay làm loạn), như Lữ Bố trong truyện Tàu.

- “*Hiếu cương bất hiếu học kỳ tế dã cuồng*” (Thích cứng rắn mà không ham học nên bị che khuất trở thành kẻ điên rồ), như Trình Giảo Kim buổi đầu trong sử Tàu.

Học ở đây là học đạo đức lễ độ chứ không chỉ học ở văn chương chữ nghĩa.

Nói tóm lại, nếu chúng ta sống mà không học hỏi, chúng ta sẽ trở thành kẻ ngu đần. Cuộc sống luôn bị lợi dụng, bị lường gạt, sống trong cái đau khổ, nghèo túng, hoạn nạn, chỉ biết sống theo cái sở dục nhỏ nhen đê tiện, và sống để gây ra toàn là nghiệp dữ nên phải gánh chịu quả báo luân hồi đau khổ.

Đức Phật xưa nói rằng: “*cái khổ của con lừa kéo xe, cái khổ của kẻ tạo tội đọa địa ngục, không bằng cái*

khô của kẻ ngu si tằm tối không biết tìm ra con đường giải thoát khô sở, luân hồi”. Đức Thầy nay cũng nói:

**-“Quá sung sướng rồi quên đạo ngộ,
Nào khác chi loại thú rừng sảng.
Vật hổ lang đâu biết đạo hằng,
Chỉ có biết ngủ ăn, ăn ngủ.
Khi đói môi mặt mày sù sụ,
Chạy quơ quào vật nhỏ đặng ăn.
Đến chết thân đây lữ ruồi lẩn,
Bu nút thịt của loài bạo ác.”**

(Sa Đéc)

**-“Muốn bán cái ngu lẫn cái đần,
Ngu đần cả nước lẫn cùng dân.
Sớm lo lòn cúi, chiều ăn ngủ,
Chẳng biết liệu toan gỡ nợ nần.”**

(Rút cái ngu đần)

Tóm lại, tai hại của cái ngu đần gồm có:

1/- Cá nhân ngu đần là cá nhân đó phải chịu đau khổ nghèo túng và bị người khinh bỉ và hay bị lường gạt.

2/- Dân tộc ngu đần là dân tộc lạc hậu, nước mất nhà tan, dân tộc nô lệ.

3/- Chúng sanh ngu đần, luân hồi thống khổ.

4/- Tín-đồ ngu đần, Đạo bị đoạn diệt.

5/- Chế độ ngu đần, chế độ diệt vong.

4.- HẠNG GIẢ NGU:

**“Bây giờ giả dại giả ngu,
Cũng như Nhơn Quý ở tù ngày xưa.”**

(Q.1: Sám giảng khuyên người đời tu niệm)

Nói đến **giả ngu** là nói đến các đáng cứu thế, kẻ hiền tài khi chưa gặp thời vận, như Tôn Tần phải giả điên để qua mắt Bàng Quyên; nhờ thế mà ông được thoát nạn. Điển hình nhất là Đức Huỳnh Giáo Chủ.

Ngài đản sanh cuối năm Kỷ Mùi âm lịch (đầu năm 1920) đến năm trước ngày mở Đạo (18-5 năm Kỷ Mão, 1939), trong thời gian chưa khai đạo, Ngài là một người bình thường như bao người khác, cũng vào trường học như bao đứa trẻ đồng tuổi. Khi Ngài vừa học hết Tiểu học, vì cơn bệnh buộc phải rời ghế nhà trường để trị bệnh. Đức Ông đem Ngài đi khắp nơi lo thang thuốc, cơn bệnh của Ngài khi thăng khi giáng, khắp An-giang không ông thầy thuốc giỏi nào mà không biết mặt Ngài. Khi sắp khai Đạo, Ngài dẫn Đức Ông và ông Biện Đài du sơn trên vùng Bảy Núi (An-Giang) và núi Tà-Lon trên đất Cam-Bốt, Ngài mới thổ lộ đôi chút nhiệm màu cho Đức Ông và ông Biện Đài chứng kiến. Đến ngày 18/05 năm Kỷ Mão (1939) vì thời cơ đã đến, Ngài hóa hiện ra đời khai sáng Đạo PGHH để cứu độ chúng sanh, lúc bấy giờ Ngài tỏ ra là bậc tài ba xuất chúng. Thế mà Ngài phải giả “khùng, điên” trong suốt thời gian đi hóa đạo để vượt qua nguy nan trong hoàn cảnh khó khăn.

Giả ngu là một đức tánh khiêm nhường của Phật, Thánh và để qua mắt những kẻ có lòng ganh tỵ:

***“Xác ta vốn là người quê dốt,
Nên mở mang chưa được mấy rành.”***

(Kệ dân của người Khùng)

Chớ thật ra là:

***“Thân bản tăng mặc bộ sòng nâu,
Cuộc thiên lý một bầu điều hăn.”***

(Nang thơ cầm tú)

Thánh Nhơn có câu:

- *“Thông minh duệ trí thủ chi dĩ ngu* (Tuy thông minh sáng suốt giả như người ngu vậy).

- *“Đồng lực chấn thế thủ chi dĩ khiếp* (Sức mạnh hơn đời giả như người nhát).

- *“Công bị thiên hạ thủ chi dĩ khiêm* (Công lao hơn thiên hạ nhưng vẫn khiêm tốn).

- “*Phú hữu tứ hải thủ chi dĩ nhượng*” (Giàu có bốn biển nhưng vẫn nhường người).

Đức Thầy có câu:

“*Điên đây còn dại còn khờ,*

***Yên lặng như tờ coi chúng làm sao.*”**

(Q.1: Sấm giảng khuyên người đời tu niệm)

Xưa, trong thời Chiến quốc bên Tàu, Kỷ Sảnh làm quan nước Vệ, ông có tài nuôi gà đá, vào đấu trường trăm trận trăm thắng. Ông lãnh nuôi gà cho Vua hằng ngày, sẵn sóc luyện tập cho gà trước khi vào đấu trường. Vua đến xem gà trong lúc đó Kỷ Sảnh đang rải lúa cho gà ăn. Vua hỏi Kỷ Sảnh:

- Gà vào đấu trường được chưa?

Kỷ Sảnh đáp:

- Tâu Bệ hạ, gà này còn háo thắng, khi nghe gà khác gáy, nó cũng vỗ cánh gáy theo.

Mười ngày sau, Vua cũng hỏi:

- Gà đấu được chưa?

Kỷ-Sảnh đáp:

- Tâu Bệ hạ chưa đấu được vì nó còn quá háng máu. Thấy gà khác sừng lông nó cũng sừng lông.

Ít ngày sau, Vua đến cũng hỏi như thế, Kỷ Sảnh thưa:

- Tâu Bệ hạ gà còn tức khí. Thấy gà khác đến gần, nó còn đỏ mặt.

Đến lần thứ tư, vua hỏi:

- Gà đấu được chưa?

Kỷ Sảnh:

- Tâu Bệ hạ, gà đấu được rồi, vì nó đã mất tướng háo thắng, tướng háng máu, tướng tức khí, nó đã dẫu hết cái ngón hay, nay nhìn nó như khúc củi vậy, gà này thần bảo đảm trăm trận trăm thắng.

Lời bình: Con người cũng như thế, nếu người nào dẫu hết cái hay, cái thông minh, cái tài hoa của mình,

giả như ngu, như dở thì người đó có tài kinh bang tế thế, là bậc hiền hơn quân tử. Trái lại, kẻ nào mà khoác lác, khoe khoang thì kẻ đó không có tài cán chi hết.

Nói tóm lại, **giả ngu** là đức tánh khiêm nhường của bậc tài trí xuất chúng, là đức khiêm nhường của Phật, của Thánh hơn, là tấm gương cho kẻ tự cao tự đại, hay khoe mình mà chẳng làm được cái gì nên thân.

Sách có câu:

“*Thần nhân vô công* (Thần làm không kể công),

“*Chí nhân vô kỷ* (Người quân tử vì người không vì mình),

“*Thánh nhân vô danh* (Thánh nhân không khoe tên tuổi).

Đức Thầy nói:

**“*Vì Diên chưa đến cái thời,
Nên còn ẩn dạng cho người cười chê.*”**

(Q.1: Sấm giảng khuyên người đời tu niệm)

LỜI KẾT:

Qua đề tài “**khôn cũng chết, dại cũng chết, biết là sống**”, chúng tôi nhận thấy rằng bài học trong bài thơ “Đại Khôn” sau đây thật vô cùng quý giá:

“*Nên biết rõ ràng dại với khôn,*

“*Có chi rằng dại, có chi khôn.*

“*Khôn trong việc ác là khôn dại,*

“*Dại biết làm lành ấy dại khôn.*

“*Nếu biết tài khôn là hóa dại,*

“*Thôi thì đừng dại cũng đừng khôn.*

“*Sống sao khôn dại đều biết rõ,*

“*Mới thoát ngoài vòng dại với khôn.*”

“Biết là Sống” có nghĩa là biết sống theo thiên lý, sống theo lòng hơn, nên có câu: “*Thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong.*” (Thuận theo ý trời là còn, nghịch ý trời là mất mạng). Thuận theo ý trời nghĩa là

thuận theo lòng lành của mình do trời phú, đây mới đúng với câu “biết là sống”. Đức Thầy nói:

- ***“Thương hải tang điền ắt chẳng yên,
Thiên ý diệt gian dĩ thiện riêng.”***

(Lộ chút cơ huyền)

- ***“Cứu lương hiền chẳng cứu người hung,
Kẻ gian ác đến sau tiêu diệt.”***

(Q.2: Kệ dân của người Khùng)

Nam mô A Di Đà Phật!

HỒNG LIÊN cư sĩ

*Lời của Phạm-Lãi:

“Cao điểu tận, lương cung tàn; giảo thố diệt, cẩu tẩu phanh; địch quốc phá, mưu thần vong.” (Chim trời không còn, cung bị bẻ; thỏ rừng hết, chó săn bị làm thịt; dẹp giặc xong, mưu thần phải vong mạng).

ĐỨC THẦY VÀ LÒNG ÁI QUỐC

Ngô Tấn Nghĩa

Kể từ ngày ra mở Đạo, 18-5-Kỷ Mão (4-7-1939), đến ngày thọ nạn ra đi (25-2 nhuận-Đinh Hợi, 16-4-1947), Đức Thầy đã xả thân công hiến ơn cứu khổ cứu nạn cho thế gian *7 năm 10 tháng 12 ngày*, trong đó, gần 6 năm thuần túy hoằng pháp và non 2 năm dẫn thân cứu quốc. Đó là thời kỳ vô cùng đen tối, đầy máu và nước mắt trong lịch sử cận đại nước nhà. Đức Thầy phải trải qua những bước truân chuyên trong thời gian mở Đạo dưới họa thống trị của Thực dân Pháp; những năm kế tiếp Ngài phải đương đầu với từng cơn lốc xoáy trong thời kháng Pháp quay lại thống trị nước ta lần thứ hai, bên cạnh âm mưu hãm hại của họa Cộng sản Đệ tam Quốc tế núp dưới chiêu bài liên hiệp chống ngoại xâm. Sự ân nhân và hy sinh gian khổ của Ngài không có bút mực nào tả xiết. Quả thật, chỉ có bậc Đại Bồ-tát xuống thế cứu đời mới có thể vượt qua một cách thung dung tự tại.

Xem lại trang sử bi hùng trong khoảng đời cứu dân cứu nước của Đức Thầy, chúng ta sẽ thấy lòng ái quốc thương dân rộng lớn vô biên của Ngài. Chỉ một giai đoạn lịch sử vồn vện có 2 năm, kể từ ngày Nhựt đảo chánh Pháp (9/3/45) đến ngày Việt Minh Cộng Sản bày mưu ám hại Ngài tại Đốc Vàng Hạ (16-4-47 nhằm 25-2 nhuận, năm Đinh Hợi), Đức Thầy đã nêu cao một tấm gương đạo đức ái quốc chưa từng thấy.

Đối với Đức Thầy, đạo đức và chánh trị luôn luôn được kết hợp song hành. Ngài đã dẫn thân vào chánh trị trong giai đoạn cam go nhất của lịch sử cận đại không ngoài mục đích trang trải *nợ đời*, hoàn thành nền đạo đức mà Ngài có sứ mạng xuống thế hoằng truyền:

“Tu đền nợ thế cho rồi ,

Thì sau mới được đứng ngồi tòa sen.” (SGTV: Q.3)

“Nợ thế” ở đây chính là ân nợ Đất Nước, một trong bốn ân nợ của đạo Tứ Ân mà người con Phật sống trong xã hội đều mặc nhiên thọ nhận và có nghĩa vụ đền đáp: Ân Tổ Tiên Cha Mẹ, Ân Đất Nước, Ân Tam Bảo, Ân Đồng Bào và Nhân Loại.

Sau khi khai Đạo không lâu, số người tìm đến qui y thọ giáo với Đức Thầy quá đông đã khiến nhà cầm quyền Pháp theo dõi lưu ý. Đến ngày 18-5-1940 (12-4-Canh Thìn), người Pháp không để Ngài tự do truyền giáo tại làng Hòa Hảo nữa; họ cưỡng bách Ngài rời khỏi Hòa Hảo tới trình diện tại Tòa Bộ tỉnh Châu Đốc. Ngày hôm sau, thi hành mật lệnh của Thống Đốc Nam Kỳ, công an Pháp áp giải Ngài đến tỉnh Sa Đéc khởi đầu một cuộc sống lưu cư, rày đây mai đó, do họ chỉ định. Ở Sa Đéc, Ngài viết bài thơ “Sa Đéc” nói lên nỗi lòng bi thống đối với các tín đồ của Ngài đang tụ tập đông đảo bên ngoài, trước hoàn cảnh đầy “chông gai” của xứ sở. Bài thơ có đoạn như sau:

*“Muốn lập Đạo có câu thành bại,
Sự truân chuyên của khách thiên môn.
Khấp sáu châu nức tiếng người đồn,
Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh.
Tiếng gọi đời sông mê hãy lánh,
Chạm lợi quyền giàu có cạnh tranh.
Bước gai chông đường đủ sỏi sành,
Đành tách gót lìa quê hương dã.
Ta cũng chẳng lấy chi buồn bã,
Bởi sự thương của bực siêu nhơn.
Dầu gian lao dạ sắt chẳng sờn,
Miễn sanh chúng thông đường giải thoát”.*

(SGTV: Bài Sa-Đéc)

Ngày 23-5-40 (17-4-Canh Thìn), sau 5 hôm ở Sa Đéc, Ngài bị dời tới Cần Thơ, tạm trú tại nhà ông

Hương bộ Thanh (làng Nhơn Nghĩa). Rồi ngày 28-7-40, Ngài được chuyển vào bệnh viện Cần Thơ và đến nhà thương điên Chợ Quán (Sài Gòn) giao cho y sĩ Trần Văn Tâm coi sóc. Ngày 5-6-41, Ngài bị đưa xuống tỉnh Bạc Liêu, tạm trú tại nhà ông Võ Văn Giới, Ngài bị buộc đến trình diện tại bót cò hàng tuần. Chính nơi đây là cơ hội để Ngài kết nạp thêm nhiều thành phần trí thức đến qui y vào Đạo. Tuy gian nan như thế mà tấm lòng Bồ-tát của Ngài không hề lay chuyển và đã thông dong thốt lên hai câu thơ đáng nhớ:

*“Càng đi càng biết nhiều nơi,
Càng đem chơn lý tuyệt vời phổ thông.”*

(SGTV: Bài Từ Già làng Nhơn Nghĩa)

Vào tháng 10-1942, có tin mật thực dân Pháp dự định đưa Ngài đi an trí bên Lào. Ngài được các tín đồ thân cận liên lạc với hiến binh Nhựt để xin giúp đỡ. Ngài được bí mật chuyển đến ẩn cư tại Sở Hiến Binh Nhựt tại đường Lefèbvre (Sài Gòn). Nơi đây Ngài được người Nhựt bảo hộ cho đến ngày Nhựt đảo chánh Pháp (9-3-1945). Tại Sở Hiến Binh Nhựt, Ngài biết bụng dạ người Nhựt chẳng phải tốt gì với nhân dân Việt Nam và nay đối với Ngài cũng chỉ là muốn gây cảm tình để lợi dụng khối tín đồ đông đảo của Ngài nhằm chuẩn bị chống lại quân Đồng Minh nên Ngài than thở:

*“Trương Tiên qui Hón phi thần Hón,
Quan Đế cư Tào bất đế Tào”*

(Trương Tiên ở với nhà Hán mà không theo Hán, Quan Công nương tựa Tào Tháo mà không hề thần phục Tào Tháo).

Sau ngày Nhựt đảo chánh Pháp (9-3-45) để thay Pháp nắm quyền lãnh đạo trên toàn cõi Đông Dương, tình hình thế giới biến chuyển bất lợi cho quân phiệt Nhựt trước sự đầu hàng nhiều nơi của liên quân Đức-Ý ở Âu châu và tình hình quốc nội Việt Nam cũng xáo

trộn mạnh với sự trỗi dậy của Mặt Trận Việt Minh do Cộng Sản Đệ Tam Quốc Tế lãnh đạo. Đức Thầy đã tiên đoán “*Nhứt Bồn ăn không hết nửa con gà*” (ý nói người Nhứt cầm quyền không quá nửa năm Ất Dậu, 1945).

Ngày 10-3-45, Nhứt tuyên bố *trao trả độc lập* cho Việt Nam. Đảng Việt Nam Quốc Gia của Hồ Văn Ngà được thành lập trước đây liền đổi tên đảng **Việt Nam Quốc Gia Độc Lập**.

Ngày 11-3-45, vua Bảo Đại ra chiếu hủy bỏ tất cả các Hòa Ước bất bình đẳng mà Việt Nam đã ký với Đế quốc Pháp và tuyên bố “Việt Nam Độc Lập”; ngày 17-4-45, nhà vua mời Học giả Trần Trọng Kim thành lập **Chánh Phủ Việt Nam Độc Lập** với quốc hiệu là **Đế Quốc Việt Nam** (tức nước Việt Nam Quân Chủ Lập Hiến).

Nhằm ngăn cản tin đồn tránh bạo động trước tình hình mới, Đức Thầy từ Sài Gòn đã ra Huấn Lệnh gửi về Miền Tây Nam Bộ như sau (SGTVTB 2015 tr. 489):

HUẤN LỆNH

Hỡi tất cả thiện-nam tín-nữ !

Ngày mà chúng ta chịu khổ dưới gót giày của người Pháp và bọn quan lại hung tàn vừa qua. Kể từ nay tôn giáo của chúng ta sẽ được tự do truyền bá. Vậy tôi nhân cơ hội này tỏ cho các người được hiểu rằng:

Đạo Phật là đạo từ-bi bác-ái, dĩ đức hạo sanh khoan hồng đại độ; tuy tình thế có đổi thay chớ tâm lòng nhơn chẳng đổi.

Vậy hãy coi toàn dân cũng như anh em một nhà, mong họ liên kết với chúng ta để kiến-thiết lại quê-hương cùng nền Đạo nghĩa. Những kẻ bạo-tàn từ trước đến giờ, nay đã ăn-năn giác-ngộ thì hãy dĩ đức nhiều

dung tội trạng của họ, để sau này quốc-gia định-đoạt, còn mình chỉ khuyên họ trở lại đường lành, chớ chẳng nên làm điều gì thái quá mà động đến từ tâm của chư Phật.

*Mong các người hãy tuân theo Huấn Lệnh này.
Sai-gòn, ngày 2 tháng 2 Ất Dậu (1945)*

Và tiếp theo sau là lời thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào Việt Nam đề cao cảnh giác, xóa bỏ hận thù, tránh bạo loạn gây cảnh nôi da xáo thịt. Ngài còn căn dặn những điều cần tránh và những việc nên làm (SGTVTB 2015 tr. 490):

HỒI ĐỒNG BÀO VIỆT NAM !

Nước nhà đã tuyên bố độc lập. Kẻ thù giết cha ông chúng ta hầu hết đã bị giam cầm. Giờ đây, bốn phận của mỗi người Việt-Nam cần phải làm thế nào cho sự độc lập hoàn toàn của nước nhà chóng thực hiện.

Vậy tôi khuyên tất cả đồng bào muốn tỏ ra xứng đáng với người dân một nước tự do thì chúng ta hãy nên đoàn kết chặt chẽ cùng nhau, hãy quên hết những mối thù hiềm ganh ghét, đừng bày ra cái họa nôi da xáo thịt khiến ngoại nhân khinh bỉ một dân tộc như dân tộc Việt-Nam ta đã có nhiều tấm lòng nhân hậu và những trang sử vẻ vang. Còn bọn sâu dân một nước để sau này cho Tòa án quốc gia định đoạt, hiện giờ hãy rần tuân theo kỷ luật của nhà binh.

Lo trả thù riêng, đốt phá nhà cửa, hoặc trộm cướp sát-nhân, làm rối trật tự, có hại cho sự kiến thiết quốc gia: Kẻ yêu nước chẳng nên làm.

Những người lính Việt-Nam trong quân đội Pháp thoát ngũ hãy ra nhà binh Nhứt ghi tên, sẽ vô tội. Những lính cảnh-sát hãy đem khí-giới ra nộp và hiệp

tác với nhà đương cuộc để giữ an-ninh. Những kẻ trộm cướp có khí-giới hãy đem khí-giới nộp và thú tội sẽ được tha thứ.

Bình-tĩnh hiệp-tác chặt-chẽ với nhà đương cuộc, giữ sự an-ninh cho dân-chúng, có lợi cho sự kiến-thiết quốc-gia: Kẻ yêu nước nên làm.

Nhân danh cho Việt-Nam Độc-Lập Vận- Động Hội
kiêm Cố-Vấn Danh-Dự Việt-Nam Ái-Quốc Đảng
Ký tên: HÒA-HẢO
Sài-Gòn, tháng 2 Ất-Dậu (1945)

Kế tiếp, Ngài lại gửi thư riêng cho bốn đạo khuyên phải xóa bỏ sự trả thù để xứng đáng với tấm lòng từ bi đạo đức của người con Phật (SGTVTĐ 2015 tr. 491):

LỜI RIÊNG CHO BỐN ĐẠO

Tôi ở Sài-Gòn khi cuộc đảo chánh xảy ra, vẫn đoán biết sẽ có vài chuyện chẳng hay trong quân-chúng, lập tức gửi thơ về khuyên giải mọi người, nhưng vì đường giao-thông bất tiện mà thơ ấy đến rất chậm trễ, tôi lấy làm chẳng vui mà thấy một vài người trong Đạo và ngoài đời nhận lấy cái danh-từ của tôi mà làm một ít cử-chỉ trả thù không có xứng đáng với tấm lòng đạo-đức từ-bi; trước kia chúng nó hà-khắc ta, chúng nó đành; ngày nay ta hà-khắc lại, sao đành. Vì lòng chúng nó đầy sự hung-tàn, còn lòng ta lại đầy nhân ái !

Nên kể từ nay, kể nào trong Đạo còn làm điều gì không có mạng lệnh sẽ bị loại ra khỏi Đạo và giao nhà đương-cuộc xử một cách gắt-gao.

Ký tên: HÒA-HẢO
Sài-Gòn, tháng 2 Ất-Dậu (1945)

Ngày 18-3-1945, Đức Thầy ra hiệu triệu gọi toàn dân để thành lập **Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội** (xem SGTVTB 2015 tr. 492-499). Vì Ngài cho rằng Việt Nam chưa có độc lập thật sự; Ngài tuyên bố ngay trong cuộc biểu tình “mừng độc lập” của lãnh tụ Hồ Văn Ngà tại Vườn Ông Thượng (Sài Gòn). Lẽ dĩ nhiên, tổ chức Việt Nam Vận Động Hội của Đức Thầy bị người Nhựt ngăn cấm hoạt động.

Để tỏ tình đoàn kết trong lãnh vực Phật Giáo, tháng 5-1945, Đức Thầy vận động thành lập **Việt Nam Phật Giáo Liên Hiệp Hội** sau khi Ban Trị Sự Trung Ương PGHH được thành hình.

Bấy giờ, quân đội Đồng Minh, rảnh tay ở Âu Châu, quân Anh, Pháp kéo sang liên kết với Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch và quân đội Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương, tập trung triệt hạ quân đội Nhựt Hoàng. Họ phong tỏa tất cả các đường giao thông, thủy lẫn bộ, giữa Nam Bắc Việt Nam, khiến quân Nhựt bị kiệt quệ lương thực và thiếu năng lượng trầm trọng. Do đó, nạn đói ở Bắc Kỳ xảy ra khủng khiếp, giết chết trên 1 triệu dân từ cuối năm 1944 sang qua năm 1945 trước sự bất lực hoàn toàn của Chánh phủ Trần Trọng Kim. Bắt đầu ngày 10-6-1945 đến tháng 8-1945, Đức Thầy phải dẫn thân đi khuyến nông khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ và vận động cứu đói bằng phương tiện xe thô chuyên gạo qua từng chặng ra tận Bắc Kỳ. Trong dịp này, Ngài đã bày tỏ sự hành đạo của Ngài trước vận nước đảo điên trong bài thơ “Tặng Thi Sĩ Việt Châu”, một tín đồ trí thức thân tín bên cạnh Ngài:

*“Tặng-sĩ quyết chùa, am bé cửa,
Tuốt gươm vàng lên ngựa xông pha.
Đền xong nợ nước thù nhà,
Thiền môn trở gót Phật-Đà Nam-mô.”*

Ngày 6-8-45, Hoa Kỳ thả trái bom nguyên tử đầu tiên hủy diệt cả thành phố Hiroshima của Nhật; ngày 7-8-45, Chánh phủ Trần Trọng Kim đệ đơn từ nhiệm lên vua Bảo Đại. Ngày 9-8-45, Hoa Kỳ thả tiếp trái bom nguyên tử thứ hai xuống thành phố Nagasaki của Nhật; ngày 15-8-45, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng quân Đồng Minh vô điều kiện.

Trong khoảng thời gian đó, ngày 14-8-1945, Đức Thầy cho ra đời **Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất (MTQGTN)**; với bí danh Hoàng Anh, Ngài được bầu làm Chủ tịch Mặt Trận này - Mặt Trận nhằm thống nhất toàn dân yêu nước không phân biệt khuynh hướng chính trị và tôn giáo. Ngày 21-8-1945, MTQGTN tổ chức cuộc biểu tình vĩ đại ở Sài Gòn, quy tụ hơn 200 ngàn người hưởng ứng trên khắp các đường phố, nêu cao khẩu hiệu cương quyết chống đế quốc Pháp trở lại Đông Dương. Tuy nhiên, MTQGTN bị các lãnh tụ Cộng Sản Đệ Tam âm mưu quấy phá và quyết lòng triệt hạ vì họ sợ làm lu mờ Mặt Trận Việt Minh do họ thành lập và lãnh đạo. Ngày 22-8-45, tổ chức **Thanh Niên Tiền Phong** của Phạm Ngọc Thạch* rút ra khỏi MTQGTN và tuyên bố gia nhập Mặt Trận Việt Minh. (*Phạm Ngọc Thạch là một bác sĩ tốt nghiệp ở Pháp về nước, đã bí mật gia nhập đảng Cộng Sản trước khi lãnh đạo Thanh Niên Tiền Phong; Thạch là Bộ trưởng Y tế đầu tiên trong Chánh Phủ VNDCCH của Hồ chí Minh).

Ngày 23-8-1945, vua Bảo Đại thoái vị, Việt Minh lên nắm chính quyền thay cho Chánh phủ Trần Trọng Kim. Tại Nam Bộ, Khâm sai Nguyễn Văn Sâm họp với thủ lĩnh Việt Minh Trần Văn Giàu để duy trì MTQGTN nhưng bất thành vì Việt Minh đã cố ý giải tán MTQGTN ngay từ đầu, do đó, MTQGTN yếu thế hơn nên phải tự ngưng hoạt động. Hôm sau (24-8-45) tại nội thành Huế, vua Bảo Đại trao ấn kiếm cho đại

diện Việt Minh để trở thành “công dân Vĩnh Thụy”. Cùng ngày này, Việt Minh cướp chánh quyền ở Sài Gòn và thành lập Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ với Trần Văn Giàu là chủ tịch.

Ngày 2-9-1945 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh ra mắt Chánh phủ Liên hiệp **Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa** và công bố bản “Tuyên Ngôn Độc Lập” của họ.

Trong Nam, Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ sau ngày thành lập, biểu lộ bộ mặt độc tài sắt máu; họ tìm đủ cách để loại trừ, thậm chí thủ tiêu, các thành phần quốc gia yêu nước. Tại Cần Thơ, ngày 8-9-1945 (3-8-Át Dậu), đoàn thể PGHH xin phép UBHC tỉnh tổ chức cuộc biểu tình ủng hộ Chánh phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nhưng chống lại chánh sách độc tài của Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ. Cuộc biểu tình này, quy tụ hàng chục ngàn tín đồ PGHH, bị Việt Minh đàn áp dã man, bắt nhốt hàng ngàn người vào khám lớn; 3 vị lãnh đạo cuộc biểu tình là Huỳnh Thạnh Mậu (bào đệ của Đức Thầy), Trần Văn Hoàn (con trưởng nam của tướng Trần Văn Soái) và Thi sĩ Việt Châu Nguyễn Xuân Thiếp bị họ đem xử tử tại sân vận động Cần Thơ ngày 7-10-1945 (2-9-Át Dậu).

Ngay sau ngày cuộc biểu tình của tín đồ PGHH bị đàn áp ở Cần Thơ, tại Sài Gòn ngày 9-9-1945 (4-8-Át Dậu), Trần Văn Giàu hạ lệnh vây bắt Đức Thầy tại trụ sở PGHH (số 8 đường Sohier, góc đường Miche). Đức Thầy đã tránh né kịp nên họ không tìm gặp; sau đó, tín đồ đã đưa Ngài vào ẩn náu trong chiến khu Miền Đông Nam Bộ (Rừng Chà-là) do Bình Xuyên kiểm soát.

Cũng trong lúc này, quân đội Đồng Minh đang giải giới quân Nhật trên toàn cõi Đông Dương. Từ vĩ tuyến 16 trở ra, cuộc giải giới do quân Trung Hoa Dân Quốc phụ trách, từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam, do quân Anh, Pháp phụ trách.

Ngày 13-9-45 Tướng Anh Douglas Gracey thay mặt quân Đồng Minh đến Sài Gòn để phụ trách giải giới quân Nhật. Pháp theo chân quân Anh trở lại Sài Gòn và tái chiếm Nam Bộ. Ngày 25-9-1945 Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ bị tướng Anh Douglas Gracey tổng xuất ra khỏi trụ sở Dinh Gia Long nên phải rút về Chợ Đệm thành lập Ủy **Ban Hành Kháng Nam Bộ** do Phạm Văn Bạch làm chủ tịch.

Sau khi tình hình ở Sài Gòn lắng dịu, Đức Thầy từ chiến khu Miền Đông về lại Chợ Lớn vào tháng 1 năm 1946. Ngài liên lạc dàn xếp các vụ xung đột giữa Việt Minh và Phật Giáo Hòa Hảo ở các tỉnh Miền Tây Nam Bộ.

Ngày 4-2-1946 Cao Ủy Đông pháp D'Agencieu cho khai sinh cái quái thai "**Nam Kỳ Quốc**" với Thủ tướng Nam Kỳ Tự Trị là Bác sĩ Nguyễn Văn Thinh.

Ngày 6-3-1946 ở thủ đô Hà Nội, Chánh phủ Hồ Chí Minh đồng ý ký Hiệp Ước sơ bộ với đại diện Chánh phủ Pháp để rảnh tay đương đầu với Pháp mà quay sang tiêu diệt đối lập (các đảng phái quốc gia yêu nước); chính Hiệp Ước này đã dành cho Pháp sự thuận lợi trở lại tái chiếm Việt Nam mà không phải nổ súng.

Tình hình mới đã đặt nhân dân Việt Nam trước khúc quanh lịch sử: hoặc cam tâm làm nô lệ Pháp hoặc quật cường chống ngoại xâm giành độc lập. Ngày 2-4-1946 Ủy **Ban Liên Hiệp Kháng Chiến** ra đời tại Bà Queo (Sài Gòn) nhằm mục đích liên hiệp các lực lượng quân sự để kháng Pháp. Ngày 20-4-1946, Đức Thầy (bí danh Hoàng Anh), cũng tại Bà Queo, cho ra đời **Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp** và Ngài được bầu làm chủ tịch. Mặt Trận vừa bị Việt Minh chống phá, vừa bị Pháp đàn áp nên phải ngưng hoạt động 3 tháng sau đó. Từ tháng 7-1946 chính là thời điểm chấm dứt sự hợp tác chánh trị giữa Việt Minh và PGHH. Để tiếp tục cuộc

kháng chiến đuổi ngoại xâm, Đức Thầy phải liên kết các đoàn thể quốc gia lẻ tẻ và thành lập **Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng** (gọi tắt là **Dân Xã Đảng**) vào ngày 21-9-1946 tại Chợ Lớn. Là người sáng lập nhưng Đức Thầy và tín đồ PGHH không giữ vị trí quan trọng trong Ban Chấp Hành Dân Xã Đảng. Ban Chấp Hành đầu tiên của Dân Xã Đảng gồm có:

Thủ lãnh sáng lập: Huỳnh Phú Sổ (PGHH)

Chủ tịch kiêm Ủy viên Ngoại giao: Nguyễn Văn Sâm (nhân sĩ)

Tổng Bí thư: Nguyễn Bảo Toàn (nhân sĩ)

Ủy viên Chánh trị: Trần Văn Ân (nhân sĩ)

Ủy viên Tuyên huấn: Lê Văn Thu (nhân sĩ)

Ủy viên Liên lạc: Lê Văn Thuận (PGHH)

Các Ủy viên khác: Lâm Văn Tết (nhân sĩ), Đỗ Phong Thuần (nhân sĩ), Trần Văn Tâm (PGHH), ...

Một số tín đồ PGHH thắc mắc về thành phần trên, Đức Thầy đã giải thích đại khái như sau: *“Đã hợp tác thì nên thành thật và đặt người cho đúng chỗ, xứng với tài năng. Mục đích là cứu nước nên cần ủng hộ cho người ta làm, đừng tị hiềm, tranh giành địa vị mà hư việc lớn. Mình có khối quần chúng PGHH lớn nên cần hậu thuẫn cho các chiến sĩ cách mạng dấn thân tranh đấu cứu nước”*.

Theo nhận xét của tác giả Nguyễn Long Thành Nam qua tác phẩm “PGHH Trong Dòng Lịch Sử Dân Tộc” (tr.407) thì những lý do chính yếu mà Đức Thầy đã thành lập VNDCXHĐ như sau:

- Tạo môi trường hợp tác giữa PGHH và các nhà ái quốc chon chánh (phối hợp quần chúng và trí thức) để tăng cường hiệu năng kháng chiến giành độc lập.

- Đối kháng âm mưu Cộng sản hóa đất nước nhằm thực hiện chế độ độc tài đảng trị của đảng Cộng Sản Đông Dương.

- Tạo môi trường thích hợp cho các tín đồ PGHH tham gia đấu tranh, hành sử giáo lý Tứ Ân, tránh mang danh nghĩa tôn giáo vào trường tranh đấu.

- Vạch ra một chủ trương tiến bộ để xây dựng đất nước theo chế độ dân chủ xã hội tự do trên căn bản một nền kinh tế tư hữu xã hội (không theo vô sản cũng không theo tư bản cực đoan).

Dân Xã Đảng, sau ngày thành lập, phát triển rất nhanh vì sẵn có khối quần chúng PGHH đến mấy triệu người làm hậu thuẫn. Việt Minh Cộng Sản rất lo ngại nên tìm đủ mọi cách để tiêu diệt chánh đảng này. Một mặt họ cho cán bộ len vào hệ thống mật thám Pháp để cung cấp tin hoạt động của Dân Xã cho Pháp đưa quân đến khủng bố các vùng có đông cư dân PGHH, mặt khác, chính họ trực tiếp sát hại đảng viên Dân Xã không nương tay. Báo Quần Chúng là cơ quan ngôn luận của Dân Xã Đảng bị ném lựu đạn. Cuộc xô xát khốc liệt giữa Dân Xã và Việt Minh xảy ra nhiều nơi ở Miền Tây Nam Bộ.

Để làm nhẹ tình hình xung đột, ngày 14-11-1946, Đức Thầy nhận lời tham gia Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ với chức vụ Ủy viên Đặc biệt và cũng để chúng tỏ cho toàn dân thấy rằng Ngài không hề chủ trương chia rẽ trong cuộc kháng chiến chống Pháp để giành độc lập.

Mặt khác, một Ủy ban hòa giải được thành lập để giải quyết những vụ xung đột giữa Việt Minh và Dân Xã ở Miền Tây. Nhưng ủy ban này đã thành vô hiệu trước ý định cương quyết tiêu diệt Dân Xã của đảng Cộng Sản.

Trước tình thế lưỡng nan phải đối phó với hai mũi dùi đang hướng đến mình: Thực dân và Cộng sản,

Đức Thầy buộc phải bí mật cử đại diện của Dân Xã Đảng sang Nam Kinh (Trung Hoa) họp cùng các lãnh tụ quốc gia lưu vong để thành lập **Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Toàn Quốc (MTQGTNTQ)** nhằm hình thành một tổ chức mới kết hợp các hàng ngũ quốc gia yêu nước thay thế dần vai trò của Mặt Trận Việt Minh do Cộng Sản lãnh đạo. MTQGTNTQ được thành lập với Ban Chấp Hành gồm:

Chủ tịch: Nguyễn Hải Thần (Việt Cách)

Tổng Thư Ký: Nguyễn Bảo Toàn (Dân Xã Đảng)

Ủy viên Ngoại giao: Nguyễn Tường Tam (Quốc Dân Đảng)

Cùng nhiều ủy viên khác.

Cuối cùng, không nỡ ngồi nhìn các cuộc xô sát đẫm máu đang tiếp tục xảy ra ở Miền Tây giữa Việt Minh và Dân Xã, ngày 23-3-1947 Đức Thầy phải đích thân rời khỏi chiến khu Miền Đông về Miền Tây để giải quyết các cuộc xung đột đó.

Lợi dụng sự có mặt của Đức Thầy tại Miền Tây, bọn Trần Văn Nguyên (Ủy viên Thanh tra của Ủy Ban Hành Chánh Nam Bộ) và Bửu Vinh (Ủy viên Quân sự của UBHC tỉnh Long Xuyên) bày mưu mời Đức Thầy đến họp tại Đốc Vàng Hạ (Đồng Tháp) để âm mưu ám hại Ngài vào ngày **16-4-1947 (25-2 nhuận năm Đinh Hợi)**. Từ đó, Đức Thầy bật tin cho đến nay, không ai rõ Ngài bị Việt Minh sát hại hay vẫn còn sống và ở đâu.

Để kết thúc bài biên khảo này, người viết xin mượn nhận định khách quan sau đây về Đức Thầy Huỳnh Giáo Chủ của Tiến sĩ Lê Hiếu Liêm, tác giả quyển “Bồ-Tát Huỳnh Phú Sổ và Phật Giáo Thời Đại” (tr. 246-247):

“Huỳnh Giáo Chủ không những có tư tưởng lớn, viễn kiến xa rộng, mà còn có nhân cách lớn và tâm hồn thanh thang như hư không, cả khi Ông dẫn thân vào

hoạt động chánh trị. Thật là điều hy hữu trong thế kỷ này.

“Chánh trị Việt-Nam, trong suốt 50 năm nay, là một vũng bùn và vũng máu khổng lồ, bởi sự thống trị hoành hành của những ý thức hệ bất khoan dung và những thủ đoạn lưu manh, tàn bạo vô tiền khoáng hậu. Với tâm nguyện bỏ-tát, “**Ta chịu khổ, khổ cho bá tánh**”, Ông đã đi vào địa ngục ác thú đau khổ nhất để cứu nguy đất nước, cứu độ đồng bào nhưng nhân cách trong sáng, độ lượng, đạo đức siêu phàm của Ông đã không làm Ông bị ô nhiễm, trái lại đã bừng nở thành một đóa hoa sen khổng lồ, trang nghiêm quốc độ Việt-Nam và che bóng cho biết bao thế hệ vững tin và đi tới trên con đường tự do, dân chủ, nhân đạo và công bằng xã hội mà Ông đã khai mở qua Việt-Nam Dân-Chủ Xã-Hội Đảng.

“Nếu các nhà lãnh đạo quốc gia tại hai miền Nam, Bắc, trước năm 75, hay của toàn nước Việt-Nam, sau năm 75, thi hành một chế độ dân chủ xã hội, với tinh thần khoan dung, khai phóng, độ lượng như Huỳnh Phú Sổ đề nghị thì dân tộc đã tránh được biết bao nhiêu tai họa và đất nước cũng không “**tụt hậu**” thê thảm như ngày hôm nay.”

NGÔ TẤN NGHĨA

Tài Liệu tham khảo:

*SÁM GIÁNG THI VĂN TOÀN BỘ của Đức Huỳnh Giáo Chủ

*PHẬT GIÁO HÒA HẢO TRONG DÒNG LỊCH SỬ DÂN TỘC của Cư Sĩ Nguyễn Long Thành Nam

*BỎ TẮT HUỲNH PHÚ SỔ & PHẬT GIÁO THỜI ĐẠI của Lê Hiếu Liêm

*Các Tập San ĐUỐC TỬ BI

ĐẠO CHÁNH và ĐẠO TÀ

TRƯƠNG VĂN THẠO

Giác Mê Tâm Kệ tức Sấm Giảng quyển Tư do Đức Thầy sáng tác vào ngày 20 tháng 9 năm Kỷ Mão (1939), lúc Ngài còn ở Tổ Đình, Thánh Địa Hòa Hảo.

Giác Mê là tỉnh biết sáng suốt, hết mê làm. **Tâm Kệ** là quyền Kệ dạy hành giả tu ngay tâm để kiến tánh thành Phật. Vậy quyền Giác Mê Tâm Kệ có ý nghĩa là Đức Thầy khuyên dạy môn đồ các phương pháp sửa đổi tâm chúng sanh để trở thành tâm Phật. Tuy nhiên, nhằm chỉ cho môn đồ biết rõ đường tà nẻo chánh để khỏi lâm vấp trên bước đường hành Đạo, Ngài đã ân cần dạy bảo:

**“Các Đạo tà mưu khéo âm thầm,
Dân rần tránh kéo lâm mà khổ.
Chúng nó xuống khuyên răn nhiều chỗ,
Dùng phép mầu loè mắt chúng sanh.
Ai ham linh theo nó tập tành,
Sa cạm bẫy khó mong sống sót.”**

Đức Thầy còn cho biết: hiện nay có rất nhiều Tà đạo ra đời, mỗi người hãy nhận định cho sáng suốt để xa lánh, kéo bị lạc lầm theo chúng mà phải mang khổ về sau: **“Đừng bạ đâu tin tưởng nghe càn, Làm ngu muội đọa thân uổng kiếp”**.

Các Tà Đạo xuất hiện nhiều nơi và dựng đặt nhiều lý thuyết, để cám dỗ nhân sanh. Ngoài ra, chúng còn bày vẽ: nào luyện bùa trao phép, on trên nhập xác, nào phong tước đặt tên, soi căn đoán tâm lý v.v...nếu ai ham linh thánh hoặc còn mển trứu lợi danh, chạy theo tập tành với chúng, chẳng khác nào loài chim bị sa vào cạm bẫy, mong gì được thoát khổ.

Theo Từ Điển Phật học, TÀ đối với CHÁNH. Có nghĩa là không ngay thẳng; không thành thật, không theo Chánh đạo, Chánh pháp, không theo Phật giáo, lại qui ngưỡng theo Tà ma Quỷ mị. Như: Tà thần, Tà giáo, tinh Tà v.v. Cho đến theo Đạo Phật mà không tu tập Pháp lý rốt ráo, lại mộ theo âm thanh sắc tướng, cũng là TÀ. Trong KIM CANG KINH, Phật có thuyết bốn câu kệ này:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

*Dĩ âm thanh cầu ngã;
Thị nhơn hành tà đạo,
Bất năng kiến Như lai.*

Dịch nghĩa :

Thấy sắc cho rằng thấy Phật,
Nghe thanh lại bảo đó là ta;
Người như vậy tức hành tà đạo,
Hồ dễ thấy tường đức Phật a!.

TÀ ĐẠO: Đạo lý thi hành không chơn chánh, pháp giáo thi hành một cách phi lý, sự tu hành không đúng chánh pháp. Đồng nghĩa: Tà giáo, Tả đạo, Dị giáo, Dị đoan, Tà quán. TÀ ĐẠO cũng có nghĩa: Nẻo tà, nơi sanh sống của loài tà mị.

Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM, Quyển sáu: Những kẻ tu tam muội, dầu có đa trí, thấy phép Thiên định hiện ra, nhưng họ chẳng dứt trộm cắp, ắt họ lạc vào Tà đạo: bực cao thì làm tinh linh, bực giữa thì làm yêu mị, bực thấp thì làm người tà theo phùng yêu mị.

Kinh THỦ LĂNG NGHIÊM, Quyển 9: Trước Đại chúng Đức Phật bảo Ngài A Nan! Người phải biết trước, mới khỏi luân hồi, nếu mê lầm không biết, thì đọa Địa ngục vô gián.

Lại như vậy nữa, Thiên nam tử, vì thọ âm luồng màu nhiệm không gặp Tà lự, nên viên định phát tỏ, trong Chánh định tâm thích huyền ứng, cứu xét tinh vi, tham cầu minh cảm.

Bấy giờ Thiên Ma Nhân có dịp tiện lợi, nhập xác người, miệng thuyết Kinh pháp, nói mình thành đạo Niết bàn vô thượng, đến chỗ cầu của Thiên nam tử, ngồi tọa cụ thuyết pháp, khiến các thánh giả vừa thấy, thân ví như người được trăm ngàn tuổi, tâm sanh ái nhiễm, không hay xả ly, thân làm nô bộc, cúng dường bốn thứ: ẩm thực, y phục, ngoạ cụ, y dược, chẳng ngại khó nhọc, khiến tâm của các người ở dưới pháp tọa,

nhận làm vị đó vốn là Tiên sư, Thiện tri thức, riêng khởi phép “ái”, dính mắc như keo sơn, đặng cái chưa từng có.

Các người ấy ngu mê, tin lầm là Bồ tát, lòng hăng thân cận, phá luật nghi của Phật, lần lượt làm việc tham dục, miệng ưa nói: “Ồ đời trước, ta tự chỗ đó sanh ra, trước độ người của ta, đương thời là thê thiếp huynh đệ, nay đến đây cứu độ lẫn nhau, đem nhau về thế giới của ta, cúng dường Phật ở đó, hoặc nói có riêng một cõi Trời đại quang minh, Phật trụ ở đó và cũng là nơi an nghỉ của chư Phật.

Các người ấy không biết, tin lầm lời dối trá, quên mất bản tâm đó là do Lệ quỷ, tuổi già thành ma phá rối người, đến khi tâm sanh chán, bỏ xác người, thì đệ tử cùng Sư đều bị nạn Vua phép nước.

Vào năm Canh Thìn (1940), khi Đức Thầy bị Thực dân Pháp chỉ định lưu cư ở làng Nhơn Nghĩa, tỉnh Cần Thơ, có ông Hương quản Diệp ở Hòa Hảo và ông Út Trác ở Mỹ Hội Đông đến viếng. Hai ông này có trình lên Đức Thầy một việc như sau:

- Bạch Thầy, hiện giờ ở trên Long Xuyên có ông Đạo mới ra đời, họ trị bệnh cũng na ná như Thầy. Người ta tới lui rất đông đảo, nhưng không biết ông ấy là TÀ hay CHÁNH, nhờ Thầy phân giải dùm để anh em tín đồ khỏi lầm lạc.

Đức Thầy không trả lời ngay ông Đạo đó tà hay chánh mà Ngài chỉ cầm viết, viết ra mấy dòng chữ như sau:

- Từ đây sắp tới, bất luận ai ra đời độ thế, nếu còn ăn tiền bạc là Tà.

- Còn dùng màu sắc là Tà.

- Còn lên xuống xưng hô Thần Thánh là Tà.

- Còn bỏ tóc xá, để đầu đanh là Tà.

(Theo quyển “Chuyện Bên Thầy”, câu chuyện này do ông Út Trác ở Mỹ Hội Đông thuật lại).

Nhân xét:

Xưa nay, hễ có Phật ra đời khai hóa nhân sinh thì luôn có Tà ma theo dõi để phá rối người tu Phật.

Hay nói cách khác, thời nào Tà ma, ngoại Đạo lộng hành gạt người mê tín, nhiều hại lê dân thì Phật Tiên cũng lâm phạm để khai thông Chánh Đạo, dẹp tan Tà thuyết để giác tỉnh chúng sanh trở về con đường Chánh tín:

“...Bởi đời này pháp môn bé mọn, Thánh đạo trần vu, người tâm trí tối đen, đời lắm Ma Vương khuấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu Đạo nơi quốc độ nào thì cũng phải trở về quốc độ ấy mà trợ tế nhân dân...”

Hoặc là:

***“Thời kỳ này nhiều quỷ cùng ma,
Trời mở cửa Quỷ Vương xuống thế.
Nên Ta mới ra tay cứu tế,
Kẻo chúng sanh bịnh khổ quá chừng.”***

(Giác Mê Tâm Kệ, Q.4)

Căn cứ theo lời dạy của Đức Thầy, chúng ta có thể phân biệt được Tà Đạo nhờ các đặc điểm như sau:

- Lợi dụng tiền bạc của người và hay dùng màu sắc để lèo đời, bịp thiên hạ. Trái với điểm này, là Chánh Đạo:

***“Bây giờ bất luận người nào,
Không dùng của thế, sắc màu cũng không.
Nói cho bốn đạo rõ lòng,
Ấy là chơn chánh mới hòng vinh vang.”***

(Q.3, Sám Giảng)

Màu sắc ở đây chỉ cho các ông Đạo tu hành theo âm thanh, sắc tướng, xá phước, lầu kho... như các thầy

như bông, đi làm đám, tụng Kinh mượn lấy tiền của bá tánh, xa rời Chánh pháp Vô vi của Đức Phật.

- Lên xuống xưng hô Thần Thánh... tức chỉ hạng thượng xác cõi đồng, thầy pháp, thầy phù thủy, soi căn, cầu hồn, bùa chú, sát sanh cúng tế... Những loại người này, Đức Thầy từng chỉ rõ:

***“Bàn môn tài phép nào tường,
Kêu Trời giậm Đất cũng thì dạ rân.
Nói cho trần thế liệu toan,
Chớ theo tả Đạo mà tan xác hồn.
Nó làm nhiều phép nhiều môn,
Bùa mê thuốc lú mê hồn chúng sanh.
Thành binh sái đậu cũng rành,
Nếu tin thì mắc tan tành về sau.”***

(Sám Giảng, Q.3)

Và:

***“Dương gian làm huyền nói càn,
Cùng xóm cuối làng đầu cũng như đầu.
Hò reo giục trống nhiều câu,
Sai đồng khiển quỷ nói lâu nực cười.
Ta khuyên hết thầy các người,
Nhiều chuyện trò cười hãy bỏ bớt đi.
Đừng hò đừng réo làm chi,
Nghinh ngang kêu múa có khi hại mình”.***

(Sám Giảng, Q.3)

- Đặc điểm cuối của Đạo tà theo lời dạy của Đức Thầy là “còn bỏ tóc xả, để đầu đánh” tức chỉ những thầy tu hay làm ra vẻ đạo mạo khác thường để lừa dối bá tánh, như bỏ tóc xả dài không bới, không chải gỡ để tóc đánh lại... Họ thường tự xưng là tu luyện lâu năm, từ trên non, trên động vừa xuống núi để cứu thế độ dân, nhưng trong thâm tâm của hạng người này vẫn còn ô nhiễm danh, lợi, tình như hàng thế tục. Đây là hạng

người tu lệch đạo Tiên, do vọng tưởng quá độ mà ra hoặc từ trong Lục sư ngoại Đạo truyền lại.

Để môn đồ khỏi lâm lạc theo Tà sư, ngoại Đạo, Đức Thầy đã dặn dò vô cùng cẩn kẽ: *“Cho được tránh những điều ấy, trước khi thờ, học Đạo nào, hay theo ông Thầy nào, ta hãy suy gẫm phán đoán kỹ càng; chừng hiểu biết rõ ràng ta sẽ hành theo Đạo ấy, Thầy ấy. Chẳng được như vậy, dầu mình theo Đạo rất chánh đáng, ông Thầy rất thông minh cũng chẳng có ích chi cho mình cả.”* (Trong Việc Tu Thân Xử Kỳ).

Tóm lại, những đặc điểm mà Đức Thầy chỉ dạy ông Quản Diệp và Út Trác trên đây, chính là một qui định tất yếu cho Tín đồ của Ngài theo đó mà biết lọc lừa Tà, Chánh.

Bởi vì:

***“Đạo với lý từ đây nhiều chỗ,
Phải lọc lừa cho kỹ mà nhờ.
Chọn nơi nào Đạo chánh phượng thờ,
Thì mới được thân sau cao quý.”***./.

Nam mô A Di Đà Phật !

TRƯƠNG VĂN THẠO

Nói chuyện với Đại Đức Thích Phước Tiến, nhân Pháp thoại Vấn đáp Kỳ 25

Cư Sĩ NGUYỄN QUỐC ANH

Kính bạch Đại Đức,

TRÊN TINH THẦN TU HỌC CỦA MỘT CỤ SĨ ÁO TRẮNG, chúng tôi xin mượn chính lời mở đầu của Đại Đức để thưa chuyện cùng Đại Đức: *“Tôi đang nghỉ trưa, bạn dẫn thỉnh gõ cửa, tôi giật mình, tôi không biết tôi đi đâu (hà...hà...) cho nên từ dưới lên đây, tôi có cảm giác đi lảo đảo, không biết đi đâu (hà...hà...). Cho nên tôi sợ làm việc buổi trưa như thế này lắm, nó cứ lơ lơ không ra gì hết trơn, thành ra mình thấy tinh thần không tỉnh táo (hà ...hà...). Các vị thấy tôi như say rượu...(hà ...hà..)...*

Chúng tôi không biết những lời nói ấy là trạng thái thật sự của Đại Đức, hay chỉ là những lời mở đầu để “Mua vui cũng được một vài trống canh”! Vì sao? Vì với một não trạng ‘lên đồng’ như thế thì làm sao dám ngồi trước Thế Tôn để mà hoá chúng, bằng như đó là lời nói giỡn thì đó lại là lời nói giỡn vô duyên cớ, bởi một bậc cao tăng như Đại Đức chưa từng phạm giới cấm thì làm sao biết “như say rượu” được!

Thôi thì đó là chuyện của các thầy. Điều chúng tôi muốn nói ở đây là chuyện *tế nhị* như chính lời nói của Đại Đức. Thiệt là đáng tiếc, một vấn đề được nhận định là tế nhị, nhưng lúc xử sự thì lại chẳng tế nhị chút nào ! Không thể với trình độ cao học tại Ấn Độ và đang là Phó Tổng Thư Ký viện Nghiên cứu Phật học, Ủy viên Ban Hoằng pháp TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mà Đại Đức lại không nhìn ra sự thiếu sót từ câu hỏi ngây thơ của một người Phật tử: ***“Đạo Hòa Hảo có liên quan gì với Đạo Phật không, và họ thuyết pháp có nói về Đức Phật nhưng không tôn thờ Đức Phật?(!)***

Nếu tế nhị, Đại Đức phải cho người Phật tử ấy thấy được cái nhìn phiến diện của họ về sự ***không tôn thờ Đức Phật***. PGHH không chủ trương tạo thêm nhiều hình, tượng trừ những gì đã có. Như vậy hoàn toàn không có nghĩa là PGHH không tôn thờ Đức Phật!

Trong ngôi thờ của người cư sĩ tại gia PGHH, ngoài ngôi thờ Cửu Huyền Thất Tổ, ngôi thờ Thông Thiên vẫn còn một ngôi thờ trang nghiêm hơn hết chính là ngôi thờ Tam Bảo, được biểu tượng là một tấm Trần Đà, khởi đầu từ một tấm vải màu đỏ, theo truyền thống Bửu Sơn Kỳ Hương, nhưng vì lúc bấy giờ **“có nhiều kẻ thờ trần điều tự xưng cùng tông phái với chúng ta, làm sai phép, sai với tôn chỉ của Đức Phật, nên toàn thể trong Đạo đổi lại màu da...”** Màu da là sự kết hợp của các màu chính sắc, nên có thể tượng trưng cho sự hoà hiệp của nhân loại không phân biệt chủng tộc và cá nhân.

Cũng như vậy, lá cờ Phật giáo do Đại tá Henri Steel Olcott người Mỹ đề xuất vào năm 1886, lấy cảm xúc từ ánh hào quang của Đức Phật gồm 6 màu cơ bản, nếu tách ra 5 màu thì dễ: xanh, vàng, cam, trắng, đỏ...nhưng còn màu thứ 6 thì không biết làm sao tìm ra màu này; bởi nó chính là sự phối hợp của 5 màu trước. Cuối cùng Đại tá Olcott đề nghị xếp 5 màu ngang lại và may dính liền với nhau để biểu tượng cho màu thứ 6 trong hào quang Đức Phật. Vậy là ẩn tàng bên trong tấm vải gồm 5 màu sắc may dính lại chẳng những NÓ vừa tượng trưng cho Phật Giáo và cũng chính là hào quang của Đức Phật, mà hễ là hào quang của Đức Phật thì phải chẳng cũng chính là biểu tượng của Thế Tôn!

Nói như vậy để Đại Đức thấy được rằng tấm Trần Đà của PGHH cũng tương tự như thế, thay vì may dính 5 màu xanh, vàng, cam, trắng, đỏ lại với nhau, người khai sáng nền Đạo đã tổng hợp bốn màu xanh vàng cam đỏ (không có màu trắng) lại với nhau mà làm biểu tượng để tôn thờ và trong biểu tượng này há chẳng phải tiêu biểu cho tinh thần vô thượng của Đức Phật hay sao? Đã là tiêu biểu cho tinh thần vô thượng của

Đức Phật, thì làm sao không thể mang hình ảnh thiêng liêng của chư Phật! Phải không Đại Đức?

Hơn nữa, trong tất cả nghi thức cúng bái cùng giáo pháp của PGHH cũng đều là những lời Tôn kính Đức Phật. Cụ thể như nhiều câu khấn nguyện: Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, hay Nam Mô Ta Bà Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam mô Thập Phương Phật, Nam mô Thập Phương Pháp, Nam Mô Thập Phương Tăng... một nền giáo pháp luôn có sự qui ngưỡng như vậy thì dựa vào đâu mà cho rằng PGHH không tôn thờ Đức Phật? Chẳng lẽ đi đâu, ngồi đâu phải mang vác tượng cốt Phật theo thì mới được gọi là tôn thờ Đức Phật? Nếu quả là như vậy thì đây là một giáo pháp không có trong Phật Pháp! Nói như vậy, cho dù Đại Đức có tin hay không thì tùy, duy chỉ mắt thấy, tai nghe hiện tiền là chúng tôi chưa từng thấy một bậc giác chúng nào của PGHH dám đưa ngón tay chỉ thẳng vào Đức Phật để giải thích một vấn đề nào đó như cách của Đại Đức! Nếu cần chúng tôi chỉ dám xoè bàn tay của mình, hoặc vòng hai tay lại để hướng về Đức Phật...nếu thế thì ai là người tôn kính Đức Phật. Thưa Đại Đức!

Là một bậc giác chúng, ngoài những tri thức về Phật giáo ra thì chẳng lẽ Đại Đức không cần đến các tri thức khác hay sao? Chẳng hạn như tri thức về các Tôn giáo, tri thức về tính hợp pháp của họ! Bởi ở cõi thế gian này không phải chỉ có mỗi một Đạo Phật, không phải các Tôn giáo cùng truyền bá giáo lý của mình trong một xã hội nào đó mà lại không được luật pháp thế gian chấp nhận. Gọi Đạo Phật Hòa Hảo là Đạo Hòa Hảo đó là quyền riêng tư của cá nhân Đại Đức nhưng trước một hội chúng mà Đại Đức gọi tên Đạo Hòa Hảo ở cái thời mới khai mở, ở cái thời mà nền Đạo chưa có được tính Pháp lý thì rõ ràng là không ổn chút

nào; trước hết người ta có thể hiểu là mình không hiểu gì về pháp lý, không hiểu gì về tính bình đẳng giữa các Tôn giáo và thậm chí người ta còn cho là mình tự cao và khinh bạc họ! Như một chúng sanh hay một tổ chức nào đó khi mới hình thành thì mọi người có gọi là gì cũng được, nhưng khi đã được cấp một tấm giấy khai sanh, đã được hệ thống pháp luật đương thời công nhận cho phép hoạt động có tư cách pháp nhân thì mọi người bất kể là ai cũng phải xưng gọi chúng sanh ấy, tổ chức ấy phải đúng như danh xưng hợp pháp mới là người lịch sự... tương tự như vậy; nếu còn ở ngoài xã hội thì ai cũng có thể gọi theo thể danh là anh Tròn, ông Tròn... nhưng một khi anh Tròn hay ông Tròn ấy đã hủy hình thụ khí tiết, xuất gia hoàn đại đạo... với một vị Hòa thượng, thì nếu có một ai gọi là Đại Đức Tròn thì phải chăng đó là một điều phỉ báng! Phải gọi chính xác là Đại Đức Thích Phước Tiến thể mới là lịch sự, có phải thế không, thưa Đại Đức.

Đại Đức cho rằng: *“Hòa Hảo có từ giai đoạn mà gọi là của thế kỷ 20, tức là những cái sinh sau, gần đây chứ không mang cái ý nghĩa là một học thuyết truyền thống nào đó...”*. Trả lời như vậy là Đại Đức không chịu nghiên cứu về hệ phả truyền thừa của giòng tín ngưỡng Tôn giáo nội sinh rồi! Không phải PGHH chỉ lấy một vài ý tưởng của đạo Hiếu Nghĩa, mà theo hệ thống truyền thừa gần gũi nhất là từ Bửu Sơn Kỳ Hương của Đức Phật Thầy Tây An, Đức Phật Trùm, Đức Bổn Sư Ngô Lợi (Tứ Ân Hiếu Nghĩa), Ông Sư Vãi Bán Khoai và PGHH của Đức Huỳnh Giáo Chủ... có mâu thuẫn không khi chính Đại Đức sau đó đã nói: *“Phật giáo trở thành tín ngưỡng dân gian từ rất lâu cho nên ai cũng có quyền chọn một gốc độ nào đó trong Phật giáo để nằm trong học thuyết của mình...”*.

Vậy, những gốc độ trong học thuyết PGHH không phải xuất phát từ Phật giáo hay sao? Có phải chúng ta nên nhìn khách quan hơn chẳng, khi Đại Đức vô ý cho rằng Phật giáo trở thành tín ngưỡng dân gian! Phật giáo không phải là trở thành tín ngưỡng dân gian mà những lời dạy của Đức Phật là những LỄ PHẢI trong hầu hết các sinh hoạt đời thường của chúng sanh, vì giáo pháp Phật giáo là một nền tảng giáo pháp cao sâu, hòa bình bất bạo động, đã đi vào lòng người một cách tự nhiên, dễ dung hợp với các nền văn hóa địa phương. Từ Luy Lô, vẫn còn đó những câu ca dao:

*“Dù ai đi đâu về đâu,
Hễ trông thấy tháp chùa Dâu thì về.
Dù ai buôn bán trăm nghề,
Nhớ ngày mừng tám thì về hội Dâu”.*

Như thế là Phật giáo Luy Lô đã gắn liền với tín ngưỡng dân gian, được dân gian hóa và phong tục hóa. Nó thể hiện tâm lý dân gian, thế giới quan và lòng mong ước... Phật giáo không phải đã trở thành, mà là đã dung hợp và khoát lên tín ngưỡng dân gian một chiếc áo mới mang nét đặc thù của học thuyết Phật giáo, để Phật giáo vẫn luôn còn mãi cái tinh thần từ bi hỷ xả của Thế Tôn!

Phật Giáo Hòa Hảo lúc nào cũng thể hiện học thuyết truyền thống của Phật giáo, chẳng những ngay lúc khai mở và cả bây giờ và sau này nữa. Bởi vì, theo nhiều tài liệu nghiên cứu cho chúng ta thấy được rằng: *“Phật Giáo Hòa Hảo tiếp nối Bửu Sơn Kỳ Hương càng cho thấy một ý tưởng canh tân Phật giáo rõ ràng. Đức Thầy chủ trương không xây chùa, không đúc tượng trừ những gì đã có...Không cúng đồ ăn thức uống, không đốt vàng mã, không nên khóc lóc và tiêu tiền lãng phí vào việc ma chay...trong cưới hỏi không nên thách giá và đòi lễ vật...Ngài đã nói: Niềm tin xuất phát từ con*

tim chứ không phải là những nghi lễ hào nháng tốn kém bên ngoài.

Khởi đi từ Bửu Sơn Kỳ Hương, vào năm 1849 Ông Đoàn Minh Huyền tuyên khai mới đạo với chủ trương “Học Phật Tu Nhân, Tứ Ân Hiếu Nghĩa”. Tư tưởng này truyền thừa và phát triển ở Phật Giáo Hòa Hảo, được thành lập năm 1939, do ông Huỳnh Phú Sổ khai sáng. Vào khoảng thời gian từ 1920-1926, Đạo Cao Đài, cả phần Vô Vi và Phổ Độ lần lượt xuất hiện, làm thành một tôn giáo lớn ở miền Đông Nam Bộ.

Như vậy, vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, lần đầu tiên ở Việt Nam xuất hiện một số tôn giáo có giáo chủ, giáo luật và đông đảo tín đồ tham gia. Tư tưởng xuyên suốt của các tổ chức này đều phản ánh tâm lý dân tộc với những bản sắc vùng miền rõ rệt. Đời sống tôn giáo của người Việt Nam Bộ có kế thừa yếu tố truyền thống dân tộc, nhưng đồng thời đã có những tìm tòi mới không câu nệ vào các cách tổ chức và thực hành tôn giáo cũ không còn thích hợp, mà cố gắng đưa tôn giáo về gắn với đời sống cá nhân tự do hơn và bình đẳng hơn.” (TS. Phạm Bích Hợp)

Ở nơi khác: “Qua giáo lý “học Phật, tu Nhân” của Phật giáo BSKH với đức Phật Thầy Tây An, sau đó là Phật Trùm, và Bốn sư là Sư Vãi Bán Khoai, là Phật giáo Hòa Hảo (PGHH) của Huỳnh Phú Sổ, người nông dân PGHH vùng ĐBSCL được trang bị những kiến thức thực tế, cụ thể...để bài trừ mê tín, bác bỏ hẳn những phiền toái trong nghi lễ và giản dị hoá cách thờ cúng. Sự đơn giản và phổ cập hóa các giáo điều căn bản của Phật Thích Ca là một nét đặc biệt nổi bật trong giáo lý PGHH...” (TS. Trần Hồng Liên)

Qua một vài tư liệu đã trích dẫn hy vọng rằng có thể giúp cho Đại Đức tinh táo hơn trong các kỳ Phật Pháp Vấn Đáp cho dù có diễn ra nơi đâu; hải ngoại hay

trong nước. Đại Đức nên nhớ rằng PGHH xuất hiện vào đầu thế kỷ 20, lúc mà Phật giáo đang suy đồi có nhiều cơ nguy mất gốc, nếu các nhà sư, Phật tử không kịp thời chấn hưng lại. Kính mời Đại Đức nghe lại lời giảng của Hòa Thượng đứng đầu Học viện thuyết tại Bình Dương: *“Hôm nay đến thăm trường hạ chùa Hội Khánh, tôi rất vui khi thấy Phật giáo tỉnh Bình Dương phát triển. Hồi tưởng lại lúc Phật giáo suy đồi là thời Pháp thuộc, lúc bấy giờ tôi xuất gia, tìm một trường hạ an cư không có, tìm một chùa để nghe pháp cũng không có. Vì vậy, vào thời đó, tuy xuất gia nhưng chỉ học được hai thời công phu và tụng kinh cầu an cầu siêu; còn khá hơn nữa là học ứng phú trai đàn. Cho nên ở thời Phật giáo suy đồi, khi người dân trông thấy hình bóng nhà tu thì liền nghĩ rằng trong xóm hay trong làng có người chết...”*. Lịch sử đã cho thấy rằng Phật giáo BSKH và PGHH xuất hiện sau các trào lưu tư tưởng của PGVN, nói cho chính xác hơn thì khi Phật Giáo Hòa Hảo ra đời thì nền giáo pháp PGVN đang đi vào sự suy sụp do khuynh hướng của tôn giáo hình thức làm phôi pha những tinh túy trong nền giáo pháp của Đức Phật. Chính vì vậy mà BSKH và PGHH vươn lên từ những cải cách mang tính đột phá.

Kính bạch Đại Đức,

Vì sợ với tinh thần không tinh táo, nên có thể Đại Đức không biết là mình đã nói gì, nên chúng tôi cố gắng ghi nhanh lại từng lời của Đại Đức, để khi nghe lại thì Đại Đức sẽ có suy gẫm gì: *“...Hòa Hảo cũng không ngoài việc. Ngoài những tín ngưỡng truyền thống dân gian, họ tập hợp những lời Phật dạy trong đó và riêng lấy câu niệm Phật A Di Đà làm cho cái sở niệm của họ. Bên cạnh đó mang cái nghĩa từ thiện trong xã hội và lấy thêm những cái gọi là tín ngưỡng dân gian để bổ sung vào trong học thuyết của mình. Và*

bên cạnh đó thì có lấy vài ý tưởng của Đạo Hiếu Nghĩa để bổ sung vào trong các học thuyết. Vì vậy, đây là vấn đề gọi những tôn giáo có mặt trong giai đoạn của thế kỷ 20 trên Việt Nam, chớ không mang cái nghĩa của một giáo chủ nào trên thế giới, của những người như Đức Phật hay là các vị như Khổng Tử hay thậm chí kể cả Thiên Chúa...thì ở đây họ không có được những cái điều mang tính cách lịch sử. Như vậy, mà điều đây là do một người nào đó, đứng ra tổ chức và tập hợp lại những cái gì trước đó cảm thấy có lợi ích, có ý nghĩa... họ bổ sung vào trong họ. Nó thuộc về cái dạng tổng hợp để trở nên một cái mới trong chính họ mà thôi. Thật sự nói mới mà không mới gì cả. Bởi vì cái đó qua quá trình truyền thống, qua tín ngưỡng, qua học thuyết... nó đã có trải dài hàng ngàn năm rồi, họ là những cái tập hợp nhất thời trong một cái để rồi gắn một cái tên mới mà thôi. A Di Đà Phật...”

Đây là một đoạn trong nhiều đoạn mà người nghe thật sự không biết Đại Đức đang nói gì, nó lục cục, lòn hòn làm sao ấy! nó không ra hồn vía gì hết...ngoài những ý, những lời khinh bạc. Điều đáng buồn là nếu PGHH lấy câu Niệm Phật A Di Đà làm sở niệm thì Đại Đức lại kết thúc lời chê bai, phi báng cũng bằng câu niệm Phật. Chúng tôi cũng không hiểu là Đại Đức muốn dèm pha gì khi đem việc từ thiện của PGHH vào trong lời phê phán trên; Đại Đức nên nhớ rằng Đức Phật từng dạy “*chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*”, vậy, người tín đồ PGHH chẳng phải họ đang phụng hành bỏ ác hành thiện đó sao? Vả lại, hàng ngàn việc từ thiện của PGHH, từ xây cầu đắp lộ, com nước trong hầu hết các bệnh viện đến cất nhà, cấp cứu chuyển bệnh, mỗi mỗi việc chẳng những đã được cả cộng đồng dân tộc ghi nhận mà cả nhà nước cũng không tiếc lời ca ngợi!

Khi thì Đại Đức cho rằng PGHH không mang cái ý nghĩa là một học thuyết truyền thống nào đó. Lúc thì nói Ai cũng có quyền chọn một gốc độ nào đó trong PG để nằm trong học thuyết của mình. Như vậy là Đại Đức phủ nhận giá trị học thuyết của PGHH cho dù học thuyết ấy là một gốc độ có trong PG? Dựa vào đâu mà Đại Đức cho PGHH không có được những điều mang tính lịch sử! Vậy trong dòng đời sống lịch sử cận đại Đại Đức không nhìn thấy bốn chữ PGHH từ quá trình chống ngoại xâm cho đến sự vận hành giáo pháp của mình vào công cuộc xây dựng đất nước hay sao? Ngay cả danh tính của người lập đạo mà Đại Đức cũng không màng nhắc tới, chỉ nói bằng quơ “*một người nào đó*”, đây là một điều khinh bạc! Vậy “*một người nào đó đứng ra tập hợp và tổ chức lại...*” là ai vậy? Nếu Đại Đức không biết thì Đại Đức không xứng là người hóa chúng! Còn như Đại Đức cho rằng: “*Thật sự nói mới mà không mới gì cả.*” Có lẽ vì quá chú trọng vào những lời chê bai mà Đại Đức không nhìn thấy nhiều cái thật sự mới của PGHH; trong giáo pháp họ không đi theo hình tướng, mà chủ trương vô vi, đơn giản hóa các nghi lễ cầu cúng, dám kêu gọi chư vị sãi tăng nên xét lại mình, hạ thủ công phu tu tập trong giai đoạn suy đồi của Phật giáo, lên án các hạng tu hành dối thế, không cất chùa cao, đúc tượng Phật lớn... dù các điều trên là những phương cách cũ của gần ba nghìn năm trước do Đức Phật đề ra, nhưng dám phục hồi lại những yếu chỉ xưa cũ trong một thời sa sút của hàng tăng lữ thì không phải là mới hay sao?

Trong lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại, người ta có thể phân ra từng giai đoạn cho mỗi bước đi của Phật giáo:

- Thời Hậu Lê, Phật giáo không còn được xem trọng nữa, các nhà Nho công kích Phật giáo dữ dội.

Triều đình chỉ trọng đạo Nho, nên Phật giáo chỉ tồn tại trong dân chúng.

- Thời Trịnh Nguyễn Phân tranh, Phật giáo miền Bắc suy tàn, nhưng ở miền Nam Chúa Nguyễn rất sùng bái đạo Phật, cho cất chùa Thiên Mụ ở Huế năm 1601.

- Thời kỳ Tây Sơn, cuối thế kỷ 18, Phật giáo miền Trung trải qua một phen sóng gió, các tu sĩ Phật giáo bị bắt lính, chùa chiền bị phá hủy tín đồ Phật giáo rất bất mãn.

- Thời nhà Nguyễn, Phật giáo cũng trong tình trạng suy tàn, không được các vua lưu ý. Các nhà sư lui rút vào trong các ngôi chùa tu Thiền định. Lúc bấy giờ Đạo Thiên Chúa mượn thế lực của người Pháp phát triển mạnh, bắt đầu lấn áp Phật giáo và Nho giáo.

- Đến đầu thế kỷ 20, các tu sĩ Phật giáo phát động phong trào Chấn Hưng Phật Giáo:

Chỉnh đốn Thiền Môn.

Vấn hồi qui giới.

Giáo dục học tăng.

Phổ thông giáo lý Phật bằng chữ Quốc ngữ...

Ngày 6/5/1951 một hội nghị Phật giáo ở Huế gồm 50 đại diện, quyết nghị thống nhất các hội để thành lập Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam, và xin gia nhập hội Phật Giáo thế giới.

Nói như vậy để Đại Đức thấy được trong cái cõi thế gian này, không nên phân định trước sau, lớn nhỏ, có truyền thống hay không có truyền thống; thuốc không phân quý tiện, lành bệnh là diệu dược. Pháp không phân cao thấp, an lạc được là diệu pháp! Có một Thiền sư đã nói: *như nhau dọc mũi ngang mày* là ý gì vậy? Và Đức Phật hơn một lần khẳng định rằng:

Chư Phật Lương Túc Tôn

Tri pháp thường vô tánh

Phật chủng tùy duyên sinh

Thị cổ thuyết Phật thừa...

Kính bạch Đại Đức,

Nếu bao dung hơn thì trên cái nhìn của Phật giáo và Phật giáo Hòa Hảo trong một phạm trù nào đó, chúng ta sẽ tìm thấy nhau ở những điểm:

- Công nhận cuộc đời là đau khổ và cùng tuân thủ theo các phương pháp giúp chúng sanh thoát khỏi những đau khổ ấy.

- Lấy con người làm trung tâm để khảo sát.

- Lấy sự phát triển trí tuệ làm cơ sở để diệt trừ vô minh ái dục, là nguyên nhân đưa con người vào vòng sanh tử luân hồi.

- Đối với hiện tượng và nhân sinh đều chấp nhận quy luật nhân duyên nghiệp báo chi phối cuộc sống.

- Sự xuất phát từ một nguồn Phật Đạo, dẫn đến sự giao thoa không thể tránh khỏi khi Phật giáo và Phật giáo Hòa Hảo cùng phát triển trên mảnh đất đời sống tâm linh tín ngưỡng tôn giáo.

Vậy thì chúng ta có nên nuôi dưỡng tâm phân biệt để càng lúc xô đẩy đồng loại mình ra xa, mà nếu không khéo ta sẽ đánh mất đi tuệ giác của mình khó tìm lại được!

Chúng tôi cũng không hiểu tại sao các thầy; hết Thích Trí Huệ rồi đến Thích Thiện Huệ với tập luận văn sai trái, hôm nay lại là Đại Đức luôn để tâm phân biệt với PGHH chúng tôi? Tất cả những xúc phạm trên có phải chúng là sự đố kỵ, được nuôi dưỡng từ lòng tự ái cá nhân, tự ái Tôn giáo mà hình thành chăng?

Chúng tôi có thể kể cho Đại Đức nghe một câu chuyện:

Chuyện kể rằng có một chú bé bị mù cả hai mắt. Mỗi khi đi đâu đều phải cầm gậy dò đường. Ngày và đêm chú đều sống trong bóng tối như nhau.

Một hôm chú bé đến thăm bạn, lúc ra về trời đã tối. Người bạn đốt một chiếc đèn lồng trao cho chú, chú bé cười nói:

- Tôi hay sáng đối với tôi đều như nhau, anh trao đèn cho tôi làm gì?

-Đành rằng anh không cần đèn nhưng người khác phải nhờ cây đèn này mới không đâm bổ vào anh chứ.

Chú bé mù cầm cây đèn ra về, đi được một quãng, chú bị người khác đụng phải, chú bé tức giận quát:

-Bộ đui sao không thấy cây đèn của người ta?

Người kia cười to:

-Đèn của anh tắt rồi anh đui ơi.

Và đây là lời bình của một vị ni sư thuộc hàng hóa chúng như Đại Đức:

Giá trị của cây đèn là do ánh sáng, thiếu ánh sáng thì cây đèn chỉ là một vật vô dụng mà thôi. Một pháp môn hay nhất là chỗ nó giúp hành giả thấu rõ thực tướng của mình và muôn pháp, tiêu sạch phiền não, đem lại an lạc cho mình và người chung quanh.

Nếu chúng ta cứ cho rằng mình đã dưng vào hàng ngũ xuất gia, thuộc hàng danh môn chánh phái, thầy tổ là bậc chân tu lỗi lạc, bạn bè mình là hạng anh tài xuất chúng...chúng ta đã học được pháp môn tối thượng thừa, cao siêu hi hữu...và chúng ta cho thế là đủ, sanh tật khen mình chê người, phiền não mỗi ngày một tăng trưởng thì...coi chừng chúng ta sẽ giống cậu bé trên đây, cầm một cây đèn lồng thật tốt, thật đẹp...; nhưng...tắt queo cho mà coi.

Angiang, ngày 20/11/2015

Nguyễn Quốc Anh

**DIỄN TIẾN VÀ HỆ QUẢ PHIÊN TÒA
NGÀY 13-12-2011**



Ngày 24/10/2015: Đồng đạo Tù nhân lương tâm **Nguyễn Văn Lía** trên xe tù trại giam về nhà sau 4 năm 6 tháng lao lý vì đấu tranh cho tự do tôn giáo (Ảnh của Đài RFA)

Tiếp theo một loạt ngược đãi về tự do tôn giáo diễn ra trước đây tại Việt Nam, ngày 13-12-2011 chánh quyền Cộng sản đã lập Phiên tòa tại huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang đưa vào tù hai nhân vật đấu tranh cho quyền tự do tôn giáo của Phật Giáo Hòa Hảo. Đó là hai đồng đạo: Nguyễn Văn Lía với bản án 5 năm tù và Trần Hoài Ân với bản án 3 năm tù, chưa kể thời gian quản thúc sau khi mãn án.

Là người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, kể cả tín đồ các tôn giáo khác, có lương tâm đều phải thương xót trước thảm cảnh đến với hai nhà tranh đấu trên nói riêng và với tiền đồ tự do tôn giáo tại nước nhà nói chung. Trước hết, ta cần nắm căn bản sự kiện xảy ra qua quá trình diễn tiến và hệ quả Phiên tòa trấn áp ngày 13-12-2011 để có một sự suy tư, đánh giá hầu rút ra một bài học kinh nghiệm cho tiến trình tranh đấu không

thể ngừng nghỉ ngày nào chế độ độc tài toàn trị vẫn còn tồn tại trên quê hương.

1. Diễn Tiến Sự Vụ:

Năm 2003, đồng đạo Nguyễn Văn Lía bị tuyên án 3 năm tù chỉ vì tổ chức lễ kỷ niệm ngày Đức Huỳnh Giáo Chủ bị CS âm mưu ám hại bất thành tại Đốc Vàng năm 1947 (bản án này sau được giảm còn 18 tháng). Tháng 5 năm 2009, đồng đạo Nguyễn Văn Lía và Trần Hoài Ân tham gia Phái đoàn PGHH công khai gặp Ủy Ban Tôn Giáo Hoa Kỳ tại Sài Gòn để tường trình tình hình ngược đãi tôn giáo tại Việt Nam, nhiều lần kiên cường công khai trả lời phỏng vấn các báo, đài ở hải ngoại. Đồng đạo Nguyễn Văn Lía đã từng nhẫn nhục chịu đựng không biết bao nhiêu oan trái do sự đối xử vô nhân thô bạo của kẻ cường quyền trong quá trình tranh đấu phục vụ lý tưởng của mình.

2. Thời Điểm Trần Áp:

Sống giữa một bầy lang sói luôn luôn rình rập thực hiện âm mưu soi tái các con môi tranh đấu chống tham tàn bạo ngược, thời điểm trần áp nhất định phải xảy ra. Ngày 24-4-2011, ông bà Nguyễn Văn Lía lái xe Honda 2 bánh trên đường đi đám giỗ thì bị công an giao thông chặn bắt tại xã Hội An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang với vụ cáo trắng trợn “vi phạm luật giao thông”. Từ Hội An, ông bà bị dẫn về đồn công an thị trấn Mỹ Luông, đến 9 giờ đêm thì công an cho người đưa bà Lía về nhà, còn ông Lía thì bị giữ suốt 6 tháng mà người nhà không tìm ra tông tích. Mãi đến ngày 30-11-2011, bà Lía và con gái mới được công an cho phép đến trại giam thăm chồng và cha. Bà Lía được chồng cho biết vì hoàn toàn phủ nhận tội bị gán ghép, ông đã bị công an hành hung vô cùng tàn bạo: vật ngã bẻ lọi tay, đè cạo

đầu và đập gãy 2 xương sườn!

Trong thời gian này, đồng đạo Nguyễn Văn Lía là một trong hai nhà tranh đấu nhận giải Tự Do Tôn Giáo Nguyễn Kim Điền 2011 phát tại thành phố Boston, bang Massachusetts, Hoa Kỳ ngày 9-10-2011 do Giáo Hội PGHH hải ngoại thay mặt nhận lãnh.

Để cho công luận thấy sự giam giữ được danh chánh ngôn thuận, chánh quyền Cộng Sản cho thiết lập Phiên tòa ngày 13-12-2011 tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xử 2 đồng đạo Nguyễn Văn Lía và Trần Hoài Ân. Họ công bố đó là một phiên xử công khai nhưng thực tế là một trò diễn vô cùng bịp bợm: một phiên tòa không cho người nhà của can phạm tham dự, mọi ngõ ngách dẫn đến pháp đình hoàn toàn bị ngăn chặn, người đến dự phiên xử phải có giấy mời của Tòa án. Một phiên tòa hình sự diễn ra trong 2 tiếng rưỡi đồng hồ (từ 8g15ph đến 10g45ph sáng), không có luật sư bào chữa, đồng đạo Nguyễn Văn Lía bị trấn áp và hành hung ngay trong thời gian xử án vì không nhận tội danh bị gán ghép. Bị cáo bị bắt vì vi phạm luật giao thông nhưng khi xử thì với cáo trạng rất mù mờ: "*lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích nhà nước*"! Đồng đạo Nguyễn Văn Lía hoàn toàn phản bác tội danh bị gán ghép lãnh 5 năm tù giam, đồng đạo Trần Hoài Ân có thái độ thành khẩn nhận tội lãnh 3 năm tù giam.

3. Phản Ứng của Công Luận:

Dù là một phiên tòa thực chất xử kín (không cho báo chí, công luận trực tiếp theo dõi, không có luật sư biện hộ, không cho gia đình can phạm tham dự) nhưng sau khi bản án được công bố, dư luận khắp nơi đã cực lực lên tiếng phản đối.

a)- *Trước hết là sự lên tiếng của đồng bào trong*

và ngoài nước (Trích bản tin Đài RFA):

Bác sĩ Phạm Hồng Sơn, một cựu tù nhân lương tâm, từng ngồi tù nhiều năm về các bài viết vận động cho dân chủ, năm 2011 là quyền Hội Trưởng Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị và Tôn giáo Việt Nam, mạnh mẽ phản đối bản án dành cho hai tín đồ PGHH là các ông Nguyễn Văn Lía và Trần Hoài Ân.

Tu sĩ Lê Minh Triết, từ Thánh địa Phật Giáo Hòa Hảo, An Giang, với tư cách là một nhân chứng, một đồng đạo từng sát cánh với hai ông Nguyễn Văn Lía và Trần Hoài Ân, trong công cuộc chấn hưng và bảo vệ đạo pháp sau năm 1975, được triệu mời đến phiên tòa ngày 13-12-2011 với tư cách là người có liên quan trong vụ án, kể lại về những biện pháp an ninh nghiêm ngặt quanh pháp đình ở Chợ Mới, từ sáng sớm.

Dịp này, ông Triết cũng thiết tha kêu gọi công luận quốc tế tích cực can thiệp cho hai đồng đạo PGHH của mình, sớm được tự do chỉ vì đã lên tiếng ủng hộ cho cuộc đấu tranh hợp pháp của tôn giáo Phật Giáo Hòa Hảo, chẳng hạn như đòi hỏi phải cho tín đồ PGHH được tự do bầu cử và ứng cử, chọn trong Đạo những người đủ tài, đủ đức ra lãnh đạo Giáo hội.

Tiến sĩ Âu Dương Thệ, từ Đức Quốc, một nhà đấu tranh cho dân chủ, nhân quyền Việt Nam, bày tỏ suy nghĩ của ông về tội danh “gán ghép” cho hai tín đồ PGHH là phi lý.

Ông Đỗ Duy Huỳnh, Hội trưởng Hội Người Việt Cao niên tại vương quốc Na Uy cũng qua câu chuyện với RFA, từ Bắc Âu, tin rằng các ông Nguyễn Văn Lía và Trần Hoài Ân đều vô tội.

Ông còn cho biết người Việt ở Bắc Âu cũng vừa tổ chức các sinh hoạt đầy mạnh vận động cho tự do tôn giáo và quyền làm người ở Việt Nam. (Xin xem chi tiết sự lên tiếng này trên Tập san Tinh Tấn số 19, từ trang

187 đến 199. Cám ơn)

b)- Sự lên tiếng của HRW:

Tổ chức nhân quyền quốc tế Human Rights Watch (HRW) có trụ sở tại thành phố New York, Hoa Kỳ, đã đặc biệt quan tâm đến sự bắt giữ và ngược đãi đồng đạo Nguyễn Văn Lía.

Ngày 12/12/2011, một ngày trước phiên tòa diễn ra, HRW đã ra Thông cáo kêu gọi Việt Nam trả tự do cho ông Nguyễn Văn Lía, một nhà vận động PGHH bị bắt hồi tháng tư và bị truy tố về tội danh mơ hồ là “*lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước.*”

Thông cáo trích lời ông Phil Robertson, Phó Giám đốc đặc trách bộ phận Á châu của Human Rights Watch, nói rằng: “*Mọi dấu hiệu đều thể hiện có sự đàn áp tôn giáo trong vụ này.*” Ông Robertson nói thêm rằng: “*Ông Nguyễn Văn Lía được biết đến chủ yếu qua việc vận động cho Phật giáo Hòa Hảo và trình bày với các nhà ngoại giao nước ngoài về vấn đề giáo phái này bị đàn áp, và những hành động này hoàn toàn được bảo vệ theo hiến pháp cũng như các nghĩa vụ về nhân quyền quốc tế của nhà nước Việt Nam.*”

Ông Robertson phát biểu mạnh mẽ: “*Chính quyền Việt Nam cần trả tự do vô điều kiện và ngay lập tức cho ông Nguyễn Văn Lía, và để ông được điều trị y tế chu đáo. Giam giữ một người già 71 tuổi và ốm yếu, chỉ có tội duy nhất là vận động một cách ôn hòa cho tín ngưỡng tôn giáo của mình, là việc làm vô nhân đạo. Ở Việt Nam, việc đàn áp các nhóm tôn giáo không được chính quyền công nhận, trong đó có Phật Giáo Hòa Hảo, là có hệ thống và hết sức nghiêm trọng. Hoa Kỳ và các quốc gia khác cần công khai bày tỏ quan ngại về thành tích đáng tiếc của Việt Nam về tự do tôn giáo, coi*

vấn đề này là ưu tiên hàng đầu trong mọi giao dịch với chính quyền Hà Nội.”

c)- Sự lên tiếng của Chánh phủ Hoa Kỳ:

Chính phủ Mỹ nhiều lần bày tỏ quan ngại về tình hình tự do tôn giáo ở Việt Nam. Trùng hợp ngày phiên tòa diễn ra tại huyện Chợ Mới tỉnh An Giang, 13-12-2011, Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ Bill Burns có chuyến thăm Hà Nội, trong đó ông thứ trưởng đã đề cập với phía Việt Nam về vấn đề nhân quyền. Kết thúc chuyến thăm của Thứ trưởng Ngoại giao Bill Burns, Hoa Kỳ yêu cầu Việt Nam tôn trọng quyền tự do ngôn luận và tự do tôn giáo đối với toàn thể người dân, không kể họ theo tín ngưỡng hay tôn giáo nào. Chính phủ Hoa Kỳ vẫn quan ngại trước việc chính quyền sách nhiễu các lãnh đạo tôn giáo trong đó có lãnh đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

Sau phiên tòa ngày 13-12, trước bản án được công bố, Chính phủ Mỹ đã yêu cầu Việt Nam trả tự do cho hai tín đồ PGHH vừa bị kết án.

d)- Sự loan tin của báo, đài quốc tế:

Báo Washington Post, một trong những nhật báo lớn hàng đầu tại Hoa Kỳ, ấn bản ngày 13-12-2011, đã loan tải bản tin của hãng thông tấn Associated Press.

Các đài phát thanh quốc tế như BBC, RFA, VOA, RFI cũng đều thông tin về bản án bất nhân này. Tại trang web VOANews.com, tiếng nói chánh thức của chánh phủ Hoa Kỳ đã dán lên đó bản tin ngày Thứ ba, 13/12/2011.

4. Cảm Nghĩ và Bài Học Kinh Nghiệm:

a)- **Bản án ngày 13/12/2011** đưa hai đồng đạo Nguyễn Văn Lía và Trần Hoài Ân vào tù đã thật sự gây tiếng vang quốc tế đáng kể. Sự kiện đó đã góp phần

khuyến khích tinh thần không nhỏ cho tiến trình đấu tranh vì tự do tôn giáo nói riêng và tự do dân chủ, nhân quyền ở quê nhà nói chung, tiếp tục mạnh tiến... Trong thời kỳ hội nhập toàn cầu hiện nay, các quốc gia đều phải nương tựa nhau nếu muốn được sống còn và phát triển. Cho dù u mê cố lý cách nào, Cộng sản Việt Nam cũng phải hiểu được điều này để cải thiện nhanh chóng phong cách mà tồn tại. Đưa một vài cá nhân đối kháng vào tù họ chỉ thể hiện được sự sợ sệt của kẻ yếu. Càng sợ sệt nhân dân thì càng tách xa nhân dân, càng làm hoen ố bộ mặt trên trường quốc tế. Một chánh quyền không được nhân dân hậu thuẫn, không có bạn bè quốc tế để liên minh, không thể là một chánh quyền đủ mạnh để tồn tại lâu dài.

b)- **Bản án ngày 13/12/2011** càng cho thấy bản chất của chế độ Cộng sản vẫn là vô luật, hay chỉ áp dụng luật rừng, ai có sức mạnh là thắng. Đó là lẽ lối sinh hoạt có truyền thống từ lâu của loại chế độ này, giữa Đông và Tây, giữa xưa và nay không hề sai khác. Cộng sản Việt Nam vẫn có hiến pháp và luật pháp khá dân chủ nhưng họ có tôn trọng và thực hiện bao giờ. Chẳng qua chỉ là hình thức tô vẽ để lừa dân, điểm trang khuôn mặt để dễ giao lưu trên trường quốc tế. Nhiều người trong lẫn ngoài nước đã chủ trương đấu tranh xóa bỏ điều 4 hiến pháp qui định đảng Cộng sản ở vị thế chóp bu lãnh đạo đất nước hiện nay để “cải thiện tình thế”. Từ kinh nghiệm nhỏ to đang hàng ngày diễn ra trên khắp nước, ta thấy chủ trương đó là điều sai lầm trước bản chất sinh hoạt vô luật của chế độ này. Cho nên đã thay đổi thì phải thay đổi toàn triệt như các nước Đông Âu chớ không thể thay đổi vá víu mà có thể thành công toại chí. Nếu không có sự kết hợp keo sơn bền bỉ của những tấm lòng son sắt đầy nhiệt huyết dám hy sinh thân thể và sự nghiệp riêng tư như đồng đạo

Nguyễn Văn Lía thì khó mong đạt đến mục tiêu cao cả này.

c)- **Bản án ngày 13/12/2011** hầu như thiếu vắng hình thức phản đối sự sách nhiễu, ngược đãi của quần chúng tín đồ PGHH trong nước, thiếu sự hỗ trợ tích cực và hiệu quả của đồng đạo PGHH ở hải ngoại. Đã từ lâu, kẻ cường quyền cứ dần dần bẻ gãy từng cá nhân dũng cảm đứng lên. Dù là một sự kiện chi tiết trong phiên tòa nhưng đủ làm cho ta đau lòng: một Nguyễn Văn Lía kiên cường phản bác tội danh bị vô cớ gán ghép thì ngay bên cạnh một Trần Hoài Ân đã thành khẩn nhận tội để được giảm án! Cùng là anh hùng, cùng là anh em một Thầy một Đạo và đã từng có quá trình đấu lưng tranh đấu nhưng sự bất khuất vẫn so le trong phút chót! Các dấu ấn kinh nghiệm đã trải qua cho ta thấy chia rẽ vẫn là một thảm họa còn tồn tại trong đoàn thể. Chúng ta đã sống qua những năm tháng đau thương nào nê trong sự phân hóa, thiếu tổ chức và thống nhất lãnh đạo. Thiếu sự đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau, chỉ biết đối chọi tranh hơn tranh thua qua từng lời văn tiếng nói nhỏ nhặt. Lại còn có hiện tượng háo danh, tự mang nhãn hiệu trí thức, tự xưng lãnh đạo, tự tô vẽ và xảo ngôn vô ý thức rất đáng đau lòng!

d)- **Bản án ngày 13/12/2011** gọi tinh thần trách nhiệm của Giáo Hội PGHH Hải Ngoại thật sự đại diện cho tập thể đồng đạo PGHH đang sống tha hương. Biết rằng trong cuộc sống rời rạc đó đây và phải nôn nả chạy đua với thời gian ở hải ngoại không dễ cho phép chúng ta chu toàn bổn phận đối với các đồng đạo lâm cơn hoạn nạn ở quê nhà. Nhưng lương tâm nào cho phép chúng ta yên ổn mà không khởi dậy lên trong lòng tinh thần trách nhiệm?

Sau 4 năm 6 tháng nằm trong trại giam với tuổi

cao sức yếu, đồng đạo Nguyễn Văn Lía, đã ra khỏi nhà tù nhỏ ngày 24/10/2015, tiếp tục bước chân vào nhà tù lớn bằng những năm “quản thúc tại gia” trong tuổi già còm cõi, trong bối cảnh đất nước chưa ra khỏi sự “độc tài toàn trị” của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Dẫu sao, nhà đấu tranh kiên cường bất khuất đó đã thật sự “thành nhân” vì đã chu toàn nhiệm vụ Tứ Ân cao cả của một tín đồ PGHH, tạo một dấu ấn khó quên cho mãi về sau trong lịch sử Đạo giữa lúc nguy nan. Cá nhân ông đã tỏa sáng ra khắp năm châu bốn biển và đã góp phần không nhỏ cho sự đứng vững của Phật Giáo Hòa Hảo cùng chung cộng nghiệp của Tổ quốc Việt Nam trước muôn trùng hiểm họa. Đồng đạo Nguyễn Văn Lía không hổ danh một đệ tử trung kiên của Đức Huỳnh Giáo Chủ và rất xứng đáng để chúng ta ngưỡng mộ.

HƯỚNG DƯƠNG

HK, đầu năm 2016

**Hiện tượng HÒA NHI BẤT ĐỒNG
trong ngôn ngữ Việt Nam**

Các nhà ngôn ngữ học có thể không đồng ý với nhau về nguồn gốc của tiếng Việt Nam, nhưng chắc chắn không thể không cùng nhau công nhận rằng tiếng Việt Nam đã chịu một ảnh hưởng vô cùng sâu đậm của tiếng Hán. Thật vậy, xét về phương diện từ vựng, tiếng Việt Nam đã vay mượn rất nhiều ở tiếng Hán. Có điều, vay mượn mà không lệ thuộc, vay mượn mà có sáng tạo. Chúng tôi coi đó là một hiện tượng trong ngôn ngữ Việt Nam, hiện tượng “Hòa Nhi Bất Đồng”.

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày đôi nét về hiện tượng ấy qua các mục sau đây:

1.- Từ Hán nhưng âm Việt:

Tiếng Việt đã mượn ở tiếng Hán không những hầu hết các từ cơ bản, mà còn luôn cả các từ tiếng Hán đã dịch âm hoặc dịch nghĩa từ các tiếng nước ngoài.

a)- Dịch âm:

- như các từ của Tây Vực:

葡萄 Bô đào, 玻璃 Pha lê

-của Phật giáo:

禪 Thiên, 偈 Kệ

般若 Bát nhã, 菩提 Bồ đề

-của Tây phương:

鴉片 Nha phiến

b)- Dịch nghĩa:

- Như các từ về chính trị, kinh tế, triết học, văn học, khoa học mượn của Nhật bản.

Theo Vương Lực (Hán ngữ sử khảo, quyển hạ. Bắc Kinh 1958, tr. 516-537), thì các từ Hán ngữ mượn của Nhật gồm có một phần là các từ vốn có trong tiếng Hán cổ, như Cách mệnh, Giáo dục, Văn hóa, Văn minh, Kinh tế, Phong kiến...và một phần là các từ do 2 chữ

Hán ghép lại và hiểu theo nguyên nghĩa chữ Hán, như Khổng định, Phủ định, Cụ thể, Trừu tượng, Triết học, Vật lý học, Cải thiện, Giải phóng, Khái quát...

Người ta ước lượng trong từ vựng Việt Ngữ có đến 60% là từ Hán.

Nguyễn Đồng Chi (Việt Nam cổ văn học sử, Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn hóa tái bản năm 1970) cho rằng “Trải qua chục thế kỷ nằm dưới quyền Bắc thuộc, lại trải qua các triều Vua dùng chữ Nho làm văn tự chung trong nước, nên tiếng Việt hóa gần gũi với tiếng Tàu. Kho chữ nước nhà nhờ đó được phong phú. Trong 10,000 tiếng Việt Nam, đã có 6,000 tiếng mượn của Tàu rồi.” (tr. 44).

Người ta cũng thường nhắc đến 2 câu thơ gồm toàn từ Hán trong Truyện Kiều của Nguyễn Du:

*Hồ Công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên, binh hậu, khắc kỳ tập công.*

Và tất cả các từ Hán đều đọc dựa theo âm Việt Nam, ta gọi đó là từ Hán-Việt. Theo các nhà nghiên cứu Ngữ âm lịch sử, thì quá trình ổn định cách đọc Hán-Việt chỉ bắt đầu từ khi Việt Nam giành được độc lập tự chủ vào thế kỷ thứ 10 sau Công nguyên.

2.- Từ Hán Việt đọc trại âm:

Hiện tượng này xảy ra trong các trường hợp sau đây:

a) Đọc trại vì từ Hán Việt được Nôm hóa:

碑 Bi	→ Bia	閣 Các	→ Gác
易 Dị	→ Dễ	旗 Kỳ	→ Cờ
臘 Lạp	→ Chạp	願 Nguyên	→ Nguyên
心 Tâm	→ Tim	沈 Trâm	→ Chìm
供養 Cung dưỡng	→ Cúng dường		
可須 Khả tu	→ Khả tua		

b) Đọc trại vì kiêng kỵ tên của Vua chúa:

-của Chúa Trịnh:

松 Tùng → Tòng 綱 Cương → Cang
-của Chúa Nguyễn:

黃 Hoàng → Huỳnh 福 Phúc → Phước
-của Vua triều Nguyễn:

宗 Tông → Tôn 時 Thi → Thời

(Dương Quảng Hàm, Việt Nam Văn Học Sử Yếu. In lần thứ 10. Trung tâm Học liệu Bộ Giáo dục, Sài Gòn 1960 – tr. 200).

c) Đọc trại vì 2 miền Bắc Nam dùng nguyên âm khác nhau:

本 Bản (B) Bỗn (N)	人, 仁 Nhân (B) Nhơn (N)
命 Mệnh (B) Mạng (N)	牲, 生 Sinh (B) Sanh (N)
性 Tính (B) Tánh (N)	丸 Hoàn (B) Huồn (N)
活 Hoạt (B) Huột (N)	國 Quốc (B) Quắc (N)
武 Vũ (B) Võ (N)	書 Thư (B) Thơ (N)
局 Cục (B) Cuộc (N)	帥 Sứy (B) Soái (N)
元 Nguyên (B) Nguơn (N)	潮 Triều (B) Trào (N)

(Dương Quảng Hàm, sách dẫn trên – tr. 199-200)

-**Chú ý:** Lợi dụng hiện tượng từ Hán đọc trại âm thành từ Nôm, chúng ta có thể xác định được Chính tả của một số từ Nôm.

Thí dụ:

碧 Bích → Biếc

“ich” âm ngắn biến trại thành “iéc” cũng âm ngắn, “Biếc” phải tận cùng bằng “c”.

鏡 Kính → Kiếng

“inh” âm ngắn biến trại thành “iêng” cũng âm ngắn, “Kiếng” phải tận cùng bằng “ng”.

濁 Trọc → Trược

“oc” âm ngắn biến trại thành “uoc” cũng âm ngắn, “Trược” phải tận cùng bằng “c”.

3.- Từ Hán thay đổi cấu trúc khi chuyển thành từ Hán-Việt:

a)- Thay đổi vị thứ từ đơn.

- Thay đổi có tính cách cố định:

擔保 Đảm bảo → Bảo đảm

合適 Hợp thích → Thích hợp

訃告 Phó cáo → Cáo phó

声音 Thanh âm → Âm thanh

展開 Triển khai → Khai triển

挽救 Vãn cứu → Cứu vãn

簡單 Giản đơn → Đơn giản

語言 Ngữ ngôn → Ngôn ngữ

士兵 Sĩ binh → Binh sĩ

釋放 Thích phóng → Phóng thích

阻隔 Trở cách → Cách trở

望遠鏡 Vọng viễn kính → Viễn vọng kính

出產 Xuất sản → Sản xuất

-Thay đổi có tính cách không cố định:

別離 Biệt ly → Ly biệt

法律 Pháp luật → Luật pháp

出發 Xuất phát → Phát xuất

鬥爭 Đấu tranh → Tranh đấu

城市 Thành thị → Thị thành

b)- Thay đổi thành phần từ đơn:

- Thay đổi từ đầu:

罷工 Bãi công → 停工 Đình công

週報 Chu báo → 旬報 Tuần báo

飛機場 Phi cơ trường → 飛場 Phi trường

後備 Hậu bị → 儲備 Trữ bị

廣場 Quảng trường → 公場 Công trường

醫院 Y viện → 病院 Bệnh viện

-Thay đổi từ cuối:

工業 Công nghiệp → 工藝 Công nghệ

待命 Đãi mệnh → 待令 Đãi lệnh

電報 Điện báo → 電信 Điện tín

電腦 Điện não → 電算 Điện toán

對待 Đồi đãi → 對処 Đồi xử

出入口 Xuất nhập khẩu → 出入港 Xuất nhập cảng

-Từ đầu, từ cuối thay đổi không nhất định:

擔保 Đảm bảo → 保領 Bảo lãnh

郊外 Giao ngoại → 外圻 Ngoại ô

重要 Trọng yếu → 关重 Quan trọng

疏散 Sơ tán → 散居 Tản cư

欣賞 Hân thưởng → 賞識 Thưởng thức

4.- Từ Hán thay đổi ý nghĩa khi chuyển thành từ Hán-Việt:

跋涉 Bạt thiệp (đi trên cỏ, trong nước, ý nói đi xa vất vả) → sành sỏi, lanh lợi. Theo nghĩa mới “Bạt thiệp” cũng đọc là “Bật thiệp”.

到底 Đáo để (đến đích cuối cùng, rốt lại) → ghé góm, đáng sợ.

丁寧 Đinh ninh (dặn dò, nhắc nhở) → tin tưởng.

江湖 Giang hồ (ẩn dật, trôi giạt) → gái mãi dâm.

困難 Khốn nạn (khó khăn) → hèn hạ.

歷事 Lịch sự (trải việc, từng trải) → biết cách xử thế, xinh đẹp.

小心 Tiểu tâm (cẩn thận) → nhỏ mọn, hẹp hòi.

仔細 Tử tế (kỹ lưỡng) → tốt bụng.

文字 Văn tự (chữ viết) → giấy tờ mua bán, vay mượn.

5.- Từ Hán được thay bằng từ Hán-Việt coi như đồng nghĩa:

播音 Bá âm # 發声 Phát thanh (Đài phát thanh)
博物院 Bác vật viện # 堡藏院 Bảo tàng viện
勇敢 Dũng cảm # 肝胆 Can đảm
電視 Điện thị # 傳形 Truyền hình
圖書館 Đồ thư quán # 書院 Thư viện
開除 Khai trừ # 逐出 Trục xuất
年代 Niên đại # 十年 Thập niên
業餘 Nghiệp dư # 才子 Tài tử
噴 Phún khí cơ # 反力机 Phản lực cơ
神父 Thần phụ # 灵牧 Linh mục

6.- Từ Hán được ghép với từ Nôm đồng nghĩa:

換 Hoán → Hoán đổi

(“đổi”: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán “hoán”)

開 Khai → Khai mở

(“mở”: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán “khai”)

灵 Linh → Linh thiêng

(“thiên”: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán “linh”)

養 Dưỡng → Nuôi dưỡng

(“nuôi”: từ Nôm đồng nghĩa với từ Hán “dưỡng”).

7.- Từ Hán-Việt xây dựng theo một cấu trúc đặc biệt của từ Hán:

Trong tiếng Hán hiện đại có cấu trúc:

Danh từ / Hình dung từ / hóa

Ý nói: Chuyển biến (hóa) thành một tính chất hoặc một trạng thái (được thể hiện qua Danh từ hoặc Hình dung từ)

惡化 Ác hóa 合理化 Hợp lý hóa
機械化 Cơ giới hóa 科學化 Khoa học hóa
現代化 Hiện đại hóa 西洋化 Tây dương hóa

Theo cấu trúc này, trong Việt ngữ có các từ:
及日化 Cập nhật hóa 公开化 Công khai hóa
強調化 Cường điệu hóa 简易化 Giản dị hóa
人格化 Nhân cách hóa 越南化 Việt Nam hóa
诗味化 Thi vị hóa

Việt ngữ cũng dùng cấu trúc này cho các từ thuần Nôm như:

Lành mạnh hóa (Xã hội học)
(âm) Môi hóa (Ngữ học)
Óc-xýt hóa (Hóa học)

Đây là một sáng tạo của Việt Nam, nhưng trên phương diện Ngữ học, thì sáng tạo như vậy là không đúng cách, vì chúng ta không thể kết hợp một từ thuần Hán với một từ thuần Nôm để có một từ Hán-Việt được. Cũng nên lưu ý là trong Hán ngữ có những từ không cần phải thêm 化 (hóa) như trong Việt ngữ:

Việt: Công khai hóa Hán: Công khai
Việt: Cường điệu hóa Hán: Cường điệu

Đề kết luận: Chúng ta có thể nói rằng tiếng Việt Nam tuy vay mượn rất nhiều ở tiếng Hán, nhưng không hoàn toàn lệ thuộc tiếng Hán. Đã vậy, người Việt Nam còn biết lợi dụng chữ Hán để xây dựng một quốc gia văn tự riêng. Đó là chữ Nôm mà các thế hệ trước đã dùng để ghi lại tư tưởng cũng như tình cảm của mình, tạo thành một thời văn chương Quốc âm vô cùng rực rỡ. Điều này, thêm một lần nữa chúng tỏ tinh thần độc lập và sáng tạo của dân tộc ta./.

Tìm Hiểu Sơ Lược Điển Tích

Trong Giáo Lý P.G.H.H

(Vần A và B)

(Tiếp theo Tinh Tấn số 26)

Chữ viết tắt: *tr.* tên riêng (proper name), *scr.* tiếng Bắc Phạn (Sanskrit), *đđ.* địa danh (place name), *hán.* tiếng Hán (Chinese), *TTL* trước Tây lịch, *ngb.* nghĩa bóng.

A-TU'-ĐÀ *tr.* (*scr. Asita*) Vị đạo sĩ Bà-La-Môn, vị tiên non có thần thông biết trước Thái tử Sĩ-Đạt-Ta sanh ra đời; ông xin vua Tịnh Phạn cho phép yết kiến và đoán tướng hoàng tử. Sau khi nhận ra 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp của Thái tử Sĩ-Đạt-Ta, ông khóc ròng vì biết mình tuổi cao không thể sống đến ngày Phật thành đạo để được nghe lời diệu pháp.:

Ông là người Bà-la-môn tiên,

A-Tu-Đà tiên hiển tên lão. (Q.5: Khuyển Thiện)

AN LỘC SƠN - DƯƠNG QUÍ PHI *tr.* Vào thời nhà Đường (Trung Hoa), đời vua Huyền Tôn, có một giai nhân tuyệt sắc và thông minh tên là Dương Ngọc Hoàng, hiệu là Thái Chân. Thái Chân được Thái tử Đường Long Cơ yêu và lấy làm vợ. Vua cha Đường Huyền Tôn lại say đắm nhan sắc con dâu nên bày trò dâm loạn rồi cho Thái Chân làm quý phi nên có tên là Dương Quý Phi. Bấy giờ, An Lộc Sơn là quan tiết độ sứ của vua Đường; Sơn a tòng với tên quan gian nịnh Lý Lâm Phủ vào giả làm con nuôi của Dương Quý Phi, để cùng nhau dâm loạn và mưu đồ cho Sơn dẫn hùng binh về cướp ngôi vua. Cuối cùng, Dương Quý Phi, trên đường cùng nhà vua đi lánh nạn, bị quan quân nhà Đường buộc phải bức tử bằng cách thắt cổ chết để đền tội. Sau đó, cánh quân của An Lộc Sơn cũng bị quân triều đình đánh tan rã.

...An Lộc Sơn với Dương Quý Phi há chẳng còn

lưu liên hậu thế? ...(Luận về Tam Nghiệp: Ác Tà dâm).

BẠCH ĐĂNG GIANG *đd.* Tức sông Bạch Đằng thuộc hệ thống sông Thái Bình; sông này chảy giữa thị xã Quảng Ninh và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng), cách vịnh Hạ Long, cửa Lục khoảng 40 km. Sông dài 32 km tính từ điểm đầu là ranh giới Hải Phòng – Quảng Ninh đến điểm cuối là cửa Nam Triệu thuộc Hải Phòng. Sông này là đường thủy tốt nhất để đi vào Hà Nội từ Nam Trung Hoa, các tàu thuyền từ 300-400 tấn có thể đi lại dễ dàng. Đây là dòng sông lịch sử đã diễn ra ba chiến công lừng lẫy của dân Việt chống quân Tàu xâm lăng: cuộc thủy chiến của Ngô Quyền chống quân Nam Hán xâm lược năm 938, trận thủy chiến của Lê Đại Hành phá tan quân Tống xâm lược năm 981, cuộc thủy chiến của Hưng Đạo Vương phá tan quân Mông Nguyên sang xâm lược lần thứ ba, năm 1288. Tại khu vực cửa sông Bạch Đằng có 3 ngôi đền thờ 3 vị anh hùng: Ngô Quyền (đình Hàng Kênh, Hải Phòng), vua Lê Đại Hành (thị trấn Minh Đức, Hải Phòng), Trần Hưng Đạo (phường Yên Giang, Quảng Ninh).

*Bạch Đằng Giang công nghiệp ấy ai bằng,
Quân Việt ít đánh tan Mông Cổ mạnh.*
(Bài Kỷ niệm rừng Chà là)

BÁT GIẢI *tr.* Bát Giải, gọi đủ là Trư Bát Giải có pháp danh là Ngô Năng, nhân vật trong truyện Tây Du Ký, một trong ba đồ đệ theo phò Đường Tăng Tam Tạng đi Ấn Độ thỉnh kinh: Tôn Ngô Không, Sa Tăng, Bát Giải. Trư Bát Giải là biểu tượng cho người cần giữ giới luật để diệt vô minh một khi đã qui y đầu Phật. Trong Tây Du Ký, nhân vật này là hình ảnh của tham dục si mê

nên cần có giới luật để trừ
khử.

*Nhờ môn đồ Bát Giới, Sa
Tăng,
Voi Đại Thánh Tê Thiên
cứu vớt.* (Bài Sa Đéc).



BÀN CỬ *tr.* Bí danh của
Nhạc Phi (1103-1142),
danh tướng nổi tiếng trong
lịch sử Trung Hoa. Bàn Cử
(Nhạc Phi) sanh dưới đời Tống Vi Tông, thuộc tỉnh Hà
Nam (Trung Hoa), mồ côi cha sớm; mẹ là bà An Nhơn
gởi Nhạc Phi đến võ sư Châu Đồng để học văn võ, bà
còn xăm trên lưng ông 4 chữ “Tận trung báo quốc”.
Ông phò vua Tống Cao Tông, có công dẹp giặc cướp
trong nước và ngăn giặc Kim xâm lăng, đánh tổng cộng
đến 126 trận đều toàn thắng. Về sau bị Tể tướng Tần
Cối (1090-1155), một gian thần quyền thế, gièm pha
tâu với vua rằng Nhạc Phi mưu phản nên bị vua triệu về
cung bỏ ngục rồi xử tử lúc ông mới 39 tuổi với chức
tước là Đại nguyên soái.

*Tiết trung lương hiếu nghĩa rạng ngàn,
Ông Bàn Cử mẹ ghi chạm thit.*
(Bài Nang thơ cảm tú)

BẠN TRI ÂM *dt.* Bạn hiểu tâm tư của nhau qua âm
điệu tiếng đàn, lời thơ, giọng hát; *ngb.* bạn thân thiết
hoàn toàn thấu hiểu nhau qua tâm tư nguyện vọng.
“Bạn tri âm” xuất phát từ **Điện tích Bá Nha Tử Kỳ**: Bá
Nha là quan đại phu nước Tống (Trung Hoa) có tài gảy
đàn không ai sánh bằng. Một hôm trên đường đi sứ
nước Sở về, ông dừng thuyền nghỉ bên bờ sông Hàm
Dương. Dưới ánh trăng thu mơ mộng, ông mang đàn ra

gảy một chập thì đàn đứt dây. Ông nghĩ có người nghe trộm nên sai quân sĩ lên bờ tìm. Chung Tử Kỳ, một ẩn sĩ, đang là gã tiều phu nghèo liền lên tiếng: “*Tôi chẳng phải là kẻ bắt lương, chỉ là người đi đốn củi ngang qua, nghe tiếng đàn ai oán tả Đức Khổng Tử khóc thầy Nhan Hôi mà dừng chân lắng nghe thôi*”. Bá Nha ngạc nhiên tại sao giữa cảnh núi rừng hoang sơ mà có người nghe hiểu được tiếng đàn của ông nên mời Tử Kỳ xuống thuyền đàm đạo. Bá Nha thay dây căng phím tưởng tượng mình đang đứng trên đỉnh non cao mà gảy tiếp một bản khác. Tử Kỳ lắng tâm nghe và cất tiếng: “*Thật tuyệt diệu, âm điệu đã mô tả chí của đại nhân tựa như non cao*” (bản *Nga nga hồ chí tại cao sơn*). Cao hứng, Bá Nha chuyển sang gảy một bản khác tưởng tượng mình đang trôi trên một dòng nước lũ; Tử Kỳ thốt tiếp: “*Đại nhân sống hiên ngang như một dòng nước lũ!*” (bản *Dương dương hồ chí tại lưu thủy*). Quá cảm động, hai người kết bạn thâm giao với nhau. Sáng hôm sau cả hai chia tay và hẹn năm sau tái ngộ cũng tại nơi này. Đến ngày hẹn, Tử Kỳ vắng bóng nơi xưa, Bá Nha mang đàn ra gảy thì tiếng đàn nghe ai oán nào nuốt làm sao! Dò hỏi thì được biết Tử Kỳ đã chết, ông tìm đến mộ bạn và lấy đàn ra thổi khúc ai điệu du dương buồn thảm lắng sâu vào lòng người nghe. Sau đó, ông đập nát cây đàn và thề không chơi đàn nữa! Nhà chí sĩ Phan Bội Châu đã nhắc điển tích này trong bài thơ *Gởi Phòng Hậu Tử*: “*Đàn Bá Nha mấy kẻ thương âm, Bỗng nghe qua khóc trộm lại thương thâm, Chung Kỳ chết ném cầm không gảy nữa!*”. Đức Thầy có các câu sau đây:

- *Phi phi bỗng xuất mặt Huỳnh Long,
Dụng lối Bá Nha réo Lạc Hồng.* (Bài Thi Xuân).
- *Lão đây thân khó chẳng sờn,
Tỏ lời khuyến khích tợ đờn Bá Nha.*

(Bài Khuyên người giàu lòng phước thiện).

- *Bá Nha hiệp mặt tao đàn,*

Tử Kỳ trôi giọng khải hoàn bốn phương.

(Bài Xuân hạ tác cuồng thơ).

- *Dụng Bá Nha lên dây đàn khảy,*

Lo cho đàn quên vóc ốm gầy.

(Bài Nang thơ cảm tú).

- *Đục trong đà có nguồn con,*

Lời ta khuyên đó như đàn Bá Nha.

(Bài Thiên lý ca).

- *Điệu đàn trôi khúc huyền thâm,*

Nhà nghề chọn bạn tri âm đâu nào?

(Bài Thu đã cuối)



BIÊN THƯỚC tr. Tên vị thánh y trong truyền thuyết Trung Hoa, sanh đồng thời với Hiên Viên Huỳnh Đế, được Hán tộc tôn làm thánh tổ của nghề thuốc. Trong thời Đông Châu Liệt Quốc (771-249 TTL), có người tên là Tần Hoàn (có nơi viết là Trần Hoàn) tự là Việt Nhân, rất thông y học, có tài

cải tử hườn sanh trong nhiều trường hợp, nguyên nhờ một dị nhân cho một viên thuốc thánh uống vào nên có thể thấy rõ ngũ tạng lục phủ của bệnh nhân, được người đời cho là Biền Thước tái sanh và còn được gọi là Biền Thước tiên sinh.

Đến con đau phải thuốc phải tìm,

Gặp Biền Thước, Hoa Đà lai thế.

(Bài Diệu pháp quang minh).

BÓNG THỎ dt. (*hán. Ngọc thỏ, bạch thỏ*) Tiếng chỉ mặt trăng. *Diễn tích*: Thỏ là loại thú rất hiền và biết thương xót đồng loại. Sự tích trong Kinh Phật kể rằng có lần trong thời xa xưa, một trận đại hạn hán làm hủy diệt hết cỏ khiến các loài thú đều sắp chết đói; thỏ động từ tâm muốn đem thân cứu sống cho đồng bọn nên gọi chúng lại dặn: “*Các bạn hãy dùng thân tôi làm thức ăn cho đỡ lòng*“. Nói xong, thỏ nhảy vào đồng lửa đang cháy thiêu mình hiến xác cho đồng loại. Phật thương cảm sự hy sinh của thỏ nên dùng diệu pháp cứu thỏ và đưa lên cung trăng ở. Từ đó, trong văn chương, người ta dùng “*bóng thỏ*“ (ngọc thỏ) để chỉ mặt trăng: *Trải bao thỏ lặn ác tà (Kiều)*, ý nói qua bao cảnh trăng lặn trời xế bóng, tức thời gian đã trôi qua. Đức Thầy có viết:

*Rạng vừng mây bóng thỏ lạc nhàn,
Để chuyén khác cạn câu hoài vọng.*

(Bài Cho Ông Tham tá Ngà)

BÔNG LAI đd. Tên một hòn đảo ở biển Bột Hải (Trung Hoa). Trong biển Bột Hải có ba hòn đảo: Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu; Bồng Lai là hòn núi tục truyền có tiên ở: *Non Bồng nước Nhược* (cảnh tiên tiêu diêu thanh thoát). *Biết đâu nước Nhược non Bồng là đâu* (Kiều). Đức Thầy dùng nhiều lần chữ Bồng Lai (ý chỉ cõi tiên diêu thoát tục, cõi của người tu đạt đạo) trong Sám Thi của Ngài:

*- Ngày nay chẳng kể tâm thân,
Miễn cho bá tánh đượ gần Bồng Lai. (Q.1)*

*- Chèo ghe rao việc gần xa,
Bồng Lai tiên cảnh ai mà đi không? (Q. 1)*

*- Thảm thương bá tánh lăm ôi!
Bồng Lai Tiên cảnh rao rồi một khi. (Q.1)*

- *Đi hoài chẳng có nghỉ ngơi,
Miệng cũng rao mời Tiên cảnh Bồng Lai. (Q.1)*
- *Tứ vi mây phủ nhiều doanh,
Bồng Lai một cõi hữu danh chữ đề. (Q. 3)*
- *Ta mang mình thịt xác trần,
Ra tay dắt chúng được gần Bồng Lai. (Q.3)*
- *Ước mong dân khỏi nạn tai,
Dắt dìu Tiên cảnh Bồng Lai nhiều người. (Q.3)*
- *Cầu cho mới Đạo hoằng khai,
Cầu cho trăm họ Bồng Lai được gần. (Q.5)*
- *Muốn thấy người xưa phải vẹn mây,
Nam nhi hữu chí kiến Bồng Lai.
(Bài Cho Ông Hương Chủ Bó ở Hòa Hảo)*
- *Khuyên dạy dương trần minh đạo đức,
Tu hành được thấy cảnh Bồng Lai.
(Bài Viếng non Ông Kết)*
- *Bồng Lai như khứ khổ nan truyền,
Cảm tác quyền hồ tố thiện duyên.
(Bài Diệt Tiên Khiên)*
- *Lớn rông nạn ách phải vương,
Muốn qua trướng khổ tìm đường Bồng Lai.
(Bài Khuyên người giàu lòng phước thiện)*
- *Bồng lai Diên đại có ngôi,
Tây phương Cực Lạc Khùng ngôi tòa sen.
(Bài Dẫn dò bốn đạo).*
- *Thi tả cảnh Bồng Lai tại thế,
Mãi chân chờ e trở kỳ thi.
(Bài Xuân Hạ tác cuồng thơ).*
- *Cảnh dương trần khó sánh Bồng Lai,
Về Tiên cảnh say mùi rượu Thánh.
(Bài Diệu pháp quang minh)*
- *Quyết chèo thuyền đến chốn Bồng Lai,
Mới ngơi nghỉ tâm thân của Lão.
(Bài Sa-Đéc)*

- *Vẽ hình rồi lại vẽ mây,
Vẽ tranh Thiên tạo Bồng Lai cảnh tình.*
(Bài Đến làng Nhơn Nghĩa, Cần Thơ).
- *Đẹp mâm, đẹp chiếu cho tiêu tán,
Theo dõi Bồng Lai lánh cõi thiêng.*
(Bài Cho Hương Bộ Thạnh).
- *Bồng Lai tại thế non dường sánh,
Đẹp để cho Ta trôi nhọc thiều.*
(Bài Bạc Liêu).
- *Thiên địa tuần hoàn gom một mối,
Phàm trần vẹn kiếp kiến Bồng Lai.*
(Bài Tỉnh bạn trần gian).

BÙI KIỆM – TRỊNH HÂM *tr.* Tên hai nhân vật không tốt trong truyện thơ Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu; hai người này đều tìm cách hại nhân vật chánh là Lục Vân Tiên, về sau đều chịu nghiệp báo bất lành.

*Được vinh hoa khinh bỉ kẻ hèn,
Bạn phản bạn như người Bùi Kiệm.
Trên mặt đất hạng người áy hiêm,
Thấy Tiên mù xô xuống giữa dòng
Nhìn Trịnh Hâm lão bắt mũi lòng,
Than cận kẻ kêu dân sớm tỉnh.*
(Bài Diệu pháp quang minh).

(THẾ VĂN)

Tản Mạn Đầu Năm Thân

HUỲNH CHI



Nhân dịp tiền Ất Mùi đi, đón Bình Thân đến, xin góp đôi điều nhân những ngày Xuân năm con Khỉ này. Kính chúc quý vị đón hưởng một năm mới thật vui tươi, hạnh phúc và gặt hái nhiều thành đạt.

Trước hết, loài Khỉ có đặc tính giống loài người, thuộc loài có vú, sanh con, có 4 chân như: Trâu, Bò, Ngựa,

Dê, Chó, Mèo v.v, nhưng hai chân trước có thể biến thành tay, thường ở trong rừng, ưa nhảy nhót, đu chuyền từ cây này sang cây khác, sống từng đoàn, thông minh hơn các thú vật khác, cho nên thường bắt chước loài người, vì thế được con người huấn luyện để biểu diễn trong những đoàn Xiệc cùng với Voi, Sư Tử, Chó mà chúng ta thường thấy, nhất là trong phim Tarzan.

Hình ảnh con Khỉ biểu tượng cho sự nghịch ngợm, tinh nghịch, láu lỉnh, trộm cắp, nhanh nhẹn nhưng cũng có những con Khỉ đã trở thành biểu tượng thần thánh như Tôn Ngộ Không, Hanuman. Ở phương Tây, hình ảnh con khỉ trong nền văn hóa phương Tây khá mờ nhạt bên cạnh các con vật thần thoại như Nhân mã, Nhân sư, Mỹ nhân ngư... cho đến khi xuất hiện nhân vật King Kong là con khỉ đột khổng lồ trong bộ phim khoa học giả tưởng của đạo diễn Mỹ Ernest B. Schoedsack.

Theo các tài liệu cho biết có đến 200 loài khỉ khác nhau với tầm vóc, trọng lượng và màu sắc khác nhau. Loài *khỉ sóc* (squirrel monkey) cân nặng từ 1-2 kí-lô trong khi loài vượn, đười ươi, dã nhân đực có thể cân nặng từ 60 đến 70 kí-lô.

Phần lớn khỉ có lông màu xám. Nhưng cũng có giống khỉ có lông đen tuyền, trắng, vàng hay đỏ.

Ngoài ra, người ta còn kể đến các giống họ loài Khỉ như: *Đười Ươi, Vượn, Vượn Trắng (Bạch Viên), Di hâu, Mộc Hâu, Tê Thiên Đại Thánh* tức Tôn Ngộ Không v.v.

Khỉ đột là loài Khỉ lớn còn xem như chúa tể loài Khỉ.

Khỉ lọ nổi là loài Khỉ có đầu màu đen.

Khỉ bạc má là loài Khỉ, có gò má màu trắng.v.v.

Năm nay là Bính Thân tức năm con **Khỉ** (cũng gọi là **Khởi**), cho nên trong bảng dân thiên hạ cũng thường nhắc nhở luôn trong sinh hoạt xã hội hằng ngày, từ đó mới có những từ ngữ liên quan đến văn hóa, văn học nghệ thuật và ngay cả trong lãnh vực Tôn giáo, xin được trình bày như sau:

Trong văn hóa đại chúng và trong hư cấu, hình ảnh con khỉ cũng có một vị trí nhất định. Khỉ (Thân) là một con vật trong 12 con giáp. Thân đứng trước Dậu (Gà) và sau Mùi (Dê). Người tuổi Thân bị sao Thiên Cơ chiếu nên thường cô đơn (khó lập gia đình, góa bụa, ly thân, ly dị hay cô đơn trong tâm hồn). Tuổi Thân là tuổi dương (+).

Có tất cả 5 tuổi Thân trong chu kỳ 60 năm. Đó là: Giáp Thân, Bính Thân, Mậu Thân và Canh Thân. Tuổi Thân hợp với tuổi Tí và Thìn, nhưng không hợp với tuổi Dần, Hợi và Tỵ (hợp xung).

Tháng Thân là tháng 7 âm lịch. Giờ Thân kéo dài từ sau 3 giờ chiều đến 5 giờ chiều.

Người có tay dài như tay vượn là người giàu có. Người có tướng khỉ (hầu tướng) là người quyền quý và có tài năng đặc biệt. Tiến sĩ Mạc Đĩnh Chi đời nhà Trần được mệnh danh là Lương Quốc Trọng Nguyên là người có tướng hầu. Tướng Trương Chi Động đời nhà Mãn Thanh cũng là người có tướng hầu. Ông là người thích ăn trái cây, uống rượu và không thể thiếu đàn bà một đêm.

Hầu tước là một trong bốn tước quý tộc: Công tước, Hầu tước, Bá tước, Tử tước, Nam tước.

Trong thành ngữ, tục ngữ, ca dao Việt Nam

Ở miền Tây Nam Việt, chiếc cầu tre bắc qua kinh rạch được gọi là *cầu khỉ*...

Từ ngữ Khỉ xuất hiện rất nhiều trong văn hóa Việt Nam qua một số thành ngữ, tục ngữ như sau:

-*Khỉ ho cò gáy*: Chỉ chốn hoang vu, xa xôi, heo hút không có bóng người.

-*Khỉ ngồi bàn độc* là muốn nói đến kẻ không có tài năng mà làm quan to.

-*Làm trò khỉ*: Chế giễu những người hay pha trò, bắt chước, làm trò hề.

-*Giết gà dọa khỉ, Rung cây nhát khỉ*...

-*Nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà*: Nuôi người trong nhà và bị phản phúc.

-*Khỉ gió, khỉ khô, khỉ mốc*: Những câu rủa, câu mắng hay ám chỉ người không đứng đắn.

-*Đồ khỉ* hay *Đồ khỉ gió*: Ám chỉ người không đứng đắn, nghiêm túc, hay nghịch ngợm.

-*Khỉ lại là khỉ, mèo lại hoàn mèo*... Để nói lên những thói xấu, nhưng không che dấu ai.

-*Trời sinh con khỉ ở lùm,*

Chuyện qua chuyện lại rút ùm xuống sông.

*-Khí bông con lên non kiếm trái,
Cảm thương nàng phận gái mồ côi.*

Tóm lại, khi muốn rửa người nào, người ta thường réo: *đồ khi, đồ khi đột, đồ khi gió*. Gặp chuyện chẳng vừa ý, thì: *"khi thật!"*. Chạy nhảy lảng xãng thì được ví với *"khi mắc phong"*. Trẻ em liếng thoảng thì gọi là *"khi khọt"*. Mặt mày nhăn nhó vì đau đớn hay bực tức chuyện gì được người ta ví với *"khi ăn ớt"* hay *"Nhăn nhó như Khi ăn gừng"*. Rồi nào: *nuôi khi giữ nhà* (việc trái khoáy), *chẳng được khi chi cả* (việc không xong), *đừng có làm trò khi* (việc chướng mắt). Tiếng "**kh**" còn để bêu riếu: *đồ dạy khi leo cây* (việc vô ích, thừa), *đồ khi dính mắt tôm* (bộ mặt khó ưa, nhăn nhó). Hành động của người không biết điều, được ví là kẻ *"rung cây nhát khi"...*

Bên cạnh con Khi, con Vượn cũng có mặt trong văn chương truyền khẩu của người Việt như trong bài dân ca *"Lý qua đèo"* ở Huế, hay *"Ăn ở trong rừng"* thuộc Quan họ Bắc Ninh. Ca trù có điệu Xẩm huê tình cũng nhắc đến vượn. Ca dao thì có câu nhắc đến Vượn để tỏ ý xa xôi, hoang dã như trong câu ca dao miền Nam:

-Má ơi! Đùng gả con xa,

Chim kêu vượn hú biết nhà má đâu.

Tục ngữ về vượn còn có câu: *Vượn lìa cây có ngày vượn rữ*.

Trong y học, con khi được dùng làm thuốc, tay chân khi bị chặt, phơi khô, nấu cháo, để ăn chữa bệnh. Người ta tin rằng ăn óc khi tươi thì được bổ dương. Ăn óc khi và uống trà mã đề là một cách ăn ghê rợn của những người quyền quý ở Trung Hoa thời nhà Mãn Thanh (xin miễn bàn nơi đây).

Trong Đông Y người ta dùng xương khi để nấu cao và mật khi để làm thuốc. Nấu cao gồm 5 bộ xương

hỗ nhưng phải thêm 1 bộ xương khi, 1 bộ xương sơn dương, mới thành thượng phẩm. Vì khí giống loài người và có tạng phủ như loài người nên người ta dùng khí để nghiên cứu tâm lý và thí nghiệm thuốc. Y học ngày nay dùng thận khí để ghép thận cho loài người. Óc khí được nghiên cứu để dùng chữa bệnh liệt cho loài người trong một tương lai gần đây.

Trong văn học thì hai tác phẩm lớn là *Truyện Kiều* và *Lục Vân Tiên* đều có nhắc tới Vượn, nhất là tiếng hú (còn gọi là hót) của chúng.

Ngoài ra, còn có rất nhiều cổ tích Việt Nam về khí, như Sự tích khí đỏ đất, hoặc chuyện đàn khí hề nhau khiêng người ngủ say mà chúng ngỡ đã chết vào "chôn" giữa kho tàng, chí cha chí choé: "*Hà rằm hà rạc, chôn vào hố vàng, không chôn hố bạc*".

Các dân tộc miền núi như Nùng, Thái, Lô Lô, Mường, đồng bào Tây Nguyên, Khmer Nam Bộ đều kể nhiều chuyện đời xưa về khí.

Trong Tôn giáo

Trong Thiên học người ta gọi người có tâm vọng động là "*tâm viên ý mã*" nghĩa là tâm nhảy nhót như khí và ý chạy nhảy như ngựa vậy.

Thời Lý-Trần, có Phạm Trường Nguyên, một thiên sư thế hệ thứ mười dòng thiên Quan Bích, cách đây hơn 8 thế kỷ, viết:

Vượn hầu bào tử quy thanh chướng,

Tự cổ thánh hiền một khả lượng.

(Vượn khí ôm con vào núi biếc.

Thánh hiền nghìn trước khó lường thay).

Tạm hiểu là: Tâm người như khí vượn chuyền cảnh, cả ngày, từ sớm đến tối, tương tục liên miên nghĩ ngợi, xôn xao hết chuyện này chuyện khác, nay cái "tâm khí" đã "ôm con" về núi, nhất nhất lắng lòng, hòa với suối ngàn làm một.

Hình tượng thần Hanuman mặt khỉ (Ấn Độ) in bóng trong văn học nghệ thuật Khmer. Tôn Ngộ Không (Trung Quốc) được một vài ngôi chùa người Hoa ở Chợ Lớn (SaiGon) đắp tượng, vẽ tranh để thờ. Cuốn Bàn về Tây Du Ký (Chơn Thiện) viết: "Tôn Ngộ Không là biểu trưng cho trí tuệ vô ngã (thấy rõ mọi hiện hữu là vô ngã, vô thường)...".

Hiện nay, ở một số chùa có trưng bày tượng ba con khỉ trong sân chùa. Nguồn gốc xuất xứ của bức tượng này bắt nguồn từ Ấn Độ vài ngàn năm về trước. Lúc đầu, đó là



bức tượng về một vị thần, là thần Vajrakilaya. Đây là vị thần có sáu tay, mỗi đôi tay dùng để bịt hai mắt, hai tai và miệng. Theo đó bức tượng được khắc nhằm để răn dạy mỗi người: không được nói bậy, không nhìn bậy và không nghe bậy. Tư tưởng “ba không” đó theo các nhà tu Phật giáo đi qua Trung Quốc không rõ vào thời kỳ nào. Sau đó vào khoảng thế kỷ thứ 9 (năm 838), một thiền sư người Nhật trong chuyến đi làm Phật sự ở Trung Quốc đã mang theo về Nhật tư tưởng này.

Hình ảnh “Bộ khỉ tam không” tưởng như đơn giản mà lại mang những giáo lý vô cùng sâu sắc. Đó là triết lý ba không xuất xứ từ túi khôn của người từng trải việc đời. Có người cho rằng đây là thái độ sống tiêu cực. Nhưng nếu ta hiểu rằng khỉ là giống vật hiếu động mà chịu ép mình vào kỷ luật ba không thì hình tượng Tam hầu mang ý nghĩa chữ NHẪN - một đức tính đòi hỏi công phu hàm dưỡng không phải tầm thường. Lại nghĩ, giả sử có lúc nào đó, những ông Tôn Ngộ Không, Hãnuman và King Kông mà phải chịu ngồi bịt mắt, bịt

tai, bịt miệng trước mọi nổi bất bình trên đời thì đúng là bi kịch.

Đặc biệt, trong Sấm Giảng và Thi Văn Giáo Lý, Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng có vài lần nhắc đến từ ngữ Khi như sau:

1/- Trong quyển Sấm Giảng Khuyên Người Đời Tu Niệm (tức quyển Nhứt, xuất bản lần đầu năm 1939), Ngài viết trước khi Đệ II thế chiến bùng nổ, tại làng Hòa Hảo. Nội dung, Đức Giáo Chủ đánh thức quần chúng lo tu hành bằng cách tiên tri những cảnh lầm than khốn khổ mà nhân loại sẽ phải trải qua. Đồng thời, Ngài còn nói trước các năm từ lúc xảy ra cho đến khi chấm dứt chiến tranh:

***“Mèo kêu bá-tánh lao-xao,
Đến chùng Rông, Rắn máu đào chửn ghê.
Con Ngựa lại đá con Dê,
Khắp trong trần-hạ nhiều bề gian-lao.
Khỉ kia cũng bị xáo-xào,
Canh khuya Gà gáy máu đào mới ngưng.”***

Người ta đã thấy đúng 100% từ khởi đầu cuộc Thế chiến II (Mèo kêu, 1939) cho đến khi hai quả bom nguyên tử của Đồng Minh bỏ xuống nước Nhật để chấm dứt chiến cuộc (Gà gáy, 1945) không sai một mảy. “Khỉ kia” được đề cập ở đây, chính là năm Giáp Thân (1944) trong lúc chiến tranh vẫn còn đang tiếp diễn.

2/- Quyển thứ II tức Kệ Dân của Người Khùng, Đức Thầy cũng có nhắc đến Khi qua câu:

***“Lũ thầy đám hay bày trò khi,
Mượn kinh luân tụng mượn lấy tiền.”***

Nhằm đả kích hạng người giả dối, lợi dụng Đạo để lừa gạt người đời mà trong xã hội lúc nào cũng có.

TRÒ KHỈ: Còn mang ý nghĩa khác, Pháp ngữ gọi là Singerie (trò nỡm) cũng có ý chỉ cho việc gì không nên, không thành công, chỉ làm trò cười cho

thiên hạ. Kinh sách đạo Phật có chép câu chuyện ngụ ngôn:



Xưa, ở khu rừng nọ, có đàn khỉ độ 500 con. Hôm nọ, chúng rủ nhau đến cây cổ thụ bên bờ giếng cư ngụ. Tối lại chúng thấy dưới giếng nước có mặt trăng nằm tận đáy. Một con khỉ hốt hoảng kêu âm lên:

-Ôi! Chết rồi anh em ơi! Hôm nay mặt trăng bị chết, nó rơi xuống đáy giếng đây này! Chúng ta hãy mau tìm cách vớt nó lên, kéo thiên hạ bị tối tăm, khổ sở lắm! Chúng xông xáo nhảy nhót, cuống quít với nhau, chưa biết phải làm thế nào? Bỗng nghe con khỉ chúa nói lớn:

-Tất cả anh em hãy yên lòng, tôi đã có cách rồi. Việc này chẳng khó chi, miễn là các anh em nghe theo tôi. Phần tôi nắm

lấy cành cây rồi một anh bám lấy đuôi tôi, và cứ thế lần lượt cứ bám đuôi nhau hết cả đàn. Thế là chúng ta sẽ xuống tận đáy giếng để vớt trăng lên.

Cả đàn khỉ nghe nói reo mừng đều cho đó là diệu kế, bèn làm đúng như lời khỉ chúa. Khi chúng nối nhau gần đến nơi, vì nặng quá nên cành cây bị gãy lìa, cả lũ khỉ đều rơi xuống giếng. Chúng lúng túng không có lối lên mà cũng chẳng có ai ở đó cứu vớt; kết cuộc cả đàn khỉ đều bị chết nơi đáy giếng.

Lúc ấy có vị thần ở trên cây trông thấy liền ngâm bài kệ:

“Một con ngu dại đã xong,

Thương thay! Cả lũ đều không biết gì.

Trăng còn vắng vặc trên kia,

Dắt nhau xuống giếng làm chi cực lòng”.

-Ở đây, ý nói những người tu hành sai chơn lý, đã tốn công mà không kết quả, chỉ làm trò cười cho thiên hạ, thật đáng tiếc! Đáng thương hại!

3/- Đến quyển thứ IV tức Giác Mê Tâm Kệ, Đức Thầy dùng chữ “võ hầu” là danh từ đặc biệt chỉ cho loài Khi để khuyên tấn người tu chớ nên giải đãi mà phải lấy tâm để làm chủ mọi việc:

“Cũng chẳng nên theo tánh võ hầu,

Thấy chẳng nói mà nhẫn mà nhường.”

Đến đây, xin nhắc đến nhân vật mang tên Hầu Kiển (tiền kiếp là con Khi ở rừng), người đã giết vua Lương Võ Đế để cướp ngôi bằng cách cho chết đói tại Đài Thành. Sự tích được kể như sau:

“Tiền thân của Võ Đế, xưa là một tiều phu, thường vào rừng đốn củi đổi gạo. Hôm nọ tiều phu gặp một cốt Phật lơ lửng ngoài trời, nắng cháy mưa chan. Ông động lòng ái truất, liền lột cái nón lá đang đội, đội lên cho cốt Phật. Nhờ công phước của tấm lòng thành kính cúng dường ấy, nên kiếp sau ông được phước báo làm vua và hết lòng kính tin, phụng thờ Tam Bảo.

Cũng trong kiếp tiều phu ấy, thường ngày ông lên rừng đốn củi, có mang theo gói cơm để trên vồ đá, đợi khi đói lòng lấy ra dùng. Nhưng đã hai lần khi đốn củi xong, trở lại thì gói cơm của ông "Không cánh mà bay đâu mất", ông rất bực tức đành nhịn đói trở về.

Lần thứ ba ông quyết định tìm ra nguyên nhân vì đâu mà hai lần bị mất gói cơm. Cũng như mọi khi, lần này ông để gói cơm trên vồ đá rồi giả vờ xách búa ra đi, nhưng ông núp vào bụi rậm gần đó rình xem. Một chập sau, thấy một con khi lớn đến ôm gói cơm chạy đi. Ông nhảy ra rượt quyết đập con khi một búa cho hả giận.

Khỉ hốt hoảng, song vì mắc ôm gói com nên leo lên cây chẳng được, túng cùng thấy cái hang đá gần bên, khi liền chun ngay xuống. Tiều phu cây đá lấp miệng hang. Khi ở dưới hang ăn hết gói com lên không được, nên bị đói dần mà chết.

Bởi nghiệp nhân đó và diệt nhà Tề nên khi Lương Võ Đế làm vua, con khi ấy cũng đầu thai là Hầu Kiển, lớn lên làm Quân Sư cho Võ Đế. Sau, Hầu Kiển sanh tâm muốn cướp ngôi nên lập kế gạt vua lên Đài Thành, rồi cho quân bao vây, cấm không ai được mang lương thực lên cho vua. Thế là Võ Đế phải chết đói tại Đài Thành, để trả cái nghiệp ác tâm đã gây thưở trước. Đức Thầy có cho biết:

***“Nhớ thuở trước vua Lương Võ Đế,
Tạo chùa chiêu khắp nước tu hành.
Đến chùng sau ngạ tử Đài thành,
Phật bất cứu vì tâm còn ác.”*** (Q. IV)

Chữ “Võ Hầu” cũng được Đức Thầy nhắc đến trong bài họa với bài thơ “Cụ Phạm Thiều mời Đức Thầy tham chánh” của cụ Trường Phong như sau:

***“Nào ai đem sánh mình mình triết,
Mà dám lăm le mạng Võ Hầu”.***

Tuy nhiên, chữ “Võ Hầu” ở đây là chỉ cho Khổng Minh Gia Cát Lượng thời Tam Quốc (TH).

Sử ghi: Tháng 8 năm 234, Gia Cát Lượng sinh bệnh rồi mất ngay trong chiến dịch Bắc Phạt lần thứ 6, lúc bấy giờ ông mới 54 tuổi, được phong tặng là **Trung Võ Hầu** người đời thường gọi là **Gia Cát Võ Hầu**.

4/- Trong bài THIÊN LÝ ca mà Đức Thầy viết vào tháng 7 năm Kỷ Mão, có bài thơ được viết theo thể Tứ tuyệt Nghịch đọc rất độc đáo như sau:

***“Vườn hoa ngó khỉ giọng chiu chít,
Cảnh nguyệt coi gà tiếng ó o.
Tường tận đã nghe xô cổng lú.***

Hương thôn bỏ xẻ xự xang hò.”

Khi đọc ngược lại sẽ thành:

***“Hò xang xự xẻ bỏ thôn hương,
Lúu cống xê nghe ã tậi trường.
O ó tiếng gà coi nguyệt cảnh,
Chít chiu giọng khỉ ngó hoa vườn.”***

Trong đoạn thơ này, Ngài có nhắc đến “***giọng khỉ***” nhưng với hàm ý thế nào, chỉ đành nhờ quý vị am tường Giáo lý vui lòng chỉ giáo, xin đa tạ.

Lần nữa, nhân dịp đầu năm Bính Thìn (2016), HUỖNH CHI kính chúc chư Quý đồng đạo và Thân hữu gần xa thân tâm thường An Lạc, vạn sự Kiết tùng, muôn điều Như Ý và bồ đề tâm luôn Kiên cố./.

Mọi bài vở, thư từ, tin tức...Xin vui lòng liên lạc: TẬP SAN TINH TẤN theo địa chỉ:

TINH TAN Magazine

4141 11th Avenue

Sacramento, CA 95817

USA.

Hoặc email: tapsantinhtan@yahoo.com

Theo chân *PHÁI ĐOÀN*
ĐIẬU VIẶNG CÁC VỂ TỬ VÌ ĐỒ
TRONG DỊP TẾT BÍNH THÂN 2016

HOÀNG THỤY NHƯ LIÊN
lược thuật

Cứ mỗi độ Xuân về, trái tim mỗi người con đất Việt lại rộn ràng, háo hức chào đón Chúa Xuân. Thiêng liêng hơn hết là mồ mã cha mẹ tổ tiên được làm cỏ lau chùi sơn phết lại cho mới mẻ. Bàn thờ gia tiên được trang trí, bày biện tươm tất, trang nghiêm... để tưởng nhớ người “đã khuất” mà ta thọ ân.

Thấm nhuần giáo lý tứ ân của Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo, người tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo (PGHH) luôn thành kính nhớ ơn những bậc tiền bối, những người đã cống hiến cuộc đời mình cho đạo pháp và dân tộc. Họ không ngại hiểm nguy đã gục ngã trước cường quyền bạo lực.

Được sự hỗ trợ của quý Ban Trị Sự GH.PGHH.TU, đồng đạo hải ngoại cùng đồng đạo trong nước nên gần 10 năm qua mỗi dịp Xuân về và dịp Tết đạo (18/5/âl) khối tín đồ PGHH truyền thống Việt Nam đều có chương trình điều viếng để tưởng nhớ “nghĩa ân” những người đã kiên cường, bất khuất, chặt dạ một lòng gìn đạo, giúp đời xả thân vì đại cuộc...

*Ngày 19/12/Ất Mùi (28/01/2016) chúng tôi gồm: Võ Văn Diêm: Trưởng đoàn; Trương Kim Long: Thủ quỹ; Nguyễn Văn Lía: Thư ký và một số thành viên: Nguyễn Quý Giới, Nguyễn Văn Yên, Lưu Văn

Thà, Tô Văn Mãnh, Phan Đức Phước (Minh Kỳ), Nguyễn Vũ Tâm, Lưu Thị Mỹ Dung, Phạm Xuân Huyền đồng đi điều viếng.

Đáp lời mời của ông Tăng Văn Ngô, đang định cư tại Úc Châu, chúng tôi tham dự lễ giỗ thân mẫu ông, đồng thời điều viếng cụ Tăng Văn Quảng cũng là người được điều viếng trong những năm qua.

Cụ Tăng Văn Quảng người ở Mặc Càn Dung, xã An Hòa huyện Châu Thành, An Giang. Cụ Quảng là Trung đội trưởng Bảo An Quân, là người đầy nhiệt huyết, gan dạ và giỏi võ thuật. Đêm 06/3 âm 1947 trong phiên họp kín để tấn công đồn Mặc Càn Dung, kế hoạch bị lộ, tên Tây Tám Tàng với khẩu “My tây dết” đã nhả hết một băng đạn vào nhóm người đang họp. Kết quả 5 người chết, trong đó có cụ Quảng. Với chí hy sinh vì Tổ Quốc nhân dân, vì đạo nghĩa của cụ tất cả đồng đạo và mọi người đều sùng ngưỡng. Bà Tăng Thị Lệ Hoa, con gái thứ năm hiện đang thờ cúng cụ.

Điều viếng cụ Quảng xong gần 11 giờ, chúng tôi kiếu từ và đến kinh xáng Vĩnh Tre, xã Vĩnh Thạnh Trung, Châu Phú, An Giang thăm gia đình anh Trần Văn Lách, con trai cụ Trần Văn Đầy. Cụ Đầy là một liệt sĩ có tinh thần bất khuất trước cường quyền bạo lực. Sau khi theo Thầy, đến năm 1945 cụ là Bảo an quân vừa là Trị sự viên BTS.PGHH xã Vĩnh Thạnh Trung, Châu Đốc. Với 3 phát súng của tên Hồng Cẩm Hòa - Ủy viên quân sự tỉnh Ủy Ban Kháng Hành Châu Đốc cụ đã gục chết. Xác cụ bị tên Hòa xô xuống dòng sông. Ba ngày sau, thân nhân và tín hữu mới vớt được. Trước khi bị giết, tên Hòa sắc mặt đờ đờ sát khí gợn hỏi cụ: “*Mu n s lng ph hi b l đ o. Có bi:t không ?*” Cụ trả lời cương quyết, dứt khoát “*Tôi theo Thy tôi mà thôi*”. Cụ Đầy mất, để lại bao sự kính nể của mọi người vì tinh thần bất khuất, trung kiên vì đạo, vì Thầy.

Trước bàn thờ, chúng tôi bái lạy cụ trong dịp tết Bính Thân sắp về mà lòng hoài cổ xót thương ngậm ngùi với tấm gương người sáng.

Giã từ gia chủ, đoàn chúng tôi qua sông đến xã Bình Thạnh Đông, Phú Tân, An Giang điếu viếng cô Phan Thị Kịp. Cô là người có tinh thần đấu tranh “đòi quyền tự do tôn giáo cho PGHH”. Giữ hạnh tu độc thân và là một giáo viên giỏi, cô đã mạnh mẽ viết bài đấu tranh gửi nước ngoài và vận động cộng đồng người Việt hải ngoại buộc nhà nước Việt Nam phải thay đổi chính sách độc tài, đặc biệt về vấn đề tự do tôn giáo cho tín đồ PGHH. Cô bị bắt ngày 30/3/1994 cùng Lê Thị Thu, Lê Minh Triết, Lê Văn Mông với mức án tù 04 năm tại trại giam Hàm Tân, Bình Thuận.

Cuộc sống khắc nghiệt trong những năm tháng bị giam cầm, đã khiến cô ngày càng suy kiệt sức khỏe. Sau khi mãn hạn tù đầy, cô mất vào ngày 20/3/2008. Người chị thứ năm và các cháu đang thờ tự cô. Ngậm ngùi tưởng nhớ hương linh người đã khuất, chúng tôi thăm tôn vinh “nữ kiệt anh thư” đã cống hiến cuộc đời son trẻ của mình cho đạo pháp và dân tộc.

Dù trời nắng gay gắt, chúng tôi tiếp tục xuôi đường về thánh địa Hòa Hảo điếu viếng cậu út Huỳnh Thạnh Mậu, bào đệ Đức Huỳnh Giáo Chủ. Ông bị Việt Minh Cộng Sản sát hại với bản án tử hình tại sân vận động Cần Thơ ngày 07/10/1945 (02/09/ Ất Dậu) cùng ông Nguyễn Xuân Thiếp, Trần Ngọc Hoàn sau cuộc biểu tình ngày 08/9/1945 chống lại độc tài và ủng hộ Mặt trận quốc gia thống nhất.

Chúng tôi thành kính lễ lạy Cửu huyền, Đức Ông, Đức Bà và cậu út. Với khuôn mặt trẻ trung, phúc hậu, sáng ngời hình ảnh cậu út Mậu đã in sâu tâm não mỗi người tín đồ PGHH khi đến viếng Tổ đình Đức Huỳnh Giáo Chủ PGHH.

Rời Tổ đình, chúng tôi đến nhà anh Hoài Vân, con trai cụ Nguyễn Ngọc Tố (Họa đồ Tố) Đệ nhất Phó Hội trưởng BTS. GH. PGHH/TU' nhiệm kỳ I để điều viếng cụ Tố. Cụ là người tín đồ thuần thành và bậc lão thành của PGHH. Cụ rất tích cực trong công tác đạo sự.

Chúng tôi đến nhà cô Nguyễn Thị Lam (Thánh Địa Hòa Hảo) - con gái út cụ Hương quản Nguyễn Chi Diệp. Suốt thời gian Đức Thầy khai đạo, cụ Diệp là người gần gũi Đức Thầy, mỗi tác phẩm Ngài viết ra đều do cụ Diệp giữ bản chánh rồi sao chép truyền bá cho mọi người (khi đọc Sám thi của Đức Thầy, chúng ta thấy cuối bài có ghi “chép theo bản chánh do ông Nguyễn Chi Diệp giữ”). Chúng tôi thành kính nguyện hương trước bàn thờ cụ.

Đến điều viếng cụ Ngô Thành Bá (tức Biện Đài - Thánh Địa Hòa Hảo), người có thiện duyên được Đức Thầy dẫn đi viếng núi Tà Lơn. Cụ là một tín đồ trung kiên gương mẫu. Hiện anh Phi con trai cụ chịu trách nhiệm thờ cúng cụ.

Rời nhà anh Phi, chúng tôi đến điều viếng cụ Phan Văn Mười (Mười Tử -Thánh Địa Hòa Hảo). Cụ Mười là một trong bốn phòng vệ Đức Thầy, có mặt trong biến cố Đốc Vàng 25/02 nhuận Đinh Hợi 1947. Là người có duyên may thoát chết trong biến cố Đốc Vàng, cụ tiếp tục con đường hành đạo tu niệm tại gia, cho đến lúc cụ qua đời. Hiện con gái cụ, bà Phan Thị Lệ Hoa đang thờ cụ.

*Ngày 20/12/ Ất Mùi (29/01/2016)

8 giờ, chúng tôi đã có mặt đầy đủ tại thành phố Long Xuyên (An Giang). Người điều viếng đầu tiên trong ngày nay là cụ Võ Tăng Sâm. Cụ Sâm là một cao đồ của Đức Thầy bị Việt Minh Cộng Sản sát hại vào năm 1945 tại Lập Vò. Chúng cho xác cụ vào bao bỏ xuống sông Lập Vò. Đến giờ, con cháu cũng không biết

hài cốt cụ nơi đâu! Thảm cảnh này đau xót quá!

Anh Võ Văn Thơi con cụ Sâm, người định cư ở nước ngoài mới về, bệnh nằm liệt trên giường; có hai người cháu nội cụ Sâm tiếp chúng tôi nồng hậu và chu đáo.

Cúng bái diêu viếng cụ Sâm xong, chúng tôi đến công trường Đại Học An Giang vào con hẻm đến nhà anh Nguyễn Xuân Trai, con thi sĩ Việt Châu Nguyễn Xuân Thiếp để diêu viếng. Sau ngày 08/09/1945, vâng lệnh Đức Thầy, thi sĩ Việt Châu đi Cần Thơ hòa giải vụ việc tín đồ PGHH bị bắt giữ sau cuộc biểu tình. Cụ bị bắt luôn và bị tử hình tại Cần Thơ ngày 07/10/1945 (02/09 Ất Dậu) chung với hai ông Trần Ngọc Hoành và Huỳnh Thanh Mậu.

Chúng tôi đến phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên để diêu viếng chị Sáu Thu, Lê Thị Thu tức Huỳnh Thị Hồng Thu. Chị Thu quê ở Sông Cầu Phú Yên. Vì kính mến đạo Thầy, chị vào Nam quyết chí tu hành. Nhưng thấy đạo nhà nghiêng ngửa, chị đã viết bài đưa lên báo đài ngoại quốc đề “đòi hỏi quyền tự do tôn giáo”. Chị đã bị bắt, án tù 6 năm ở Kênh ông Cò, An Giang trong vụ cùng với tu sĩ Lê Minh Triết, Lê Văn Mông, Phan Thị Kịp. Do sự đày đọa, ăn uống thiếu thốn lúc bệnh hoạn thuốc men khan hiếm nên chị mất ngày 14/02/ 1997 tại trại giam.

Chúng tôi thấp hương nguyện vái người “nữ kiệt” của PGHH, dầu ở cõi nào xin phù hộ cho bửu quyển bình an, đạo PGHH sớm vượt qua nạn kiếp và mọi người yên ổn tu hành.

Chúng tôi theo con đường tắt “bê tông” nhỏ hẹp cong queo đến tư gia anh Năm Đình, ngang lộ tẻ đường về Rạch Giá diêu viếng cụ Trần Văn Tập (Giáo Tập) thuộc xã Vĩnh Trinh, Ô Môn, Cần Thơ. Cụ Tập là một trong năm người được Đức Ông ủy thác đi Sài Sòn vào

tháng 10/1962, bị chế độ độc tài Ngô Đình Diệm bắt và thủ tiêu. Hiện anh Đình đang thờ tự cho cha mình.

Từ Vĩnh Trinh, xe gắn máy chúng tôi vượt đường xa trên 70 km để đến kinh xáng Xà No, làng Nhơn Nghĩa, Phong Điền. Điều viếng cụ Hương bộ Võ Mậu Thạnh. Cụ Thạnh là một bậc lão thành, một tín đồ gương mẫu, có công rất lớn truyền bá đạo Thầy, lúc người Pháp an trí Đức Thầy tại đây. Ông được Đức Thầy khẳng định qua câu: “*Hỡi thăm Høng B\ v’y mà cách tu*”. Hiện có người cháu đang thờ tự cụ.

Chúng tôi về Thành Phố Cần Thơ đến Xóm Chài, điều viếng bà Nguyễn Thị Thu, người đã đấu tranh đòi hỏi quyền tự do tôn giáo. Bà chọn ngày 25/02 ãl 2001 để tự thiêu lúc 75 tuổi đòi cùng ngày thọ nạn của Đức Thầy 25/02 nhuần Đình Hợi 1947. Hiện cô Phạm Thị Út đang thờ tự bà.

Gần 18 giờ cùng ngày, chúng tôi đến rạch Cả Chôm, ấp Thái Hòa, xã Phước Thới, Ô Môn, Cần Thơ điều viếng cụ Võ Kim Linh. Sau biến cố 08/09/1945, cụ bị Việt Minh sát hại. Con gái và rể của cụ là anh Hoàng hiện đang thờ tự cụ.

19 giờ chúng tôi đến vàm Ô Môn điều viếng Huỳnh Quới Vinh (Chệt Mằm). Cụ là người nhất tâm kính ngưỡng Đức Thầy, quyết không bước qua chân dung Thầy khi bị Việt Minh bắt buộc: “Bước qua thì sống, không phải chết”. Cụ chọn cái chết “trung thành vì Thầy” vào ngày 11/09/1945 ãl. Hiện người cháu ngoại trai, tuổi quá thất tuần và cháu dâu đang phụng thờ cụ.

Chúng tôi đổ ngược về An Giang, mỗi người về nhà nghỉ đêm lúc 22 giờ, hẹn ngày mai sẽ tiếp tục chương trình điều viếng.

*Ngày 21/12/Ất Mùi (30/01/2016)

7 giờ chúng tôi đã có mặt tại nhà anh Trần Văn

Chính, một phé binh đã công hiến một chân cho chế độ ngày nay, đang hương khói cho Trần Văn Út (Út Hòa Lạc) ngụ tại xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. Trong đợt tấn công tin đồ PGHH trong 3 tỉnh An Giang, Vĩnh Long và Đồng Tháp ngày 05/08/2005, Cộng Sản Việt Nam đã bắt: Võ Văn Thanh Liêm, Võ Văn Thanh Long, Nguyễn Văn Điền, Tô Văn Mạnh, Võ Văn Bửu, Mai Thị Dung .v.v.. Họ bao vây hành hung Út Hòa Lạc. Không để cho người bắt bớ cầm tù, út Hòa Lạc đã châm lửa tự thiêu, phản đối hành động đàn áp tôn giáo trước sự chứng kiến rất đông công an và bà con lối xóm. Út Hòa Lạc là một tu sĩ, sống độc thân khi tuổi đời 37. Trong khói hương quyện bay nghi ngút, chúng tôi thâm tưởng niệm người trai trẻ thuở nào phụng sự cho đạo pháp, đã hành động kiên cường, để lại sự tiếc thương cho người mẹ già tuổi đã bát tuần (nay thì bà đã mất), cho thân quyến và đồng đạo khắp nơi.

Ngược lên xã Long Giang, huyện Chợ Mới, An Giang chúng tôi đến điều viếng cụ Nguyễn Bảo Toàn (Nguyễn Hoàn Bích), một người tài đức vẹn toàn. Khi Đức Thầy thành lập VNDCXH Đảng, cụ được bầu làm Tổng Bí Thư nhiệm kỳ đầu tiên, đem lại nhiều lợi ích cho đất nước quê hương và cho PGHH. Cụ bị bắt dưới chế độ Ngô Đình Diệm vào cuối năm 1962 và bị thảm sát vào tháng giêng năm 1963. Cụ có người con trai là Nguyễn Thế Hùng đang định cư bên nước Pháp. Hiện người cháu có trách nhiệm thờ cúng cụ. Chúng tôi cúng bái mà lòng ghen ngào tiếc thương một bậc tiền bối đã hy sinh ...

9 giờ 20 chúng tôi đến xã Nhon Mỹ, Huyện Chợ Mới, An Giang để điều viếng cố đồng đạo Hà Hải; được sự tiếp rước ân cần nồng hậu của một số đồng đạo uy tín và thân nhân trong gia đình. Hà Hải án tù 5 năm tại trại giam Xuân Lộc, Đồng Nai. Thi hành án được 3

năm, do sự khắc nghiệt của nhà tù, thuốc men khan hiếm, đồng đạo Hà Hải ngoại bệnh càng ngày càng nặng, nên được cho về nhà rồi mất.

Bà góa phụ Hà Hải, cùng con trai, cháu nội hết sức xúc động trước tấm lòng của đoàn điếu viếng, tỏ lời cảm ơn chân thiết. Lễ vật được đặt trân trọng trên bàn thờ, đoàn chúng tôi mỗi người thành kính một nén hương mặc niệm người quá cố, và lễ lạy.

Gần 11 giờ chúng tôi dùng cơm trưa nhà đồng đạo Nguyễn Văn Lúa, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới. Chúng tôi đến nhà anh Lê Thanh Sơn điếu viếng cụ Lê Văn Hay. Cụ Hay quy y theo Thầy từ những ngày đầu Thầy khai đạo 1939. Là xã trưởng, cụ rất được mọi người kính nể vì có uy tín. Cụ có công trong việc sao chép kinh giảng của Thầy để truyền bá rộng rãi cho mọi người. Cụ bị Pháp bắt cầm tù, đày ra Côn Đảo và mất tại đây khi tuổi đời rất trẻ. Anh Sơn, cháu nội đích tôn đang thờ tự cụ.

Rời nhà cụ Hay, chúng tôi đến xã Mỹ Hội Đông điếu viếng cụ Nguyễn Văn Xuân, tự Xoàn. Cụ Xuân là tín đồ thuần thành và có công sao chép kinh giảng của Thầy, truyền bá rộng rãi trong những năm 1940. Cụ sống nghĩa khí, dám cỡi trời cho 4 người bị bắt trên xe lôi vì thiếu thuế thân. Sau đó, cụ bị Pháp truy nã, đày ra Côn Đảo và mất trong nhà tù năm 1944. Hiện hai người cháu gái (con ông 2 Bội) thờ tự tại tư gia.

Ngược đường lên chợ Vàm, Phú Tân, An Giang chúng tôi điếu viếng cụ Huỳnh Hữu Phi, nhà người cháu đang thờ phượng cụ đối diện nhà lòng Chợ Vàm. Lúc Đức Thầy hoằng hóa đạo pháp, cụ Hương Hào Phi là người luôn kề cận bên Thầy. Những trọng trách, Thầy giao phó cụ đều thực thi thành công, tốt đẹp.

Rời nhà cụ Hương Hào Phi, chúng tôi đến điếu viếng cụ Phan Bá Cầm, cách nhà cụ Phi khoảng 400

mét. Cụ Phan với biệt hiệu Vương Kim và Thiện Duyên là người có kiến thức uyên bác, nhà đạo học nghiên cứu Phật Pháp cao thâm, viết rất nhiều sách về PGHH. Là một đảng viên trong Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng, bị bắt tù đày Côn Đảo dưới chế độ Ngô Đình Diệm. Và sau 01/11/1963 ông là Bí Thư Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng. Sau 30/4/1975 ông bị bắt cầm tù ở Chí Hòa và mất trong nhà tù ngày 13/12/1979 (nhằm 24/10/âl) hưởng thọ 71 tuổi. Hiện người cháu ngoại cụ chịu trách nhiệm thờ cúng cụ.

14 giờ 30, trời trưa nắng gắt, chúng tôi đến xã Phú Lâm, Tân Châu, An Giang để điếu viếng cụ Nguyễn Văn Mãng là một chiến sĩ Bảo An Quân gan dạ. Cụ Nguyễn Văn Mãng bị VMCS sát hại tại Tân Thành, Cỏ Cái, nay thuộc huyện Tân Hồng, Đồng Tháp, lúc tuổi đời cụ mới 23 tuổi. Thân xác cụ bị lấp vùi trong nấm mồ tập thể tại đây. Hiện hai người cháu nội cụ là Tuấn và Thị Hoàng đang thờ cúng cụ.

Chúng tôi đến Phú Vĩnh, Tân Châu, An Giang điếu viếng ông Nguyễn Đông Ngô. Trước và sau 1975, ông Ngô là chiến sĩ PGHH, chiến sĩ quân lực VNCH không khuất phục với chế độ hiện tại vẫn kiên cường chiến đấu. Ông bị bắt và hành quyết tại sân vận động Thốt Nốt, Cần Thơ ngày 27/06/1984 lúc tuổi đời 49, để lại người vợ hiền và 8 đứa con thơ. Người góa phụ bị thương trước cái chết của chồng, thần thờ tâm trí, mang bệnh trầm kha, hai năm sau bà mất. Hiện con ông, chú Nguyễn Tấn Phong đang thờ cụ.

Rời nhà chú Phong, theo quốc lộ 53 đến bên đò cây số 9 qua Phú Thuận, Hồng Ngự, Đồng Tháp điếu viếng anh Nguyễn Văn Thành (Cụt Thành). Trước 1975, anh Thành là một chiến sĩ quân lực VNCH đã hiến một phần thân thể cho đất nước. Sau 1975 anh là một tín hữu

Phật Giáo Hòa Hảo hết lòng vì đạo, vì Thầy; là một trong những đạo hữu tham gia “đòi hỏi quyền tự do tôn giáo”. Trước di ảnh của anh Thành, chúng tôi mỗi người một nén hương tưởng niệm người bạn cùng chung vai sát cánh trên lộ trình vun quén đạo nhà, với lòng hoài cảm nhớ thương.

Gần 18 giờ, chúng tôi đến khu 2, xã Phú Thành, huyện Tam Nông, điều viếng cố đồng đạo Thái Văn Quang, TB. Tổ Chức BTS/GH.PGHH tỉnh Kiến Phong (nay Đồng Tháp) bị sát hại trên đường đi công tác ngày 21/03/âl 1975 lúc anh 36 tuổi đời. Hiện cháu con anh Đạt, anh của anh thờ tự.

Trước di ảnh anh Quang, chúng tôi mặc niệm, nguyện cầu cố đồng đạo siêu sinh Tịnh Độ, luôn hộ trì bửu quyền bình an và PGHH sớm vượt qua nạn kiếp.

Mặc dù trời chập choạng tối, chúng tôi cũng cố gắng đi nốt chương trình trong ngày nay. Đến nhà cố đồng đạo Nguyễn Văn Láng để điều viếng tại chợ An Long, huyện Tam Nông, Đồng Tháp. Nguyễn Văn Láng mất ngày 12/10/âl 2003. Trước lúc mất một năm, Nguyễn Văn Láng đã đến Quang Minh Tự trong ngày rằm tháng 10 năm 2002 để viếng chùa lễ Phật, bị Công An các cấp tỉnh An Giang, huyện Chợ Mới và xã Long Điền A vây đánh. Cố đồng đạo bị thương nặng và cũng từ đó sức khỏe cứ giảm dần, rồi đi đến cái chết, trong khi tuổi đời Láng mới 43. Chúng tôi thắp nén hương tưởng niệm đồng đạo đã sớm lìa đời. Mấy năm trước lúc mất, đồng đạo đã hăng say bảo vệ đạo pháp, đòi hỏi quyền tự do tôn giáo PGHH.

Điều viếng đồng đạo Láng xong, đồng thời chúng tôi cũng 3 lần cầu nguyện trước bàn Phật cho hương linh vợ Láng được siêu sinh Tịnh độ. Vì người góa phụ này mới mất, ngày mai đến tuần thất thứ nhất.

***Ngày 24/12/Át Mùi (02/02/2016)**

Khôi tìn đồ PGHH truyền thống công cử quý ông: Nguyễn Minh Triết, Trương Kim Long, Phan Đức Phước (Minh Kỳ) và cô Bùi Thị Thúy đến Bình Dương, Sài Gòn điếu viếng ông Huỳnh Hữu Thiện (Thư ký Dữ) bị sát hại chung với quý ông Trần Văn Tập, Lê Hoài Nam, Nguyễn Văn Dành, Huỳnh Thiện Tứ. Do Đào Văn Hiến, tên tình báo sát nhân đặc lực dưới chế độ Diệm đã bắt và thủ tiêu ông vào tháng 10/1962. Cùng lúc, đoàn cũng đến viếng mộ bà Ký Giỏi, Cô Sáu Nhạn và Bà Năm Cò (trong Sám Thi Đức Thầy đã viết bài thơ, tựa “*Vui cõi đ̣i đ̣ng*”, tặng bà Năm Cò).

***Ngày 27/12/Át Mùi (03/02/2016)**

7 giờ chúng tôi gồm 18 người nam nữ tập trung tại nhà đồng đạo gần đền thờ Nguyễn Trung Trực và Tây An Cổ Tự xã Long Giang, Huyện Chợ Mới, An Giang để “Điếu tế” chiến sĩ và Bảo An Quân nơi nghĩa trang NTT và BAQ.

Xây dựng từ 1951 làm nơi an nghỉ cuối cùng của chiến sĩ Bộ đội Nguyễn Trung Trực và BAQ dưới sự lãnh đạo của Thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ (Chi đội 30 NTT). Trên 150 mộ phần của chiến sĩ và BAQ được chôn cất nơi đây, thật vô cùng đau xót (*xem hình 1*). Khi sau 30/4/1975, ông Dương Ngọc Thành (cựu chiến binh PGHH) mặc dù đã xin phép trùng tu từ năm 2000, nhưng trên thì cho phép dưới lại ngăn cản, nên hiện giờ tường rào hư sập, họ còn coi đây là “bãi rác” mặc tình vãi rác thải bừa lấ trên nắm mộ kẻ “đã nằm xuống cho đất nước quê hương” được an bình. (*xem hình 2*).

Chúng tôi đến đây, khi trên 20 bà con nam nữ đang làm cỏ, sơn phết mồ mả lại cho mới mẻ để ăn tết. Chúng tôi bày biện bánh trái trà nước nhang đèn, để cúng diếu. Ông Nguyễn Văn Lúa, thay mặt cho khôi tìn

đồ PGHH truyền thống Việt Nam đọc bài điều tể, làm ai cũng bùi ngùi xúc động thương tâm (*xem hình 3*). Xin chép ra đây để quý vị thưởng thức.

ĐI U T
**(NGHĨA TRANG NGUYỄN TRUNG TRỰC VÀ
BẢO AN QUÂN)**

Ôi! Khói hương bay bay
Quyện tầng theo hơi gió
Hồn chiến sĩ, Bảo An Quân ngự nơi nào đó
Xin chứng tác lòng thành tha thiết của chúng tôi
Mấy ngày nữa tết Nguyên Đán đến rồi
Nay kính điệu anh linh người chiến sĩ
Nhớ khi xưa:

Hấp thụ lời Thầy, giáo lý Tứ ân tôn chỉ

“Thọng giãng nòi d’p b^h vinh huê

Lơ t đ̣n bom giã v̄ng m̄t l̄i th.

Tàn sát h:t quân thù xâm lợc

Tranh đ̄c l’p t̄ do cho nộc

Cho giãng nòi r̄ng r̄i tr̄c n̄m châu

Khí thiêng liêng sông núi nhi-m m̄u”

Lời Thầy dạy đi sâu vào tim óc

Vũ khí thô sơ và tầm vông vạt nhọn, nhưng chí
hùng gan góc

Phá tan đồn giặc, làm kinh sợ bọn hương ngoại
và bè lũ theo Tây

Bảo An Quân giữ bình yên thôn xóm đêm ngày

Bọn trộm cướp, gian lừa bị thẳng tay trừng trị

Ôi! Nhưng gặp lúc phải hồi vận bị

Chốn sa trường đánh ngã gục kiên cường

Bao người cam gạt lệ nổi bi thương

Trách bấy hóa công: Ôi! Sao cay nghiệt!

Đáng anh hùng vội ra đi bi thiết

Phường gian manh nhọn nhọn chôn trần gian
Nay đến đây quang cảnh quá điêu tàn
Nhìn vạn vật vương sầu, hoa lá thảm
Thu đã mãn, tiết Đông thiên ảm đạm
Nhớ cố nhân chạnh cảm tác lòng thiêng
Hồn anh linh chiến sĩ có linh thiêng
Xin hiển hách diu dân, điều độ chúng...
Gần Nguyên Đán, lễ mọn bày dâng cúng
Khói hương bay quyện tỏa khắp cỏ cây
Hồn sĩ binh vợ vẫn ngự chôn này
Về chúng giám và cùng nhau thọ thực
Thượng hưởng!!!

Điều tế xong, chúng tôi mỗi người cầm những nén hương cắm trước mộ phần các chiến sĩ và Bảo An Quân. Chúng tôi ra về mà lòng hoài cảm kính thương những con người xả thân vì đạo pháp, vì dân tộc.

*10 giờ, điểm điều viếng cuối cùng chương trình là ông Nguyễn Văn Hạo, ấp Long Hòa 2, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, An Giang.

Ông Nguyễn Văn Hạo lúc 15, 16 tuổi là một thiếu niên rất gan dạ dũng cảm. Một hôm có thằng Tây mang khẩu súng trường từ chợ Bà Vệ qua Mỹ Luông (thuộc quận Chợ Mới xưa), ông đã dùng thế võ, từ sau nhảy tới đâm vô quai hàm tên ấy, và cướp khẩu súng rồi đem lên trình diện Đức Ông (thân sinh Đức Huỳnh Giáo Chủ). Đức Ông vò đầu ông, và cười nói: “Nhỏ, có chí khí!”. Đức Ông ban lời khen tặng và bảo ông ở lại Tổ Đình (chờ về nhà e nguy hiểm tính mạng). Và ông được sung vào đại đội tình báo lúc bấy giờ. Ba năm sau, ông được quyền Đại đội trưởng đại đội tình báo và được biệt phái sang bộ đội Thiếu tướng Lê Quang Vinh, sau đó được phái về bộ đội Thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ.

Trước 1975 ông cũng từng là Bí Thư Ban Chấp Hành VNDCXH Đảng quận Chợ Mới nhiều nhiệm kỳ và có tham gia ngành Cảnh Sát quân lực VNCH. Sau 1975 ông bị bắt đi cải tạo ở Sa Đéc 3 năm. Mãn hạn, ông về hoạt động tôn giáo. Là một tín đồ trung kiên gương mẫu. Những năm cuối cuộc đời, ông ngộa bệnh, khi đến bệnh viện các nơi họ đều từ chối chữa trị, phải trị y tế tư nhân, rồi mất ngày 15/5/âl 2005 hưởng thọ 74 tuổi. Hiện nay cô Nguyễn Thị Linh, con gái ông, phụng tự ông và phụng dưỡng mẹ già.

Chương trình điều viếng kết thúc với tổng số 30 gia đình và nghĩa trang NTT và BAQ còn một số gia đình những lần trước có điều viếng, nay không điều viếng được là do điều kiện an ninh, kinh tế cho người thân của những gia đình ấy. Mong những thân nhân vui lòng thông cảm cho chúng tôi.

Nhìn chung, khi đến điều viếng tất cả gia đình thân nhân nào cũng niềm nở hoan xúc động trước việc làm “đạo sự” này. Một việc làm “uống nước nhớ nguồn” mà tất cả chúng ta phải thực thi và ghi nhớ. Thật ra, biết bao anh hùng liệt sĩ, biết bao tấm gương chói sáng rạng ngời vì đạo pháp phải hy sinh. Trong PGHH còn hàng trăm, hàng ngàn, hàng vạn người đã nằm xuống cho PGHH và đất nước có được như ngày hôm nay. Song với hoàn cảnh hiện tại hết sức giới hạn, chúng tôi chỉ thực hiện bấy nhiêu. Rất mong thân nhân những vị chưa được điều viếng vui lòng thông cảm hoan hỉ cho.

Trước thềm năm mới, “khởi tín đồ PGHH truyền thống Việt Nam” xin gửi đến chư đồng đạo trong và ngoài nước lời chúc phúc an khang, bồ đề tâm kiên cố, tinh tấn tu hành đến ngày Long Hoa đại hội.

Nam Mô A Di Đà Phật!

- **Hồi ức:**

NGÀY THẦY KHUYẾN NÔNG

Tôi là một tín đồ PGHH ở xã Thường Lạc, Hồng Ngự. Năm ấy (1945) tôi được 17 tuổi, gia đình gần nhà ông Hội trưởng BTS quận Hồng Ngự là ông Hương sư Sô (Nguyễn văn Sô), nên mỗi khi có tổ chức lễ chi của đạo, tôi cũng được biết... [Ông Nguyễn văn Sô (Hương sư Sô): Sinh năm Kỷ Sửu (1889), từ trần ngày 18/5 năm Ất Mùi (1955). Thọ 66 tuổi].

Vào thượng tuần tháng 6 năm ấy, có liên lạc cho hay: - *Đức Thầy về khuyến nông tại xã.* Nên bà con tín đồ các xã tề tựu họp với Ban tổ chức lo cất Lễ đài để đón Đức Thầy về đây thuyết pháp. Giảng đài được dựng lên tại khoảng đất trống rộng khoảng 4 thước vuông, cạnh nhà ông Hội trưởng cách cầu sông Sở Thượng (*Cầu Thường Lạc qua chợ Hồng Ngự ngày nay*) hơn 150 thước trong vàm, bên ngoài là con sông Tiền, có sàn cao ngang đầu, cột bằng cây sắn, nóc nhọn lợp bằng tre, lá, trên sàn có đóng mặt khai, dưới có lan can.

Phần dưới có bắt cầu thang đi thẳng xuống sông. Xung quanh bắt bông bằng hàng cắm tự màu vàng do đồng đạo xã Long Khánh đem qua trang trí trông rất đẹp mắt (*Thời đó, bà con đồng đạo ở Long Khánh có nhiều người sống bằng nghề uơng tơ, dệt lụa*). Đến gần ngày rằm có liên lạc báo 2 tin:

1- *Lịch trình của Thầy đi khuyến nông cần thêm vài điểm bổ sung nên trễ lại ít ngày sẽ cho liên lạc biết ngày chính xác.*

2- *Thầy khuyên bốn đạo nên tiết kiệm, không được chưng dọn thái quá làm tổn hao công sức nhiều người và tiền bạc của đồng đạo...*

Nhận được ý chỉ của Đức Thầy, mọi người tháo gỡ hàng chùng dọn trả lại, cùng kéo vô đồng Thường Lạc cất u vu về trang trí...

Ngày 26/6 năm Ất Dậu (1945), Đức Thầy về đài tại nhà Ông hương sư Sô cũng là Hội trưởng BTS quận Hồng Ngự... Trời vừa rưng sáng có hàng ngàn người quanh vùng tề tựu đứng chật cả Lễ đài, mọi người biểu lộ ánh mắt vui mừng vì ít phút nữa đây sẽ diện kiến Đức Thầy kính yêu sau nhiều năm cách biệt... Các đồng đạo lão niên đội khăn đóng mặc áo dài được Ban tổ chức mời đứng hai hàng danh dự đón Đức Thầy và phái đoàn từ Lễ đài xuống tới bến sông.

Gần 9 giờ có chiếc ghe bầu gắn máy của ông trưởng Khuynh (Lê Phát Khuynh) xã Phú An cập bến. Tôi thấy Đức Thầy tựa lưng đứng trước mũi, dáng người uy nghiêm, thanh nhã, tóc phủ ngang vai, mặc áo dài bông tròn hình chữ phước và quần trắng...Thuyền máy đậu lại, cột xong, Đức Thầy bước lên bờ tiếp theo là ông Tỉnh trưởng Châu Đốc Hồ Tấn Khoa và đoàn tùy tùng trong đó có cậu út Huỳnh Thạnh Mậu (*bào đệ của Ngài*).

Đức Thầy thông thả đi trước đến gần thang cầu sắp bước lên lễ đài, tự nhiên Ngài đi chậm lại, giơ tay chỉ ông lão tuổi độ bảy mươi (đó là Ông Cả Lúa), rồi thẳng bước lên lễ đài. [Hương cả **Nguyễn Văn Lúa**: quê Thường Lạc, Hồng Ngự, sanh năm Mậu Dần (1878), mất năm Ất Mùi (1955), thọ 77 tuổi. Là hương cả đương niên, bình sanh ông là nhà Nho, thường trau dồi đạo lý Thánh Hiền, muốn tiến xa hơn trên đường giải thoát nên gia công trì lục tự...]

Bấy giờ tuy Ban tổ chức không trang bị máy phóng thanh (*Thời đại Thế chiến thứ hai máy phóng thanh còn rất hiếm..*), thế mà Đức Thầy nói tự nhiên trong trẻo, trước hàng ngàn người theo dõi xuyên suốt

không một tiếng động nào, càng làm buổi lễ tăng thêm long trọng... Khởi đầu, Đức Thầy tả thực về bức tranh tang tóc, đau thương của đồng bào miền Bắc ruột thịt đang lâm nạn đói vô cùng thảm khốc... Mỗi ngày có mấy trăm người chết vì đói, có người còn ngậm cả vỏ cây trước khi chết... Những cái chết đói vô cùng thương tâm làm cho thính chúng không sao ngăn được nước mắt... Từng đoạn bài khuyến nông Ngài diễn tả thật cảm xúc:

**“- Kẻ phu tá cũng là trọng trách,
Cứu giống nòi quét sạch non sông.
Một phen vác cuốc ra đồng,
Thề rằng: ruộng phải được trồng lúa khoai!
Mưa nắng ấy đâu nài thân xác,
Chí hi sinh dầu thác cũng cam.”**

Và: **“- Gởi một tác lòng son nhẩn nhũ,
Khuyên đồng bào hãy rử cho đông.
Năm tay trở lại cánh đồng,
Cần lao, nhân nại Lạc Long Tổ truyền.”**

Tiếp theo Đức Thầy còn đính chánh những lời tuyên truyền không đúng sự thật của đối phương nói về Ngài khiến cho dư luận quần chúng hoang mang... Đây là nội dung vấn đề đã nêu là bài:

ĐÍNH CHÁNH

**Gần đây lắm kẻ ngoa truyền,
Một bài sấm ngữ nơi miền Hậu Giang.
Nói rằng: - tháng tám tai nạn,
Tối tăm trời đất, tan hoang cửa nhà?!**
**Kẻ gần rồi đến người xa,
Từ trong thôn dã đến ra thị thành.
Hại cho quốc kế dân sanh,
Ruộng đồng tươi đẹp dân đành ngó lơ.
Thương thay những kẻ ngu khờ,
Lầm mưu gian trá ngăn ngơ ưu sầu.**

*Hỏi rằng: Sấm bởi nơi đâu?
Nói: “- Ông Hòa Hảo làm đầu truyền ra”!
Buộc lòng tôi phải đấm ngoa,
Cho trong toàn quốc gần xa được tường.
Chuyện ấy là chuyện hoang đường,
Của bọn phá hoại chủ trương hại mình.
Anh em ta hãy đồng tình,
Nếu gặp “nắm óc” đem trình “Công An”.
Chúng ta giải quyết lẹ làng,
Đừng để chuyện huyền trần lan ra nhiều.*

(Sài Gòn, tháng tư năm Ất Dậu)

Hòa Hảo

Trong lúc Đức Thầy thuyết giảng có hai chiếc chiến đấu cơ của Nhật bay ngang qua, sau đó có đám mưa rào... mọi người xôn xao toan đứng dậy, Ngài đưa tay vẫy ra hiệu ngồi xuống, như có mãnh lực thiêng liêng tắt cả ngồi yên. Kế đến Đức Thầy giảng giải về *Tứ Ân*, cụ thể là ân đất nước, Ngài tuyên đọc bài *Gọi Đoàn Phụ nữ để kích thích tinh thần yêu nước của nữ giới làm cho tinh thần mọi người dâng cao khí thế hào hùng bất khuất*... Sau cùng Ngài khuyên bà con và bổn đạo cố gắng tu hành:

- Làm hết các việc từ thiện. Tránh tất cả các điều độc ác và quyết rửa tẩm lòng cho trong sạch.

Đức Thầy đề cập đến luật Nhân Quả rất nghiêm minh:

*“Đời xưa quả báo thì chầy,
Đời nay quả báo một giây nhãn tiền.”*

(Sám Giảng quyền Nhứt)

Buổi thuyết pháp vừa dứt, Ban tổ chức kính mời Đức Thầy và đoàn vào nhà ông Hội trưởng giải lao và dùng cơm... Tôi chạy theo sau để nhìn Đức Giáo Chủ cho tận mặt, một vẻ mặt nhân ái, hiền hòa, có đức vị tha đáng kính...

Xong rồi Đức Thầy cùng phái đoàn từ giã xuống thuyền máy, mọi người vô cả trong mũi. Riêng Đức Thầy đứng tựa mũi thuyền như khi mới đến. Tôi đứng trên bờ cùng đồng đạo tiễn chân Thầy mà nước mắt tuôn trào... Kể từ đó tôi thâm nguyện:

- Bao giờ mình được gặp lại Đấng cao quý?

Đã mấy mươi năm Đức Tôn sư vẫn vạm dậm trời xa... Tôi cảm khái để bày tỏ lòng mình qua bài thi Đường luật:

NHỚ THẦY!

*Thầy ở phương nào, con nhớ mong?
Ngày xưa diện kiến bến sông Hồng!
Từ Bi lưu lại lời chân lý,
Bác ái vang lên tiếng đại đồng.
Nhấn nhủ vạn dân gìn tục cổ,
Khuyên chừng bá tánh giữ nghề nông!
Thương tình Sư, đệ lâu xa cách,
Mơ ước trùng hoan thỏa tác lòng.*

Nguyễn Tấn Tích

(xã Long Khánh, Hồng Ngự, Đồng Tháp)



Tùy bút:

DUYÊN NGHIỆP thành Tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo

NGUYỄN PHÚC LẠC

Bài viết sau đây của tôi được ghi lại theo trí nhớ của mình hoàn toàn đúng về địa danh và tên các nhân vật. Còn về thời gian thì không nhớ chính xác nên tôi chỉ ghi “vào năm ấy của sự việc” chớ không ghi rõ năm nào vì không dám hồi tính “ước chừng”.

*

* *

Nhà Ba Má tôi tọa lạc tại Ngã ba giáp nước, thuộc xã Bình An. Hướng thứ nhất: lên chợ quận Ô môn khoảng bốn cây số ngàn; hướng thứ hai: thẳng xuống Ba Xe, cầu Nhiễm, Phong Điền, kinh xáng Xà No, rẽ sang rạch Sua Đũa; hướng thứ ba: rạch Vạn Lịch thông qua kinh Giáo Dẫn suốt đến Trà Nóc ra cửa sông cái Hậu Giang. Tới thời “nước lớn” thì nước từ cửa sông Cái xuôi vào Ô Môn, và từ Trà Nóc nhập vào Ngã ba cuộn thẳng về hướng Ba Xe, cầu Nhiễm...Nước siết rất mạnh...Do đó, khách buôn ghe hay dân chúng di chuyển bằng thủy lộ khi đến giáp nước thường đậu nghỉ tay, ăn uống đợi “nước dịu” sắp ròng hay lớn; hoặc hườn đãi chờ hẵn “nước xuôi” mới “nhỏ sào” tiếp tục hành trình.

Vào năm ấy...Đức Huỳnh Giáo Chủ PGHH bị nhà đương cuộc Pháp đưa về lưu trú tại nhà ông Hương bộ THẠNH ở rạch Sua đũa, rồi kế tiếp đưa về nhà ông Thơ ký Giỏi ở tỉnh Bạc Liêu. Tôi đang học Tiểu học quận Ô Môn (ở trọ), hằng tuần được nghỉ hai ngày Thứ Năm và Chủ Nhật, thỉnh thoảng về thăm cha mẹ, tôi

nhận thấy cảnh tấp nập xuống ghe đậu nghỉ tay trước nhà Ba Má tôi. Tôi tò mò hỏi thì được giải bày “đó là những người trong Đạo từ các xứ miền trên Châu Đốc, Tân Châu, Mỹ Hội Đông, Chợ Mới, Cù lao Ông Hổ... xuống Xà No thăm “Thầy Tư Hòa Hảo”, có người gọi là “Cậu Tư Hòa Hảo”. Tôi hỏi qua thân thế “Ông Đạo” (xin lỗi về danh gọi vì lúc ấy tôi chưa phải tín đồ) thì được đáp ngắn gọn với một sắc thái rất chinh tề và kính phục: “Thầy Tư tuổi còn trẻ, sắc diện trang nghiêm. Thầy đã “huệ” và “rất linh”...

Từ khi nghe qua câu đáp ấy, tâm hồn tôi cứ mãi mơ hồ nghĩ ngợi đến ông Đạo trẻ, huệ và linh. Nghĩ ngợi về một con người “đặc biệt” vậy thôi, chớ không có ý gì khác, vì ở tuổi mười mấy, còn con nít, tôi đâu có biết gì về Đạo pháp, chưa hề nghe ai thuyết Đạo giáo bao giờ; chỉ có một vài lần, hồi còn đi học, tối dạo chơi ngang nhà thờ Tin Lành với bạn ghé vào nghe mục sư giảng đạo mà thật sự là thích nghe nhạc Piano. Tôi nhớ mãi mục sư giải đáp ngắn gọn cho con chiên:

...“Trời tôi cần có đèn,
Đèn chiếu sáng nhờ tôi”...

Bây giờ thấu hiểu lý nghĩa trùng hợp với hai câu của Đức Huỳnh Giáo Chủ:

*“Ai ai cũng ở trong đời,
Chốn nào không Đạo là đời vô liêm.”*

Thời gian trôi qua ! Biết bao biến chuyển thăng trầm trên thế trần. Hẳn nhiên con người đồng liên lụy ảnh hưởng nhiều ít theo chuyển biến này. Ba tôi giỏi sanh hoạt buôn bán, thích giao thân với người có nơn cách đạo nghĩa, trợ giúp người khổ khó; cùng với Cậu tôi bênh vực người cô thế, hướng dẫn cách chống lại Chủ điền ý thế rún ép người yếu kém dưới tay. Dẫn chứng lần Bác hai TÀI ở ngang rạch nhà Cậu tôi qua đời. Theo lệ thời đó, người con trai phải bung khai rượ

đến trình với Chủ điền là ông Nguyễn Văn Học tức Ba Xi xin cấp đất chôn. Qua mấy lượt châu chực mà cứ bị ông Học trừ trừ làm khó dễ. Thấy ức lòng, Ba và Cậu tôi luận bàn với nhau rồi Cậu tôi mách người con trai tên Kim Anh: “Anh Hai sống ở đó mấy chục năm rồi, nay chết không đất chôn thì mấy anh em tụi bây cứ chôn ảnh tại chỗ ảnh đã sống, rồi giờ nhà đi nơi khác làm ăn...”. Cậu nói ấy thấu tai ông Học nên Bác hai Tài được cho đất chôn mà khỏi châu chực cầu xin. Do đó mà từ chỗ kém ưa thích nhau sanh ra oán cừ, đưa Ba và Cậu tôi vào cảnh lao tù oan ức.

Từ sau đám tang Bác hai Tài, ông Học bày ra nhiều yếu tố pháp lý gian trá nhằm ám hại Ba và Cậu tôi, dầu thoát nạn cũng phải trải qua lắm gian truân tổn trí. Có lần ông Học mời Ba tôi đến nhà trong đêm luận bàn công việc (không nhớ rõ) tới khuya ông khóa cửa ép Ba tôi ký nợ. Cơ may người tên Ba nghe biết liền lên cho Cậu tôi hay qua giải tòa thoát nạn.

Vào ngày, tháng, năm ấy... cơ cấu tổ chức của Đạo và các phong trào cũng nhóm lên hoạt động công khai mà tôi nhớ rõ là Phong trào Thanh Niên Tiền Phong. Chánh quyền Pháp đương thời cấp Quận cử nhơn viên có khả năng đi tận các địa phương tụ họp dân chúng nghe thuyết trình thời sự và trấn an. Lợi dụng tình trạng có mầm rối ren này, ông Học nảy ý thâm sâu độc ác hơn, trực tiếp lên Quận vu cáo Ba và Cậu tôi cầm đầu xách động dân chúng... Không cần đòi chất thiệt hư, Quận tổng đạt trác mời rồi bắt giữ giải giao Ba và Cậu tôi lên Tỉnh giam luôn vào lao xá Côn Thơ. Gia đình bí lối, không còn biết cách nào chạy gỡ. Mẹ tôi là người hiền hòa đảm đang nội trợ, giúp đỡ người nghèo khó, đến đổi cho mượn nợ mà cũng chẳng đòi; gặp khổ sầu thì cam tâm chịu đựng chớ hiềm khi than trách hay oán hận ai. Do đó mà cá nhơn tôi dầu tuổi đời thật còn

là con nít, nhưng đối với gia đình là trai lớn nhất nên được coi như trưởng thành phải gánh vác việc chạy gõ cho Cha và Cậu mình.

Trước hoàn cảnh lúng túng ấy, cậu Mười Liếng động lòng trắc ẩn chỉ dẫn tôi: “Mây xuống ông Bảy Tấn, Hội Trưởng Ban Trị Sự Phật Giáo Hòa Hảo xã Bình An nhờ lên ông Năm Lửa ở Cái Vồn can thiệp thì chắc anh Hai và anh Tư được thả...” (Ông Năm Lửa là biệt hiệu của ông Trần Văn Soái, nguyên Tổng Tư Lệnh lực lượng võ trang PGHH trong thời gian chống Cộng Sản giữ an ninh cho đồng bào các tỉnh miền Tây Việt Nam). Như kẻ đắm thuyền gặp phao đang trôi giữa giòng nước lũ, tôi liền về cho mẹ hay rồi đi bộ khoảng bốn cây số ngàn, không mang theo hành lý chi, thẳng xuống nhà ông Bảy Tấn ở ven sông, xéo chợ Ba Xe. Tôi trình bày cặn kẽ tình cảnh của Ba và Cậu tôi để xin ông giúp đỡ. Ông Bảy không tỏ ý khó khăn, không ra điều ân nghĩa, đáp lời như dẫn dắt:

- Ngày mai nhơn có việc phải xuống ông Năm. Vậy mày ở lại ăn cơm rồi ngủ chờ khuya thuận nước đi Cái Vồn với ông (đi bằng ghe với nhiều người). Tới nơi ông sẽ trình bày với Ông Bà Năm giúp cho. Nhớ khi vào nhà phải xá bàn thờ. Tóm lại, hể thấy ông làm sao thì mày làm vậy. (Đáng lý ông phải dạy tôi, hoặc chính tôi hỏi ông xá cách nào thì hỏi đó tôi khỏi lúng túng, lọng cọng).

Rạng sáng hôm sau tới Cái Vồn. Nhà ông bà Năm tấp nập người ra vào, sanh hoạt rộn rịp. Ông Bảy dẫn tôi vào nhà sau gặp Bà Năm đang ngồi trên bộ ván, đoạn trình bày:

- Thưa chị Năm, có hai tín đồ: NGUYỄN VĂN TRỰC và HỨA KHẮC HIẾU bị vu khống, bắt giam tại lao khám Cần Thơ, nhờ chị giúp cho người can thiệp.

Bà Năm trả lời như quyết định:

- Chờ lát nữa thẳng Hoành về, tôi bảo nó qua bên ấy can thiệp lãnh ra (hỏi ấy danh gọi Cậu hai Hoành là con trai của Ông Bà Năm, khi Cộng Sản cướp chánh quyền bắt xử bắn tại sân vận động Cần Thơ cùng bào đệ Đức Thầy, cậu Sáu Huỳnh Thanh Mậu và Thi sĩ Việt Châu Nguyễn Xuân Thiếp). Nhưng cậu hai Hoành chưa về thì trưa hôm đó Ba và Cậu tôi được tha vì sau khi thẩm xét không có lý cứ buộc tội. Ba và Cậu tôi lên Quận kiện ông Học về tội vu khống, nhưng chánh quyền cứ trì trệ, kết cuộc “chìm xuống”.

Mặc dầu Ba và Cậu tôi thoát nạn tai không do nhờ thế lực Đạo can thiệp, nhưng qua thái độ sốt sắng, hào hiệp, giản dị mà tôi vừa ghi trên mái gieo vào lòng tôi sự cảm mến và kính phục. Cảm mến vì đang lúc cô thế, yếu đuối mà được tận tình chở che; kính phục vì phàm trên thế gian thiên hạ thường giúp đỡ ai đều nhằm vào một lợi nhuận tiếp theo như: đáp đền ân nghĩa bằng vật chất, hoặc kết nạp vào phe nhóm để làm phương tiện hậu thuẫn tiền thân, tạo địa vị danh vọng... Riêng ông Bảy, bà Năm, tôi nhận xét biểu hiện hoàn toàn do lòng hào hiệp đạo nghĩa. Từ lòng cảm kính, tôi bắt đầu lân la với người lớn, hằng tháng tới Ban Trị Sự sanh hoạt bàn công việc Đạo, đọc phổ biến Sám Giảng, Thi Văn của Đức Huỳnh Giáo Chủ (chép tay). Tuy nhiên, thường tình tôi vẫn còn suy tính vị kỷ: Vào đạo có cái lợi dựa vào thế lực dầu chẳng để lợi dụng lẫn hiếp ai, nhưng được phần bình che nếu có ai rấp tâm ám hại mình, gia đình mình.

Ngày tôi vào đạo, hay nói ngày tôi phát nguyện qui y cũng đúng. Ngày ấy tôi chép phần chỉ dẫn của Đức Thầy, nối tiếp bài cúng Cửu Huyền Thất Tổ, bài Qui y ngũ nguyện cúng Phật, và tám điều răn cấm về học thuộc lòng. Dụng bàn thờ trần điều đậm, khởi sự cúng lạy hai thời sáng, tối, chay lạt tháng bốn ngày. Về

đạo lý thì hiểu biết quá hiếm hoi, tôi tựa vào tám điều
răn cấm tự kiểm, tự sửa lấy mình, xét nghĩ nếu thực
hành đúng trọn vẹn thì cũng nên người xứng đáng. Còn
cách nào tu giải thoát rốt ráo thì thú thật tôi chưa có tư
duy gì cả. Tuổi còn non nớt lẫn lóc trên cõi trần dễ
vướng mắc nhiều nghiệp quả chúng sanh: yêu thương,
hờn ghét, ham muốn, ích kỷ, đố kỵ, hơn thua, được
mất...Tôi quyết tâm truy tìm lý giải cao thâm tận nguồn
các pháp môn qua Sám Giảng của Đức Thầy, cả đọc
Kinh sách Phật Giáo để khai sáng thêm căn trí của mình.

Nay bước vào thọ tuổi 89 định tâm ôn gẫm quá
khứ, nhờ nạn tai của Ba và Cậu tôi đã trợ duyên cho tôi
thành tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, lòng oán hận ông Học
không còn !!!

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.
Nam Mô A Di Đà Phật.

NGUYỄN PHÚC LẠC



TỊNH ĐỘ VẮNG SANH

(Phần IV)

Đàm Liên Tịnh Giả

3

CẢNH VẬT VÀ NHÂN DÂN

Trích thuật theo các Kinh:

(Vô Lượng Thọ – Quán Vô Lượng Thọ)

1. Cảnh Vật

Cực Lạc thế giới do đức từ phụ A Di Đà trang nghiêm bằng công đức, nên hoàn toàn thanh tịnh vui đẹp và bất hoại. Trong khắp quốc độ làm toàn bằng bảy báu. Mặt đất lưu ly trong suốt và bằng phẳng; dưới mặt đất có kim cương tám góc đỡ mặt đất và bảo châu xen lẫn, ánh sáng trên mặt đất tỏa ra vô lượng thứ màu sắc rực rỡ như nghìn ánh mặt trời, ngày đêm ánh sáng mãi chan hòa không thay đổi. Mỗi khu vực được phân biệt bằng những dây giăng vàng ròng cùng là thất bảo. Các dây báu ấy tia sáng trăm màu chiếu ra tuyệt đẹp. Ánh sáng này ví như trăng sao chiếu lên, rồi lại kết thành đài sáng trên giữa hư không. Bên cạnh đài kia lại có trăm ức tràng hoa, và vô lượng nhạc khí. Từ trong đài sáng có tám gió thổi ra mát dịu, rung động các nhạc khí ấy phát lên tiếng pháp vi diệu: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, Từ Bi, Hỷ Xả cùng các môn Ba La Mật nhiệm mầu. Nhân dân ở đây do thường được nghe Pháp ấy nên Bồ Đề Tâm rất phấn khởi, thẳng tiến đến quả vị Như Lai.

Lại từ trên mặt đất bảo địa có vô lượng cây báu, kết thành bảy lớp ngay thẳng nghiêm trang, mỗi cây tám ngàn do tuần, cây ấy toàn bằng thất bảo. Trong mỗi hoa lá thường chiếu ra ánh sáng kỳ diệu rực rỡ vô lượng khó tả xiết.

Trong bảo thọ ấy thường hiện các Phật sự nơi cõi Cực Lạc và mười phương thế giới một cách rõ ràng như trong gương sáng. Trên cây lại kết trái thất bảo, trong trái có vô số ánh sáng tỏa ra và tạo thành tràng phang bảo cái óng ánh uyển chuyển cực kỳ xinh đẹp.

Mỗi cây có bảy lớp lưới diệu trần châu che phủ, trong giữa mỗi tuần lưới có năm trăm ức cung điện diệu hoa nghiêm đẹp như cung của Phạm Vương. Trong cung ấy tự nhiên lại có các thiên đồng, mỗi thiên đồng trang sức bằng chuỗi năm trăm hột ngọc ma ni, mỗi hột ma ni chiếu sáng đến trăm do tuần, tạo thành ánh sáng trên cây như trăm ngàn muôn ức mặt trời, mặt trăng hiệp lại.

Cực Lạc thế giới có tám ao nước bát công đức chia trong các khu vực, mỗi ao đều do bảy báu hợp thành. Ao rộng trăm nghìn do tuần xem như biển cả. Trong ao chứa đầy hoa sen thất bảo, mỗi bông tròn lớn 12 do tuần, đủ các màu tươi đẹp, màu nào chiếu ánh sáng của màu ấy.

Nước trong ao luôn luôn trong sạch thơm tho, đều hòa, uống vào tăng tích thân căn, tiêu trừ các bệnh khổ.

Trong ao nước bát công đức từ như ý châu vương

anh, màu thất bảo, lên xuống theo cọng sen chảy lòn vào cánh bông. Mặt nước cao thấp tùy theo ý muốn, nếu muốn cao thì nước lên cao, bằng muốn thấp thì nước xuống thấp, sự ấm mát cũng tùy theo ý mà điều hòa thuận thích.

Nơi như ý châu vương phóng ánh sáng sắc vàng ròng. Trong ánh sáng hóa thành các thứ chim đủ màu tuyệt đẹp. Các thứ chim này là do công đức tạo thành, không phải như chim nghiệp báo thường sanh trong ác đạo nơi chốn Ta Bà.

Nơi ao thất bảo từ những tiếng chim hót, tiếng nước chảy, tiếng gợn sóng đều diễn thành diệu pháp: Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã, Từ Bi, Hỷ Xả và Sáu Ba La Mật v.v.... Người nghe được tiếng pháp này, tâm liền thanh tịnh, phúc đức thiện căn thuần thực, chẳng thối chuyển, thẳng tiến đến đạo quả Vô Thượng Bồ Đề.

Chung quanh ao thất bảo, thêm bậc đường xá toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê...tạo thành. Trên bờ ao có vô số cung điện kết liên và chồng chất nhiều tầng, những tòa lầu đài ấy, cũng đều do thất bảo cùng vô lượng chất báu hiệp thành, có thứ lầu đài trụ lững chững trên hư không như mây kết tụ, xem rất là xinh đẹp. Lầu đài kia tùy theo ý muốn của người mà co rỗng, rộng hẹp, cao thấp. Có thứ lầu đài không như ý muốn người ở mà hằng trụ nơi bảo địa, đó là tùy nơi công hạnh tu hành của mỗi người.

Tóm lại, giảng đường, tịnh xá, cung điện... của đức A Di Đà, hải chúng Bồ Tát và nhân dân ở Cực

Lạc dẫu cho trăm ngàn muôn ức lần cung điện của Tự Tại Thiên Vương nơi cõi Ta Bà cũng chẳng khi nào sánh đặng.

Bốn phía của các cung điện này đều trang nghiêm thanh thoát cùng với những vô lượng tràng hoa, nhạc khí nhiệm mầu. Nơi đây ngọn gió điều hòa thổi nhẹ mát mẻ, gió làm rung chuyển các nhạc khí ấy hòa reo lên những tiếng pháp: Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, Tứ Vô Lượng Tâm và Lục Độ Ba La Mật v.v...

Tòa sen của đức Từ Phụ an ngự 84.000 cánh rộng 250 do tuần, 100 màu. Trên mỗi cánh sen có 84.000 lần gân phóng ra 84.000 tia sáng. Xen vào mỗi cánh sen có trăm ức hạt châu ma ni. Mỗi hạt châu ma ni phóng tia sáng vô lượng. Các tia sáng này kết lại như hình cây lọng.

Đài sen bằng chất thích ca tỳ lăng già bảo. Trang nghiêm với tám muôn thứ ngọc kim cương, ngọc ma ni cùng mảnh lưới kết bằng trân châu.

Trên đài sen tự nhiên có bốn trụ báu. Mỗi trụ báu cao đẹp như trăm nghìn muôn ức núi tu di. Trên đầu bốn trụ báu, mảnh lưới trùm giăng rộng lớn như cõi trời dạ ma. Mỗi bảo châu chiếu ra 84.000 tia sáng. Mỗi tia sáng ấy có 84.000 thứ kim sắc. Các sắc vàng sáng ấy chói khắp mặt bảo địa, nơi nơi biến thành những tướng trạng khác nhau: Hoặc hóa ra đài kim cương, hoặc hóa lưới trân châu, hoặc hóa làm những lùm mây hoa đẹp sáng... hiện thành Phật sự ở khắp các nơi trong cõi Cực Lạc.

Tòa sen báu có đặng, là do nguyện lực của Ngài Pháp Tạng Bồ Tát, tiền thân của đức từ phụ A Di Đà Phật kết tạo.

Nói tóm lại, các cảnh vật trong khắp Cực Lạc thế giới bởi do công đức của đức Phật A Di Đà tạo thành nên nhứt nhứt đều là cực kỳ trang nghiêm quý báu, dầu cho cảnh giới của chư Phật trong mười phương cũng không thể sánh bằng.

2.- NHƠN DÂN

Người tu Tịnh Độ khi mãn kiếp, được sanh về cảnh giới Cực Lạc bằng Liên Hoa hóa thân, không như cỡi Ta Bà thần thức gá vào thai bào nhơ nhớp của người mẹ.

Thần thức khi còn trong hoa sen chưa nở gọi là thai sen, lúc ấy cũng vẫn được hưởng thụ các sự vui đẹp quý báu hơn trăm ngàn lần các cõi trời ở cõi Ta Bà này nữa. Khi hoa sen vừa nở thì liên như an ngự trên liên đài cao, ánh sáng chiếu ra vô lượng, mùi hương tỏa khắp muôn phương, thọ mạng đồng thời với Phật, bạn lành chư Bồ Tát thường thọ hưởng pháp mầu, từ đây tiến đến Như Lai bồ xứ.

Nhân dân ở cõi Cực Lạc thế giới thân toàn kim cương từ hoa sen báu sanh ra, da màu huỳnh kim. Các thiện thượng như nơi đây có đủ 32 tướng hảo đại nhưn và đồng vui đẹp như nhau.

Đức Thích Tôn một hôm gọi A Nan gạn hỏi: *“Như gã ăn mày đứng bên cạnh vị Đế Vương thời hình dung của hai người có giống nhau không?”*

A Nan đáp: *“Bạch Thế Tôn! Gã ăn mày hình*

dung xấu xí nhóp nhúa, dẫu sánh với vị Đế Vương được.”

Đức Bốn Sư phán: “Vị Đế Vương dẫu là sang đẹp nhưng sánh với Chuyển Luân Thánh Vương thời cũng như gã ăn mày. Trăm nghìn lần quý đẹp của chuyển Luân Thánh Vương cũng không bằng Thiên Đế Thích. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Thiên Đế Thích cũng không bằng Tự Tại Thiên Vương. Trăm nghìn muôn lần quý đẹp của Tự Tại Thiên Vương sánh không bằng các vị Thiện Nhơn nơi Cực Lạc thế giới, Nhơn dân của đức Phật A Di Đà.”

Nhơn dân trong toàn cõi Cực Lạc, đời sống thuần vui không khổ, không nạn như cõi Ta Bà.

Phàm ở cõi Ta Bà ai ai cũng mang tám điều khổ lụy: 1) Sanh khổ, 2) Già khổ, 3) Bệnh khổ, 4) Chết khổ, 5) Ai biệt ly khổ, 6) Oán tắng hội khổ, 7) Mưu cầu bất đắc khổ, 8) Ưu sầu lo ngại khổ.

Thiện Thượng Nhơn nơi Cực Lạc thế giới, bởi Liên Hoa hóa thân, nên không có **Sanh khổ**. Thân thì thân công đức tạo thành luôn luôn trẻ trung vui đẹp, khương kiện, nên không **Lão khổ**. Thể chất thường thanh tịnh không huyên náo bởi nghiệp trần nên không có **Bệnh khổ**. Thọ mạng vô lượng đồng với chư Phật nên không **Chết khổ**. Không có cha mẹ vợ con, ái ân dứt tuyệt nên không có **Ái biệt ly khổ**. Thượng Thiện Nhơn thường chung sống hòa nhã vui đẹp nên không có **Oán tắng hội khổ**. Đời sống về vật chất như y, thực ...muốn chi có nấy nên không có **Mưu cầu bất đắc khổ**. Thường sống tự tại chẳng bị

thân ngũ âm ràng buộc nên không có **Ưu sầu lo ngại khổ**.

Cực Lạc thế giới từ cung điện, hồ ao, cây hoa, đường đi cho đến các thứ ăn mặc, vật dụng điều được tự hiện, không nhọc lo tạo tác.

Thượng Thiện Nhơn nơi Cực Lạc, khi đến giờ ăn thì các món ăn hảo hạng tự nhiên hiện đến vừa ngon, vừa thơm, vừa đẹp rất thích hợp với ý của người dùng, khi ăn xong các đồ đựng tự nhiên biến mất, đồ ăn vào thân tự tiêu ra các chơn lông, sau bữa ăn thân tâm an lạc nhẹ nhàng và tăng trưởng các công đức.

Đến đồ mặc, người ở Cực Lạc, muốn đồ gì thì đồ ấy tự hiện đến, mặc vào được vừa vặn theo thân và chẳng khi nào bị dơ rách. Khi thay ra mặc bộ khác, thì bộ ấy tự biến mất, cứ như thế mà thay đổi và luôn luôn mới khác nhau tùy nơi ý thích của mỗi người.

Cực Lạc thế giới người người đều là trí tuệ sáng suốt, thần thông tự tại, biện tài vô ngại. Tư tưởng, ngôn hành đều thuần đạo đức kết hợp với Phật tánh chơn tâm, mọi người đồng yêu kính nhau. Không mê si, hờn giận, tham lam và cũng không phân nhơn ngã, ganh ghét, hờn thua, phải quấy, thân sơ, phóng dật bất chánh, tổn hại v.v...

Sự sinh hoạt thường ngày ở Cực Lạc thế giới, mỗi người sáng sớm đem hoa báu tươi đẹp hoặc các thứ trân bảo khác: Hương, nhạc, y phục, tràng phang bảo cái... cúng dường cho đức từ phụ A Di Đà và trong mười phương các đức Phật. Các thứ cúng dường ấy cũng tùy nơi lòng người mà hiện, để cho kẻ kia

được toại nguyện Phật sự công đức chớ khỏi phải nhọc cầu. Cúng dường nghe pháp xong, dùng thần túc trở về bốn quốc Cực Lạc vẫn vừa đúng giờ ăn.

Sau bữa ăn, mọi người điêu Kinh hành tư duy diệu pháp, hoặc niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v...

Đi Kinh hành xong, tất cả đều vào ao nước bát công đức tắm. Và sau khi tắm xong ai cũng ngự trên tòa sen báu tu tập diệu pháp.

Ngoài ra, ở Cực Lạc còn có các công hạnh khác như là: Giảng Kinh, thuyết Kinh, đọc Kinh, nghe Kinh, tư duy, nhập định và tu tập các pháp Ba La Mật v.v...

Do sự hành đạo như thế, nên người người đều mau chứng quả bất thối Bồ Tát, để được vào các cõi giáo hóa chúng sanh, như đức Kim Sơn Giáo Chủ dạy chúng: ***“Nếu ai giữ đặng trọn lành trọn sáng về cõi Tây Phương an dưỡng học đạo cho hoàn toàn đặng trở lại cứu vớt chúng sanh”***.

Cực Lạc thế giới, mọi người đều chứng vào ngôi bất thối, nghĩa là khi sanh về Cực Lạc thời tất cả đều đứng vững nơi đạo vô thượng Chánh Giác, không còn bị thối chuyển nơi dòng suối sanh tử ở cõi Ta Bà, thẳng tiến đến Bồ Tát bồ sứ giáo hóa chúng sanh hoặc vào hàng Như Lai Bồ Sứ.

Theo Ngài Trí Giả Đại Sư, người sanh về Cực Lạc thế giới có bảy thẳng duyên, nên mọi người đều tăng tấn đạo hạnh và mau đến quả Chánh Đẳng Chánh Giác Vô Thượng Bồ Đề. Bảy thẳng duyên ấy là:

Thường được thấy Phật, được nguyện lực của Phật nhiếp trì. Như ở trên tàu to không bị sóng nhỏ nước dấm.

Quang minh của Phật thường chiếu đến thân, làm cho Bồ Đề Tâm tăng tấn. Như được ánh sáng mặt trời, khỏi sa hầm sụp hố.

Thường gần gũi Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, chư đại Bồ Tát, được Bồ Tát dắt dìu gia hộ, mọi người ở quanh mình đều thuận là bậc thượng thiện không tà sư ác hữu, như gần đèn được sáng.

Nước, chim, cây, lười, gió, nhạc quanh mình v.v... đều luôn diễn nói pháp mầu. Tai nghe tiếng pháp thời tâm liền thanh tịnh.

Đồ ăn thức uống, đồ tắm rửa đều làm thêm lớn thiện căn.

Tâm ý trọn không kiến chấp vọng duyên, không ác niệm phiền não, chánh niệm thường hiện tiền.

Thân thể lại là kim cương bất hoại. Không già yếu, không tật bệnh, sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp. Không bị già bệnh làm trở ngại sự công phu. Khỏi phải vô thường làm gián đoạn đạo hạnh.

Nói đến sự thắng diệu của Cực Lạc thế giới, Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng đã từng vì chúng sanh Ngài phán dạy:

***“Thân thức nhập thai sen tinh hảo,
Nên khỏi màng lo nỗi khổ sanh.
Thân thì thân công đức hiện lành,
Bất di dịch khỏi vì khổ lão.
Thể thanh tịnh thường không huyên não,***

Hết lo toan nắng lạnh gió mưa.
Khổ bệnh kia bởi đó mà chừa,
Ta thoát cuộc lao đao vì nó.
Đường sanh mạng Phật ta đồng thọ,
Tánh an nhiên bất diệt trường tồn.
Tử thân kia đâu dám dặt hồn,
Thoát luân chuyển khỏi đeo khổ tử.
Cuộc y thực muốn chi đủ thứ,
Không nhọc nhằn lo việc sanh nhai.
Trí yên nhàn nhìn cảnh Phật đài,
Khỏi quả khổ mưu cầu bất đắc.
Cả hải chúng thấy đều vững chắc,
Toàn dân lành đâu có dẫn đo.
Dứt ái ân quyến thuộc chuyện trò,
Thoát sống khổ thương yêu ly biệt.
Chữ hòa thuận kể sao cho xiết,
Tâm đồng nhau thượng thiện vui vầy.
Cảnh như như chẳng có đổi thay,
Không màng biết phân chia nhân ngã.
Sấn vị ngôi rành phân thượng hạ,
Khỏi khổ câu oán ghét gặp nhau.
Thân tâm thường trụ hết rạt rào,
Chất thô trước tiêu tan mất cả.
Cõi Tịnh Độ lăm điều thanh nhã,
Khổ, buồn, rầu, lo sợ chẳng còn.

(Khuyến Thiện)

(Xin xem tiếp phần V trên Tinh Tấn số 28)



TÌM VỀ CHÂN TÁNH

(Theo Thập Mục Ngưu Đồ*)

(1)

Bò xô chuồng lạc chốn rừng hoang

Một màu đen hắc phủ toàn thân

Chủ chăn âm đạm đi tìm kiếm

Nay gặp lại bò bớt bản khoản.

(2)

Chủ chăn dụ xô được mũi bò

Mồm đen đôi trắng thật không ngờ

Mây tan trời cũng dần dần sáng

Khiến cho người chủ hết âu lo.

(3)

Con bò nay đã chịu phục tùng

Đầu tai đôi trắng tánh thuần dần

Ánh dương soi thủng vầng mây tối

Chủ chăn nói lỏng sợi dây dàm.

(4)

Bình minh lên nắng ấm sáng nay

Chủ chăn cột bò vào thân cây

Màu trắng lan dần hai chân trước

Bò nay lặng lẽ trong vòng dây.

(5)

Con bò ngoan ngoãn theo chủ chăn

Dây cột vào cây nay chẳng cần

Chiếc roi và sợi dàm hồ giữ

Màu trắng lan ra hơn nửa thân.

(6)

Bò nằm nhai cỏ trông thật hiền
Chỉ có cái đuôi còn luốc lem
Chủ chăn thả ngòi thổi sáo
Người vật hòa đồng trong ấm êm.

(7)

Nắng ấm cỏ đồng mọc non xanh
Tự do bò tự đi tìm ăn
Thân vật nay chuyển màu tinh trắng
Chủ chăn thung dung lòng lạc an.

(8)

Người vật nay chẳng còn biệt phân
Lưu ý đến nhau cũng chẳng cần
Cả hai thư thái trong tự tại
Trắng-đen thiện-ác không vướng tâm.

(9)

Chân tánh hiện về với chủ chăn
Núi kia vẫn núi, sông vẫn sông
Nhìn đâu cũng một màu thanh tịnh
Huyền giả xưa đổi thành thật chân.

(10)

Chân Không Diệu Hữu nay thấm nhuần
Ăn chi biết nấy tuyệt vô ngôn
Ý thức đã hoàn toàn tan biến
Thì lấy gì luận chữ Có-Không ?!

V.T.V.

* Thập Mục Ngưu Đồ là một bài luận rất nổi tiếng của Phật Giáo Đại Thừa, lược tả 10 đoạn đường của hành giả để đi từ Vô minh đến “Thấy Tánh thành Phật”. “Con bò” tượng trưng cho Phật tánh. *Màu đen* chỉ Vô minh che lấp Phật tánh, *màu trắng* chỉ trạng thái thanh tịnh (sạch ô nhiễm). Đen và Trắng trên thân bò là biểu tượng của Mê và Ngộ: Mê là chúng sanh, Ngộ là Phật.

HY VỌNG

Trong đêm đen ta thường nuôi hy vọng
Một sáng về chấm dứt cảnh tối tăm
Hy vọng kia khó đáp ứng cõi tâm
Như há miệng chờ sung rơi đúng chỗ.

Hy vọng lành đến từ Nhân gian khổ
Góp sức gieo trồng bằng vạ bàn tay
Trong bóng đêm ta sinh hoạt hôm nay
Chính hệ quả của những ngày ảm đạm.

Quả đất xoay hết đêm trời lại sáng
Cõi vô thường ai cản nổi vòng xoay
Ta thiết cần những giọt nắng ấm ngày
Ta nào muốn trời âm u mây tối.

Luật thiên nhiên chẳng bao giờ dòi dối
Chón tạm dung cần biết dụng huyền thân
Cứu cánh thoát ra khỏi cảnh luân trầm
Tùng nhịp thở chung vui trong an lạc.

Bao khổ lụy nơi thặng trầm sống thác
Bởi do mầm ngã chấp ngập vô minh
Rồi sinh ra mưu chước tạo điều linh
Phá hoại cảnh yên lành đời sẵn có.

Nếu tịnh tâm nhìn thâm sâu tỏ rõ
Có tướng nào không duyên hợp mà thành
Trong thân tôi luôn sẵn có phần anh
Và ngược lại, anh đâu toàn tự lập.

Trí sáng ra quyết đẹp mầm ngã chấp
Sống bao dung trong nhịp thở yêu thương
Thì lo chi không yên ổn đời thường
Mầm hy vọng tươi vui trong sống thác.

Đòi thống khổ do mê mờ lầm lạc
Tham Sân Si cứ mãi mãi dấy lên
Nên loài người chẳng có phút ổn yên
Tâm vọng động triền miên trong tám tối.

Ta muốn mở rộng vòng tay tiếp nối
Và gieo mầm hy vọng tận cùng xa
Cho thịnh cường về khắp nẻo sơn hà
Cho dân Việt sớm an lành đời sống.

HÒA TÂM

XUÂN VỀ NHỚ ÂN SƯ

Ngót bảy mươi xuân vắng bóng Thầy,
Đông về gọi nhớ nỗi niềm tây,
Thăng trầm đoàn thể người lưu lạc,
Chìm nổi tin đồn kẻ đó đây,
Pháp nạn kiên trinh chờ hội hiệp,
Truân chuyên bền chí đợi sum vầy,
Đệ huynh trên dưới hằng tâm niệm,
Lời dạy ân sư mỗi phút giây.

Phút giây hành đạo gắng chuyên cần,
Đền đáp ơn Thầy nguyện lập thân,
Sớm tối trau tâm tròn học Phật,
Ngày đêm sửa tánh vẹn tu nhân,
Di Đà lục tự kiên trì niệm,
Tịnh độ vãng sanh quyết một lần,
Xuân đến xuân đi vòng định luật,
Theo Thầy con hưởng trọn hồng ân.

Cư Sĩ Chánh Tâm

XUÂN PHỤC NGUYÊN

Bửu Hòa

Xuân thành Thánh BỬU giáng Long Giang,
Xuân họa Cẩm SƠN hóa Đền Vàng.
Xuân ký định KỶ an hưng quốc,
Xuân đượm nồng HUƠNG ngát Đạo Tràng.

Xuân Nam nạm NGỌC cấn Cẩm Thành,
Xuân hiện hiện TRUNG hiển lưu danh.
Xuân lọng hồi NIÊN tranh Long Hội,
Xuân Vương Phật XUẤT nổi nghiệp lành.

Xuân xuất Thánh QUÂN cốt Tiên Long,
Xuân vọng minh SỰ giống Lạc Hồng.
Xuân nghinh Quan TRẠNG hoàn cố quận,
Xuân chuyển sân TRÌNH thuận biến thông.

Xuân biến Thần MINH gốc Thuần Nghiêu*
Xuân thanh phúc MẠNG phục Thánh Triều.
Xuân Hiền Vương TÁI nêu đại nghĩa,
Xuân Hồn Địa SINH thính Nhạc Thiều.

Xuân tác Nam THIÊN sinh nhứt nhơn,
Xuân khơi linh ĐỊA khởi cung đờn.
Xuân chí canh TẤN ân Tổ Nghiệp,
Xuân Long Vân TẠO hiệp Đài Sơn.

Xuân sơn thủy VIỆT thuở Tam Hoàng,
Xuân lãng du NAM dựng Văn Lang.
Xuân cơ nguyên PHỤC vang danh Hán,
Xuân Long Đình NGHIỆP rạng Minh Hoàng.

Xuân lợi trình NGUYÊN hanh hảo hòa,
Xuân tạc đình TIỀN hóa vạn hoa.
Xuân long định QUỐC bình Tứ Hải,
Xuân Thượng Nguơn YÊN nghiệp Thái Hòa.

Thần Nông Huỳnh Đế thuở Tam Hoàng,
BỬU Thánh Hà Đồ Phục Hy ban.
NGỌC báu Lạc Thư Giang Long thủy,
QUÂN trấn Đồ Thư chi Cẩm Đài.
MINH Chúa tái lai an Hớn Quốc,
THIÊN sinh Hồng Lạc nhất kỳ nhân.
VIỆT Địa hương lân Tân phục hoạt,
NGUYỄN hòa Châu phát Cửu Long Giang.

Cửu Giang trầm tích hóa tiềm long,
SƠN Thất u minh lọng kết rồng.
TRUNG Ương Thánh Chúa Long Đình ngự,
SƯ Trưởng Non Thần xử định công.
MỆNH lệnh Phật Trời trông thiện giống,
ĐỊA linh Nam Việt trồng đồng khai.
NAM Phương rực sáng Đài châu báu,
TIỀN đình Long Hội đạo hương bay.

Hương đạo hoằng khai Hảo hóa Hòa,
KỶ duyên thiện nghiệp Hội Long Hoa.
NIÊN định Ngọc Đình ban thọ ký.
TRẠNG Nguyên Nam Địa phục quy kỳ,
TÁI tạo Thượng Nguơn thi Thánh Đức,
TÂN bang Hớn Địa rực hồng quang.
PHỤC Cơ Âu Lạc hoàn Long Việt,
QUỐC thái dân an triệt đảo ca.

Triệt đảo hoan ca khắp mọi nhà,
HƯƠNG Cam Lồ vị thoảng bay xa.
XUẤT Thánh hòa quang Chư Phật hiện,
TRÌNH tuyên Đài Thần hiển linh oai.
SINH phát đảo lai Nghiêu Thuấn nghiệp,
TẠO kỳ Thiên Luật hiệp huyền vi.
NGHIỆP vĩ tri cơ y Thiên Lý,
YÊN định định yên chí Thái Hòa.

THEO DÒNG TƯ TƯỞNG

Lặng nhìn sâu thẳm không gian,
Mông lung cõi mộng canh tàn đêm đông,
Có tâm lại bảo là không,
Hư vô tìm kiếm giữa dòng tử sinh.

Bàng hoàng tỉnh giấc bình minh,
Thoảng qua ngọn gió vô tình lá rơi.
Chao nghiêng theo gió tả tơi,
Mím cười chợt thấy đạo đời tùy duyên.

Cư Sĩ Chánh Tâm.

San Jose 2/2/2016

Thơ họa:

Đắm chìm trong cõi thế gian,
Cứ xuân hạ mãi rồi tàn thu đông.
Mơ màng giữa có cùng không,
Bao giờ mới thoát khỏi dòng tử sinh?

Ánh hồng đã lóe bình minh,
Đạo Vàng nào nở vô tình để rơi.
Trải bao kiếp chịu tả tơi;
Ngộ ra gấp bỏ cánh đời khổ duyên.

HÒA TÂM

Maryland, 3/2/2016

XUÂN TRÍ HUỆ



Tết đi rồi Tết đến,
Mừng Xuân năm Bính Thân.
Mai vàng khoe sắc thắm,
Vạn vật đang xoay vần.

Năm nay Xuân trí huệ,
Chúc mọi người hữu duyên.
Không chường ngại vương mắc,
Vui Xuân với thiên nhiên.

Tâm linh là trí huệ,
Phật dạy: “Văn, Tư, Tu.”
Hành trì “Giới, Định, Tuệ”,
Vượt thoát cảnh ao tù.

Xuân này thiếu trí huệ,
Sẽ thấy đời lắm than.
Thấy Xuân thiếu hạnh phúc,
Không thấy cõi thiên đàng.

Cùng đồng đạo huynh đệ,
Xuân này nguyện cho mình:
*“Trí huệ thông minh,
Giai đắc đạo quả.”* (1)

TÂM LONG

(1). Đức Thầy - Tây Phương ngũ nguyện.



NHỮNG NGÀY VÀO XUÂN

Đông dần chết để hồn xuân trở dậy,
Ngày lên hương khoác áo mới diễm kiều.
Trời mơ ước đỏ tràn lên phố xá,
Người vào xuân rộn rịp đến bao nhiêu.

Tôi cất bước giữa ngày dài náo động,
Kìa : một em bên góc phố buồn chưa !
Bước hối hả, miệng mời mua vé số,
Lời van lơn biết nói mấy cho vừa.

Gió lạnh bắc thét từng cơn dữ dội,
Trời vô tình cho kiếp sống thương tang.
Tà áo rách lộ làn da non nớt,
Lặng nhìn em lòng tôi nhói, bàng hoàng...

Mùi nung nức ai trên người đói khát,
Thơm từng cơn là đói chết từng cơn.
Tiền không đủ khi ma thềm há miệng,
Đành xoi khoai, em đỡ dạ ganh hờn.

Nhà giàu có tiền tiêu muôn bạc vạn,
Đón xuân về nhín nhút chút tình thương.
Một giọt nước bề trời rơi xuống bát,
Người ấm no, và xuân hết đoạn trường !

GIÓ ĐỒNG

Tường-trình về Quỹ Điều-Hành
Ban Trị-Sự Trung-Uơng Hải-Ngoại GH PGHH
(từ ngày 30-06-2015 đến ngày 31-12-2015)

A.- Tồn Quỹ tính đến ngày 30-06-2015: \$6,416.32

B.- Tổng cộng phần THU: \$0.00

C.- Tổng cộng phần CHI: \$0.00

**D- Tồn Quỹ Điều Hành tính đến ngày 31-12-2015:
\$6,416.32**

Kính thưa: Quý Đồng-đạo, Quý Ban Trị-Sự và Ban Đại-Diện địa-phương,

Chúng tôi đã cố gắng Tường trình về Quỹ Điều-hành rất cẩn-thận và chính-xác. Tuy nhiên, nếu Quý vị thấy có bất cứ sơ sót nào, xin vui lòng liên lạc với:

Đ/đ **Phạm-Lệ-Chi**, Thủ BỔn BTS /TUHN

Số điện thoại: **209-814-3800** hoặc

E-mail: lechi.luu@sbcglobal.net

để chúng tôi kịp thời điều chỉnh. Xin chân thành đa tạ.

Tường trình về Quỹ Ân Tổng
SÁM GIẢNG THI VĂN GIÁO LÝ TOÀN BỘ
(từ ngày 30-06-2015 đến ngày 31-12-2015)

A-Tồn Quỹ tính đến ngày 30-06-2015: - \$1,063.03

(Tức là bị thiếu hụt \$1,063.03)

B- Quý đồng đạo đóng góp từ 30.06-2015 đến ngày 31-12-2015:

25-08-2015 Cô Phước \$100.00

21-09-2015 Ô. Bà Cao Văn Thu (Canada) \$ 70.00 USD

\$100.00 CAD

25-12-2015 Đ/Đ Thiện Lưu và Lệ Chi (San Jose) \$959.28

Tổng cộng phần THU	<u>\$1,029.28</u>
C- Tổng cộng phần CHI	<u>\$66.25</u>
D- Tồn Quỹ Ân Tổng tính đến ngày 31-12-2015:	<u>\$00.00</u>

Nếu Quý vị thấy có bất cứ sơ sót nào, xin vui lòng liên lạc với:

Đồng đạo **Phạm Lệ Chi**, Thủ Bồn BTS/TUHN/GHPGHH. Số điện thoại: **209-814-3800** để chúng tôi kịp thời điều chỉnh. Xin cảm ơn Quý vị.

Tường trình về Quỹ TỪ THIỆN XÃ HỘI (từ ngày 30-06-2015 đến ngày 31-12-2015)

A- Tồn quỹ tính đến ngày 30-06-2015:	<u>-\$402.76</u>
	(tức là bị thiếu hụt \$402.76)
B- Đóng góp của Quý đồng đạo:	
25-12-2015 Đ/đ Thiện Lưu & Lệ Chi	\$402.76
Tổng cộng phần THU	<u>\$402.76</u>
C- Tổng cộng phần CHI	<u>\$ 00.00</u>
D- Tồn quỹ tính đến ngày 31-12-2015:	<u>\$ 00.00</u>

Tường trình về Quỹ Phổ Thông Giáo Lý (từ ngày 30-06-2015 đến ngày 31-12-2015)

A- Tồn quỹ tính đến ngày 30-06-2015:	<u>\$1,605.50</u>
B- THU	\$ 00.00
C- CHI	\$ 00.00
D- Tồn quỹ tính đến ngày 31-12-2015:	<u>\$1,605.50</u>

Nếu Quý vị thấy có điều gì thắc mắc, xin vui lòng liên lạc với:

Đồng đạo **Phạm-Lệ-Chi**, Thủ Bồn BTS/TUHN/GHPGHH. Số điện thoại: **209-814-3800** để chúng tôi kịp thời điều chỉnh. Xin cảm ơn Quý vị.

Quỹ Ân-Hành Tập-San TINH-TẤN

Cập nhật từ ngày 30-6-2015 đến ngày 31-12-2015

A- Tồn Quỹ tính đến ngày 30-06-2015: \$1,396.46

B- Đóng góp của Quý Đồng-đạo kể từ ngày 30-6-2015 đến 31-12-2015:

20/08/2015. Thiện Lưu & Lê Chi (San Jose)	\$100.00
10/08/2015. Đ/đ Phan Thanh Nhân (San Diego)	\$100.00
07/09/2015. Lê Thị Mỹ Sương, (Tampa, FL)	\$100.00
21/09/2015. Ô. Bà Cao Văn Thu CANADA	\$35.00
	USD # \$50.00 CAD
07/12/2015. Đ/đ Trần Văn Diên (Texas)	\$100.00
Tổng cộng phần THU	<u>\$1,831.46</u>

C- Chi ra:

1. Ấn phí TS. TT số 26 (18/7/2015)	\$1,000.00
Tổng cộng phần CHI:	<u>\$1,000.00</u>

D- Tồn Quỹ tính đến ngày 31-12-2015: \$831.46

Tất cả mọi đóng góp nhận được **sau ngày 31-12-2015** sẽ được tường-trình trong Tập-San TINH TẤN SỐ 28. BTS TUHN chân thành cảm tạ lòng hảo tâm của Quý Đ/đạo, quý BTS và BDD địa-phương đã góp phần duy trì TS/TINH-TẤN, Cơ-quan Thông-tin, Liên-lạc và Phổ-truyền Giáo-ly của Giáo-Hội PGHH.

Tập san Tinh Tấn vô cùng cảm ơn Đồng đạo Huỳnh Văn Liêm, Hội Trưởng Ban Trị Sự PGHH Sacramento đã gửi tặng 2 ống mực (trị giá **\$552.94**) dùng vào việc in Ts Tinh Tấn và Tài liệu liên quan đến việc phổ truyền Giáo lý PGHH.

Phạm Lệ Chi, Thủ Bồn BTS/TUHN

THÀNH KÍNH PHÂN ƯU



Chúng tôi nhận được tin buồn:
Hiên nội của
Đồng đạo Niên lão
NGUYỄN TRUNG HÙNG,
Phó Hội Trưởng BTS.PGHH miền
Bắc California, là:

ĐỒNG ĐẠO NGUYỄN THỊ ÚT

Sanh năm 1944 tại Vĩnh Long - Việt Nam.
Từ trần ngày 19 tháng 10 năm 2015
(nhằm ngày mùng 7 tháng 9 năm Ất Mùi)
tại Thành phố San Jose, California – Hoa Kỳ.

Hưởng thọ 74 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Đồng đạo Nguyễn
Trung Hùng và Tang quyến.

Toàn thể anh chị em trong Ban Trị Sự Trung
Ương Hải Ngoại và đồng đạo Phật Giáo Hòa Hảo
đồng thành tâm cầu nguyện, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu
độ vong linh Đồng đạo NGUYỄN THỊ ÚT được thoát
chón mê đồ, vãng sanh miền Cực lạc.

Nam mô A Di Đà Phật!

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
BAN TRỊ SỰ MIỀN BẮC CALIFORNIA
BAN TRỊ SỰ & BAN ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TẤN



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn: Nhạc phụ của Đồng đạo Huỳnh Ngọc Ân, Chánh Thư ký kiêm Thủ bản BTS.PGHH Sacramento và là Thân phụ của Đồng đạo Huỳnh Ngọc Thúy là:

Đồng đạo Niên lão **PHAN KIM NGÂN**

Sinh năm 1926 (Bính Dần) tại xã Bình Đức, tỉnh An Giang - Việt Nam.

Từ trần ngày 25 tháng 9 năm 2015
(nhằm ngày 13 tháng 8 năm Ất Mùi)
tại Thị xã Long Xuyên - Việt Nam.

Hưởng thưởng thọ 90 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Đ/đ Huỳnh Ngọc Ân & Đ/đ Phan Ngọc Thúy và Tang quyến.

Toàn thể anh chị em trong Ban Trị Sự Trung Ương Hải Ngoại và đồng đạo Phật Giáo Hòa Hảo đồng thành tâm cầu nguyện cho cố đồng đạo **PHAN KIM NGÂN**, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu độ vong linh được thoát chốn mê đồ, vãng sanh miền Cực lạc.

Nam mô A Di Đà Phật!

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
BAN TRỊ SỰ SACRAMENTO
BAN TRỊ SỰ & BAN ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TẤN



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn: Thân mẫu của Đồng đạo Võ Tuyết Đông, Phó Thư Ký kiêm Trưởng Ban Âm Thực BTS. PGHH Toronto và Các

Vùng Phụ Cận là:

Cụ Bà **TRỊNH THỊ TIÊN**

Sanh năm 1922 (Nhâm Tuất) tại Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang - Việt Nam.

Từ trần ngày 28 tháng 10 năm 2015
(nhằm ngày 16 tháng 9 năm Ất Mùi)
Tại tư gia thuộc Thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang - Việt Nam.

Hưởng thượng thọ 93 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng Đồng đạo Võ Tuyết Đông và Tang quyến.

Toàn thể anh chị em trong BTS Trung Ương Hải Ngoại và đồng đạo PGHH đồng thành tâm cầu nguyện cho Cụ Bà **TRỊNH THỊ TIÊN**, nhờ ơn Đức Phật từ bi cứu độ vong linh được thoát chốn mê đồ, vãng sanh miền Cực lạc.

Nam mô A Di Đà Phật!

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
BTS TORONTO và CÁC VÙNG PHỤ CẬN
BAN TRỊ SỰ & BAN ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TẤN



THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi nhận được tin buồn:
Cố vấn Ban Đại Diện PGHH
San Leon, Texas là:

Đồng đạo NGUYỄN VĂN THỜI

Sanh ngày 31-12-1936 (tuổi Ất Hợi)
tại Trường Long, Phong Dinh (Cần Thơ) – VN.
Đã mệnh chung ngày 23-01-2016
(nhằm ngày 14 tháng Chạp năm Ất Mùi)
tại tư gia thuộc Thành phố San Leon, Texas – HK.

Hưởng thọ 82 tuổi

Xin thành kính Phân ưu cùng Đồng đạo
HUỲNH CÔNG TỬ, Trưởng Ban BDD/PGHH San
Leon và Tang quyến.

Đồng thành tâm cầu nguyện: Nhờ ơn Đức Phật
từ bi cứu độ vong linh Đồng đạo NGUYỄN VĂN
THỜI được thoát chốn mê đồ, vãng sanh miền Cực Lạc.

Nam mô A Di Đà Phật!

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯƠNG HẢI NGOẠI
BAN ĐẠI DIỆN SAN LEON
BAN TRỊ SỰ & BAN ĐẠI DIỆN ĐỊA PHƯƠNG
BAN BIÊN TẬP TẬP SAN TINH TÂN



